

HENRI GHESQUIERE



BÀI HỌC
THÀNH CÔNG
CỦA

SINGAPORE

Lời tựa

Đảo quốc thiên đường

Ngày 5 tháng 1 năm 2004. Dường như chỉ vài phút sau khi đáp xuống phi trường Changi, tôi đã nhận được hành lý của mình và nó nhanh chóng được một người lái taxi ân cần đón lấy. Xe chúng tôi hòa vào làn đường tràn đầy những chiếc xe mới bóng lộn trang bị tiện nghi điều hòa không khí đang lưu thông tấp nập, những luống hoa trồng dọc hai bên đường cũng đang nở bung sắc thắm của những bụi hoa móng tay, như thể hiện lời chào đón bất tận của một đất nước thuộc vùng nhiệt đới, giữa biết bao cây lá xanh tươi và những tia nắng lấp lánh phản chiếu từ biển cả. Phía xa là bến cảng vận chuyển hàng hóa nhộn nhịp nhất thế giới. Gần hơn nữa, tòa nhà chọc trời đầy vẻ tráng lệ của thủ đô Singapore với khung thép lộng kiếng – đại bản doanh của hơn 6000 tập đoàn đa quốc gia – đang mở rộng cửa, vừa khi các chuyên gia trẻ của nơi chốn làm việc vô cùng sang trọng và bao gồm nhiều thành phần đa sắc tộc này bắt đầu bước vào giờ nghỉ ăn trưa của mình. Đó là cảm nhận trong ngày đầu tiên khởi đầu nhiệm kỳ hai năm cuối của tôi trong ban điều hành Quỹ Tiền tệ Quốc tế. Sau 25 năm làm việc ở rất nhiều quốc gia khác nhau và đại đa số đều có mức thu nhập thuộc loại thấp, thì nơi chốn này trông giống như một Miền Đất Hứa.

Hứa hẹn bởi ai? Không lẽ bởi các giám sát viên cùng làm việc với tôi trong ban điều hành Quỹ Tiền tệ Quốc tế, những người đã từng đón nhận rất nhiều sự ân thưởng dành cho bao nỗi khó nhọc của họ khi thực hiện công trình chiết xuất khí oxy La Paz, công trình quét lọc cát Nouakchott, hay công trình làm lạnh gia tốc Kyiv? Không hề. Vì mỗi một nhiệm vụ ở thời kỳ đầu này đều mang lại cho chúng tôi một sự tưởng thưởng riêng, đặc biệt là sự hài lòng mãn nguyện trong tác nghiệp khi được bắt tay làm việc cùng các viên chức chính phủ luôn tỏ ra vô cùng tâm huyết trong việc cố gắng thúc đẩy nền kinh tế đầy cam go của đất nước họ.

Không, đây là một đích đến do các đồng nghiệp của tôi trong cộng đồng phát triển quốc tế và tôi vạch ra trong suốt 25 năm qua. Ân chứa đằng sau những đề

xuất về các sách lược kinh tế mà chúng tôi đưa ra chính là một tiền đề hết sức căn bản: hãy thi hành các chính sách kinh tế đúng đắn – một cách kiên định – rồi đất nước các anh sẽ gặt hái một thành quả kinh tế rất cao, theo sau đó là việc chấm dứt hoàn toàn mọi sự nghèo đói. Lời khuyên sách lược của chúng tôi, dù có làm tổn thương nhức nhối, nhưng luôn phác thảo một đích đến cuối cùng cho tiềm năng kinh tế mỗi đất nước: nhà ở khang trang và dễ sở hữu dành cho tất cả mọi người cùng với một cảnh quan môi trường trong lành, hiệu quả chất lượng trong nền tảng giáo dục và trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng, việc làm đầy đủ và mọi cơ hội tiến bước vào đời dành cho trẻ em – như Singapore kiểu mẫu đã từng thực hiện. Quốc gia độc lập này, như tuyên bố của vị Thủ tướng đầu tiên Lý Quang Diệu "đã từ một đất nước thuộc Thế giới thứ ba phát triển thành một quốc gia thuộc Thế giới thứ nhất chỉ trong vòng thời gian của một thế hệ" (Lee, 2000)

Giúp mang lại những nhận thức đúng đắn về những đặc thù của một chính sách kinh tế tốt đẹp là mục đích lưu lại của tôi ở Singapore. Trong suốt hai năm làm việc trên cương vị Giám đốc Trung tâm huấn luyện khu vực thuộc Quỹ Tiền tệ Quốc tế – Singapore, một tổ chức hợp tác điều hành giữa chính phủ Singapore và Quỹ Tiền tệ Quốc tế, đã có gần 2000 viên chức chính phủ và viên chức đại diện các ngân hàng quốc gia thuộc khu vực châu Á – Thái Bình dương đến Singapore trong các khóa học ngắn hạn từ hai đến ba tuần. Thành viên tham dự khoảng chừng 40 quốc gia, từ Afghanistan cho đến Tonga, đến trung tâm này nhằm nghiên cứu xem làm thế nào mà các chính sách kinh tế vĩ mô và các nguyên tắc tài chính đúng đắn có thể góp phần tạo nên một nền kinh tế tăng trưởng bền vững cho chính đất nước mình. Đối với nhiều người trong số họ, đây là chuyến xuất ngoại đầu tiên ra khỏi quê nhà. Ngồi trên xe và lưu thông qua mọi nơi chốn của thành phố vô cùng sạch đẹp và hiện đại này, nhiều người có lẽ đang băn khoăn tìm kiếm một chiếc chìa khóa đường như bí ẩn có khả năng mở toang mọi cánh cửa tiềm năng kinh tế của chính đất nước họ.

Việc phát hiện chiếc chìa khóa đó chính là sự tìm tòi ẩn chứa đằng sau nội dung sách: điều gì giải thích cho những thành tựu kinh tế vô cùng rực rỡ này của Singapore? Không hề có một nền kinh tế nào khác có thể tăng trưởng nhanh hơn trong giai đoạn 40 năm liên tục, kết thúc vào thời điểm năm 2000. Những bài học kinh nghiệm nào của Singapore mà các quốc gia khác có thể vận dụng, hay là cứ tiến hành thực hiện các bước phát triển và tăng trưởng giống như Singapore vậy? Du khách đến đây thường tỏ ra kinh ngạc trước mạng lưới giao thông phát triển hoàn hảo và vẻ đẹp lộng lẫy thăng hoa của quốc gia độc lập nhỏ bé này.

Nhưng rất nhiều trong số họ, kể cả những người đến từ các quốc gia phát triển, khi tìm hiểu về các chính sách kinh tế và cơ cấu quản lý điều hành của Singapore, đều không ít ngạc nhiên về mô hình thượng tầng kiến trúc của đất nước này.

Lời cảm tạ

Tôi mặc nhiên bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc khi liên hệ sử dụng các phần chú thích được trích dẫn từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau và các bộ sách tham khảo. Tôi xin chân thành cảm ơn khi sử dụng các biểu đồ được sao chụp lại từ cuốn sách tham khảo hết sức giá trị của ông David Weil. Những lời biết ơn chân thành của tôi xin được gửi tới các vị Luc De Wulf, Anita Doraisami, Joshua Green, Khor Hoe Ee, Jerome La Pittus, Lim Chong Yah, David Orsmond, Euston Quah, Leo Van Houtven và Peter Wilson, về việc đã đọc bản thảo, gợi ý chỉnh sửa, và đưa ra nhiều lời phê bình nhạy bén nhằm làm cho bản gốc được hoàn thiện hơn. Sự thẳng thắn góp ý cùng sự động viên khích lệ đã làm cho các ý kiến phê bình của họ thêm sâu sắc hơn. Xin được gửi lời cảm ơn tới ông Ernesto Zedillo, nguyên Tổng thống Mexico, nay đang giữ cương vị điều hành Trường đại học Yale, dù lịch làm việc khít khao vẫn dành thời gian đọc cuốn sách này. Tôi rất vui khi được làm việc với bà Elizabeth Daniel, cùng hai cộng sự Paul Tan và Pauline Lim của nhà xuất bản Thomson Learning, đã nhiệt thành biên tập hết sức kỹ lưỡng để bản thảo gốc trở thành một tác phẩm hoàn hảo.

Rất nhiều cảm nhận ẩn chứa đằng sau nội dung sách, đã được thu thập trong suốt 27 năm tôi làm việc với tổ chức Quỹ Tiền tệ Quốc tế. Đồng nghiệp và các giám sát viên tiền nhiệm, cũng như các viên chức chính phủ và nhiều người khác, kể cả các viên chức Ngân hàng Thế giới mà tôi có dịp tiếp xúc thường xuyên, đã tận tình hướng dẫn tôi rất nhiều. Khi viết sách, tôi có lợi thế của một người đứng ngoài cuộc phát hiện ra những nét quyến rũ độc đáo của Singapore. Và tôi thấy cần phải nhanh chóng học hỏi nhiều điều. Những cảm nhận riêng được bộc lộ trong một số bài viết của các giáo sư Gavin Peebles, Peter Wilson, Lim Chong Yah, Linda Low, Diane Maury, R.S. Milne, và của các viên chức Quỹ Tiền tệ Quốc tế từng làm việc ở Singapore nhiều năm, là hết sức giá trị đối với tôi. Nhưng tôi cần nhấn mạnh rằng mọi quan điểm nhận thức trình bày trong cuốn sách này hoàn toàn là cảm nhận của riêng tôi, chứ không hề là của bất kỳ một tổ chức nào khác mà tôi đã từng, hoặc đang cộng tác làm việc. Mọi nhầm lẫn về sự kiện, về diễn dịch, hay phán đoán, nếu có, đều là do sai sót của cá nhân tôi.

Cuốn sách đầu tiên Giữa Chốn thiên đường và Nơi không tưởng – Sự phát triển ở Đông Nam Á, xuất bản năm 1976, tôi viết dành cho lớp người trẻ trong khu vực này, những người mà đối với họ, phát triển cũng có nghĩa là một thách thức duy nhất đối với tài năng và tài lãnh đạo. Thành công Singapore xin được dành tặng cho Mike, vợ tôi, với lòng biết ơn chân thành vì đã hỗ trợ tôi trong suốt quá trình thực hiện. Cuốn sách này, cũng như nhiều thứ khác trong đời sống chúng tôi, nếu không có cô sẽ không bao giờ trở thành hiện thực.

Phần mở đầu

THÀNH CÔNG SINGAPORE CÓ THỂ CHUYỂN GIAO ĐẾN CÁC NƠI KHÁC?

Thành công của Singapore, như một số chuyên gia nhận định, là không thể mô phỏng. Quốc gia này có những lợi thế riêng biệt. Sự tập trung 4,3 triệu dân trên một quần đảo có diện tích chưa đến 800 km² đã tạo thuận lợi cho việc tiết giảm chi phí khi phân bổ các phúc lợi xã hội, cơ sở hạ tầng và công tác điều hành quản lý, theo một cách thức mà các quốc gia lục địa rộng lớn như Ấn Độ hay Brazil đều không thể có được. Không giống thủ phủ ở các quốc gia khác, chính quyền thủ đô được luật pháp tối cao nhà nước Singapore trao quyền kiểm soát việc nhập cư từ các vùng nội địa. Hải cảng với mực nước sâu tự nhiên và vị thế chiến lược có nhiều ưu điểm, đã mang đến cho Singapore một sự khởi đầu đầy thuận lợi trong thương mại và giao dịch quốc tế mà những quốc gia nằm sâu trong lục địa như Nepal chỉ có thể mơ tới. Và liệu các quốc gia khác, điển hình là Campuchia, nơi nền nông nghiệp cổ truyền vẫn còn chiếm ưu thế, sẽ học hỏi được những gì khi xuất phát từ một nền kinh tế đất nước mà khu vực hạ tầng chỉ khoanh lại trong việc trồng hoa lan và nuôi cá, làm thu hẹp đi bức tranh kinh tế tổng thể?

Tuy nhiên vẫn còn những quốc gia khác phải học hỏi Singapore. Quyết định hết sức quan trọng của Trung Quốc vào năm 1978 nhằm thay đổi năm thế kỷ cô lập về kinh tế đã chịu ảnh hưởng phần nào từ chuyến viếng thăm Singapore của ông Đặng Tiểu Bình vào năm đó. Giấc mơ "xây dựng một ngàn Singapore tại Trung Quốc" của ông Đặng đã thúc đẩy nhiều phái đoàn đại diện Trung Quốc đến đảo quốc này với mục đích tham quan nghiên cứu. Hàn Quốc cũng hết sức ấn tượng trước thành tích đẩy lùi nạn tham nhũng của Singapore. Việc điều hành chặt chẽ lưu lượng xe cộ giao thông nội thị của đất nước này đã làm ngăn ngại các viên chức chính phủ đến từ nhiều quốc gia khác nhau, và chương trình nhà ở của Singapore cũng đang được nhiều chuyên gia kế hoạch từ khắp thế giới nghiên cứu. Dubai liên tục dõi mắt theo Singapore. Việc nghênh đón các tập đoàn đa quốc gia của Singapore, với những chính sách ưu đãi cùng nhiều khích lệ và chính sách một cửa – vào thời điểm mà các quốc gia khác còn đang né tránh – đã được rất nhiều nước noi theo. Những chính sách về nền công nghiệp định hướng ưu tiên xuất khẩu giờ đây không còn gây ngạc nhiên nữa. Năm 1970, trong cuộc

viếng thăm Istana – Dinh Tổng thống Singapore – nguyên Thủ tướng Malaysia, ngài Mahathir Mohamad, đã tỏ ý ngạc nhiên, quan tâm hỏi han đến việc làm cách nào mà những khu vườn rộng mênh mông trong dinh lại xanh tốt đến như vậy. Phép lịch sự ngoại giao có thể đã làm cho các viên chức cao cấp khi đi tham quan thường hay bày tỏ những nhận xét tỉ mỉ, nhưng ở trường hợp này không hề là sự xã giao tâng bốc.

Mỗi quốc gia, dù lớn hay nhỏ, đều có thể học hỏi lẫn nhau. Vào thế kỷ thứ 19, nước Đức đã học hỏi kinh nghiệm cuộc cách mạng công nghiệp Anh Quốc; nước Nhật sau Công cuộc khôi phục Meiji (Minh Trị) giai đoạn 1867-1868 cũng đã nhận thức rõ sự vực dậy của nền kinh tế Đức; Singapore cũng chịu tác động thành công của Nhật; và Đảng Lao Động Anh mới đây đã thực hiện một chuyến tham quan nghiên cứu mạng lưới chăm sóc sức khỏe của Singapore, kết thúc một chu trình học hỏi lẫn nhau. Việc học hỏi không nhất thiết là phải cấy ghép một cách mù quáng những sách lược dù đã thành công ở đâu đó lên một mảnh đất lạ. Việc mô phỏng chính xác khuôn mẫu của một quốc gia khác sẽ gặp nhiều tác dụng hạn chế, thậm chí còn có thể gây nhiều tác hại. Tuy nhiên, ở mức thấp nhất, mỗi quốc gia hay từng doanh nghiệp của quốc gia đó, đều có thể tiếp thu ý tưởng sáng tạo từ các quốc gia khác. Nội dung sách nhằm nêu lên sự khác biệt giữa những nguyên tắc chung đã được ứng dụng rộng khắp và việc thực hiện cụ thể những nguyên tắc đó trong bối cảnh Singapore. Làm thế nào mà Singapore, với những hoàn cảnh đặc thù của đất nước mình, lại có thể thực hiện được những nguyên tắc căn bản đó? Thêm nữa, nếu kinh nghiệm của Singapore có thể chứng tỏ sự hợp lý của những nguyên tắc căn bản này, thì đến lượt các quốc gia khác, dù tiên tiến hay đang phát triển, đều có thể rút ra nhiều ích lợi khi nghiên cứu xem làm cách nào có thể ứng dụng những yếu tố căn bản này vào từng hoàn cảnh cụ thể của đất nước mình. Có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm mà không nhất thiết phải nâng Singapore lên thành một "kiểu mẫu" để mô phỏng.

CHIẾN LƯỢC CỦA SINGAPORE LIỆU CÓ QUÁ KHẢ NĂNG?

Ngay cả những người thán phục thành tựu kinh tế của Singapore cũng chỉ ra được những điều chưa thật hoàn hảo. Dù có ấn tượng mạnh đến thế nào, thì những chính sách phát triển của đất nước này cũng đã bộc lộ những khiếm khuyết mà các quốc gia khác đều mong muốn tránh khỏi. Singapore là một trong số rất ít các quốc gia rất khó thuyết phục, nơi mà các viên chức Quý tiến tể quốc tế đã từng đặt vấn đề rằng liệu mức tiết kiệm quốc gia không đạt ở mức cao, có phải là do sự ưa thích tiêu thụ của các thế hệ trẻ đã làm hao hụt đi mức dự trữ

hiện tại[1]. Thành tích phát triển kinh tế của Singapore thường được nôm na so sánh như hình ảnh một chiếc cốc lớn chỉ chứa đầy 85% dung tích, nhưng các nhà phê bình thường có khuynh hướng chú trọng đến cái phần 15% còn thiếu. Nhiều viện nghiên cứu danh tiếng từng bày tỏ mối quan ngại về chủ trương của Quỹ dự phòng quốc gia Singapore, theo đó, một kế hoạch lập quỹ tiết kiệm bắt buộc của mỗi cá nhân khởi điểm chính là thu nhập về hưu của cá nhân đó. Theo nhận xét của họ, việc định hướng lại sau này đối với các kế hoạch tài trợ trên diện rộng cho quyền sở hữu nhà ở có thể dẫn đến hậu quả lượng tiền mặt dự trữ không đủ và nguồn tiền dự trữ dành chi trả cho những người về hưu có khả năng thiếu hụt. Một số người khác còn nhấn mạnh rằng vai trò thống lĩnh của các doanh nghiệp nhà nước cùng sự chỉ đạo của nhà cầm quyền trong nền kinh tế có thể gây cản trở cho các doanh nghiệp cá thể địa phương đang có nhiều đổi mới, mà yếu tố này lại chính là động lực then chốt tạo nên đà tăng trưởng trong các nền kinh tế đã phát triển như Singapore. Nhiều quan sát viên cũng phàn nàn và cho rằng việc quá xem trọng các bài thi viết dựa theo truyền thống phong kiến cổ xưa, rất có thể làm thui chột đi tính sáng tạo trong giáo dục.

Những thiếu sót về mặt chính sách trong bối cảnh Singapore có thể xem như là những thách thức mới không thể không nảy sinh khi hoàn cảnh phát triển tự nhiên. Các khuyết điểm bộc lộ phát đi tín hiệu cho thấy cần phải xác định lại các sách lược một cách lâu dài. Chính phủ không thể tập trung nỗ lực vào tất cả mọi vấn đề cùng một lúc, mà cần phải tuần tự tiếp cận từng vấn đề một. Thật ra, chính quyền Singapore, hầu như luôn bị ám ảnh với chính vị thế tranh đua của mình khi tìm cách điều chỉnh các sách lược phát triển đã đưa ra nhằm đối phó với những thách thức mới đang bắt đầu lộ dạng. Thành tựu của quá khứ có thể trở thành chướng ngại của tương lai là như vậy. Cho nên, những thay đổi về mặt chính sách mang tính thực tiễn sẽ giải quyết được mọi vấn đề, trừ phi thời gian tiên quyết cần phải có lại quá dài lâu – giống như một con tàu chở nặng dầu, cần phải chạy hàng hải lý để lấy đà đổi hướng lộ trình. Thêm một liên tưởng nữa, liệu vị giáo sư có thể nào ngủ ngon giấc khi đứng trước thực trạng là một câu hỏi do ông đặt ra sẽ không chỉ có một câu trả lời hay mà là nhiều câu trả lời cũng hay như thế?

Trong sách, chúng tôi xem xét yếu tố thời gian, tiến trình thực hiện và quá trình phát triển các chính sách của nhà nước Singapore theo từng thời kỳ. Hình ảnh chiếc cốc Singapore chỉ chứa đầy 85% dung tích, như được liên tưởng, có thể mang lại cho các quốc gia khác một sự chiêm nghiệm thú vị.

THÀNH TỰU KINH TẾ SINGAPORE - CÁI GIÁ PHẢI TRẢ QUÁ CAO?

Theo quan điểm của những người không tán thành, kỳ tích tăng trưởng của Singapore không nên vượt lên quá sức, chỉ do một nguyên nhân hết sức khác biệt: các nguyên tắc đạo đức xã hội từng góp sức định hình nên sách lược phát triển của đất nước nay đang dần trở nên đối lập với khuynh hướng nghiêng về các hình thái đạo đức xã hội khác, đồng thời cũng là khuynh hướng của nhiều người dân Singapore hiện nay. Nhiều người không thuộc quốc gia này thường phản ứng trước các bản án tử hình đối với những tội danh như buôn bán ma túy hay sát nhân. Họ cũng bày tỏ sự phẫn nộ với chính sách gia trưởng hà khắc trong các chiến dịch giáo dục cộng đồng và cho rằng chính phủ đang vượt quá quyền hạn hoạt động chính trị. Nhiều người cho rằng, chính quyền – chứ không phải một cá nhân nào khác hay gia đình của họ – phải thực thi trách nhiệm hỗ trợ tài chính cho người thất nghiệp và người có tuổi. Mọi sự câu thúc đối với tự do báo chí đều bị phản đối. Các nghiệp đoàn lao động phải được vòng tay chính quyền nâng đỡ. Nhiều người tỏ ra không hài lòng trước các phương cách mà chính quyền đang sử dụng nhằm đạt tới một chính thể, mà theo họ, trên thực tế chỉ là nền dân chủ một đảng. Những sự phẫn nộ vì bất đồng ý kiến được bày tỏ công khai đã làm phát sinh một nền văn hóa từng được mô tả là "căn cổ" cho dù Singapore đang ngày càng cởi mở và đầy sức sống hơn.

Tuy nhiên, khi bàn đến yếu tố thành tích đạt đến đỉnh cao – vấn đề mà các hình thái xã hội dân chủ thường mong đạt được – thì Singapore đang ghi điểm rất cao. Quyền sở hữu tài sản được đảm bảo. Mọi cá nhân đều được chính quyền, nhân viên công quyền, và cộng đồng xã hội che chở không để bị bóc lột. Tỷ lệ tội phạm thấp trong khi tính trung thực trong lĩnh vực cộng đồng lại cao. Những biểu hiện đặc quyền đặc lợi dựa dẫm vào sự ưu đãi hay vị thế xã hội giờ đây ít bộc lộ. Mọi cá nhân đều được tạo nhiều cơ hội vươn lên tầng lớp thượng lưu trong xã hội. Bình đẳng giới tính đạt mức trung bình so với tiêu chuẩn chung. Việc trọng dụng nhân tài được chú trọng trong tuyển dụng và đề bạt. Mức thuế thấp nếu so với các quốc gia có mức thu nhập tương tự. Sự phân biệt chủng tộc, sắc tộc hay tôn giáo, trên thực tế đều bị lên án về mặt luật pháp và bị hạn chế, mặc dù có thể không hoàn toàn bị loại trừ. Chính quyền luôn tuân theo các điều luật đã được ban hành rộng rãi – do chính quyền soạn thảo lúc đầu, sau đó các thành viên nội các bổ sung – và các điều luật này được đưa ra đệ trình vào các cuộc bầu cử theo định kỳ mà chính quyền luôn biết là sẽ chiếm ưu thế đặc cử, cho dù không biết tỷ lệ chính xác là bao nhiêu, và cũng thừa biết là những người theo chủ nghĩa thực tế sẽ chống đối.

Nhược điểm là ở chỗ đó. Sách lược phát triển của Singapore từng được sự ổn

định chính trị làm hậu thuẫn. Trật tự chính trị đã thành hình trong khuôn khổ một nền dân chủ đặt dưới sự lãnh đạo của một đảng chính trị duy nhất – Đảng Nhân dân Hành động (PAP), lên cầm quyền từ năm 1959. Các cuộc bầu cử đa đảng theo định kỳ đã diễn ra, quyền tự do ngôn luận và tự do chống đối đều được thông qua, dù chỉ trong khuôn khổ giới hạn, đã cho thấy việc củng cố một chính quyền mạnh mẽ, có khả năng dẫn dắt dân chúng đi đến một sự đồng thuận đối với các chính sách đúng đắn. Đối với những người phương tây, những người đã từng dẫn mình vào một quá trình phản kháng nhằm chống lại quyền lực của một chế độ độc tài, thì quyền tự quyết và phát ngôn bằng cách công khai tập hợp thành nhiều nhóm trong xã hội là những giá trị rất được yêu chuộng. Theo truyền thống đất nước Trung Quốc – nơi 78% dân chúng Singapore có mối liên hệ huyết thống – nơi chính phủ về mặt lịch sử đã định hình một đường lối chính trị, áp dụng quyền kiểm soát, và trông đợi vào sự tuân phục của dân chúng thay vì ra lệnh, thì mặt được (hay nói cách khác là những lợi ích) và mặt chưa được (hay nói cách khác là cái giá phải trả) của sự thống trị một đảng tỏ ra hết sức chênh lệch, không chỉ do những người cầm quyền, mà cũng còn do đại bộ phận dân chúng, nếu nhìn vào các biểu hiện xã hội đang diễn ra.

Liệu có chẳng mối tương quan giữa thành tựu kinh tế và một nền dân chủ tự do? Tầng lớp chóp bu cầm quyền tin rằng điều này là có thể. Theo quan điểm của họ, "chủ nghĩa độc đoán mềm dẻo" và kỷ luật tự giác tập thể đã góp phần tạo nên một thành tựu kinh tế lớn mạnh cùng sự tăng tốc nhanh chóng để đuổi kịp các nước phương Tây, và cho rằng điều này không hề gây cản trở cho nền tự do dân chủ, nhưng thực tế này khó có khả năng diễn ra trong bối cảnh lịch sử đặc thù của Singapore. Nội dung sách cho thấy các yếu tố đặc thù của Singapore như thành quả kinh tế, các chính sách, cơ cấu chính trị và kinh tế, mọi quan điểm, mọi nguyên tắc đạo đức xã hội cùng sự lãnh đạo của chính quyền, tất cả là một sự hòa quyện hết sức chặt chẽ. Đoàn kết nội bộ vô cùng mạnh mẽ và sự củng cố mang tính bổ sung lẫn nhau, trải qua một thời gian dài, đã giải thích cho những thành quả đầy ấn tượng mà đất nước này gặt hái được. Một số người bị ám ảnh bởi thành tựu trên và cho rằng đó cũng chính là sách lược chặt chẽ mà Đảng Nhân dân Hành động (PAP) đã và đang ra sức bảo vệ.

Mỗi hình thái xã hội khác nhau sẽ tạo ra thế cân bằng xã hội một cách khác nhau. Thế hệ trẻ tuổi hơn ở Singapore có lẽ cũng phải làm như vậy. Khi Singapore bắt kịp với mức thu nhập của các quốc gia tiên tiến, thì đất nước này càng lúc càng phải đối mặt với mức độ công khai dân chủ đang phổ biến ở các quốc gia đó. Một điều chắc chắn, mọi người dân Singapore đều cảm thấy được

quyền tự do quyết định tốc độ và phương hướng phát triển nào mà họ cảm nhận là phù hợp với xã hội của mình. Nhưng các giá trị đạo đức xã hội và mọi khát vọng của người dân Singapore, đặc biệt là ở thế hệ trẻ tuổi hơn, cùng sự giàu có sung túc và nền tảng giáo dục đất nước, tất cả dường như đang có chiều hướng thay đổi. Thành tựu kinh tế rực rỡ đối lập với nghịch cảnh nghèo khó diễn ra trong thời kỳ nhiều biến động của thế hệ cha ông, giờ đây đang chìm dần vào quá khứ xưa cũ, theo cách nhìn của lớp người trẻ hiện nay. Đối với họ, một xã hội văn minh ít cấm đoán và một trật tự xã hội bền vững đều có thể cùng tồn tại ở đất nước Singapore vào thế kỷ thứ 21. Bên cạnh đó, tính chất cấp bách đòi hỏi sự đổi mới và tính sáng tạo – mà nhờ đó nền kinh tế phát triển kéo theo tăng trưởng kinh tế liên tục – sẽ đặt ra những yêu cầu cụ thể đòi hỏi phải có nhiều sự công khai hơn nữa.

Càng có nhiều cuộc tranh luận xã hội bày tỏ bất đồng ý kiến diễn ra công khai hơn thì lại càng làm gia tăng nội lực cho đất nước Singapore hơn. Chính quyền đã từng hoài nghi rằng sự tiết lộ quá nhiều về khả năng tài chính quốc gia, hay nói khác đi, chính chủ nghĩa cơ hội của tầng lớp báo giới thích gây khó khăn, dường như đang làm xói mòn đi sự nghiệp dài lâu của chính quyền trong việc huấn thị cho quần chúng biết hướng đến những nguyên tắc chấp hành kỷ luật và các chính sách chỉ đạo. Tuy nhiên, kỳ tích phát triển kinh tế vô cùng ngoạn mục của Singapore, trong bối cảnh vừa phải gìn giữ các mối dung hòa xã hội vừa phải xây dựng chính sách thuế và chi tiêu để có thể dễ dàng đối đầu với các thách thức tài chính luôn chực chờ đe dọa – một đường lối tỏ ra ưu việt so với bối cảnh những xã hội khác nơi mà lớp người có tuổi gia tăng nhanh chóng và đất nước thì không có sẵn nguồn lợi xuất khẩu dầu hỏa – đã chứng tỏ sự sáng suốt của các nhà lãnh đạo quốc gia. Người dân Singapore, ngay cả những công dân trẻ tuổi, đều nhận thức được thế yếu về mặt kinh tế của nước nhà trong cuộc cạnh tranh toàn cầu hết sức gay gắt và cũng hiểu rằng đất nước cần phải có những sách lược tài chính đúng đắn. Giống như nhiều bậc cha mẹ của những người đang độ tuổi trưởng thành, chính quyền Singapore có thể sẽ ngạc nhiên về việc dân chúng cứ yêu sách về việc được biết thêm những thông tin về khả năng tài chính của quốc gia và muốn sự công khai được nhiều hơn.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ KIẾN TẠO CHO SỰ THỊNH VƯỢNG

Một sự thịnh vượng có định hướng là vấn đề tâm huyết của Singapore. Đây là một nhận định mạnh mẽ của cá nhân tôi. Chúng ta không thể lãng quên bao khát vọng của dân tộc Malaysia, dân tộc Ấn Độ, và cộng đồng người dân Trung Hoa

đã góp phần tạo nên một đất nước Singapore, cũng không thể quên đi bề dày văn hóa và di sản đầy tính đặc thù của các dân tộc này, cũng như bản thân tôi không thể gièm pha mọi giá trị tinh thần, văn hóa, hay những giá trị đạo đức đầy tính nhân văn của các gia tộc người Singapore. Tuy nhiên, sự phát triển mang tính sáng tạo bền bỉ chính là tính cách tiêu biểu mà một xã hội như Singapore luôn phản ánh ra với thế giới bên ngoài.

Hãy cùng điểm qua lĩnh vực kinh tế. Một mục tiêu chung nhằm đạt tới sự thịnh vượng đã thôi thúc mọi nỗ lực của dân chúng Singapore nhiều hơn so với trường hợp các quốc gia khác. Một số người dân Singapore có thể không hài lòng về việc tôi hay nhấn mạnh đến động lực làm giàu của đất nước họ. Nhưng cuối cùng, thành công rất đáng ghi nhận là mọi nỗ lực lớn lao của người dân đều tập trung vào việc vun đắp nên một mối liên kết xã hội chặt chẽ mà ở đó mỗi cá nhân đều luôn thấm nhuần tinh thần trách nhiệm cùng ý thức về bốn phận công dân. Phát triển trong lĩnh vực sân khấu, âm nhạc và nghệ thuật của đất nước này cũng gây được nhiều ấn tượng. Nội dung sách không chú ý đánh đồng và quy mọi giá trị thành tự mà Singapore đang có là do bị yếu tố tiền bạc chi phối. Thay vào đó, tôi đưa ra một cách nhìn là chính sự chú trọng quá mức vào việc phải đạt cho bằng được sự thịnh vượng bền vững đã tự nó hàm chứa một sức mạnh duy lý trí trong công cuộc xây dựng quốc gia và các mục tiêu phát triển khác của đất nước này. Nhà cầm quyền Singapore luôn ra sức huấn thị cho mọi người dân một lòng tin sùng bái hết sức thể tục trong việc đua nhau chạy theo sự giàu có thịnh vượng. Lộ trình đi đến thiên đường được vạch ra với một nền công nghiệp ưu tiên cho xuất khẩu bằng việc đón mời các tập đoàn đa quốc gia đến hoạt động tại Singapore. Và bây giờ, đến lượt sự ổn định cần thiết về mặt xã hội và chính trị đòi hỏi sự hỗ trợ ngược lại của sự hòa hợp tôn giáo và sắc tộc, cùng sự phân chia đồng đều các phúc lợi xã hội thông qua việc tạo ra những cơ hội bình đẳng. Các chính sách đúng đắn đã mang đến nhiều sự động viên khích lệ và tạo cơ hội cho việc đạt tới thành tựu ở một mức cao hơn, cho phép tầng lớp cao cấp và đại bộ phận người dân Singapore cùng tồn tại và phát triển.

Ngành kỹ thuật là trọng tâm của Singapore. Không chỉ vì đây là một trong những quốc gia công nghiệp điện tử kỹ thuật cao hàng đầu có mối liên kết hợp tác với phần lớn các nước trên thế giới, mà đây còn là nơi các sách lược kinh tế được áp dụng theo một khuôn mẫu luôn ổn định^[2]. Lòng đam mê theo đuổi mục tiêu thịnh vượng chung của tầng lớp có thể lực chính trị đòi hỏi phải có một sự liên kết chặt chẽ giữa các yếu tố cấu thành mang đầy tính đặc thù: yếu tố chính sách và cơ cấu quản lý đi cùng với yếu tố quan điểm và hiểu biết chính trị, nhằm

thiết lập một cơ chế hoạt động tinh vi đạt hiệu quả cao, và thêm nữa lại luôn đòi hỏi sự hoàn thiện không ngừng. Ý thức kỷ luật sẵn có trong đạo đức nghề nghiệp đi kèm sự vui lòng tự nguyện hạn chế mức tiêu dùng của người dân, sự đột phá cạnh tranh thị trường, việc trọng dụng nhân tài trong khoa cử và các ngành dân sự, tính trung thực trong cộng đồng, một nền luật pháp và các điều luật ban hành, tất cả mọi yếu tố này đều là những tác nhân bồi trơn cần thiết. Đây chính là một sách lược sáng suốt: học thuyết và cách ngôn cùng song hành trong các chính sách phát triển, trong cơ cấu quản lý; và việc thực thi một nền kinh tế chính trị cùng các giá trị hiện hữu của nó đã được xem xét một cách thấu đáo, được tiếp nhận, được điều chỉnh theo đúng thực tiễn, và được theo dõi nhằm đúc kết ra một qui trình phát triển hợp lý, căn cứ vào những hoàn cảnh đặc thù của Singapore và những thành quả thật sự có được.

THÀNH CÔNG CỦA SINGAPORE LÀ ĐỘC NHẤT?

Nhiều người có thể cho rằng thành công của Singapore không phải là duy nhất. Một số không nhiều các nền kinh tế quốc gia khác, như Nhật Bản và các nước thuộc địa trước đây của nước Nhật là Đài Loan và Hàn Quốc, cũng từng đạt được nhiều thành quả kinh tế không kém rực rỡ. Thành quả phát triển của Malaysia, của Chile, hay Boswana, và các quốc gia khác, không kể Trung Quốc và Ấn Độ, cũng xứng đáng được đưa ra nghiên cứu cận kề. Cách nhìn nhận này không gây phản cảm. Trên thực tế, một nghiên cứu mở đường của Ngân hàng Thế giới vào năm 1993 đăng tải trong tập "Phép màu Đông Nam Á", đã ghi nhận rất nhiều trường hợp các quốc gia thành công vì đã biết tìm ra cách thức để có thể đưa vào ứng dụng một số nguyên tắc căn bản, cho dù những nguyên tắc này đôi khi hoàn toàn khác biệt về mặt hình thái. Các quốc gia đạt mức tăng trưởng cao và bền vững thường áp dụng các biện pháp khác nhau. Tương đồng về mức thu nhập không có nghĩa là các chính sách và cơ cấu quản lý mang tính đặc trưng của mỗi nước cũng đòi hỏi phải giống nhau. Nghệ thuật sáng tạo nên những sách lược tăng trưởng hiệu quả, như Ngân hàng Thế giới từng nhấn mạnh, nằm ở chính sự cân nhắc hết sức cẩn trọng các yếu tố đặc thù của quốc gia mình, mọi vận hội, và cả sự phản kháng, nhất là trong phạm vi chính trị. Không có con đường nào duy nhất dẫn đến thành công^[3]. Singapore chỉ là một trường hợp duy nhất làm nên lịch sử.

NỘI DUNG SÁCH

Chương 1 phác họa sơ nét thành tích phát triển của Singapore, đồng thời dựa trên phương pháp phân tích mức tăng trưởng, để phân tích tỷ lệ tăng trưởng đạt mức bình quân 8% hàng năm trong suốt bốn thập niên vừa qua, theo năm nguyên nhân có mối quan hệ mật thiết với nhau. Thứ nhất: tầm quan trọng của việc hình thành nguồn vốn vật chất lúc ban đầu nhưng về sau vai trò này càng giảm dần cùng với sự gia tăng năng suất, sẽ được đề cập trong chương này. Thứ hai: tài khoản vãng lai của cán cân thanh toán ghi nhận khoản ngân sách thiếu hụt trong suốt hai thập niên đầu sau khi giành độc lập vẫn duy trì ở mức ổn định. Thứ ba: mức dự trữ quốc gia không ngừng gia tăng theo những mức độ phi thường. Thứ tư: nguồn tài sản tích lũy từ nước ngoài gia tăng một cách mau chóng trong hai thập niên cuối đã mang đến cho Singapore nguồn thu nhập bổ sung đáng kể từ nước ngoài. Thứ năm: nền kinh tế quốc nội trong thời gian này vẫn tiếp tục có những bước chuyển biến mới.

Chương 2 đưa ra phân tích những hoàn cảnh tự nhiên mà Singapore phải đối mặt vào thời điểm năm 1965 khi đất nước giành được độc lập. Điều kiện tự nhiên về mặt địa lý và hoàn cảnh lịch sử đã mang lại cho đất nước này những thế mạnh và trở ngại gì? Có phải Singapore đã khởi đầu ở một vị thế tương đối thuận lợi? Hoặc đất nước này đã chơi rất hay một ván bài được chia thông qua các sách lược kinh tế nhạy bén và một cơ cấu quản lý hoạt động hiệu quả?

Chương 3 nghiên cứu các chính sách làm hậu thuẫn cho nguồn lực tăng trưởng kinh tế gần đây của Singapore, đồng thời trình bày bốn nguyên tắc căn bản trong việc thiết lập nên các chính sách tăng trưởng kinh tế đúng đắn, phần nào giúp cho các quốc gia khác có thể liên hệ vận dụng trong nền kinh tế riêng của đất nước mình. Chương này cũng cho thấy các chính sách đa dạng ở Singapore (về thuế quan, mức dự trữ bắt buộc, về tiền tệ và tỷ giá hối đoái, về lương bổng, giáo dục, y tế và giao thông) có thể góp phần làm sáng tỏ vai trò quan trọng của bốn nguyên tắc căn bản này như thế nào. Các chính sách được thi hành đã cho thấy một điều hết sức cần thiết là phải kịp thời ra tay trấn áp mọi biểu hiện chống đối một khi chúng manh nha xuất hiện. Sự quản lý khắt khe của chính quyền về mặt kinh tế, như một tính cách đặc thù của Singapore, sẽ được đề cập ở một chương riêng.

Chương 4 đặt vấn đề tìm hiểu xem các chính sách đúng đắn đã được thực thi như thế nào ở đất nước Singapore. Rất nhiều quốc gia đã từng vạch ra các chính sách hết sức tốt đẹp, đôi khi được sự trợ giúp từ bên ngoài, nhưng lại gặp nhiều thất bại khi đưa ra thực hiện. Các chính sách ở Singapore đã có một cơ cấu quản lý

thích hợp đứng làm hậu thuẫn: một bộ máy điều hành đạt hiệu quả, những điều luật ban hành nghiêm ngặt, và một guồng máy xã hội vận hành đúng chức năng, tất cả đã góp phần mang lại một nền tảng chính trị hết sức ổn định. Và rồi đến lượt các cơ cấu tổ chức chính quyền này quay lại tiếp nhận những giá trị đạo đức xã hội hết sức quý giá, cũng chính là vấn đề mà chính phủ luôn quan tâm khuyến khích.

Chương 5 đưa ra nghiên cứu một nền kinh tế chính trị đã góp phần hình thành nên các cơ cấu quản lý chính quyền ủng hộ cho sự tăng trưởng. Tại sao và làm thế nào mà Singapore lại thành công trong việc thiết lập nên các chính sách quản lý tăng trưởng đạt nhiều hiệu quả, trong khi các quốc gia khác lại gặp thất bại? Một lời giải đáp có thể gợi nhiều chú ý, đó chính là vì tầng lớp lãnh đạo cao cấp đã nhận thức được rằng việc phân bổ rộng khắp các nguồn phúc lợi có được từ sự tăng trưởng kinh tế cũng chính là quyền lợi của chính họ. Những nguyên tắc sách lược và chiến lược nào đang được chính quyền Singapore theo đuổi, và những quốc gia khác có thể liên hệ vận dụng những nguyên tắc căn bản này hay không?

Chương 6 cùng lúc đưa ra trình bày những chiều hướng tác động khác nhau đồng thời nhấn mạnh đến những triển vọng và thách thức đối với thành tích tăng trưởng sau này của Singapore. Những mặt khiếm khuyết của một nền dân chủ tự do đang làm các nhà phân tích phương Tây quan ngại, nhưng việc gìn giữ được sự dung hòa các chủng tộc và đối phó với tình trạng nhập cư mới thật sự đang là mối quan tâm hiện nay của nhiều người dân Singapore. Chúng tôi kết thúc chương này bằng việc rút ra những bài học kinh nghiệm mà các quốc gia khác có thể vận dụng xem xét.

Tôi luôn cố gắng làm cho nội dung sách trở nên hấp dẫn hơn đối với số đông độc giả khi phải đề cập đến những khái niệm mang tính chuyên môn. Do đó, những nội dung chi tiết nặng tính học thuật sẽ được bổ sung về mặt ngữ nghĩa ở phần chú dẫn. Những đề mục chú thích này cũng đồng thời cung cấp một lượng thông tin hữu ích, là một công cụ tham khảo đặc dụng nhằm hỗ trợ cho quý độc giả trong những công việc nghiên cứu khác, kể cả việc đúc kết ra những bài học kinh nghiệm cụ thể khi so sánh thành quả kinh tế của Singapore và của những quốc gia khác. Sau khi nghiên cứu sách, độc giả có thể dễ đi đến một nhận xét rằng Singapore là một nơi chốn hết sức độc đáo và khác thường. Tôi gieo một niềm hy vọng là nơi chốn này sẽ ngày càng được mọi người hiểu biết rõ hơn, khi nó đang thể hiện ra với thế giới bên ngoài tất cả những giá trị nội tại lớn lao của

đất nước mình.



[1] Quỹ Tiền tệ Quốc tế (2005), trang 15.

[2] Năm 2005, báo cáo của tờ Công nghệ thông tin toàn cầu thuộc Diễn đàn kinh tế thế giới đã xếp Singapore đứng đầu trong 115 quốc gia đưa vào ứng dụng các thành tựu phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông. Xem trang web <http://www.wereform.org/site/homepublic.nsf/content>.

[3] Ngân hàng Thế giới (1993) và Ngân hàng Thế giới (2005b), trang 78.

Chương một: Nguyên nhân tăng trưởng kinh tế ở Singapore

NỀN TẢNG KHỞI ĐẦU

Năm 2005, Singapore chào đón 40 năm kỷ niệm ngày ra đời và trở thành một quốc gia độc lập. Trong suốt bốn thập niên vừa qua, dân số của quốc gia nhỏ bé này, nằm ở đầu phía nam bán đảo Malay, đã đạt ở mức 4,35 triệu dân, tăng hơn gấp hai lần so với năm 1965. Trong khi đó, nền kinh tế quốc gia, dựa trên Tổng sản phẩm quốc nội thực (GDP) đã tăng lên hơn 20 lần^[4]. Những nhân tố nào làm hậu thuẫn cho thành tựu kinh tế quá ngoạn mục của Singapore kể từ năm 1965 đến nay, và quốc gia này đã làm cách nào để kiến tạo nên một nền kinh tế phát triển hết sức rực rỡ chỉ trong vòng 40 năm?

Hãy thử ngược dòng thời gian trở lại thời điểm khởi đầu vào năm 1959 để nghiên cứu nền kinh tế của đất nước này từ đó đến nay. Năm 1959, người Anh đã dần nhượng bộ quyền kiểm soát phần lớn các hoạt động cai trị thuộc địa, từng được áp đặt ở Singapore từ năm 1819 vì giá trị to lớn của vùng hải cảng với mực nước sâu tự nhiên và vị trí chiến lược thuận lợi của quốc gia này. Đảng Nhân dân Hành động (PAP) giành thắng lợi trong cuộc bầu cử vào năm 1959 và lãnh đạo Singapore từ đó đến nay. Ông Lý Quang Diệu trở thành vị thủ tướng đầu tiên của đất nước và tồn tại ở cương vị này trong suốt 31 năm sau đó. Từ năm 1990, ông tiếp tục giữ vai trò là thành viên nội các tối cao. Bộ máy quản lý then chốt nắm giữ vai trò trọng tâm của thành tựu kinh tế Singapore như Ủy ban Phát triển Kinh tế (EDB), Ủy ban Phát triển Chương trình nhà ở (HDB) được thành lập ngay trong năm 1961, qua việc chuyển đổi các cơ cấu ban ngành chưa hoàn thiện chức năng hoạt động đã tồn tại từ giai đoạn thuộc địa trước đây.

Giai đoạn 1963-1965, Singapore là một phần lãnh thổ của Liên bang Malaysia. Chính quyền Singapore lên tuyên bố nhậm chức để điều hành đất nước, chủ yếu là vì lý do kinh tế. Liên minh kinh tế và chính trị với liên bang Malaysia đã làm gia tăng gấp hai lần quy mô thị trường, tính theo Tổng sản phẩm quốc nội. Quy mô thị trường ngày càng mở rộng hơn đã tạo điều kiện thuận lợi cho Singapore trong việc tiết giảm chi phí sản xuất ra các mặt hàng cho đến thời điểm đó vẫn còn phải nhập khẩu. Bên cạnh đó còn có thêm một nguyên nhân hỗ trợ nữa là

nguồn nguyên liệu lại hết sức dồi dào. Nền chính trị cũng có những yếu tố thuận lợi tương đồng, người Malaysia và người Anh trong liên minh đã tìm ra một đường lối ủng hộ ông Lý, và chính hai quốc gia này đã tìm mọi cách ngăn chặn không cho Singapore bị biến thành một nước Cuba kiểu châu Á, khi sự khích động quần chúng của phe cộng sản có nguy cơ mạnh động. Tuy nhiên, lúc ban đầu, sự căng thẳng sắc tộc giữa hai vùng lãnh thổ cũng đã diễn ra. Chính quyền Malaysia, dưới thời lãnh đạo của ông Tunku Abdul Rahman, ngày càng gia tăng sự bất bình trước việc đòi quyền khẳng định của Đảng Nhân dân Hành động trong nền chính trị liên bang, và cho rằng đây là một nước bài của Trung Quốc nhằm mục đích thách thức nền chính thể của Malaysia. Bất bình ngày càng leo thang đã dẫn đến cuộc bạo động chủng tộc diễn ra quy mô vào năm 1964, đặt một nền móng khởi đầu cho việc tách Singapore ra khỏi liên bang Malaysia một năm sau đó, đánh dấu sự ra đời hết sức gian truân của một quốc gia.

THÀNH TÍCH TĂNG TRƯỞNG

Singapore đã đạt được một thành tích tăng trưởng về kinh tế hết sức ngoạn mục trong vòng 40 năm kể từ ngày giành độc lập. Tổng sản phẩm quốc nội với mức giá ổn định đã tăng với tỷ lệ trung bình hàng năm là 8% trong suốt giai đoạn 1965-2005. Với mức tăng trưởng dân số 2,1%, Tổng sản phẩm quốc nội tính theo bình quân đầu người tăng ở mức 5,8% trung bình hàng năm. Năm 2004, Tổng thu nhập quốc dân (GNI), bổ sung vào khoản thực thu nhập nước ngoài Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) từ các cá nhân và các công ty nước ngoài đang hoạt động tại Singapore, là 41.819 đô la Singapore tính trên bình quân đầu người, tương đương 24.741 đô la Mỹ, dựa trên tỷ giá hối đoái hiện hành của đồng đô la Singapore vào năm đó. Để tiện so sánh, thu nhập bình quân đầu người ở Mỹ là 39.640 đô la Mỹ vào năm 2004[5].

Tuy nhiên, khi so sánh đối chiếu giữa nước này và nước khác, phương pháp thích hợp phổ biến hiện nay là sử dụng một tỷ giá hối đoái thiết lập ảo nhằm điều chỉnh sự khác biệt về sức mua giữa 1 đô la Mỹ ngay tại nước Mỹ và 1 đô la Singapore ở nước Singapore[6].

Theo cách tính ngang giá về sức mua này (purchasing power parity – PPP), thì thu nhập bình quân tính trên đầu người ở Singapore năm 2004 đã tăng nhẹ ở mức 26.590 đô la PPP.[7]

Mức thu nhập quốc gia, biểu thị qua đồng đô la PPP, cũng có thể được dùng để so sánh tỷ lệ tăng trưởng kinh tế giữa các quốc gia khác nhau. Biểu đồ 1.1 đưa ra so sánh thành tích tăng trưởng kinh tế của 107 quốc gia trong giai đoạn 1960-2000. Singapore là quốc gia duy nhất đạt được tỷ lệ tăng trưởng kinh tế trung bình hàng năm 7-7,5% (dựa theo tính toán chung, lấy tổng số, không dựa trên mức tính bình quân đầu người); số liệu đưa ra để dễ so sánh, có 16 quốc gia đạt mức tăng trưởng 2,5-3%, bao gồm Mỹ, Pháp và Ấn Độ.

Nhiều nghiên cứu quan sát đã được thực hiện. Thứ nhất, cùng với Đài Loan, Hàn Quốc và Hồng Kông, Singapore đã nhanh chóng đạt được một thành tích tăng trưởng rất đáng ghi nhận. Tuy nhiên, việc đứng thứ nhất trong biểu đồ xếp hạng thế giới này tự thân nó là một điều không hề quan trọng, may thay, đây không hề là cuộc đọ sức mà "người thắng cuộc sẽ được tất cả". Hơn nữa, sẽ không rõ ràng nếu cuộc thi đấu này được ấn định theo một cách thức như thế, nghĩa là xem những mặt hạn chế về số liệu biểu thị của Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) như là một thước đo tổng thể của sự thịnh vượng. Thêm nữa, việc đem ra so sánh ở giai đoạn gần đây nhất có thể sẽ tiếp tục đẩy Singapore xuống hàng cuối bảng xếp hạng và đưa những quốc gia như Trung Quốc và Ấn Độ lên vị trí đầu bảng.

Biểu đồ 1.1 Bảng phân bố các tỷ lệ tăng trưởng, 1960-2000

![][10]

Điều thật sự quan trọng ở đây là sự khác biệt đáng kể giữa các tỷ lệ tăng trưởng được duy trì qua một giai đoạn dài đã dẫn đến việc các mức thu nhập giữa các quốc gia sẽ chênh lệch vô cùng lớn do tăng theo cấp số nhân. Thứ hai, những nền kinh tế đã phát triển như Hoa Kỳ và Anh Quốc, đã đạt mức tăng trưởng chậm hơn trong thời kỳ 1960-2000, vì không đặt ra vấn đề thụ hưởng lợi nhuận từ kết quả của việc phát triển tăng tốc. Thứ ba, thành tích phát triển của Singapore cho thấy một sự tương phản rõ rệt giữa đất nước này và các quốc gia khác thuộc khu vực châu Phi với tỷ lệ tăng trưởng thu nhập luôn đứng ở mức âm. Sự bùng nổ dân số hết sức mau chóng đã làm các quốc gia châu Phi phải gánh chịu một sự tuột dốc hoàn toàn không vực dậy được trong mức thu nhập tính theo bình quân đầu người của đất nước. Thứ tư, khi vấn đề tăng trưởng dân số được đưa vào bức tranh kinh tế toàn cảnh, thì thu nhập tính theo bình quân đầu người ở Singapore đạt mức tương đương như ở Mỹ, tăng từ mức dưới 16% vào năm 1965 lên mức 67% năm 2004 theo mức tính ở Mỹ [8]. Đồng thời, thành

tích tăng trưởng của Singapore cũng cho thấy những chuyển biến cực nhanh với điểm xuất phát từ mức thu nhập căn bản của các quốc gia thuộc diện nghèo nhất – điển hình như Zambia, đã từng là một nước có mức thu nhập trung bình, hay như trường hợp Nigeria và Venezuela với nguồn tài nguyên dầu mỏ dồi dào – điều đó là một minh chứng cho thấy tầm quan trọng của việc tận dụng yếu tố thời cơ.

GIÁ TRỊ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Tăng trưởng sản lượng của Singapore luôn giữ ở mức ổn định qua nhiều thập niên liên tiếp. Tỷ lệ tăng trưởng dao động không đáng kể theo từng giai đoạn. Một phần thành công của Singapore, cũng như nhiều quốc gia khác, xuất phát từ việc đất nước này đã tránh được những thời kỳ tăng trưởng chậm hoặc không tăng trưởng. Phát triển kinh tế là hệ quả của một quá trình phát triển ổn định, chỉ bị gián đoạn tạm thời bởi các cuộc suy thoái ngắn kỳ diễn ra vào các năm 1985, 1998 và năm 2001 (xem biểu đồ 1.2). Sau mỗi kỳ suy thoái như vậy, thì mức tăng trưởng sản lượng lại khôi phục hết sức mạnh mẽ.

Biểu đồ 1.2 Những chỉ báo kinh tế tiêu biểu, 1965-2005

![][11]

Mức tăng trưởng nhanh cũng đồng nghĩa với sự thịnh vượng giàu có. Chất lượng cuộc sống được nâng cao cho đại bộ phận dân chúng. Singapore đã tạo được thành công trong một bối cảnh không chỉ bao gồm mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà còn có cả mục tiêu phát triển xã hội.

Quốc gia này theo đuổi các mục tiêu tăng trưởng kinh tế cùng với một sự điều tiết không quá chênh lệch về mặt xã hội. Lợi nhuận thu được từ sự phát triển thịnh vượng được phân chia tương đối hợp lý cho tất cả mọi người. Hệ số Gini, một chỉ số thông dụng dùng để tính toán mức chênh lệch thu nhập cá nhân theo tỷ lệ từ 0 (hoàn toàn bằng nhau) đến 1 (hoàn toàn chênh lệch), đạt ở mức 0,42 ở Singapore vào cuối thập niên 1990.9 Chỉ số biểu thị này cho thấy tính bình đẳng ở Singapore là ít hơn nhiều so với các quốc gia thuộc khối Scandinavian, tiêu biểu là nước Bỉ, nơi các chính sách tái phân phối được thực hiện đã góp phần giữ chỉ số Gini đạt ở mức thấp là 0,25, cũng là chỉ số tương đương ở nước Nhật. Nhưng nguồn thu nhập ở Singapore được phân phối đồng đều hơn so với Brazil

và nhiều quốc gia Nam Mỹ khác, là những nơi mà chỉ số Gini lên gần đến 0,60. Thêm nữa, Singapore đã mang lại nhiều cơ hội bình đẳng hơn cho mọi người dân nhằm giúp họ có điều kiện vươn lên tầng lớp thượng lưu trong xã hội nếu so sánh với các vùng nông thôn đất nước Ấn Độ, nơi luôn diễn ra sự phân hóa sâu sắc giữa các tầng lớp xã hội. Ngoài ra, nguồn tài sản cố định cũng được sử dụng rộng khắp: chương trình trợ cấp nhà ở của chính phủ Singapore đã mang lại kết quả với 93% người dân được quyền sở hữu nhà. Ngay cả 20% số hộ dân cư nghèo nhất cũng nhận được trung bình mỗi hộ một số tiền tương đương 80.000 đô la Mỹ trong chính sách công bằng về nhà ở của chính phủ, đây thật sự là một thành tích đáng được ghi nhận.[\[9\]](#)

Mất cân đối về mức thu nhập ở Singapore, tính theo chỉ số Gini, đã hơi tăng cao trong những năm gần đây. Nguyên nhân chính là do mức chênh lệch thu nhập giữa những ngành nghề khác nhau, điều này cũng cho thấy sức mạnh của chủ nghĩa toàn cầu.[\[10\]](#) Từ thập niên 1980, việc nâng cao hoạt động sản xuất và sự phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng đã góp phần làm giảm bớt nhu cầu đối với lao động thiếu tay nghề và làm gia tăng mức lương của người lao động có kỹ năng và được đào tạo. Với những công việc đòi hỏi tính chuyên môn, tiền lương kiếm được luôn ở mức cao do thị trường ngoài nước có nhu cầu rất lớn đối với những lao động giỏi chuyên môn, trong khi ở một mặt khác của thị trường lao động, lương trả cho những lao động phổ thông luôn ở mức thấp do nguồn nhân công thiếu chuyên môn được thuê làm những công việc chân tay từ nước ngoài đều đặn đổ vào. (xem phần "Thị trường lao động linh hoạt" ở chương 3)[\[11\]](#). Đây quả là một sự thách thức mà chính quyền luôn phải đối mặt vì chủ trương của nhà nước luôn khuyến khích việc tái đào tạo nguồn nhân lực, ngay cả với lao động lớn tuổi có trình độ học vấn hạn chế. Lương bổng, kể cả của nhóm lao động có thu nhập ở mức thấp nhất, đều đặn được tăng lên trong bốn thập niên vừa qua.

Mức lương trung bình thực nhận của người lao động gia tăng hàng năm, đã phần nào cho thấy một sự gia tăng năng suất ở mức cao hơn. Nhu cầu công việc ngày càng lớn đã góp phần giảm thấp đi một cách đáng kể tỷ lệ thất nghiệp, với mức trung bình 3,0% kể từ năm 1973, và dao động từ 5,7% năm 1986 xuống dưới 2% trong suốt nhiều năm của thập niên 1990 (xem Biểu đồ 1.2).

Mức độ nghèo khổ của người dân cũng giảm đều và sự nghèo khó cùng cực hầu như hoàn toàn bị loại trừ. Có những dấu hiệu cho thấy có sự phát triển đáng kể về yếu tố con người[\[12\]](#). Tuổi thọ trung bình đã tăng từ 66 tuổi vào năm 1965

lên 78 tuổi vào năm 2003. Tỷ lệ tử vong ở trẻ em đã giảm từ 27 trên 1000 trường hợp trẻ sơ sinh xuống ít hơn 3 trên 1000 trường hợp, mức thấp nhất trên thế giới cùng với Nhật Bản và Thụy Điển. Tiêu chuẩn vệ sinh cao trong môi trường sinh hoạt, và nguồn nước sạch luôn có đủ dành cho tất cả mọi người.

Việc phát triển về cảnh quan môi trường luôn được duy trì thực hiện. Mặc dù mật độ dân số dày đặc nhưng Singapore vẫn được ghi nhận là rất xanh và sạch, xứng đáng với danh hiệu được ban tặng "Thành phố cây xanh của châu Á". Đây cũng là một trong những nơi tốt nhất thế giới không có biểu hiện ô nhiễm nguồn nước qua chất thải công nghiệp[13]. Nhưng tình hình không phải lúc nào cũng được như vậy. Vào thập niên 1960, thức ăn được chuẩn bị và bày bán ngay trên đường phố đông người qua lại, sức nóng lan tỏa và độ ẩm dẫn đến hậu quả đường phố bị hư nát và đầy bụi bẩn, gia súc thỉnh thoảng chạy rông ở ngay trung tâm thành phố, chất thải do chăn nuôi heo, có lúc lên tới tổng số 900.000 con, đã làm cho tất cả mọi con sông đều nhiễm một mùi hôi độc hại. Đến thời điểm năm 1977, khi các công trình kỹ thuật quy mô được khởi công xây dựng, với những kiến thức chuyên môn, và một quá trình làm việc cố gắng liên tục hàng nhiều năm trời của biết bao công sức con người, mới góp phần tạo nên một sự biến đổi tuyệt vời và hết sức ngoạn mục như bây giờ.[14] Singapore đã tránh được vấn nạn ô nhiễm không khí mà các đại thủ phủ thuộc vùng châu Á, như thủ đô Bắc Kinh, thường hay phải đối mặt; ngoại trừ thỉnh thoảng vào những ngày hè khô nóng, những làn khói bụi và sương mù bốc lên từ những đám cháy rừng ở đất nước láng giềng Sumatra và thổi thốc vào Singapore theo hướng tây nam, gợi lại cho người dân nước này nhớ lại tình trạng yếu kém vệ sinh môi trường trước đây, đồng thời cũng là lời nhắc nhở dành cho tất cả mọi người đang sống trong một thế giới phát triển phụ thuộc lẫn nhau.

Từ khi độc lập đến nay, Singapore đã có nhiều nỗ lực rất đáng ghi nhận về vấn đề tín ngưỡng tôn giáo và dung hòa sắc tộc. Tội phạm hình sự ở tỷ lệ thấp đã góp phần tạo nên mức độ an toàn cá nhân cao. An ninh công cộng và tinh thần tương ái cộng đồng luôn hiện hữu mọi nơi – tất cả điều này đã tạo cho mọi người một cảm giác thân thuộc khi đến nơi này. Vào năm 1972, vương quốc Bhutan, một quốc gia Phật giáo chính thống nằm trên dãy núi Himalaya, đã khởi xướng cách tính một chỉ số biểu trưng khác ngoài chỉ số GDP, chỉ số "Tổng hạnh phúc toàn dân" (Gross National Happiness), với mục đích nhắc nhở mọi người hãy lưu ý đến nền tảng di sản văn hóa, đến việc gìn giữ cảnh quan môi trường và một tinh thần tương thân tương ái xã hội. Singapore rõ ràng không phải là cõi thiên đường – vì trẻ em ở đất nước này bao giờ cũng bận tâm lo lắng về những điểm số

không tuyệt đối ở trường học và người lớn lúc nào cũng hướng đến một cuộc sống luôn hối hả, vội vã với quá nhiều nhu cầu – do vậy sự tăng trưởng kinh tế của một đất nước cần phải song hành với một cuộc sống thực sự với chất lượng cao xét trên nhiều phương diện.

Singapore hiện đang giữ một vai trò mang ý nghĩa xây dựng và liên kết quốc tế. Là một trong những thành viên sáng lập Tổ chức các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), đất nước này đang đóng một vai trò then chốt có tầm ảnh hưởng quyết định trong khu vực, đang ra sức vun đắp cho những mối quan hệ hòa bình của khu vực châu Á, một khi đã nhận thức rõ tầm quan trọng của những mối quan hệ này, và cũng nỗ lực rất nhiều cho việc vun đắp một nền kinh tế phồn thịnh của khu vực. Singapore không những tán thành mạnh mẽ quyền tự do thương mại đa phương mà còn ký kết nhiều Hiệp định Tự do Thương mại Song phương (FTAs) từ năm 2000 với các nước bao gồm Mỹ, Nhật và Chile, với nhiều thỏa ước còn đang tiến hành đàm phán. Một khi Hiệp định Tự do Thương mại song phương giành được quyền biệt đãi thì Singapore xem những hiệp định này là một tác nhân bôi trơn giúp đẩy nhanh việc tự do mậu dịch giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

PHÂN TÍCH SỰ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Những yếu tố nào đã quyết định những thành tựu đáng kể của Singapore? Để có thể trả lời rõ ràng câu hỏi này, biện pháp thông thường được sử dụng là phân tích sự tăng trưởng thông qua các yếu tố đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong sản xuất, thí dụ như lao động và vốn vật chất. Lao động thường được chia ra thành những phần mang tính định lượng: tổng số giờ lao động trong hệ thống kinh tế, và chất lượng của lực lượng lao động, thường được diễn giải như một hình thức vốn nhân lực. Nguồn vốn nhân lực được xây dựng thông qua một hệ thống chăm sóc và cải thiện sức khỏe, nhưng chủ yếu là thông qua giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, sự phát triển ở sản lượng đầu ra không thể diễn giải một cách đầy đủ thông qua ba yếu tố đầu vào nêu trên. Yếu tố còn lại – điều không thể diễn giải thông qua sự kết hợp của các yếu tố như vốn vật chất, nhân lực và thời gian làm việc – phản ánh tổng yếu tố năng suất (total factor productivity – TFP), có nghĩa là tính hiệu quả trong việc chuyển yếu tố đầu vào thành sản lượng đầu ra. Sự phát triển của tổng yếu tố năng suất (TFP) đến từ những phát triển công nghệ – những kiến thức giúp tạo ra những sản phẩm mới hoặc những phương pháp mới trong việc sản xuất lại những sản phẩm cũ – và từ tính hiệu quả nâng cao, trong việc kết hợp những yếu tố thuộc hai mảng sản xuất và công nghệ.[\[15\]](#)

Trong khi sự phát triển công nghệ có liên quan một cách đặc biệt tới lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D) hoặc tới việc đưa ra phổ biến rộng rãi những kỹ thuật sử dụng công nghệ tiên tiến, thí dụ như những phần mềm mới hoặc các loại điện thoại di động, hay như Cuộc cách mạng Xanh (Green Revolution) trong nông nghiệp vào thập niên 70, thì việc đạt được một hiệu quả cao lại đến từ rất nhiều những tác động hết sức đa dạng về mặt xã hội. Những tác động đó có thể bao gồm: mọi sự cải thiện cho hoạt động của bộ máy quản lý, ví dụ như giảm bớt thời gian lãng phí cho các thủ tục hành chính; thực hiện những phương án làm việc thông minh hơn để cắt giảm mức chi phí ở cấp độ doanh nghiệp cá thể; cải cách luật pháp nhằm giảm bớt những bất ổn của thị trường vốn; tăng chế độ đãi ngộ, hoặc giảm những trở ngại trong việc tái phân phối lao động sao cho đạt hiệu quả lao động tốt hơn, thí dụ như đưa ra những quyết định về chế độ trả lương linh động hơn hoặc hạ thấp thuế nhập khẩu; cạnh tranh gia tăng kéo theo việc buộc phải nhanh chóng áp dụng những công nghệ mới; điều tiết cân bằng trong hiệu quả kinh tế; giảm bớt những hoạt động tuy mang lại lợi ích cá nhân nhưng vô tác dụng về mặt lợi ích xã hội – dù với mục đích tái phân phối thu nhập trong cộng đồng nhưng không hữu dụng cho việc tăng sản lượng đầu ra – như các hoạt động tranh chấp dân sự, vận động hành lang, hay những hoạt động "lợi dụng đặc quyền kinh tế" (rent seeking)[16].

Tổng yếu tố năng suất (TFP) có thể âm ở cấp độ một doanh nghiệp cá thể khi thua lỗ xảy ra, cũng như ở cấp độ toàn thể một nền kinh tế sau một thời kỳ khô hạn, đình trệ kéo dài hay khi sự suy thoái kéo theo tình trạng sản xuất dư thừa đáng kể.

Ba nguồn yếu tố sản xuất và hai nguồn nâng cao năng suất là biểu hiện toàn diện của sự phát triển một nền kinh tế. Bằng cách xác định yếu tố thứ năm – tính hiệu quả – như là yếu tố còn lại, chúng ta nhận ra rằng bất kỳ một sự tăng trưởng nào trong mức thu nhập của một quốc gia đều tùy thuộc vào việc tăng một hoặc nhiều hơn trong năm yếu tố mang tính quyết định này. Thêm nữa, còn phải kể đến những yếu tố đóng góp đa dạng khác. Như vậy là thành tích tăng trưởng kinh tế của một quốc gia có thể được đưa ra phân tích, cho thấy sự tập hợp của khá nhiều nguyên nhân đơn lẻ đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế này. Sử dụng thuật ngữ Pentathlon (cuộc thi năm môn phối hợp) của Olympic Games, chúng ta có thể nói rằng Pentathlon của năm yếu tố riêng biệt này quyết định mức độ phát triển tổng thể của nền kinh tế.

GIẢI THÍCH MỨC TĂNG TRƯỞNG CỦA SINGAPORE

Những kết quả của việc áp dụng mô hình nêu trên được tóm tắt trong sơ đồ 1.3. Mức phát triển Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Singapore trong thời kỳ từ 1960 đến 2003 trung bình là 7,8% hàng năm so với 6,7% của 7 nền kinh tế đang phát triển rất nhanh ở khu vực Đông và Đông Nam châu Á, và 3,5% của 21 quốc gia đã công nghiệp hóa.[\[17\]](#)

![[12]

Những phát hiện chính trong giai đoạn 1960-2003:

Thứ nhất, vốn vật chất (stock of physical capital) gia tăng chiếm hơn nửa mức tăng trưởng kinh tế diễn ra ở Singapore trong giai đoạn suốt 43 năm (4% trong tổng số 7,8%)[\[18\]](#). Từ 1960 đến 2003, nguồn vốn (capital stock) của Singapore – hiện nay bao gồm nhà máy, thiết bị, bất động sản phòng ốc – có mức tăng là 11,3% một năm, trung bình cứ 6 năm lại tăng gấp đôi. Đây là tốc độ phát triển cực cao nếu so sánh với tốc độ chuẩn từ trước đến nay. Tốc độ phát triển này nhân với 0,35 dựa trên giả thuyết là vốn chiếm tỷ lệ 1/3 và lao động chiếm tỷ lệ 2/3 tổng sản lượng thì sẽ cho ra con số 4% nói trên (xem chương "Mức độ quan trọng tương đối gia tăng của TFP" để biết thêm về phương pháp này).

Thứ hai, yếu tố lao động đầu vào gia tăng – thể hiện qua tổng số giờ lao động và do vậy không thể điều chỉnh để cải thiện chất lượng – chiếm tỷ lệ hơn 1/4 (mức 2%) trong tăng trưởng kinh tế giai đoạn 1960-2003. Mức tăng trưởng này cao hơn chút ít so với các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á và cao hơn rất nhiều so với các quốc gia đã phát triển. Trung bình tổng số giờ làm việc tăng 3% một năm, so với mức tăng trưởng dân số vào khoảng 2%. Một lý do giải thích cho việc tăng trưởng này là sự thu hút số lao động thất nghiệp lúc đầu chiếm một tỷ lệ khá cao. Công việc lắp ráp các thiết bị điện tử theo dây chuyền ngày càng phát triển ồ ạt tại rất nhiều các công ty, điển hình như National Semiconductors, đến Singapore vào cuối thập niên 60. Những loại hình công việc đơn giản, lặp đi lặp lại và thao tác bằng tay này đã tạo công ăn việc làm cho một số lượng lớn các lao động thiếu kỹ năng và chưa qua trường lớp đào tạo tại Singapore. Quan trọng hơn nữa là lực lượng lao động như thế lại tăng nhanh ở đảo quốc này. Điều đó phần nào cũng cho thấy việc tăng dân số theo quy luật tự nhiên vì số người trẻ được tuyển dụng đông hơn hẳn số lượng người vừa về hưu. Việc khan hiếm nhân công trên thị trường cũng đã tạo điều kiện cho số đông phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động này và tỷ lệ phụ nữ tham gia vào thị trường lao động đã tăng từ

28% năm 1970 lên 54% vào năm 2004.

Vấn đề nhập cư và nhu cầu cho những người làm việc tạm thời đến từ các quốc gia kế cận cũng khiến số lượng người lao động gia tăng. Số lượng người xa xứ và làm việc ở nước ngoài ngày càng nhiều cũng góp phần vào việc tăng nhanh lực lượng lao động trong nước, tuy nhiên điều đó cũng không đáng kể nếu so với tốc độ phát triển cao hơn nhiều về vốn vật chất. Tỷ lệ giữa vốn và lao động tăng khoảng 28 lần trong giai đoạn 1960-2003.

Thứ ba, phần đóng góp của 3 yếu tố còn lại chiếm tỷ lệ chưa đến 1/4 trong tăng trưởng kinh tế. Trong đó vấn đề phát triển nguồn vốn nhân lực, xác định thông qua số năm trung bình để hoàn tất việc học tại trường, chiếm 0,4%. Cải thiện đáng kể về chất lượng của lực lượng lao động, đánh giá thông qua trình độ học vấn, đã đáp ứng được phần nào sự khan hiếm lao động. Đáng lưu ý, đây chính là nguồn lực đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế mà các quốc gia phát triển khác ở Đông Nam Á có phần nào mạnh hơn Singapore.

Những tiêu chuẩn nghiêm ngặt dựa trên giá trị đích thực đã chi phối việc tiếp tục học lên cao ở Singapore, và kết quả là tốc độ tăng trưởng về số năm trung bình để hoàn tất việc học đã có phần nào chậm hơn một số quốc gia khác ở châu Á, nơi mọi người thường chú trọng nhiều đến cơ hội để tiếp tục học lên cao. Ngược lại, khi so sánh về số năm học trung bình ở lứa tuổi 15 và lớn hơn, thì các quốc gia khác trên thế giới đã bỏ qua những tiêu chuẩn cao mà Singapore áp dụng – chính nhờ những tiêu chuẩn này mà Singapore đã đạt được những kết quả cao nhất trong các kỳ thi quốc tế về các môn toán và khoa học[19]. Ngoài ra, chương trình đào tạo tại chức (vừa học, vừa làm) cũng được khai triển mở rộng, và nhiều người trưởng thành đang có việc làm đã đăng ký tham dự các chương trình học ban đêm.

Thứ tư, tăng trưởng tổng yếu tố năng suất (TFP) chiếm chưa đến 1/5 trong tăng trưởng kinh tế của Singapore. Những khó khăn trong việc đánh giá thông qua thực nghiệm khiến việc xác định phần đóng góp riêng của các yếu tố như phát triển công nghệ và tính hiệu quả là không thể được. Do vậy, biện pháp thông thường được sử dụng là kết hợp phần đóng góp chung của các yếu tố đó vào một điểm duy nhất gọi là "mức tăng trưởng năng suất". Tăng trưởng tổng yếu tố năng suất (TFP) ở Singapore, được xem như yếu tố còn lại, phản ánh những mức độ ảnh hưởng khác nhau. Việc diễn giải nhấn mạnh đến vấn đề áp dụng những kỹ

thuật tiên tiến trong khâu sản xuất và cải thiện chất lượng của những thiết bị (một hình thức vốn) nhập khẩu – những máy móc thiết bị này tiêu biểu cho thứ công nghệ tinh vi mà các nước khác sử dụng. Việc cắt giảm chi phí cũng đóng một vai trò trong vấn đề này – cắt giảm chi phí thực hiện được là nhờ vào việc tăng sản lượng theo quy mô khi các tập đoàn đa quốc gia mở rộng hoạt động. Do bắt tay khởi sự từ việc hạn chế những lệch lạc trong chính sách kinh tế vi mô, nên ở Singapore, vấn đề tái sắp xếp các thành phần kinh tế sao cho đạt hiệu quả cao hơn – một thành quả của quá trình cải cách trong chính sách quản lý tổ chức – đã làm giới hạn mức tăng trưởng tổng yếu tố năng suất (TFP) ở một phạm vi hẹp hơn so với những nền kinh tế lệch lạc như Trung Quốc sau năm 1978.

Tóm lại, mức tăng trưởng của Singapore cao hơn nhiều so với các quốc gia đã công nghiệp hóa, xuất phát từ việc đất nước này đã tích lũy nguồn vốn vật chất nhiều hơn và tăng tổng số giờ lao động. Một sự khác biệt tương tự cũng sẽ tách các quốc gia Đông Á khác ra khỏi nhóm các nước công nghiệp.

TẦM QUAN TRỌNG TƯƠNG ĐỐI GIA TĂNG CỦA TFP

Tăng trưởng kinh tế của Singapore và mức độ quan trọng mang tính tương đối của 5 yếu tố nguyên nhân luôn có tính chất thay đổi theo thời gian. Mức tăng trưởng có chiều hướng chậm lại, giảm từ 8,6% của giai đoạn 1970-80 xuống một tỷ lệ kéo dài lâu hơn là 6,2% trong giai đoạn 1990-2003 (xem biểu đồ 1.3).

Những tác động nằm phía sau sự phát triển của nền kinh tế cũng thay đổi: yếu tố vốn vật chất và số giờ lao động tăng đã giải thích tại sao vào những thập niên đầu tỷ lệ tăng trưởng lại cao hơn nhiều so với những năm gần đây. Sản lượng ở đầu ra tăng vọt vào những năm đầu cũng chủ yếu là do việc tăng đáng kể yếu tố đầu vào tại các tập đoàn đa quốc gia của nước ngoài chuyên về hoạt động xuất khẩu. Đầu tư quy mô trong lĩnh vực xây dựng căn hộ chung cư cũng góp phần vào sự tăng trưởng này. Tuy nhiên, những khó khăn về lâu dài trong việc tăng yếu tố đầu vào của bất kỳ một nền kinh tế nào, chính vì điều này không thể nào kéo dài vô thời hạn được.

Cuối cùng thì tất cả những lao động thặng dư sẽ được chuyển đến những bộ phận làm việc hiệu quả hơn. Có một giới hạn về tỷ lệ những người làm việc trong độ tuổi từ 15 đến 64. Yếu tố vốn ở đầu vào xem như là một nguồn lực của tăng trưởng kinh tế cũng có một giới hạn: khi dự trữ vốn tăng thì việc giảm tỷ lệ

thu hồi trên mỗi đơn vị sản phẩm làm thêm sẽ đẩy năng suất biên tế xuống gần như bằng 0. Ngoài ra, dự trữ vốn tăng đòi hỏi phải tăng mức tiết kiệm của một quốc gia để có thể thay thế phần dự trữ không còn giá trị do sự hao mòn hay do đã lỗi thời.[\[20\]](#)

Từ năm 1990, phát triển giáo dục và sản xuất cũng đã góp phần đẩy mạnh mức tăng trưởng kinh tế lên đến gần 40% (mức tăng 2,4%). Mức đóng góp vào sự gia tăng của cả hai yếu tố là dự trữ vốn và lao động đầu vào đã có dấu hiệu chững lại, và giữ một tỷ lệ không đổi tương tự như ở các quốc gia có nền kinh tế đã phát triển. Tỷ lệ giữa vốn và sản lượng của Singapore tăng từ 1 trong những năm 60 vượt lên mức 3 vào năm 2000. Khi mức tăng trưởng giảm xuống một tỷ lệ có thể tồn tại lâu hơn, thì sự gia tăng tập trung nơi đầu vào đã được thay thế bằng một yếu tố khác – đó là tăng chất lượng gặt hái từ những thành quả đạt được trong giáo dục và trong tổng yếu tố năng suất (TFP), khi những khoản đầu tư khổng lồ vào cơ sở hạ tầng ở thời kỳ đầu đã bắt đầu mang lại kết quả.

Giai đoạn suy thoái 1985-1986, lần đầu tiên kể từ năm 1964, đã làm bùng nổ những thay đổi chủ yếu trong nền kinh tế Singapore, một nền kinh tế hướng đến sự tăng trưởng dựa trên chất lượng. Trong thời kỳ suy thoái này, nền kinh tế của vùng đảo quốc đã bị tổn thương khi mức cầu sụt giảm ở thị trường Hoa Kỳ, cùng những tác động dây chuyền của nó trên toàn cầu, cũng như khi các tập đoàn đa quốc gia chuyển địa bàn hoạt động từ Singapore sang các quốc gia có chi phí đầu tư thấp hơn trong khu vực. Những yếu tố có tác động khác bao gồm mức cung dư thừa trong lĩnh vực xây dựng, một phần là do việc xây dựng nhà ở nhiều quá mức và việc thất bại trong chính sách lãi ngộ cao (xem chương 3: Hiệu chỉnh và áp dụng những chính sách thực dụng). Chính phủ đã phản ứng với những thách thức này bằng cách chuyển hướng nền công nghiệp của đất nước mình ra khỏi cung cách làm việc theo kiểu dây chuyền lắp ráp và nâng cấp nó thành một nền công nghiệp giá trị gia tăng.

Ngân hàng và những bộ phận cung cấp dịch vụ khác được ưu tiên phát triển. Giáo dục và công nghệ đỉnh cao trở nên ngày càng quan trọng. Vào thập niên 90, Singapore quyết định biến đổi nền kinh tế đất nước trở thành một nền kinh tế dựa trên tri thức và luôn sẵn sàng đổi mới. Tại Singapore, những thành tựu trong lĩnh vực giáo dục cũng như lĩnh vực nghiên cứu và phát triển được xem là hai nhân tố quan trọng hàng đầu mang tính quyết định trong khả năng cạnh tranh về công nghệ, và đất nước này đã vượt lên cả Đài Loan, Hong Kong, cũng như Hàn Quốc. Rất nhiều những nỗ lực phối hợp thực hiện nhằm hướng đến việc hình

thành nguồn vốn nhân lực và năng suất lao động.

Vào đầu thập niên 90, một cuộc tranh luận mang tính học thuật đã diễn ra, thôi thúc chính phủ cần phải duy trì được mức tăng trưởng kinh tế bằng cách đặt niềm tin nhiều hơn nữa vào vấn đề đổi mới và nâng cao sản lượng. Một tài liệu gây tranh luận của Alwyn Young (1992) và Paul Krugman (1994), trong đó nghiên cứu những kết quả tính toán về sự tăng trưởng, đã chỉ ra rằng tỷ lệ tăng vốn vật chất thậm chí còn lớn hơn tỷ lệ đã nêu trong biểu đồ 1.3. Young nhận thấy là tổng yếu tố năng suất (TFP) – yếu tố còn lại, và rất nhạy với những sai sót – gần như là bằng 0. Phát hiện này cũng ám chỉ rằng sự tăng trưởng của Singapore chắc chắn sẽ sụt giảm trầm trọng bởi vì không một yếu tố nào khác ngoài tổng yếu tố năng suất (TFP) có thể đảm bảo duy trì mức tăng trưởng trong thời gian dài hạn[21]. Hơn 10 năm qua, cuộc tranh luận vẫn còn tiếp tục và trong khi những vấn đề vẫn còn đang bỏ ngỏ, thì phương pháp luận được sử dụng làm cơ sở cho biểu đồ 1.3 vẫn còn có thể giúp mang lại những nhận thức đúng đắn và có giá trị.[22]

ĐẦU TƯ VÀ DỰ TRỮ

Việc gia tăng nhanh chóng nguồn vốn vật chất của Singapore cho thấy nguồn vốn bổ sung dồi dào hàng năm thông qua mức thực đầu tư rất cao. Tuy nhiên sự hình thành tổng số vốn cố định, bao gồm cả sự khấu hao, lại là một biểu thị tiếp theo thông dụng hơn khi xem xét đến tình trạng bất ổn đáng kể của tỷ lệ hằng năm về mức độ hao mòn và lạc hậu của nguồn vốn hiện có. Những thay đổi diễn ra nhiều hơn trong việc bổ sung vào nguồn vốn dự trữ sẽ mang lại sự hình thành tổng số vốn quốc nội hay còn gọi vốn đầu tư. Tỷ lệ đầu tư của Singapore đã tăng hơn gấp đôi, từ 20% Tổng thu nhập quốc dân vào năm 1963 đến hơn 40% vào đầu thập niên 1980.24 Những hoạt động đầu tư quy mô trong khu vực kinh tế tư nhân thường tập trung vào lĩnh vực máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, xây dựng nhà máy sản xuất, cùng những hạng mục đòi hỏi kinh phí đầu tư lớn như các tổ hợp liên doanh khai thác hóa dầu và dầu khí. Đầu tư trong khu vực kinh tế nhà nước kết hợp với hoạt động đầu tư trong khu vực kinh tế tư nhân đã làm gia tăng đáng kể nguồn thu lợi nhuận bằng cách tập trung vào việc xây dựng căn hộ chung cư trong những năm đầu và tiếp theo đó là việc xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm một cầu cảng hiện đại hoạt động hiệu quả, phi trường, hệ thống đường bộ, phương tiện giao thông công cộng và hệ thống viễn thông. Tỷ lệ đầu tư tiếp tục vượt quá 30% trong thập niên 1990 (xem Biểu đồ 1.4). Sau đó giảm xuống dưới mức 20% vào năm 2003 và 2004 do nền kinh tế đất nước trải qua thời kỳ

suy thoái từ ảnh hưởng nặng nề của cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 tại Mỹ và căn bệnh Hội chứng Suy hô hấp cấp tính (SARS) năm 2003 đã gây nhiều hoang mang lo lắng, và kết quả là một sự đình trệ trong những hoạt động xây dựng cũng như sự sụt giảm đáng kể nguồn vốn dự trữ.^[23] Tuy nhiên, giai đoạn 1965-2004, tỷ lệ đầu tư của Singapore vẫn ở mức cao một cách đáng kể so với nhiều quốc gia khác, kể cả các nước thuộc khu vực Đông Á.

![][13]

Mức đầu tư cao ở Singapore là do thuận lợi từ mức dự trữ cao. Phần ngân quỹ dự trữ không sử dụng tới của Tổng thu nhập quốc dân (GNI), đã gia tăng đều đặn, có khi vượt quá 50% vào thập niên 1990. Trong quá trình 40 năm thực hiện với sự cân nhắc điều chỉnh, Singapore đã đạt được thành tích có mức tỷ lệ dự trữ cao nhất thế giới. Kể từ năm 2000 đến nay, tỷ lệ này luôn đạt mức trung bình 43%, một thứ hạng có tầm cỡ mà Singapore chỉ chịu xếp ngang hàng với Trung Quốc và với một vài quốc gia xuất khẩu dầu mỏ như Ả Rập Saudi.

Cho đến năm 1985, đầu tư quốc nội của Singapore đã vượt quá dự trữ quốc gia. Tài khoản vãng lai của cán cân thanh toán cũng ghi nhận mức thâm hụt ngân sách tương ứng. Nguồn vốn tài chính từ nước ngoài đổ vào đã bổ sung vào dự trữ quốc nội với mục đích tài trợ cho đầu tư quốc nội. Nguồn vốn chảy vào đó được thực hiện chủ yếu theo hình thức đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (foreign direct investment – FDI) khi các tập đoàn đa quốc gia tiến hành xây dựng nhà máy và trang bị phương tiện sản xuất hoặc tiến hành việc hợp nhất và sáp nhập với nhau. Những khoản nợ vào những năm khởi đầu do chính quyền Singapore vay mượn từ các tổ chức đa quốc gia như Ngân hàng Thế giới chẳng hạn, đã nhanh chóng được thanh toán hết. Như vậy là trong nhiều thập niên gần đây, Singapore đã không còn khoản nợ vay nước ngoài chính thức nào nữa.

MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ RA NƯỚC NGOÀI CỦA SINGAPORE

Năm 1985 là thời điểm then chốt. Sau hậu quả suy thoái tạm thời trong năm này, chính phủ đã đưa ra một quyết định mang tính chiến lược là khuyến khích mọi cư dân – thuộc cả thành phần kinh tế nhà nước lẫn thành phần kinh tế tư nhân – tham gia đầu tư ra nước ngoài. Do nền kinh tế đã phát triển và rơi vào tình trạng buộc phải hạ mức thuế nhằm khuyến khích đầu tư, đã mở ra những cơ hội vàng cho việc đầu tư ra nước ngoài ở những quốc gia đang khan hiếm vốn, điều đó sẽ

tạo ra một nguồn thu nhập bổ sung dồi dào cho đất nước Singapore. Cũng tương tự như vậy, nguồn vốn thực đầu tư ra sẽ góp phần làm giảm đi áp lực tăng giá đồng đô la Singapore. Thặng dư tài khoản vãng lai tăng nhanh sẽ bổ sung thêm vào vốn ngân sách, khi xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu. Từ vị thế là một tổ chức thuần sử dụng vốn dự trữ từ nước ngoài, Singapore đã chuyển sang vị thế là một tổ chức thuần cung ứng vốn. Quá trình này được thực hiện bằng rất nhiều phương cách. Thứ nhất, chính phủ Singapore, chủ yếu thông qua các tổng công ty, có thể kể đến Temasek Holdings và Tập đoàn Đầu tư Nhà nước Singapore (GIC), sẽ tiến hành đầu tư một phần thặng dư ngân sách chính phủ vào các dự án nước ngoài. Điển hình như các dự án Công viên công nghệ thông tin ở thành phố Bangalore thuộc Ấn Độ, hệ thống các khách sạn tại Việt Nam, phương tiện vật chất cho hệ thống cầu cảng và kỹ thuật viễn thông ở Bỉ.

Thứ hai, khi thặng dư tài khoản vãng lai dồi dào hơn, đủ sức cung cấp cho dòng vốn thuần đầu tư ra nước ngoài thì Ủy ban Giám sát Tiền tệ Singapore (MAS) và ngân hàng trung ương đã tích lũy được một cách đáng kể nguồn quỹ dự trữ ngoại hối chính thức hàng năm. Thứ ba, rất nhiều tập đoàn công nghệ cao đang đóng tại Singapore đã khuếch trương hoạt động ra nước láng giềng Malaysia do chi phí lao động và chi phí đất đai ở đây thấp hơn. Các tập đoàn này tiến hành xây dựng các quy trình hoạt động sản xuất tại Malaysia trong khi vẫn duy trì trụ sở chính và cơ sở vật chất dành cho bộ phận nghiên cứu và phát triển tại Singapore, tận dụng mọi thuận lợi từ cả hai phía mang tính bổ sung cho nhau.[\[24\]](#) Đồng thời, dòng đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) vào Singapore vẫn tiếp tục tăng mạnh vì đất nước này đã gây dựng thành công một nền khoa học kỹ thuật phát triển cao với nhiều tiềm năng đổi mới, nguồn vốn này góp phần làm tăng thêm thặng dư tài khoản vãng lai.

Với dự trữ vượt quá đầu tư quốc nội kể từ năm 1985, tất cả cư dân Singapore – từ thành phần thuộc khu vực nhà nước đến thành phần thuộc khu vực tư nhân, từ tập thể cho đến các hộ gia đình, đều có lượng tài sản thuần bằng ngoại tệ đáng kể gửi nước ngoài. Tính trung bình từ hơn 10 năm qua, thặng dư tài khoản vãng lai nước ngoài đã vượt quá 18% tổng thu nhập quốc dân, tăng đến mức 29% trong năm 2005 (xem Biểu đồ 1.4). Dựa theo nguyên tắc tính toán lũy tiến, thì điều này cho thấy một sự tích lũy dự trữ không ngừng. Cứ xem như là nguồn tài sản thuần gửi nước ngoài từ một mức dưới 0 vào năm 1985 của Singapore đã tăng nhanh, nhưng xét về thành tích tăng trưởng kinh tế, thì mức thặng dư trong thập niên vừa qua đã lớn hơn rất nhiều so với mức thâm hụt ngân sách phải gánh chịu trước năm 1985. Nguồn vốn dự trữ nước ngoài chính thức của Singapore đã lên

đến 184 tỷ đô la Singapore vào thời điểm cuối năm 2004, tương đương với 105% Tổng thu nhập quốc dân trong năm này. Mức thực đầu tư nước ngoài của quốc gia vào cuối năm 2004 theo báo cáo chính thức là tương đương 85% Tổng sản phẩm quốc nội, thấp một cách đáng ngạc nhiên nếu căn cứ vào mức thặng dư tài khoản vãng lai tích lũy rất cao trong nhiều năm qua, điều đó có thể cho thấy giá trị không đổi của nguồn tài sản.[\[25\]](#) Có thể thấy trước, tình hình thực đầu tư nước ngoài ngày càng gia tăng của Singapore đang có nhiều triển vọng tạo ra một nguồn thu nhập bổ sung đáng kể.

Sự chuyển mình của đất nước bắt đầu vào thời điểm năm 1985 trở đi, từ vị thế là một tổ chức thuần sử dụng vốn dự trữ từ nước ngoài, Singapore đã chuyển sang vị thế là một tổ chức thuần cung ứng vốn, đã làm nảy sinh nhiều ý kiến tranh luận đáng chú ý. Thứ nhất, sách lược tăng trưởng vào thời kỳ đầu từ việc phải gánh chịu thâm hụt ngân sách tài khoản vãng lai, đã được chứng minh là hoàn toàn đúng đắn: đầu tư trực tiếp từ nước ngoài đã mang lại nguồn vốn ngân sách ổn định góp phần thúc đẩy cho chiến lược tăng trưởng kinh tế ưu tiên xuất khẩu. Chưa bao giờ đất nước này trải qua tình trạng cán cân thanh toán có nguy cơ mất cân đối.[\[26\]](#) Thứ hai, tương tự các quốc gia khu vực Đông Nam Á khác, đường lối chính sách của Singapore trong suốt 20 năm qua có thể cho thấy đất nước này đi theo thứ "chủ nghĩa trọng thương" (mercantilism), phản ánh một quá trình tích lũy dài lâu nguồn tiền gửi nước ngoài qua mức thặng dư tài khoản vãng lai nước ngoài hiện đang có một tỷ lệ rất cao. Việc thực hiện một đường lối chính sách như thế sẽ phụ thuộc rất nhiều vào thiện chí hợp tác của các quốc gia khác và vào khả năng duy trì mức thâm hụt ngân sách nước ngoài tương ứng. Từ khả năng có thể bị tác động, bị ảnh hưởng, Singapore đã đạt tới ngưỡng mà ở đó quy mô của mức thặng dư đạt mức cực kỳ lớn và được ước định trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu mất cân bằng đang cần ổn định, cân đối lại. Thứ ba, mặc dù thặng dư tài khoản vãng lai nước ngoài tăng cao nhưng Singapore vẫn duy trì cán cân thu nhập ròng âm. Trong suốt thập niên 1990, Tổng thu nhập quốc dân đã vượt quá Tổng sản phẩm quốc nội, nhưng chiều hướng chênh lệch này đã được chuyển đổi từ năm 2000. Từ đó đến nay, lợi nhuận chuyển về nước cũng như những khoản tiền chuyển về của những người lao động Singapore tại nước ngoài đã vượt quá mức thu nhập có được từ việc đầu tư ra nước ngoài của Singapore. Chiều hướng thay đổi này thể hiện qua một tỷ lệ lãi suất thấp trong môi trường đầu tư quốc tế, song song đó cũng cho thấy sự lệ thuộc vào tầng lớp lao động phổ thông và chuyên nghiệp của Singapore đang sống tha hương ở nước ngoài. Việc mức thặng dư tài khoản vãng lai và tỷ lệ thu hồi lợi nhuận dựa trên nguồn tiền gửi nước ngoài của Singapore đang tiếp tục gia tăng vượt trội

hơn nguồn thu nhập có được từ các công ty nước ngoài đang hoạt động tại Singapore, có lẽ sẽ tiếp tục ban thưởng cho những nỗ lực không biết mệt mỏi của đất nước này trong việc gia tăng mức dự trữ đến mức cực cao với nguồn thu nhập thuần luôn được bổ sung từ nước ngoài trong những năm sắp tới.

MỨC DỰ TRỮ CỰC CAO

Tỷ lệ dự trữ cao ở mức đáng ngạc nhiên của Singapore là một vấn đề đang gây nhiều chú ý của giới quan sát. Các nghiên cứu kinh tế học đã nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của yếu tố tăng trưởng nhân khẩu trong việc thúc đẩy gia tăng tỷ lệ dự trữ của Singapore trong suốt giai đoạn từ 1970 đến 1983.[\[27\]](#) So với tổng dân số quốc gia thì tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động ở Singapore (từ 15 đến 64 tuổi) luôn gia tăng đều đặn từ 56% trong năm 1968 lên đến 70% năm 1983, trong khi tỷ lệ người chưa thành niên và người có tuổi đang sống lệ thuộc lại có chiều hướng suy giảm. Tỷ lệ sinh sản thấp và phụ nữ được quyền tham gia lao động. Việc mau chóng tạo ra công ăn việc làm đã góp phần mang lại sự gia tăng đáng kể một lực lượng lao động hùng hậu. Các gia đình ngày càng ít con hơn, nên họ đã có thể cắt giảm một phần chi phí dành cho tiêu dùng hàng ngày trong mức thu nhập của mình, và như vậy cũng có nghĩa là tăng thêm khoản tiền tiết kiệm được. Đây là một giả thuyết có tính thuyết phục, dựa trên lý thuyết tiêu thụ theo chu kỳ của Modigliani, và điều này cũng đã được chứng minh ở nhiều nền kinh tế của các quốc gia Đông Á khác. Vấn đề này hàm chứa một ẩn ý sâu xa: đối với Singapore, một tỷ lệ dự trữ thấp hơn đang nằm chờ ở phía trước một khi độ tuổi dân số tăng nhanh trong những thập niên sắp tới. Ngược lại, nền kinh tế các quốc gia khác như Ấn Độ và Pakistan, với mức tăng trưởng dân số trước đây luôn rất cao nay đang chậm lại, giờ đây đang tiến vào những thập niên với mức dự trữ sẽ gia tăng nhanh chóng.

Ở Bangladesh, khoảng 35% dân số đất nước ở độ tuổi 15 hoặc nhỏ hơn đang sẵn sàng tham gia vào lực lượng lao động. Với tỷ lệ sinh sản đang giảm từ 6 xuống còn 3 trẻ em trong vòng một thế hệ, có nghĩa là số lượng trẻ em mà người lao động ở thời kỳ sau này phải chăm lo sẽ ít hơn, do vậy tạo điều kiện cho đất nước được thụ hưởng phần thu nhập chia cho nhân khẩu, với điều kiện phải có các chính sách hỗ trợ đúng đắn đi kèm. Trái lại, Trung Quốc đã được thụ hưởng phần thu nhập chia cho nhân khẩu như vậy. Trường hợp Singapore cũng tương tự, tỷ lệ những người sống phụ thuộc đã luôn ở mức ổn định kể từ năm 1983.

Những sự thay đổi nhanh chóng khác trong mức tỷ lệ dự trữ sau năm 1983 có một mối liên hệ chặt chẽ với mức tăng trưởng thu nhập, đây là một biến số dùng để giải thích thứ hai[28]. Dự trữ đã tạo những điều kiện thuận lợi cho đầu tư và tăng trưởng, và sau đó đến lượt một mức tăng trưởng cao hơn sẽ có xu hướng làm gia tăng tỷ lệ dự trữ trong những quốc gia có nền kinh tế có mức thu nhập trung bình. Sự gia tăng tỷ lệ dự trữ cũng đã diễn ra đối với cả chính quyền trung ương lẫn các khu vực kinh tế thuộc sở hữu nhà nước trong suốt những thời kỳ có mức tăng trưởng cao ở Singapore khi mức thu nhập ròng của họ luôn vượt xa chi phí tiêu dùng. Việc hạn chế đưa ra công bố các số liệu cụ thể đã gây nhiều khó khăn cho các nhà nghiên cứu kinh tế học khi họ muốn phân chia, tách biệt mức dự trữ ở khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân.

Tuy nhiên, trong nhiều năm kể từ 1998 trở đi, theo một phân tích thống kê tiêu biểu về mức tỷ lệ dự trữ quốc gia đạt 45%, thì dường như trong đó 18% mức dự trữ Tổng thu nhập quốc dân là thuộc về các cơ sở kinh tế tư nhân, và khoảng chừng 9% là thuộc về mỗi bộ phận trong ba thành phần kinh tế còn lại bao gồm chính quyền trung ương, các hộ gia đình và các khu vực kinh tế thuộc sở hữu nhà nước.[29]

Các chính sách nhà nước, chủ đề của chương 3, và cũng được coi là yếu tố thứ ba hết sức quan trọng có tác dụng khuyến khích sự gia tăng mức dự trữ và được xem như là một phần của chiến lược phát triển kinh tế toàn diện. Chính nhà nước đã tạo ra dự trữ dưới hình thức thặng dư tài khoản vãng lai trong ngân sách quốc gia, và gián tiếp nâng cao mức dự trữ thông qua thặng dư của các công ty liên doanh với nhà nước (GLCs) và các công ty độc quyền nhà nước, đồng thời thông qua một kế hoạch dự trữ bắt buộc phải có nhằm bảo trợ cho cuộc sống của hơn 80% dân số. Thêm nữa, các sách lược kinh tế của chính phủ bằng nhiều cách đã góp phần vào việc thúc đẩy tăng trưởng thu nhập và tăng trưởng dự trữ như đã trình bày. Một môi trường hoạt động kinh tế với các chính sách vĩ mô đúng đắn và đặt dưới sự giám sát rất đáng tin cậy đã khích lệ các nhà đầu tư dự trữ về một triển vọng hoạt động dài lâu nơi đây, đồng thời cũng gieo niềm tin đối với các tổ chức hoạt động tài chính tại đất nước này.[30]

TÓM TẮT

- Singapore đã đạt một thành quả tăng trưởng cao hết sức ổn định, chỉ bị gián đoạn tạm thời bởi vài cuộc suy thoái ở mức độ tương đối, nhưng cũng chính từ

đây mà nền kinh tế đất nước lại khôi phục nhanh chóng, nhờ vào các chính sách khắc phục khủng hoảng rất tài tình của nhà nước (xem chi tiết chương 3).

- Mức thu nhập luôn gia tăng đều đặn, những thành công mà Singapore đã đạt được cũng xuất phát từ một bối cảnh phát triển về mặt xã hội.
 - Tăng trưởng kinh tế được định hướng nhờ sự tập hợp của rất nhiều yếu tố, đặc biệt là sự gây dựng nhanh chóng nguồn vốn vật chất, được phản ánh qua một mức đầu tư rất cao, chủ yếu là từ các tập đoàn đa quốc gia. Chính điều này cũng góp phần tạo nên việc làm cho một lực lượng lao động ngày càng tăng.
 - Những quan ngại xuất phát từ học thuyết kinh tế tân cổ điển (neoclassical economics) về việc giảm tỷ lệ thu hồi lợi nhuận, đã không cho ra một kết quả tệ hại như nhiều người dự báo, dù kết quả tăng trưởng đã chững lại ở mức ổn định hơn (5,2%) trong thập niên vừa qua. Nguồn vốn hình thành cố định luôn được bổ sung lại tiếp tục đóng góp vào mức tăng trưởng. Tuy nhiên, theo thời gian, vai trò đóng góp của nguồn vốn nhân lực, của các tiến bộ công nghệ, cùng với việc gia tăng năng suất ngày càng trở nên quan trọng hơn.
 - Dự trữ của Singapore luôn gia tăng đều đặn từ mức thấp đến mức cực cao, đã cho thấy vai trò đóng góp của các yếu tố về nhân khẩu, về mức tăng trưởng thu nhập cao và các chính sách điều hành kinh tế của nhà nước. Mức thâm hụt ngân sách tài khoản vãng lai nước ngoài đến thời điểm năm 1985 đã chứng tỏ một chiến lược tăng trưởng kinh tế đúng đắn và hiệu quả. Nguồn ngân sách dưới hình thức đầu tư trực tiếp từ nước ngoài dành cho tăng trưởng xuất khẩu luôn giữ ở mức ổn định, và Singapore không hề vay mượn từ bên ngoài cho các mục đích tiêu dùng.
 - Sau năm 1985, mức dự trữ cao cho phép Singapore tích lũy đáng kể khoản tiền thực gửi nước ngoài. Điều này góp phần mang lại một nguồn thu nhập bổ sung hết sức phong phú trong những năm sắp tới.
-

[4] Ngoại trừ những thông tin trích dẫn khác, thì trong chương này, nguồn dữ liệu về dân số Singapore, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và các số liệu liên quan, nhân lực lao động, tình trạng thất nghiệp đều được trích dẫn từ trang web Cục thống kê Singapore, <http://www.singstat.gov.sg>.

[5] Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Thống kê tài chính quốc tế, số liệu tính toán trích từ các trang vùng của nước Mỹ

[6] Các tỷ giá hối đoái trên thị trường có thể bị sai lệch khi được dùng để so sánh mức thu nhập giữa các nước với nhau vì thường không phản ánh được mức sống ở các quốc gia nghèo khó hơn. Nguyên do là giá sinh hoạt ở các nước nghèo thường thấp hơn nhiều so với các nước giàu có, ví dụ hãy so sánh giá hớt tóc ở thủ đô New Delhi của Ấn Độ và thủ đô New York của Mỹ khi dựa vào tỷ giá hối đoái thị trường. Sự chênh lệch khác biệt này có thể được điều chỉnh khi sử dụng một tỷ giá hối đoái thiết lập ảo nhằm phản ánh đúng hơn sức mua tại chỗ của các đơn vị tiền tệ quốc gia khác nhau

[7] Ngân hàng Thế giới, (2005a), Những chỉ báo phát triển thế giới, bảng biểu 1.1. Tuy nhiên, cần phải thận trọng với cách tính đồng đô la ngang giá về sức mua này. Số liệu của Ngân hàng Thế giới năm 1999 đã xếp hạng Singapore là quốc gia giàu có thứ ba trên thế giới, chỉ đứng sau hai nước là Thụy Sĩ và Hoa Kỳ. Thu nhập bình quân tính trên đầu người ở Singapore trong năm này đã vượt quá 27.000 đô la PPP. Chỉ số 24.180 đô la PPP rớt xuống vào năm 2003 đã đẩy Singapore xuống vị trí thứ 30. Sự rớt hạng đã diễn ra mặc dù tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội tính trên bình quân đầu người ở Singapore đã thực tăng ở mức 8% trong suốt bốn năm sau đó với những biến động không đáng kể trong lạm phát giá tiêu dùng và tỷ giá hối đoái thị trường dựa trên đồng đô la Mỹ

[8] Ngân hàng Thế giới (2005a)

[9] Thủ tướng Lý Hiên Long, trong Báo cáo ngân sách 2006 của ông, tháng 3 năm 2006

[\[10\]](#) Mukhopadhaya và Rao (2002), trang 101

[\[11\]](#) Peebles và Wilson (2002) trang 263

[\[12\]](#) Ngân hàng Thế giới, Những chỉ báo phát triển thế giới, bảng biểu 2.19

[13] Ngân hàng Thế giới (2005), Những chỉ báo phát triển thế giới, bảng biểu 3.6

[\[14\]](#) Lý Quang Diệu (2000), chương 13

[15] Weil (2005), trang 504. Lưu ý rằng khái niệm tổng yếu tố năng suất (TFP) muốn nói đến một sự phân tích được tập trung rõ ràng vào ít nhất 2 yếu tố sản xuất. Nó khác với khái niệm năng suất thông thường vẫn được sử dụng, khái niệm này được định nghĩa như là sản lượng đầu ra tính trên mỗi giờ làm việc – chỉ là một yếu tố sản xuất mà thôi – và do đó nó thể hiện phần đóng góp của việc hình thành vốn vật chất tăng thêm khi năng suất cao hơn. Tương tự như vậy, tổng yếu tố năng suất (TFP) cũng khác với sự phân tích ICOR (hệ số giá trị sản phẩm gia tăng), ICOR được tính toán bằng cách chia tỷ lệ giữa đầu tư và Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cho tỷ lệ tăng trưởng GDP. Hệ số giá trị sản phẩm gia tăng (ICOR) thấp có nghĩa là năng suất vốn tăng, do đó nó thể hiện ảnh hưởng của việc gia tăng lượng lao động, đây là điều mà tổng yếu tố năng suất (TFP) không thể hiện

[16] Weil (2005), trang 283, thuật ngữ 'đặc quyền kinh tế cho thuê' (Economic rent) nghĩa là tiền trả cho một yếu tố sản xuất nào đó vượt quá mức cầu để có thể nhận được sự cung cấp yếu tố sản xuất nêu trên. Việc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể dẫn đến việc 'thuê' (nói nôm na là 'chạy chọt') này. Thí dụ: dầu sản xuất ở mức dưới \$10 một thùng và được bán ra ở mức \$60. Tìm kiếm 'thuê kinh tế' (hay có thể nói là những hoạt động lợi dụng thế mạnh tìm cách kiếm lợi tức quá mức thị trường) sẽ gia tăng khi chính sách của nhà nước tạo ra một sự khan hiếm giả tạo, thí dụ như việc cấp giấy phép hoặc bảo hộ độc quyền

[17] Biểu đồ này dựa trên tài liệu Eggetsson (2004), trang 7-8. Những giá trị mẫu của các nước châu Á tiêu biểu gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan và Thái Lan. Các quốc gia đã công nghiệp hóa bao gồm: Úc, Áo, Bỉ, Canada, Đan Mạch, Iceland, Ý, Nhật, Hà Lan, New Zealand, Na Uy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Anh và Hoa Kỳ

[18] Các nhà kinh tế phân biệt giữa 'stock' xác định vào một thời điểm, và 'flow' thí dụ như đầu tư, xảy ra và kéo dài trong một giai đoạn. 'Stock' có nguồn gốc từ 'livestock' kết hợp với 'capital'— từ 'capital' này có nguồn gốc từ tiếng Latin 'caput' giống như 'đầu' của gia súc, một hình thức xưa nhất của tài sản và yếu tố sản xuất

[19] Singapore đạt điểm số cao nhất trong 46 quốc gia tham dự kỳ thi toán và khoa học dành cho học sinh lớp 8. Xem <http://nces.ed.gov/pubs2005/timss03>

[20] Tỷ suất lợi nhuận biên giảm dần và khấu hao (Diminishing Returns and Depreciation) là hai khái niệm chính của mô hình phát triển 'tân cổ điển' do Robert Solow đưa ra vào năm 1952, đoạt giải Nobel Kinh Tế năm 1987

[21] Nhiều số liệu không mấy lạc quan về sự tăng trưởng tổng yếu tố năng suất (TFP) đã được các nhà kinh tế ở Singapore tính toán và đưa ra, trong số đó có ông Tsao Yuan (1986), đã sử dụng các số liệu được công bố chính thức. Xem Peebles và Wilson (1996), trang 200-9

[22] Sự tranh luận đến từ một loạt các vấn đề thuộc về phương pháp luận: (i) đặc tính của chức năng sản xuất, không nhất thiết là phải duy trì mãi một mức sản lượng theo quy mô. (ii) khó khăn trong việc ước tính độ co giãn đầu ra của vốn từ các yếu tố sản xuất do có những hạn chế trong việc cung cấp dữ liệu về các yếu tố này và trong môi trường có sự cạnh tranh không hoàn hảo; và (iii) những sự cố trong việc đo lường mức tăng trưởng vốn dựa trên những dữ liệu đầu tư thuần tích lũy liên quan đến những thời kỳ và chất lượng khác nhau (xem Eggertsson (2004), trang 6; Ngân hàng Thế giới (2005b), trang 47; và Peebles và Wilson (2002), trang 58-66). Nếu độ co giãn đầu ra của vốn cao không bình thường ở Singapore – đạt mức 0,5 như Young và Krugman nêu ra – so sánh với 0,35 trong một nền kinh tế tiêu biểu khác, dưới những giả thuyết đơn giản của phương pháp này thì hầu hết tăng trưởng của Singapore phải được quy cho sự tăng vốn vật chất. Hàm ý rằng, những đóng góp trong việc tăng năng suất, được xem như yếu tố còn lại, là không đáng kể. Những tranh luận vẫn tiếp tục là do sự diễn giải lại những số liệu thống kê đối với Singapore, một đất nước đã chứng minh hay hơn những giả thuyết thông thường về một mức co giãn vào khoảng 0,35 như trong những tính toán làm nền tảng cho những số liệu của biểu đồ 1.3 (xem Wu và Thia (2002) và Hsieh (2002))

[23] Nguồn vốn dự trữ liên quan đến Tổng thu nhập quốc dân (GNI) đã giảm 9% vào năm 2003 và giảm thêm 6% vào năm 2004, nhiều một cách bất thường so với nền kinh tế các quốc gia khác. Điều này có thể liên quan tới sự kiện là mức xuất khẩu hàng hóa 'nội địa', không tính việc tái xuất khẩu quá cao, lên đến 105% Tổng sản phẩm quốc nội trong năm 2005. Việc tái xuất khẩu hàng hóa, được nhập khẩu vào Singapore nhưng bỏ qua qui trình 'xử lý, chế biến' trong nước (cho dù hoàn toàn có khả năng thực hiện các công đoạn như phân chia mặt hàng theo từng lô, xếp loại, hoặc phân hạng), lên đến 92% Tổng sản phẩm quốc nội, mang lại tổng giá trị xuất khẩu đạt mức 197% Tổng sản phẩm quốc nội trong năm 2005

[\[24\]](#) Theo Peebles và Wilson (2002), trang 188

[25] Bộ trưởng tài chính, ông Richard Hu (1999) đã thừa nhận thực trạng diễn biến này trước Quốc Hội. Xem thêm Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Thống kê Tài chính Quốc tế, tháng 11 năm 2005, trang 864. Theo báo cáo vào cuối năm 2004, tổng giá trị thực vào 2 năm vừa qua đã giữ nguyên không đổi dựa trên giá trị đồng đô la Mỹ, cho dù mức thặng dư tài khoản vãng lai lớn, cùng với tác động tăng giá của các đơn vị tiền tệ mạnh khác so với đồng đô la Mỹ, và chiều hướng ngày càng gia tăng của thị trường vốn quốc tế

[26] Khoản thâm hụt ngân sách tài khoản vãng lai nước ngoài ở mức 4-6% Tổng sản phẩm quốc nội có thể chấp nhận được trong những điều kiện cho phép một mức tăng trưởng hợp lý và còn tùy thuộc vào hình thức và cách sử dụng nguồn vốn ngân sách thu vào. Hàn Quốc là một ví dụ tiêu biểu với khoản nợ vay nước ngoài vượt quá mức cho phép, với thực vốn thu vào đạt mức trung bình 9% Tổng sản phẩm quốc nội trong suốt giai đoạn 1953-1980

[\[27\]](#) Bercuson (1995), chương 7

[28] Ủy ban Giám sát Tiền tệ Singapore (2004), trang 8

[29] Quỹ Tiền tệ Quốc tế (2005), trang 13 và Ủy ban Giám sát Tiền tệ Singapore (MAS) (2004), trang 8. Phân tích thống kê này dựa trên một phần tính toán nội bộ của các nhà kinh tế học thuộc Ủy ban Giám sát Tiền tệ Singapore. Bảng phân tích thống kê cũng đã xác định rõ khu vực kinh tế sở hữu nhà nước là bao gồm các công ty độc quyền nhà nước và một bộ phận các công ty không tư hữu hóa liên doanh với nhà nước. Cổ phần thuộc sở hữu tư nhân trong các công ty liên doanh với nhà nước được phân loại là thuộc khu vực kinh tế tư nhân. Khởi đầu vào cuối thập niên 1980, tình trạng tỷ lệ dự trữ đạt ở mức thấp hơn đã xảy ra ở cấp khu vực nhà nước và đã được bổ sung thêm nhờ vào khu vực tư nhân vì các công ty độc quyền nhà nước và các công ty liên doanh với nhà nước đã tư hữu hóa một phần hoặc toàn phần, và thành phần của cả hai khu vực này đã có những thay đổi

[30] Yếu tố văn hóa của đất nước đôi khi còn được đề cập đến như là yếu tố thứ tư. Theo như các thông tin ghi nhận được thì tại Singapore, các doanh nghiệp theo kiểu gia đình được tổ chức rất chặt chẽ và thường có khuynh hướng dựa vào thu nhập dành dụm được để đầu tư kinh doanh thay vì phải vay mượn ngân hàng. Một cách giải thích khác lại đề cập đến giá trị của các nguyên tắc đạo đức xã hội đã tiềm ẩn lâu đời từ bao lớp thế hệ đi trước. Landes (1999), trang 383, đã viện dẫn một mối liên hệ giữa mức dự trữ cao có tính hệ thống ở Nhật Bản với các giá trị đạo đức tiềm tàng nơi tầng lớp nông dân lao động thời xa xưa, 'người ta sống để làm việc, và công việc lao động mang đến cho người ta tài sản sở hữu, và đó chính là lý do tồn tại của bản thân.'

Chương hai: Hoàn cảnh tự nhiên ban đầu của Singapore

Mỗi quốc gia, ở bất kỳ thời điểm nào, cũng đều phải đối mặt với thực tế hiện hữu của các yếu tố địa lý, lịch sử, xã hội và chính trị. Chính sách phát triển của mỗi quốc gia, do vậy, đều phải xuất phát từ những thực trạng ban đầu này. Có phải những yếu tố hoàn cảnh mà Singapore xác định vào năm 1965 đã góp phần thuận lợi cho sự phát triển kinh tế mạnh mẽ sau này? Hay những yếu tố hoàn cảnh này lại chính là những trở ngại?

NỀN TẢNG KHỞI ĐẦU

Vị trí địa lý, được xem như yếu tố quyết định đến sự phát triển đất nước, có một lịch sử lâu dài và gây nhiều tranh cãi. Sức nóng và độ ẩm của vùng đất thuộc khí hậu nhiệt đới bước đầu được xem như là một vấn đề thách thức đối với lực lượng lao động chân tay và trí óc. Triết gia người Pháp Montesquieu vào năm 1748 đã nhận xét rằng "con người sẽ trở nên kém mạnh mẽ hơn trong những vùng khí hậu nóng nực[31]. Tuy vậy, sau Thế chiến thứ hai, có lẽ người ta không ngạc nhiên lắm khi tầng lớp trí thức ở các vùng thuộc địa trước đây nay vừa mới giành được độc lập đã lên tiếng phản bác chiều hướng nhận định này. Theo họ, chính những học thuyết mang tính tiền định và bi quan về mặt địa lý này và do sự kém phát triển của người dân bản xứ đã làm nảy sinh những lập luận hợp lý trong các chính sách cai trị thuộc địa của tầng lớp có thế lực thống trị trước đây.

Theo lập luận hiện nay thì yếu tố địa lý đóng một số vai trò đáng kể trong việc phát triển kinh tế.[32] Trong trường hợp đất nước Singapore, mọi yếu tố về mặt địa lý bao gồm vị trí vùng nhiệt đới, địa thế vùng ven biển và tình trạng khan hiếm nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ được đưa ra xem xét.

Những vùng lãnh thổ thuộc khí hậu nhiệt đới thường phải đối mặt với nhiều điều kiện bất lợi. Như David Landes đã từng nhận định, để tồn tại, con người bắt buộc phải làm việc với nhịp độ chậm hơn trong một vùng khí hậu nóng bức và ẩm thấp[33]. Để vận hành hiệu quả, cơ thể con người phải tiêu thụ nhiệt năng sản sinh từ cơ bắp, do đó họ bắt buộc phải ngưng làm việc khi mồ hôi không thể

tiết ra được nữa. Trong khi nhiều loại cây trồng vùng ôn đới như dầu cọ đang bước vào mùa bội thu, thì khí hậu vùng nhiệt đới lại thường tỏ ra khắc nghiệt đối với nền nông nghiệp gieo trồng: những cơn mưa như thác đổ luân phiên xen kẽ với những mùa khô hạn kéo dài đã làm xói mòn đất trồng; không có đặc ân của vùng thời tiết buốt giá với những loài côn trùng tự nhiên vừa gieo mầm bệnh vừa giúp phát triển thực vật; cùng với một vùng khí hậu nóng ẩm luôn tồn tại dai dẳng dẫn đến việc lây lan các bệnh truyền nhiễm gây hại cho mùa màng và sức khỏe con người. Hơn nữa, sự lây lan bệnh tật ở vùng khí hậu nhiệt đới đòi hỏi thời gian chữa trị lâu hơn so với khu vực khí hậu ôn đới. Mặc cho những điều kiện bất lợi như thế, Singapore vẫn ra sức nỗ lực tiêu diệt căn bệnh sốt rét bằng việc tiến hành làm tiêu thoát nước ở các vùng đầm lầy và thực hiện các biện pháp phòng ngừa bệnh tật khác; tuy một số bệnh như sốt đậu mùa vẫn còn tồn tại.

Địa thế vùng ven biển, trái lại, từng được đánh giá là yếu tố thuận lợi cho sự phát triển kinh tế dù không nhiều lắm. Adam Smith đã từng nêu rõ "vận chuyển đường thủy rẻ hơn rất nhiều so với vận chuyển đường bộ, cho nên sẽ không là điều ngạc nhiên khi các đô thị trung tâm và mọi nền văn minh đều nằm ở vùng ven biển hoặc dọc theo những con sông có đường thủy thông thương".[\[34\]](#) Chi phí vận chuyển thấp hơn sẽ góp phần khuyến khích việc giao thương, trao đổi thông tin, việc chuyên môn hóa, và mua bán đủ mọi chủng loại hàng hóa khác nhau, từ đó tạo điều kiện cho thị trường phát triển. Giao thương thông thoáng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao kỹ thuật và các ý tưởng sáng tạo, góp phần hỗ trợ cho các thành phần kinh tế đạt được giá trị trao đổi hàng hóa cao hơn và hoạt động hiệu quả hơn.

Những chứng minh dựa vào thực nghiệm đã cho thấy mối tương quan khá chặt chẽ giữa mức thu nhập của một quốc gia và vị trí lùi sâu vào trong của quốc gia đó so với đường xích đạo (xem Biểu đồ 2.1). Các vùng khí hậu khác nhau là một minh chứng cho thấy sự khác biệt giữa các khoảng cách lùi sâu vào trong so với đường xích đạo, cho dù là một minh chứng sơ nét vì chưa được đưa ra khảo sát về mặt cao độ hay hiện tượng; điển hình như Dòng nước nóng Gulf Stream chảy từ vịnh Mexico qua Đại tây dương đã tạo thuận lợi rất nhiều cho phần lãnh thổ phía tây châu Âu khi đổ về đây.[\[35\]](#)

Một điều tương tự là các vùng ven biển cũng tỏ ra có mối tương quan với mức thu nhập bình quân (xem Biểu đồ 2.2).

![][14]

![][15]

Trong phạm vi các quốc gia rộng lớn như Trung Quốc, các khu vực ven biển của nước này đều phát triển tốt hơn so với các vùng lãnh thổ nằm sâu trong nội địa. Nhưng mối tương quan này tỏ ra không chặt chẽ lắm, đã phần nào cho thấy tầm quan trọng của các tác động biến đổi khác đã bị bỏ sót trong quá trình nghiên cứu. Trong biểu đồ 2.1, đất nước Singapore biểu thị cho một trường hợp ngoại lệ hết sức đặc biệt. Tuy nhiên, thêm một lần nữa, khi đề cập tới những vấn đề phát triển kinh tế, thì việc đưa ra phân tích nguyên nhân – hệ quả phải được thực hiện theo cùng một hướng hết sức rõ ràng.

Việc có sẵn nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ giữ vai trò quan trọng ra sao đối với sự phát triển kinh tế? Theo như kết luận dựa trên những bằng chứng thực nghiệm thì một nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào sẽ góp phần thúc đẩy việc phát triển nền kinh tế, nhưng vấn đề này chưa phải là một điều kiện cần và đủ.[\[36\]](#) Giữa hai yếu tố trên có một mối tương quan mật thiết, nhưng nếu tiến hành phân tích thống kê thì vẫn còn nhiều trường hợp ngoại lệ đã khiến cho điều kiện này không đủ sức thuyết phục: Nhật Bản đạt một mức thu nhập rất cao nhưng lại có rất ít nguồn tài nguyên thiên nhiên, ngược lại điều kiện này lại tỏ ra là đúng đối với trường hợp của Venezuela. Sự dồi dào nguồn đất đai trồng trọt màu mỡ đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia như Úc, Mỹ, Argentina vào thế kỷ thứ 19. Tuy nhiên, ngược lại sự có sẵn nguồn tài nguyên thiên nhiên trên thực tế có thể làm cản trở sự phát triển về mặt kinh tế. Vấn đề được coi là "mối hiểm họa tài nguyên thiên nhiên" này có thể biểu hiện ở nhiều hình thái. Thứ nhất, sự phát hiện dầu mỏ hay việc leo thang tăng giá xuất khẩu dầu mỏ có thể dẫn đến hậu quả nhiều quốc gia muốn ứng trước khoản tiền vay mượn để sử dụng do dựa vào doanh thu của nguồn dầu mỏ khai thác sau này, nhưng sau đó kết cuộc không xảy ra đúng như mong đợi, và điều này đã để lại cho nhiều quốc gia một gánh nặng nợ vay chính thức khó thể xóa hết. Thứ hai, nếu việc xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên mang lại một tỷ giá hối đoái đạt giá trị cao, thì việc đưa ra xuất khẩu một lượng lớn nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể làm kèm hãm sự phát triển nền sản xuất công nghiệp và nguồn lợi nhuận kèm theo.[\[37\]](#) Thứ ba và có lẽ là điều quan trọng hơn hết, về mặt kinh tế, việc vay mượn dựa vào cơ sở có sẵn nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể gây một tác động xấu cho hệ thống chính trị khi nó sẵn sàng mang đến một sự tha hóa về mặt chính trị, dẫn đến những cuộc tranh đấu nhằm nắm quyền kiểm soát chính quyền, có thể

làm chuyển hướng nguồn ngân sách chung thông qua vay mượn từ các ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước để có kinh phí thực hiện việc cấu kết phe đảng; tất cả các điều này đã dẫn đến những hậu quả như một món nợ trễ hạn (ở đất nước Venezuela), một cuộc nội chiến (ở Sudan, Angola), hay nạn ngoại xâm (ở Congo).

Một nghiên cứu mới đây đã góp phần làm tăng thêm giá trị thực tiễn của điều phân tích nêu trên. Rodrik và Subramanian đã chứng minh được rằng hai yếu tố lịch sử và địa lý đã thật sự tác động một cách gián tiếp lên mức thu nhập thông qua hiệu quả hoạt động của cơ cấu tổ chức chính quyền[38]. Hai tác giả đã tiến hành những khảo sát hết sức thận trọng nhằm đi đến xác định rõ nguyên lý vận hành của quan hệ nhân – quả giữa các biến số có xu hướng tác động lẫn nhau. Họ đã nhìn ra được bản chất của sự việc mà Duran Acemoglu từng nhấn mạnh[39]. Ở những vùng lãnh thổ thuộc địa, nơi còn nhiều đất đai với dân cư thưa thớt và ảnh hưởng của khí hậu phần nào hạ thấp tỷ lệ tử vong (tiêu biểu như vùng đông nam nước Mỹ), thì những người châu Âu đến định cư dài lâu ở đây đã mang theo cùng với hành trình của mình những mô hình tổ chức nhà nước theo kiểu châu Âu. Ngược lại, ở những vùng lãnh thổ thuộc địa nơi ảnh hưởng khí hậu có thể gây ra tỷ lệ tử vong cao, nơi mật độ dân cư dày đặc và có sẵn nguồn tài nguyên thiên nhiên để khai thác (như khu vực vùng Caribbean và châu Mỹ La tinh), thì người châu Âu, sẽ tham gia vào việc khai thác nguồn tài nguyên dư thừa ở nơi đây và sẽ tiến hành thay đổi mô hình tổ chức ở những thuộc địa này, sau đó làm băng hoại những bộ máy quản lý chính quyền do chính họ tạo ra để có thể đạt được mục đích khai thác kia. Những bộ máy quản lý do những thế lực cầm quyền thuộc địa thiết lập thường có chiều hướng chuyển sang cai trị thời kỳ hậu thuộc địa sau này, cái mà họ mang đến cho các vùng thuộc địa chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới trước đây chỉ là những bộ máy tổ chức chính quyền vô cùng tệ hại, sẵn sàng quay lại bóp nghẹt sự phát triển về mặt kinh tế ở các nơi này. Theo các tác giả, các quốc gia thuộc vùng khí hậu nhiệt đới sẽ không phải chịu những tác động tiêu cực của khí hậu hay của nguồn tài nguyên mà thiên nhiên ban tặng đối với sự phát triển kinh tế, nếu họ tìm cách cải tiến lại bộ máy tổ chức chính quyền của chính quốc gia mình (xem Biểu đồ 2.3).

Biểu đồ 2.3 Mối tương quan giữa yếu tố địa lý và mức thu nhập.

![][16]

Thông qua hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền thì việc mở mang về mặt kinh tế cũng tạo một ảnh hưởng tích cực. Trường hợp của Singapore đã minh chứng cho kết luận của hai tác giả.

ĐIỀU KIỆN KHỞI ĐẦU TỆ HẠI - ĐIỂM YẾU CỦA SINGAPORE

Tại Singapore, các dữ liệu nghiên cứu đã cho thấy rõ những viễn cảnh phát triển không thuận lợi mà một đất nước non trẻ vừa độc lập đã phải đối mặt. Sự non nớt yếu đuối, cả về mặt đối nội lẫn đối ngoại, là một điểm bất lợi vô cùng. Nền độc lập đất nước bị cuốn vào tình trạng căng thẳng với Malaysia và trong thời kỳ "Konfrontasi" (cuộc chiến tranh giai đoạn xung đột giữa Malaysia và Indonesia) (1963-1966) do Tổng thống Indonesia Sukarno phát động nhằm cổ vũ cho sự thành lập nhà nước Malaysia. Chi phí quốc phòng xem như là điều kiện bắt buộc, cho dù mức thu nhập ngân sách không đáng kể. Singapore phải lệ thuộc các nước bên ngoài về nguồn lương thực, chất đốt và nguồn nước sạch. Sự tác động mạnh về việc tăng giá nhập khẩu hàng hóa được cảm nhận một cách rõ rệt. Đất nước không hề có nguồn nguyên liệu công nghiệp và nông nghiệp. Không có thị trường nội địa rộng lớn. Vào lúc này, hai nước Malaysia và Indonesia đã tìm mọi cách xuất khẩu trực tiếp từ các hải cảng trong nước họ các mặt hàng như dừa khô, thiếc và các nguồn nguyên liệu khác, không qua Singapore – khi mà đất nước này áp dụng chủ nghĩa dân tộc trong các vấn đề kinh tế với mô hình "trục trọng tâm – nan hoa" (hub-and-spoke) – một mô hình thương mại trung chuyển truyền thống.

Nội tình đất nước thì luôn tiềm tàng mối đe dọa của chủ nghĩa đối lập và các liên minh quân đội. Tỷ lệ thất nghiệp ít nhất là 10%, vấn đề thiếu hụt nhà ở diễn ra hết sức nghiêm trọng. Bộ máy chính quyền mới thành lập và thiếu kinh nghiệm phải đối mặt với một trọng trách to lớn trong việc cố gắng tạo dựng một sự nhận thức đúng đắn về thể chế quốc gia đối với dòng người nhập cư đa thành phần. Trình độ dân trí hết sức nghèo nàn. Tình trạng rối loạn về sản xuất công nghiệp tăng cao vào thập niên 1950 trong một bối cảnh hướng về độc lập nhưng lại mang nặng tính tranh chấp quyền lực chính trị. Nghiệp đoàn lao động chỉ gồm những người cộng sản, binh lính và những người đối lập. Họ ra sức ép giới chủ doanh nghiệp mà không hề quan tâm đến khả năng hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Không như Hồng Kông, Singapore không có những nhà tư bản công nghiệp bản xứ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. Bạo động chủng tộc gieo nỗi khiếp sợ cùng khắp đất nước. Mọi triển vọng dường như tỏ ra u ám đối với Singapore sau sự việc tách đất nước này ra khỏi Liên bang Malaysia, dẫn đến

sau đó Bộ trưởng Ngoại giao, ông S. Rajaratnam đã phát biểu rằng cơ hội sống còn của đất nước Singapore về mặt chính trị, kinh tế, quân sự coi như gần bằng con số không.[\[40\]](#)

NHỮNG ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI BAN ĐẦU

Nếu xét trên một bối cảnh dài lâu hơn, thì vị trí chiến lược thuận lợi và hải cảng với mực nước sâu tự nhiên của Singapore đã ban tặng cho đất nước này một hoàn cảnh phát triển mang tính quyết định vào thời điểm năm 1965. Với vị trí địa lý giữa Ấn Độ dương và Thái Bình dương, nằm trên lộ trình thương mại Đông-Tây nổi tiếng thế giới, Singapore đã bước đầu trở thành một trung tâm gia công chế biến các hàng hóa nhập khẩu như cao su, thiếc và dầu cọ từ các quốc gia láng giềng nhằm mục đích tái xuất khẩu sau này. Các chính sách tự do thương mại đã tạo điều kiện thuận lợi cho đất nước trở thành một trung tâm buôn bán trung chuyển với quy mô hoạt động rất sầm uất. Khoảng thập niên 1950, những ngành công nghiệp phụ như đóng tàu, bảo hiểm, ngân hàng và cơ sở giao thông hạ tầng đều rất phát triển. Khởi đầu từ những làng chài xa xôi hẻo lánh được Raffles phát hiện vào năm 1819, mãi đến năm 1960, cho dù vẫn còn ở trong tình trạng rất hoang sơ nhưng đất nước Singapore đã dần dần phát triển mở mang thêm cho tới hôm nay. Truyền thống kinh doanh của Singapore đã góp phần ủng hộ rất nhiều cho triết lý kinh doanh đề cao lợi ích cho cả hai bên mua bán, dễ dàng và thoải mái trong giao lưu văn hóa khi tiếp xúc với mọi người thuộc các sắc tộc khác nhau, nhạy bén và có năng khiếu trong việc khai thác mọi cơ hội nhằm tạo ra lợi nhuận từ giao thương mua bán và từ các mối quan hệ khác với các nước láng giềng. Truyền thống này cũng góp phần nuôi dưỡng khát vọng và tính năng động trong kinh doanh, ở một nơi mà bối cảnh nền sản xuất nông nghiệp vẫn còn ở trong tình trạng hoang sơ, với những chu kỳ mùa màng còn phải lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên và còn tồn tại khuynh hướng phân hóa xã hội cùng sự trì trệ, có lẽ cảnh tượng như thế này ít thấy hiện hữu ở một nơi nào khác.

Cho dù những tuyên bố đòi độc lập ngày càng tăng cao mạnh mẽ vào thập niên 1950, Singapore vẫn thụ hưởng mọi phúc lợi của một nền di sản thuộc địa hùng mạnh Anh Quốc. Đất nước này đã từng là trung tâm hành chính, thương mại và quân sự của vương triều Anh ở vùng Đông Nam Á. Nền di sản thuộc địa này bao gồm các ban ngành dân sự hoạt động đúng chức năng, một cơ cấu chính trị và luật pháp nhằm mục đích hỗ trợ cho các điều luật ban hành, một hệ thống trường học hoàn hảo trong khu vực nơi những người tốt nghiệp sẽ được gửi sang học tiếp tại các trường Đại học Cambridge và Oxford.

Tiếng Anh giữ vai trò độc tôn trong tất cả mọi lĩnh vực. Được truyền bá và trở thành ngôn ngữ giao tiếp phổ biến trong công việc, tiếng Anh đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư vào trong nước và đặt Singapore vào một vị trí thuận lợi đối với vấn đề toàn cầu hóa sau này. Chủ nghĩa thuộc địa ở Singapore không hề kết thúc bằng một cuộc chiến tranh giành độc lập đầy cay đắng và phân chia, cũng như không cho thấy việc khai thác đến kiệt quệ nguồn tài nguyên thiên nhiên có nguy cơ dẫn đến những cơ chế kềm hãm tăng trưởng như ở những quốc gia khác.

Địa vị xã hội ở mức tương đối trong thời gian gần đây của phần lớn người dân nhập cư Singapore vào thời điểm độc lập cũng được xem là một điều kiện thuận lợi. Là một quốc gia trẻ với phần lớn dân nhập cư đều thuộc thế hệ thứ hai hoặc thứ ba, mặc dù người Malaysia có đặc quyền đến định cư sớm một cách hợp pháp nhưng ở Singapore không có hiện tượng chia rẽ cộng đồng bắt nguồn từ những lễ thói bất công xưa cũ. Cứ coi như nguồn nhân lực thiếu chuyên môn đã bị khai thác tận cùng ở Singapore vào thế kỷ thứ 19, nhưng điều này không trở thành một sự thù địch giai cấp kéo dài dai dẳng. Không có đấu tranh giành độc lập như ở Việt Nam, Indonesia hay Algeria. Không có những di chứng khủng hoảng tinh thần đối với quá khứ hay quá trình khủng bố tinh thần diễn ra sau đó. Singapore đã tỏ ra dễ dàng hơn nhiều trong việc tìm ra một quan điểm chung hết sức tiến bộ, so với trường hợp các quốc gia vùng Caribbean, nơi người châu Phi bị đưa đến qua con đường buôn bán nô lệ.

Sự thiếu vắng bề dày kinh nghiệm lịch sử truyền thống ở Singapore cùng với những bất ngờ đầy ấn tượng trong việc giành độc lập có lẽ đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái định hướng quyền lãnh đạo nhà nước độc lập Singapore. Sự tôn trọng quyền lực và tầng lớp phong kiến vương triều ảnh hưởng từ truyền thống Trung Quốc cũng góp phần làm cho nhà cầm quyền định hướng cho một quốc gia vừa mới độc lập đi theo con đường đã chọn. Tương tự như một tiền đồn mở rộng thuộc Trung Quốc, đối với Singapore, một đất nước đã từng biết rõ tầm quan trọng của sự thỏa hiệp giữa các sắc tộc và các chủng tộc, thì việc chấp nhận các ảnh hưởng thuận lợi khi mở cửa đón mời các tập đoàn đa quốc gia và nguồn nhân lực nước ngoài có lẽ là một điều dễ dàng hơn bất cứ một trường hợp nào khác.

Mọi quan điểm có vẻ trở nên dễ thay đổi hơn và việc sẵn sàng thay đổi cơ cấu quản lý nhà nước sẽ tỏ ra mạnh mẽ hơn trong những xã hội có nhiều ổn định. Dân nhập cư, những người đã ra đi rời bỏ quê nhà, đang rất sẵn lòng muốn từ bỏ

những lễ thói xưa cũ, họ thường ít có xu hướng bài ngoại hay vọng ngoại, và luôn tỏ ra nhanh nhạy và nhiệt tình hơn trong việc đón bắt các thời cơ kinh doanh nhằm vượt lên mọi sự nghèo khổ nghiệt ngã ngày xưa.

NHỮNG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG BAN ĐẦU

Có nhiều yếu tố mang tầm ảnh hưởng vừa thuận lợi vừa bất lợi, dẫn đến việc khó nhận định kết quả tác động thực trong việc cân bằng các yếu tố này.

Thu nhập bình quân tính trên đầu người đạt mức cao vào lúc khởi đầu

Singapore đã có thuận lợi bước đầu. Thu nhập bình quân tính trên đầu người của quốc gia này vào năm 1965 gấp 2,5 lần so với Malaysia – mức cao nhất đứng thứ hai trong khu vực hiện nay – và gần 10 lần mức hiện hành ở Indonesia và Ấn Độ, dựa trên tỷ giá hối đoái thị trường^[41]. Điều này cho thấy vị thế của một quốc gia với một thương cảng xuất nhập hàng hoạt động quy mô và vai trò của một trung tâm hành chính quân sự. Tuy nhiên, mức thu nhập cao, do những điều kiện thuận lợi ban đầu về cơ cấu quản lý góp phần đưa tới, tự bản thân nó không hề là một yếu tố tỏ ra thuận lợi đối với tỷ lệ tăng trưởng sau này. Cứ sau một thời kỳ, khi mức thu nhập ban đầu càng cao bao nhiêu, thì sau này việc duy trì tỷ lệ tăng trưởng đó lại càng khó khăn bấy nhiêu. Những trường hợp khác cũng tương tự như vậy. Đối với các nền kinh tế đã phát triển, họ sẽ không có được những cơ hội tăng trưởng dễ dàng nhờ vào việc mô phỏng các ứng dụng công nghệ mới nhất và vào các phương thức tổ chức sản xuất mang lại nhiều hiệu quả. Thêm nữa, khi mức dự trữ vốn tăng, thì giá trị hiệu năng của một đơn vị đồng vốn bổ sung sẽ giảm bớt đi, và một tỷ lệ cao hơn của tổng dự trữ ngân sách buộc phải sử dụng vào để thay thế cho đồng vốn hiện hành đang giảm đi giá trị, và do đó không thể đóng góp vào sản lượng chung nữa. Điều này đã góp phần giải thích vì sao tỷ lệ tăng trưởng kinh tế tiềm năng của Singapore vào thời điểm hiện nay, khi dự phóng về tương lai từ 10 đến 15 năm tới, được hoạch định ở mức thấp hơn rất nhiều so với các quốc gia khác như Ấn Độ hay Việt Nam. Đồng thời, không thể phủ nhận mức thu nhập của Singapore vào năm 1965 là một tác nhân tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và dự trữ nhiều hơn mức có thể trong những nền kinh tế luôn phải đấu tranh để có thể tồn tại.

Diện tích nhỏ hẹp

Diện tích đất đai nhỏ hẹp của Singapore vừa có yếu tố thuận lợi lẫn bất lợi. Về mặt thuận lợi, kích thước nhỏ như đô thị của quốc gia này cho phép hạ thấp đơn giá chi phí trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và những ngành phục vụ công cộng. Mật độ dân số tập trung đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc phân bổ dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng và các tiện ích phúc lợi xã hội khác, đồng thời dễ dàng hơn trong việc đạt được tính nhất quán và tính hiệu quả cao trong quản lý so với một quốc gia lớn với các vùng đất đai phân chia rộng khắp. Các tiện ích về mặt đô thị làm cho việc thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài hay việc kêu gọi nhân lực lao động nước ngoài có nhu cầu đóng góp đầu tư được thuận lợi hơn. Những khu vực mật độ dân cư dày đặc thường tạo điều kiện dễ dàng hơn trong quan hệ giao dịch và trao đổi các vấn đề chuyên môn. Ở Singapore, người lao động cần kiếm không nhất thiết phải chuyển nhà đến một nơi nào khác trong phạm vi đất nước khi mạng lưới giao thông công cộng dày đặc cho phép họ nhận công việc làm ở bất cứ nơi nào mà không cần thiết phải dời nhà đi. Ngoài ra, một khi các tập đoàn đa quốc gia đến đây, tình trạng thất nghiệp sẽ nhanh chóng giảm thiểu do quy mô hoạt động của các tập đoàn này cho phép thu hút tỷ lệ 10% nguồn lực lao động vào năm 1973, con số vẫn còn là ít trong điều kiện tuyệt đối như thế nếu so sánh với các quốc gia rộng lớn hơn. Thêm nữa, các quốc gia có diện tích nhỏ thường có khuynh hướng tập trung vào khai thác lĩnh vực dịch vụ khi việc khan hiếm nguồn đất đai xem ra là điều bất lợi cho việc theo đuổi các mục tiêu kinh tế nông nghiệp.

Về mặt bất lợi, diện tích đất nước nhỏ hẹp cũng bao hàm ý nghĩa diện tích đất đai khan hiếm, làm cho việc xây dựng nhà ở bước đầu đều vượt ngoài khả năng của hầu hết dân chúng. Hơn nữa, hiện vẫn còn đang có nhiều ý kiến cho rằng dân số Singapore hiện nay đang ở dưới mức tối ưu cho phép.

Một số nhận xét cho rằng con số các nhà khoa học của Singapore hoạt động trong lĩnh vực chuyên sâu không nhiều lắm để có thể cùng góp sức tạo nên những tổ chức mà ảnh hưởng của nó vô cùng lớn, như kiểu thung lũng Silicon vậy. Vấn đề nhân lực hạn chế đặt ra những yêu cầu đòi hỏi đất nước phải có chính sách phân bổ người có năng lực hay có bằng cấp chuyên môn rộng khắp hơn cho các vùng lãnh thổ. Thêm một yếu tố nữa, diện tích nhỏ hẹp của thị trường tiêu thụ, theo lập luận truyền thống, sẽ dẫn đến những mặt hạn chế trong việc thay đổi chính sách nhập khẩu. Đi liền theo vấn đề này là việc thiếu hụt nguồn tài nguyên thiên nhiên đối với một diện tích đất đai nhỏ hẹp như vậy. Điều khá quan trọng, những quốc gia nhỏ bé thường có khuynh hướng tỏ ra yếu thế về mặt kinh tế đối với sự phát triển mang tính toàn cầu và thường dễ bị tác

động từ những khủng hoảng kinh tế từ phía bên ngoài.

Thật ra vấn đề diện tích dường như cho thấy không đóng một vai trò nào dù bằng cách này hay cách khác. Những mặt hạn chế của một thị trường tiêu thụ nhỏ vẫn có thể được khắc phục bằng việc mở rộng thương mại. Nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể được chuyển đến từ các quốc gia láng giềng, do đó vấn đề diện tích nhỏ hẹp đã chứng tỏ không hề là yếu tố bất lợi đối với Singapore. Nhưng yếu tố vùng lãnh thổ nhỏ hẹp không phải là một điều kiện cần và đủ cho sự phát triển tăng tốc. Đỉnh cao đột phá của Trung Quốc kể từ thời điểm năm 1978 đã chứng tỏ là vẫn có khả năng thực hiện, dù chẳng dễ dàng chút nào, việc phát triển tăng tốc đối với một quốc gia có diện tích đất đai quá rộng lớn. Tương tự như vậy, các quốc gia nhỏ bé khác đang trên đà phát triển cũng khó có thể đạt được thành quả tương đồng với các thành tích tăng trưởng của Singapore.

Quyền lực quốc gia

Việc trở thành một quốc gia độc lập và có chủ quyền phải chăng là một điều kiện thuận lợi tự nhiên? Là một quốc gia độc lập có chủ quyền, Singapore có thể thiết lập các chính sách riêng của đất nước theo một đường lối linh hoạt nhằm thích ứng với yêu cầu của từng hoàn cảnh. Trong một chừng mực nào đó thì những chính sách này được vạch ra để thúc đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế. Do đó, khả năng thiết kế được một viễn cảnh kinh tế chính trị riêng của đất nước hướng về tương lai, cũng chính là một điều kiện hết sức thuận lợi. Là một quốc gia có chủ quyền, Singapore có khả năng đối phó nhanh chóng với những thách thức mới và luôn tô luyện ý chí. Các chính sách được luật pháp hậu thuẫn. Không giống các đô thị khác, chính quyền thủ đô Singapore nắm quyền kiểm soát vấn đề nhập cư từ các vùng nội địa thuộc khu vực, kể cả về mặt tình trạng chất lượng và số lượng của người lao động, đồng thời cũng kiểm soát vấn đề phúc lợi xã hội của những lao động tạm thời.

Singapore cũng thực hiện việc chuyển nguồn thu nhập đến những khu vực phụ cận nghèo khó hơn dưới hình thức chuyển tiền của người lao động, không bằng hình thức thông qua ngân sách nhà nước như chính phủ vẫn thường phải sử dụng đối với những vùng chưa phát triển trong nước. Chính vì lý do này, có nhiều quan điểm cho rằng nền độc lập đối với Singapore chỉ là một niềm ân sủng khéo được che đậy. Trong chừng mực nào đó thì Singapore đã thụ hưởng rất nhiều

thuận lợi từ việc tách ra khỏi Malaysia, trong đó phải kể đến việc chuyển thu nhập ra ngoài ở mức thấp hơn trước đây đồng thời lại tiếp nhận dòng chảy nhân tài và nguồn vốn từ Malaysia đổ vào. Nhưng thành tích tăng trưởng của Malaysia dường như cũng không vì thế mà chịu nhiều hậu quả, dù có sự hao hụt đáng kể trong việc chuyển nguồn thu nhập (Một nhận định khách quan bên lề nội dung sách đã từng nêu ra vấn đề liệu thành tích tăng trưởng kinh tế của Malaysia sẽ trở nên mạnh hơn hay yếu đi nếu xảy ra sự kiện đất nước Singapore vẫn còn ở lại trong nền chính thể Liên bang).

Kiến tạo được vị thế của một đất nước có quyền lực dù vậy không hề là một thang thàn được đối với các quốc gia nhỏ bé. Phải nỗ lực rất nhiều cho điều kiện đạt được này. Nước Bỉ thường được liệt kê là một đất nước có mức thu nhập bình quân đầu người cao nhất thế giới. Điều này góp phần tạo nên vị thế cho quốc gia này, một phần nhờ vào sự chuyên biệt của thị trường tài chính dựa trên những điều kiện thuận lợi về thuế và mức thuế điều chỉnh, và cũng còn nhờ vào chỗ đứng của quốc gia này trong cơ cấu điều hành khối châu Âu. Nhưng cũng có nhiều đảo quốc nhỏ bé có chủ quyền độc lập lại không phát triển thành công. Các đảo quốc Dominica và Saint Lucia thuộc vùng Caribbean với diện tích đất đai tương tự như Singapore nhưng tăng trưởng kinh tế và mức thu nhập lại thấp hơn Singapore rất nhiều; lại thêm một lần nữa cho thấy ngoài vấn đề diện tích đất đai thì những yếu tố thuận lợi cũng đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với đất nước Singapore.

Kết luận

Hoàn cảnh khởi đầu của Singapore đều bao gồm cả hai yếu tố thuận lợi và bất lợi. Với những thành quả gặt hái được ở tương lai sau này và nhìn lại những thành công đây ấn tượng đã được thực hiện trong bốn thập niên vừa qua, có thể rút ra kết luận rằng có một yếu tố cân bằng hết sức thuận lợi giữa các hoàn cảnh tự nhiên thiên phú ban đầu. Nhưng đối với đất nước này thì một vị trí địa lý thuận lợi, một di sản lịch sử ôn hòa và là điểm đến của người nhập cư trong thời gian gần đây, tất cả chưa phải là những điều kiện bảo đảm cho các mục tiêu phát triển kinh tế sau này.

Điều rõ ràng nhận thấy là Singapore đã biết nắm bắt mọi vận hội để trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, biết khai thác đến cùng những cơ hội trời cho vào thời điểm khởi đầu đầy thuận lợi, đồng thời cũng ra sức lao động miệt

mài và sáng tạo để có khả năng vượt qua được những khó khăn nội tại và ngoại tại.

Dựa vào thế mạnh của những yếu tố thuận lợi, Singapore đã tìm cách chế ngự những điểm bất lợi về mặt lịch sử và địa lý bằng việc mau chóng định hướng tăng trưởng kinh tế ưu tiên cho xuất khẩu thông qua hình thức đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Đất nước này đã thiết lập các chính sách kinh tế mang lại hiệu quả, nạn thất nghiệp, thiếu hụt nhà ở, tình trạng dân trí kém trong tầng lớp nhân dân lao động, tất cả các vấn đề này đều được giải quyết thành công.

Các giai đoạn suy thoái là tác nhân thúc đẩy Singapore phải xác định những đường hướng chiến lược mới, tiêu biểu như trường hợp sau tuyên bố rút lui của quân đội Anh vào thời điểm năm 1967. Nhiều cơ hội không phải tự nhiên đến, mà là chờ sẵn để được mở ra. Đầu thập niên 1990, thủ đô Singapore được xếp hạng thứ tư trên thế giới, sau New York, London và Tokyo về mật độ lưu lượng trao đổi ngoại tệ hàng ngày. Những hoàn cảnh khởi đầu của Singapore vào năm 1965 chính là một phương tiện góp phần đưa tới những sự kiện như thế. Đất nước đã có sẵn hệ thống ngân hàng thương mại, một quá trình giao thương trong khu vực và một cơ cấu quản lý về mặt luật pháp làm hậu thuẫn cho thị trường, cùng sự thuận lợi về mặt địa hình khi nằm trong đới địa lý có chu kỳ ổn định. Chính quyền đã phát hiện một cơ hội cung cấp các dịch vụ tài chính quốc tế vào điểm giao thời khi thị trường San Francisco kết thúc giao dịch vào buổi chiều và thị trường Zurich mở cửa giao dịch vào sáng hôm sau, mang lại lần đầu tiên khả năng giao dịch thương mại toàn cầu chỉ trong vòng hai giờ đồng hồ. Vào năm 1968, chính phủ Singapore đã đặt vấn đề mời Ngân hàng Quốc gia Mỹ đặt định một đơn vị tiền tệ riêng của khu vực Đông Nam Á nhằm giao dịch chính thức với đồng đô la Mỹ và các đơn vị ngoại tệ mạnh khác. Theo sau đó, nhà nước cũng cam kết đưa vào thực hiện mọi chính sách bổ sung nhằm thúc đẩy hơn nữa quá trình phát triển của hoạt động giao dịch này, có thể kể đến: một đơn vị tiền tệ có giá trị ổn định bảo đảm độ tin cậy, sự gầy dựng tiếng tăm của một trung tâm tài chính đầy uy tín với những hoạt động thường trực nhằm giám sát và điều chỉnh hoạt động giao dịch ngân hàng, cùng sự hậu thuẫn hỗ trợ của các điều luật ban hành trong trường hợp xảy ra tranh chấp thương mại.

Singapore đã có những mặt thuận lợi và bất lợi đáng kể. Nhưng đất nước đã giải quyết được cả hai vấn đề này. Cho dù máy điều hòa không khí đã được sáng chế từ năm 1902, nhưng phải đến bảy thập niên sau đó, cũng chính nhờ vào sự tăng trưởng kinh tế mà chiếc máy này mới trở nên thông dụng ở Singapore. Việc khắc

phục sức nóng và độ ẩm làm cho khí hậu đảo quốc này luôn dễ chịu quanh năm, góp phần nâng cao hiệu năng lao động trong các xưởng máy và văn phòng làm việc.

Mức dự trữ cao cho phép việc đầu tư, kể cả việc nới rộng diện tích quần đảo: việc khai phá đất đai đã làm tăng thêm 20% diện tích đất cho Singapore trong giai đoạn 1960-2005, tạo thêm mặt bằng lý tưởng dành cho các hoạt động sản xuất công nghiệp, các dịch vụ vận chuyển hàng không và đường bộ, dành cho xây dựng nhà ở và các công trình hoạt động ngoài trời[42]. Sự giàu có sung túc cũng tạo điều kiện hỗ trợ cho các phương tiện diệt trừ căn bệnh sốt rét, nhờ đó sức khỏe cộng đồng được cải thiện đáng kể. Cũng nhờ vào các sách lược đúng đắn mà Singapore đã biến diện tích nhỏ hẹp của đất nước trở thành yếu tố thuận lợi. Lãnh thổ nhỏ hẹp tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân bổ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng, khi đem điều này so sánh với các quốc gia rộng lớn với những khu vực đất đai dân cư thưa thớt, nhưng chính sách sáng suốt chính là điều kiện tiên quyết giúp Singapore đứng vào vị trí số một với thành tích có tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 và 5 tuổi ở mức thấp nhất thế giới[43]. Vẫn còn tồn tại các mối quan hệ lao động với nhiều bất lợi ban đầu cùng với tình trạng khá bất ổn trong các ngành sản xuất công nghiệp. Như ông Lý Quang Diệu đã từng phát biểu:

"Mãi cho đến năm 1962, ở Singapore vẫn không ngừng diễn ra những cuộc đình công". Vào năm 1969, tình trạng trên đã chấm dứt. Trong vòng bảy năm, các mối quan hệ trong nền kinh tế công nghiệp đã có những bước chuyển hóa sâu sắc[44]. Các chính sách sáng suốt và một cơ cấu quản lý hiệu quả đã góp phần chế ngự được một số yếu tố bất lợi, dẫn đến một quá trình hoàn thiện, vấn đề này sẽ được đề cập ở hai chương tiếp theo.

[\[31\]](#) Montesquieu (1758), cuốn thứ 14, chương 2

[32] Sachs (2005) đã nhấn mạnh đến vai trò của yếu tố địa lý đối với những thảm họa của các quốc gia châu Phi như nạn hạn hán và sốt rét, sự thiếu kém cơ sở hạ tầng và căn bệnh HIV/AIDS

[\[33\]](#) Landes (1999), trang 7

[\[34\]](#) Smith (1776), cuốn 1, chương 3

[\[35\]](#) Weil (2005), các trang 432 và 434

[36] Mệnh đề này được trích dựa theo Weil (2005), các trang 452-455.

[37] Tình trạng này còn được gọi là 'căn bệnh nấm lây lan' khi đề cập đến tình hình khó khăn trong lĩnh vực sản xuất ở Hà Lan vào thập niên 1960 khi việc khai thác và xuất khẩu một lượng lớn nguồn khí đốt tự nhiên đã gây nên tác động làm tăng giá đồng Guilder Hà Lan

[38] Tình trạng này còn được gọi là 'căn bệnh nấm lây lan' khi đề cập đến tình hình khó khăn trong lĩnh vực sản xuất ở Hà Lan vào thập niên 1960 khi việc khai thác và xuất khẩu một lượng lớn nguồn khí đốt tự nhiên đã gây nên tác động làm tăng giá đồng Guilder Hà Lan

[\[39\]](#) Acemoglu và những vấn đề khác. (2004)

[40] Đầu năm 2006, đất nước Singapore đã nói lời chào từ biệt với nhân vật được cho là thành viên trụ cột khai sáng nền độc lập quốc gia trong một tang lễ trang trọng và cảm động theo nghi thức nhà nước. Ông được công nhận là người có công đặt nền móng cho sự hình thành chủ nghĩa đa văn hóa ở Singapore

[41] Thu nhập bình quân đầu người ở Singapore năm 1965 là 1.567 đô la Singapore, tương đương với 512 đô la Mỹ theo tỷ giá hối đoái thời điểm đó. Nếu tính theo đồng đô la PPP theo giá thị trường vào năm 2000, thì thu nhập bình quân đầu người ở Singapore vào năm 1965 là 2.750 đô la PPP. Lưu ý rằng tỷ giá hối đoái đồng đô la PPP đang sử dụng sẽ giảm một nửa mức chênh lệch giữa Ấn Độ và Indonesia từ 10 xuống còn 5. Nguồn dẫn: Cục thống kê, trang web Singapore, Ngân hàng Thế giới, Những chỉ báo phát triển thế giới, Niên giám thống kê và kiểm toán của Liên Hiệp Quốc, Nghiên cứu kinh tế vùng châu Á và Viễn Đông của Liên Hiệp Quốc

[42] Diện tích đất đã tăng từ 580km² năm 1990 lên 699km² năm 2005, và có nhiều triển vọng lên đến 733km² vào năm 2030. Nguồn dẫn: <http://library.thinkquest.org/C006891/reclamation.html>

[\[43\]](#) Tổ chức Y tế Thế giới (2006), bảng phụ lục 1

[\[44\]](#) Lý Quang Diệu (2000), trang 103

Chương ba: Chính sách kinh tế hỗ trợ tăng trưởng

Trong Chương 1, chúng ta đã nhận diện năm nguồn lực giải thích tại sao nền kinh tế Singapore lại phát triển đầy ấn tượng từ những điều kiện ban đầu như ta đã biết vào năm 1965. Rồi từ đó, sự đóng góp mạnh mẽ của nguồn tư bản tích lũy và lực lượng lao động đã dễ dàng khai phóng cho việc gia tăng năng suất và hướng trọng tâm vào giáo dục để xây dựng nguồn nhân lực. Phần lợi tức thu được đã chuyển sang đầu tư nước ngoài ngày càng nhiều, đem lại một luồng thu nhập bổ sung cho việc sản xuất nội địa.

Câu hỏi kế tiếp đặt ra liên quan đến nguồn lực phía sau những nguyên nhân trực tiếp làm nên tăng trưởng. Nếu như việc tích lũy tư bản cao đã đóng góp rất lớn vào tiềm năng phát triển quốc gia thì đến lượt chúng ta phải hỏi xem điều gì đã khởi động cho việc tích lũy tư bản lớn lao ấy? Nói một cách cụ thể, liệu chính sách cải cách kinh tế có thể đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế? Làm thế nào mà những chính sách kinh tế vĩ mô và cơ cấu lại tác động đến việc tích lũy tư bản cao một cách đáng ngạc nhiên và phải chăng tỉ lệ tiết kiệm cao đến mức độ kỷ lục cũng đóng góp vào việc thúc đẩy tăng trưởng nhanh chóng? Phải chăng những chính sách này cũng tạo điều kiện cho sự tham gia ngày một nhiều của lực lượng lao động và những người nhập cư? Chính quyền đóng vai trò gì trong việc khuyến khích gia tăng năng suất, lúc ban đầu có vẻ thấp nhưng dần dần càng lúc càng cao. Ở chương này chúng ta sẽ xem xét những chính sách công của Singapore trong những thập niên qua đã kích lệ những yếu tố tích lũy cũng như tạo nên sự tăng trưởng năng suất của quốc gia này như thế nào.

Chính sách về tài chính, tiền tệ và tỷ giá hối đoái đã đảm bảo sự bình ổn cho nền kinh tế vĩ mô. Lạm phát thấp và giá trị đồng đô la Singapore ổn định đã đem lại niềm tin cho những cư dân địa phương tiết kiệm, cũng như cho những nhà đầu tư nước ngoài trong khi tiếp tục duy trì sự phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả bằng việc giữ cho giá cả minh bạch và ở mức tương đối. Trong suốt thời gian bốn mươi năm, chỉ số tăng giá hàng tiêu dùng trung bình là 3%, duy nhất có một giai đoạn tăng cao đột biến là thời điểm 1973-1974 khi mà người ta chịu cuộc khủng hoảng giá dầu. (Xem hình vẽ 1.2). Tỷ lệ lạm phát của Singapore thì thấp so với mức trung bình là 25% ở các quốc gia châu Phi, thậm chí ở các quốc gia

Nam Mỹ tỷ lệ ấy lại còn cao hơn nữa trong cùng thời kỳ. Giá trị ngoại biên của đồng đô la Singapore đã trở nên bình ổn nếu xét đến tương quan giữa giá trị đồng tiền này với các đối tác thương mại chủ yếu bao gồm đồng đô la Mỹ, đồng Yên, đồng Euro, thậm chí còn bình ổn hơn cả giá trị giữa các đồng tiền này với nhau.

Xét về phương diện chính sách cơ cấu, Singapore chủ trương mở cửa thị trường và hòa nhập nguồn vốn cũng như hoạt động thương mại vào nền kinh tế toàn cầu. Ở đây, người ta chào đón đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ngay cả khi mà nó bị từ chối ở những nơi khác trên thế giới. Công cuộc công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu từ buổi ban đầu đã dần dần chiếm chỗ thay cho giai đoạn ngắn ngủi không hài lòng khi nhà nước chủ trương nhập khẩu hàng tương tự. Trong khi đó đường lối của chính quyền đã khích lệ việc tiếp tục tái cơ cấu vào những lĩnh vực công nghiệp giá trị gia tăng và dịch vụ mà ở mỗi thập niên người ta lại phải đối phó với những thử thách mới mang tính cạnh tranh. Giáo dục và đào tạo tại chức vẫn đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng nguồn nhân lực. Những chính sách chăm sóc sức khỏe cộng đồng thì hết sức hiệu quả về mặt chi phí, hỗ trợ cho mục tiêu phát triển kinh tế. Thị trường lao động vận hành tốt sẽ đảm bảo sự phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả đem lại bình ổn xã hội.

Nhiều quốc gia đã hoạch định sự ổn định cho nền kinh tế vĩ mô toàn diện và những sách lược điều chỉnh cơ cấu trong suốt những thập niên 1980-1990. Mục đích là để khích lệ và đẩy mạnh nền kinh tế lên một bước tiến mới, thường là chỉ sau khi đã vấp ngã vào tình trạng mất cân đối chủ yếu của nền kinh tế vĩ mô mà không còn có thể tài trợ tiếp tục được nữa. Những tổ chức đa phương như Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã hỗ trợ cho việc hình thành những chương trình chính sách như thế. Mặc dù có những thành công nhất định nhưng những chính sách như thế thường không đáp ứng lại sự kỳ vọng.^[45] Một trong những nguyên nhân là việc thực hiện không hoàn chỉnh. Những chiến lược kinh tế đôi khi chưa đủ tham vọng, thất bại trong việc tập trung đưa ra những giới hạn buộc hoặc là những định chế bị quên lãng. Khi nhìn lại, những đường lối này đôi khi đã được dự báo ngay khi hoạch định ban đầu sẽ có một số phận đáng thất vọng trong việc phát triển kinh tế.

Chiến lược phát triển kinh tế của Singapore là phát triển tự thân, mặc dù chính quyền tham khảo rộng rãi nhiều ban nghiên cứu khác nhau cũng như những ủy ban tư vấn để học hỏi những bài học thành công hay thất bại của những quốc gia khác. Tiến sĩ Albert Winsemius, một nhà kinh tế Hà Lan, người đã hướng dẫn

phái đoàn Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) đến Singapore năm 1960 vẫn tiếp tục đưa ra những lời khuyên về việc công nghiệp hóa và phát triển kinh tế cho họ nhiều năm sau đó. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) thường xuyên tổ chức tham vấn cho Singapore như họ đã làm với 184 quốc gia thành viên khác, nhưng Singapore lại nằm ở số ít các quốc gia không bao giờ dựa vào nguồn lực tài chính của IMF.

Trong chương này, chúng ta sẽ xem xét những chính sách kinh tế ở những lĩnh vực khác nhau mà Singapore lựa chọn để hoạch định và thực hiện chúng. Những chính sách kinh tế mạnh mẽ và nhất quán đã hỗ trợ cho sự tích lũy một cách đáng kể vào việc gia tăng năng suất. Thay vì mô tả lần lượt những chính sách kinh tế khác nhau một cách chi tiết, chúng ta hãy chọn lọc ra những nét tinh túy trong hệ thống tổng hợp các chính sách.

Mục đích là tìm ra những nguyên lý nền tảng có thể áp dụng rộng rãi và minh họa xem những chính sách này đã được áp dụng trong hoàn cảnh đặc thù ở Singapore như thế nào. Tổ chức thảo luận dựa theo những nguyên lý chính yếu này trong hoạch định chính sách sẽ giúp chúng ta dễ dàng so sánh những kinh nghiệm của Singapore với các quốc gia khác.

KỶ LUẬT SỬ DỤNG HẠN CHẾ NGÂN SÁCH

Singapore là một xã hội tôn vinh kỷ cương như chúng ta đã từng chứng kiến sự nền nếp và cần mẫn của họ. Trên thế giới này kỷ luật được ca ngợi trong thể thao và trong nghệ thuật vì nó dẫn dắt người ta đến sự tuyệt hảo. Tuy vậy trong lĩnh vực kinh tế người ta không ưa chuộng kỷ luật lắm, nhưng điều đó không đúng ở Singapore. Kỷ luật thẩm thấu trong tất cả chính sách tài chính của nhà nước – về tổng thể luôn đem lại thặng dư cho ngân sách suốt hai thập niên qua, chỉ trừ một năm[46]. Kỷ luật ấy được phản ánh ở mức độ tiết kiệm cao và tương tự như vậy là tỷ lệ tiêu dùng thấp trong khu vực kinh tế tư nhân. Làm thế nào những chính sách kinh tế đóng góp vào việc tiết kiệm trong cả hai khu vực kinh tế công, và tư cao như thế? Sau cùng thì kỷ luật cũng được xem là cốt tủy cho chính sách lương bổng, ngoại trừ một vài năm khoảng 1980, người ta luôn có khuynh hướng giới hạn tiền lương để tăng năng suất.

Quản lý tài chính lành mạnh

Chính sách tài chính đã đem lại kết quả đáng kể trong thành quả tiết kiệm cao của Singapore. Những kết quả ấy trở thành nguồn lực chuyển vào cơ sở hạ tầng, nhà cửa và xây dựng nguồn nhân lực, và trong vài thập niên gần đây, đầu tư ra nước ngoài. Như thế, chính sách này đã đặt nền tảng cho việc ổn định tài chính, giảm bớt sự hoang mang đối với những nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nó cũng tạo thêm những cơ sở hạ tầng công cộng bổ sung, tăng cường khả năng sinh lợi cho những dự án tư nhân và do đó thu hút những dự án đầu tư tư nhân thêm "đông đúc". Chính sách thuế nhằm vào mục đích gia tăng thu nhập quốc gia và là công cụ chủ yếu được cơ cấu để khích lệ phát triển kinh tế và các chính sách xã hội của nhà nước.

Quan điểm bảo thủ về mặt tài chính của Singapore được phản ánh qua số thặng dư cao. Cán cân tài chính tổng quát của chính quyền trung ương luôn thặng dư hàng năm kể từ 1988. Những tài khoản bổ sung từ việc điều hành những công ty độc quyền nhà nước, dù không được công bố rộng rãi, sẽ giới hạn nhưng không làm mất giá trị của phần phân tích sau đây. Một bản nghiên cứu được tiến hành gần đây do Jang và Nakabashi tiến hành năm 2005 đã tính toán thặng dư trung bình là 10,6% GDP trong những năm 1990-2001. Bản nghiên cứu của họ và phần thảo luận sau đây trong chương này dựa theo phương pháp của Ban Thống kê Tài chính Chính quyền (Government Finance Statistics) của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tập trung vào khái niệm "cán cân tổng quát" để đánh giá kết quả tài chính của một quốc gia. Khái niệm này tương ứng với Tổng tiết kiệm kinh tế vĩ mô trừ đi Tổng đầu tư của chính quyền trung ương.

Chính quyền Singapore thích có một chỉ số hẹp khi định vị ngân sách của mình. Họ chính thức cho phép áp dụng những phương pháp ghi nhận thặng dư thấp mà thật ra trong nhiều năm, ghi nhận thâm hụt bởi vì hạng mục lợi tức mà họ loại ra (lợi tức tài chính và một khoản lợi nhuận thu nhập từ đầu tư bằng các tài sản nhà nước) đã vượt xa những hạng mục chi phí mà họ bỏ ra ngoài (ví dụ như việc cho vay không lãi của nhà nước, việc thanh toán tiền lời cho các khoản nợ chính phủ và số tiền chuyển cho quỹ An sinh Xã hội).[\[47\]](#)

Việc chi tiêu công rất chặt chẽ, nhất là xét đến chi phí của chính quyền hiện nay, cho thấy đó là nền tảng cho ngân sách dồi dào của Singapore. Khác với các quốc gia đang phát triển khác, ở đây không có sự cạn kiệt ngân sách vì các công ty quốc doanh làm ăn thua lỗ hay vì những khoản trợ cấp lớn lao cho những hạng mục như xăng dầu, điện năng tiêu thụ hoặc những mặt hàng thực phẩm. Việc thanh toán lãi cho các khoản nợ công cũng rất thấp: chính quyền không có nợ

bên ngoài và nội địa, nợ chỉ giới hạn vào trái phiếu của chính phủ phát hành để đưa ra một chuẩn mực đánh giá thị trường vốn tại bản địa và bảo lãnh các khoản vay của chính quyền từ Quỹ Dự phòng Trung ương (CPF) để tái đầu tư hay cho các tổ chức khác mượn (Xem phần "Tiết kiệm cao trong gia đình và doanh nghiệp" trong chương này). Singapore cũng tránh được những cuộc khủng hoảng ngân hàng gây tổn hại vốn đã từng xảy ra với những quốc gia khác như Indonesia năm 1997, và Argentina năm 2000, đã đẩy những khoản nợ công lên đến 55% GDP, tạo những gánh nặng về lãi suất phát sinh cho những năm sau đó. [48] Khác với các quốc gia trong Tổ chức hợp tác và phát triển Kinh tế (OECD), Singapore không có những chương trình an sinh xã hội tốn kém: chi phí của chính quyền cho an sinh xã hội ở mức trung bình, thậm chí ít hơn 1% GDP trong những năm 1990 đến 2001, so với 13% GDP của các quốc gia trong khối OECD. Singapore không có các chương trình an sinh xã hội được qui định rõ. [49] Việc bảo hiểm tuổi già được nhìn nhận ban đầu là trách nhiệm của cá nhân và của gia đình, sau đó mới là trách nhiệm cộng đồng thông qua các tổ chức từ thiện và nhà nước chỉ đóng vai trò điểm tựa cuối cùng. Không có một chương trình hỗ trợ thất nghiệp chính thức, cá nhân thất nghiệp phải dựa phần lớn vào việc tích lũy tiết kiệm của chính mình hay sự hỗ trợ của gia đình. Nếu không thể làm được những việc này thì chính quyền sẽ cung cấp một mạng lưới an sinh xã hội như là điểm tựa cuối cùng nhưng phải tuân thủ những biện pháp kiểm tra hết sức ngặt nghèo. Singapore nhằm đến việc trở thành một xã hội giàu từ tâm, miễn là những người hưởng thụ phải cố gắng làm việc theo năng lực của mình. Những chương trình chăm sóc cộng đồng đến tận cơ sở, quan tâm đến nhu cầu của những người bất ngờ rơi vào hoàn cảnh kinh tế khó khăn hay những người nghèo đói dài hạn, nhằm mục đích ngăn cản họ không phải trở thành một tầng lớp vĩnh viễn dưới đáy xã hội. Trong cuộc suy thoái 2001, những người thất nghiệp đã nhận được phúc lợi như tiền thuê nhà và tiền chi trả cho những tiện nghi điện nước cũng như sự hỗ trợ tại chỗ sau khi được xem xét thận trọng với những số tiền giới hạn.

Tuy nhiên, chính quyền cũng lo ngại giá trị đạo đức lao động bị suy giảm nên họ phản đối đưa vào những chương trình phúc lợi. Thay vào đó, họ đề cao việc tái đào tạo và trợ cấp để tạo thêm việc làm. Thế nên trong ngân sách 2006, người ta đã đặt lên ưu tiên hàng đầu vấn đề lương bổng cho những công nhân lớn tuổi thu nhập thấp. Những người này phải được sử dụng ít nhất một thời gian nào đó trong năm như một hình thức hỗ trợ thu nhập, tưởng thưởng cho những nỗ lực của họ và động viên họ tiếp tục tự tin và đừng từ bỏ công việc, cho dù họ kiếm ít tiền và phấn đấu để tồn tại trong một xã hội kinh tế ngày một phát triển. Khoản trợ giúp tài chính này có thể được hiểu như khoản thu nhập không tính thuế mặc

dù nó được ràng buộc với yêu cầu tiếp tục làm việc. Việc nhận trợ cấp một lần không phải là thường xuyên, vì trước tiên, chính quyền muốn nghiên cứu hiệu quả của nó.

Trong việc chi tiêu hiện nay, Singapore chủ trương xây dựng nhà cửa công cộng, giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Những hạng mục này được giải thích như là đóng góp vào việc đầu tư nguồn vốn nhân lực và xã hội – là những lĩnh vực ưu tiên đối với nhà nước. Nhưng ngay cả trong lĩnh vực này người ta cũng sẽ giật mình khi nhìn vào chi phí thấp một cách đáng ngạc nhiên trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Chi phí của nhà nước trong việc chăm sóc sức khỏe chỉ có 1,2% trên GDP trong những năm 1990 đến năm 2001, so với 6,4% GDP ở các quốc gia OECD. Tuy thế, một hệ thống hữu hiệu cho phép Singapore đem lại việc chăm sóc sức khỏe công cộng có chất lượng ở mức chi phí khá thấp so với các quốc gia tiên tiến khác (xem trong phần nói về Hệ thống chăm sóc sức khỏe).

Chi phí quốc phòng, nhằm hỗ trợ cho ngoại giao, là một ưu tiên chiến lược đối với nhà nước – vốn nhận thức rằng dễ bị xâm phạm – lên tới 5% GDP, khá cao so với tiêu chuẩn quốc tế. Singapore cảm thấy họ đang sống trong một khu vực lân cận không an toàn, nơi lịch sử ghi nhận đã có khi bạo lực được nhà nước cổ xúy sử dụng để trấn áp kẻ yếu. Chính sách của nhà cầm quyền Singapore là luôn sẵn sàng tự vệ và phải được thế giới nhìn nhận như thế. Tuy vậy, ngay cả chi phí quốc phòng cũng có thể giải thích bằng lý luận kinh tế được. Lực lượng can thiệp trang bị hiện đại sẽ làm giảm bớt sự lo ngại. Quân đội đảm nhiệm những chương trình giáo dục, bao gồm giáo dục bậc cao học ở nước ngoài về quản trị kinh doanh và chính sách công cho những thành viên ưu tú trong lực lượng, những người mà nhiều trường hợp sau này đã gia nhập chính quyền – như trường hợp của đương kim thủ tướng hay việc bắt đầu một sự nghiệp kinh doanh mới. Tương tự như vậy, nghĩa vụ quân sự bắt buộc hai năm cho tất cả nam công dân là những người cư trú thường xuyên từ mười tám tuổi trở lên là nền tảng cho quân đội, gồm những công dân đóng góp vào sự đoàn kết các chủng tộc khác nhau trên khắp đất nước Singapore và đem lại sự bình ổn về chính trị xã hội.

Một cách tổng thể, chi phí hiện tại của chính quyền Singapore lên đến một con số có thể là thấp – có người nói là quá thấp – 14% GDP của những năm 1990 đến 2001, so sánh với 35% của một quốc gia trung bình trong khối OECD (hãy tham khảo bảng thống kê 3.1). Tuy nhiên, những nền kinh tế với mức chi phí công thấp so với GDP vẫn được người ta xem là những nền kinh tế đem lại các chỉ số phát triển cao cho phép có đủ ngân sách để phát triển cơ sở hạ tầng và

kinh tế.[\[50\]](#) Nhà ở công cộng là ưu tiên hàng đầu đối với chính quyền. Kết quả là Singapore có số tỷ lệ dân chúng sở hữu nhà riêng nhiều nhất trên thế giới, bằng 93% cư dân. Việc khai hoang đất đai, công cuộc xây dựng phi trường Changi, và những đầu tư nhà nước ở lĩnh vực viễn thông và giao thông đã làm tăng thêm sự thu hút của Singapore như là một điểm đến cho các nhà đầu tư tư nhân.

![[17]

Như đã chỉ rõ ở hình 3.1, tổng chi phí của nhà nước và cho vay ròng (đối với các tổ chức như HDB) đã lên đến 23% GDP vào những năm 1990 cho đến 2001, so với 37% của các quốc gia OECD trung bình. Tuy nhiên tổng thu nhập quốc gia tương tự vào khoảng 33% GDP, Hệ quả là trong khi các quốc gia OECD điển hình luôn ghi nhận thâm hụt vào khoảng 4% GDP thì Singapore lại ghi nhận việc thặng dư tổng thể trong tài chính nhà nước là 11% GDP.

Lợi tức thu từ thuế chỉ chiếm khoảng 16% GDP so với 31% của các quốc gia OECD trung bình. Việc không đánh thuế an sinh xã hội ở Singapore có thể giải thích phần lớn sự khác biệt này. Thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản lợi tức quan trọng nhất, cho dù miễn thuế là một công cụ chủ yếu trong việc thu hút đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên thuế lợi tức và thuế thu nhập cá nhân tiếp tục được hạ xuống mức tương đối thấp vào khoảng 20%, vì chính quyền vẫn tiếp tục dựa vào thu nhập từ thuế thông qua thuế dịch vụ và hàng hóa (GST – Goods and Services Tax), một loại thuế giá trị gia tăng, và trong quá trình thực hiện sẽ giúp các doanh nghiệp duy trì sức cạnh tranh trên thế giới.

Thu nhập nhà nước ngoài thuế ra được xem là rất cao ở Singapore, lên đến 17% GDP so với 3% ở các quốc gia OECD. Những khoản thu nhập ngoài thuế rất cao này được tìm thấy ở các quốc gia nơi mà chính quyền thu được một số tiền lớn, từ việc bán quyền khai thác dầu hỏa hay các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. Một vài hạng mục chủ yếu giải thích sự khác nhau giữa Singapore và các nước OECD. Trước tiên lợi tức từ khoản cho thuê đất đai rất đáng kể trong thập niên 90 đến 2001 vào khoảng 7% GDP vì nhà nước chiếm giữ khoảng 80% đất đai ở Singapore.[\[51\]](#) Thứ hai là việc đầu tư khôn ngoan khối lượng tài sản lớn lao của chính quyền cũng đem lại một nguồn thu nhập dồi dào khoảng 5% GDP hàng năm. Điều này giải thích giá trị thặng tiến bộ phần trong những năm vừa qua, khi ở các quốc gia OECD họ phải trả đến 3,5% GDP cho những khoản lãi đối với công nợ nhà nước, Singapore lại gặt hái được số tiền thậm chí còn lớn hơn

thể nhờ vào các tài sản quốc gia. Thứ ba là thuế đánh trên người sử dụng, đặc biệt là những người sở hữu hay sử dụng những phương tiện xe hơi riêng, với mức rất cao ở Singapore vì đây là một phần chiến lược của nhà nước trong việc chống tắc nghẽn giao thông.

Xét tổng thể, việc thực hiện đúng đắn những biện pháp tài chính trong nhiều thập niên vừa qua cũng như dành dụm những khoản thặng dư trong thời kỳ phát đạt, mặc dù bị chỉ trích vì chuyện thắt lưng buộc bụng, nhưng đã đem đến một sự tích lũy đáng kể về tài sản thực của nhà nước mà người ta ước tính vào khoảng 120% GDP vào đầu năm 2004.[\[52\]](#) Điều này làm cho Singapore trở nên khác biệt với những quốc gia khác, nơi mà sự thâm hụt lũy tiến về ngân sách có thể dẫn đến những khoản nợ thực sự của nhà nước, trong một số trường hợp lên đến trên 100% GDP.

Người ta đã nhìn nhận chính sách tài chính ở Singapore được xem là thận trọng mà không nhất thiết phải kêu gọi sử dụng giá trị thặng dư tích lũy. Đôi khi nhiều nền kinh tế trưởng thành đã tiến đến mục tiêu cân bằng ngân sách thông qua chu trình kinh doanh. Đối với các quốc gia kém phát triển, họ hưởng lợi từ việc nhập khẩu tư bản, một lời khuyên được đưa ra là ngân sách nhà nước nên tránh bị thâm hụt vì họ sẽ không thể duy trì được nếu tiếp tục tài trợ. Hơn nữa, chất lượng và thành phần tạo nên những khoản thu chi thì cũng quan trọng như hiệu quả sinh lợi nhuận. Tuy vậy kết quả tích lũy của những chính sách tài chính đã đem lại cho chính quyền Singapore một chỗ dựa để có thể thực hiện chính sách mở rộng phản chu kỳ (countercyclical) như đã thực hiện từ năm 1998 đến năm 2002, mà không cần phải bán khoản đến sự bền vững lâu dài hay sự suy giảm lòng tin của những người tham gia vào thị trường tài chính. Chính địa vị "tích sản" (có) này đã đặt Singapore vào một vị thế hùng mạnh hơn tất cả các quốc gia có những khoản vay lớn và những "khoản tiêu sản" (nợ) mà không có ngân sách chi trả. Singapore có thể tự tin đương đầu với những yêu cầu phát sinh về tài chính nhằm thỏa mãn nhu cầu của dân số đang già đi nhanh chóng trong những năm sắp đến và với những bất trắc như sự suy thoái toàn cầu.

Tiết kiệm cao trong gia đình và doanh nghiệp

Tùy theo thời điểm được chọn lựa, chỉ có khoảng một phần tư những khoản tiết kiệm cao đáng kể của Singapore có thể xem là kết quả trực tiếp của chính sách tài chính: phần tiết kiệm bởi chính quyền trung ương – được định nghĩa như là

hiệu số giữa thu nhập và chi tiêu hiện nay – lên đến con số khoảng 12% GDP trong thập niên 1990-2001[53]. Chính sách của nhà nước đã ảnh hưởng ra sao đến 34% GDP còn lại do các thành phần kinh tế công cũng như tư và các hộ gia đình tiết kiệm?[54]

Chính sách kinh tế đã góp phần vào việc tiết kiệm ở mức cao trong các hộ gia đình và thành phần doanh nghiệp. Đường lối nhà nước trong việc điều hành các doanh nghiệp công một cách chặt chẽ trên cơ sở những nguyên tắc thương mại đã làm tăng lợi nhuận tác nghiệp và phần thu nhập được giữ lại, đóng góp cho khoản tiết kiệm quốc gia. Thậm chí quyền được phép độc quyền định giá của các công ty do nhà nước thành lập nhằm cung ứng những tiện ích công cộng, và gần đây, là dịch vụ viễn thông cũng đã góp phần trong công cuộc này. Những tài khoản của các công ty quốc doanh này không phải sáp nhập vào các tài khoản của chính quyền trung ương.[55]

Lợi tức sau thuế trong khu vực kinh tế tư nhân (bao gồm phần được tư nhân hóa trong các công ty có phần sở hữu của nhà nước – (GLC) và công ty quốc doanh) dù vẫn chịu ảnh hưởng những biến động có tính chu kỳ, thông thường vẫn ở mức cao. Một phần nào đó điều này phản ánh phạm vi ảnh hưởng của những chính sách nhà nước, nhằm đến việc tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, bao gồm cả việc giảm thuế lợi tức xuống còn 20% như hiện nay. Điều này được hiểu trong thuật ngữ toán kinh tế là số giảm trên tổng tiết kiệm của quốc gia vì tầm quan trọng của GDP được xem như một biến số có thể giải thích được. Điều này cũng đồng nhất với một nhận xét nổi tiếng rằng những nền kinh tế có thu nhập trung bình đang phát triển thường có khuynh hướng tiết kiệm cao[56].

Chính sách công cũng khuyến khích các hộ gia đình tiết kiệm bằng nhiều cách. Trước hết, trong những năm tháng đầu tiên, chính sách kiểm tra dân số tích cực của chính quyền – ở mức độ mà nó có thể đóng góp hữu hiệu vào việc chuyển đổi kết cấu thành phần dân số – kết hợp với chính sách khuyến khích phụ nữ tham gia lực lượng lao động, cũng hỗ trợ cho việc tiết kiệm. Thứ hai là chính sách thuế lợi tức khuyến khích tiết kiệm bằng việc giảm dần thuế lợi tức trên thu nhập tài sản, trên tiền lãi cho vay hay trên cổ tức. Việc tham dự hay rút lui khỏi quỹ CPF đều không phải đóng thuế lợi tức[57]. Thứ ba là dự phòng an sinh xã hội rất hạn chế do nhà nước chỉ cung cấp trong trường hợp thất nghiệp hay là đau ốm cũng khuyến khích người dân Singapore dựa vào tiền tiết kiệm phòng xa của mình.

Một phần lớn khoản tiết kiệm trong gia đình được thực hiện do yêu cầu đóng góp vào quỹ dự phòng bắt buộc của CPF. Quỹ CPF khởi xướng bởi chính quyền thuộc địa Anh như một chương trình tiết kiệm bắt buộc cho công nhân: 5% lương nhận được sẽ được kết hợp với 5% do giới chủ đóng góp để cung cấp một khoản lợi tức về hưu khiêm tốn từ tuổi 55 trở đi. Quỹ CPF là một chương trình đóng góp toàn diện, nơi mà số tiền tích lũy được giữ ở một quỹ trung ương với những tài khoản riêng cho từng người tham dự. Nó thu hút sự tham dự của 90% dân số. Từ 1968 trở về sau, nhà nước Singapore đã mở rộng chương trình bằng việc nâng tỷ lệ đóng góp từ mức ban đầu 10% lên đến đỉnh điểm trong thời kỳ 1984-1985, trước khi hạ xuống lần nữa. Theo thời gian, quỹ CPF đã được mở rộng như một phương tiện tiết kiệm bằng cách cho phép hoặc công nhân rút các khoản tiết kiệm trước khi về hưu hoặc để đầu tư thành một khoản tiền cọc khi mua nhà, hay sử dụng như một công cụ tài chính được chấp thuận, cũng như có thể dùng chi trả cho những dịch vụ chăm sóc y tế hoặc giáo dục theo sự chọn lựa của mình. Trong vòng 12 năm, cho đến 2004, những người ủng hộ sử dụng quỹ đầu tư của riêng mình đã nhận được ít hơn 2,5% mà CPF trả như mức tối thiểu cho số dư tài khoản của mỗi thành viên; một tỷ lệ không ấn tượng lắm vì chi phí cao cho việc điều hành quỹ riêng và đánh giá sai thời điểm. Một vài chuyên gia tin rằng quỹ CPF đã vi phạm đến chức năng ban đầu bằng việc ôm đồm thêm những trách nhiệm mới. Hệ thống quỹ CPF đã đóng góp vào khoản tiết kiệm gia đình trên cơ sở thu nhập ròng, mặc dù hiện nay người ta ít tham dự hơn những thập niên trước đây vì số người rút ra nhiều hơn. Khoản tiết kiệm gửi vào quỹ CPF và việc để dành tự nguyện trong gia đình đã thay thế nhau đến một chừng mực nhất định nào đó: nếu không bị buộc phải gửi tiết kiệm, số tiền tự nguyện tiết kiệm ở trong gia đình có thể đã trở nên nhiều hơn.[\[58\]](#) Tương tự như vậy đã có những dấu hiệu cho thấy rằng khoản tiết kiệm cao của chính quyền trung ương do thặng dư ngân sách đến một chừng mực nào đó đã làm giảm tiết kiệm gia đình so với lúc ban đầu lẽ ra nó phải như thế.[\[59\]](#)

Nói tóm lại, mức tiết kiệm rất cao này ở Singapore và – tương tự như vậy tỷ lệ tiêu dùng của cá nhân thấp trong tổng thu nhập quốc gia (GNI) – một phần do những yếu tố bên ngoài quyết định, ví dụ như sự phát triển nhân khẩu và có lẽ căn cơ là do giá trị của sự cần kiệm và việc ưu tiên mở rộng kinh doanh tài chính từ khoản thu nhập để dành của mình. Tuy vậy, chính sách công cũng đã đóng góp rất nhiều phương diện. Trước tiên, nó đóng góp trực tiếp thông qua chính sách sử dụng ngân sách của chính quyền trung ương. Thứ hai là chiến lược kinh tế tổng quát của nhà nước kích thích sự tăng trưởng cao, để rồi đến lượt nó khích lệ doanh nghiệp tiết kiệm, cả tư nhân và nhà nước. Thứ ba là sự tiết kiệm cho gia

đình đã được khuyến khích bởi chính quyền cương quyết nhấn mạnh sự tự chủ của cá nhân và gia đình, các khoản thuế lợi tức, hệ thống quỹ CPF và quỹ tiết kiệm ngân hàng Bưu Điện (Post office savings bank – POSB).

Thứ tư, chính sách của nhà nước đem lại một kết quả bình ổn về kinh tế tài chính vĩ mô và sự tin tưởng trong lĩnh vực ngân hàng. Số tiền tiết kiệm cao đã tạo ra nên những không gian rộng rãi cho đầu tư lớn cả trong nước và gần đây là ở nước ngoài.

Sự hỗ trợ mạnh mẽ cho chính sách tiền tệ và tỷ giá hối đoái

Chính sách tài chính nghiêm minh và nguồn tiết kiệm cao tạo nên một nền tảng vững chắc cho những chính sách tiền tệ và tỷ giá hối đoái. Kỷ luật cũng chiếm vai trò chủ yếu trong quan hệ lao động khi chính quyền buộc phải cơ cấu lại tiền lương cho phù hợp với mức tăng năng suất. Năm 1972 chính quyền thành lập Hội đồng Tiền lương Quốc gia (National Wages Council – NWC), như một tổ chức ba thành phần đưa ra những nguyên tắc chỉ đạo để xác định tiền lương hàng năm mà mặc dù không bắt buộc nhưng được tuân thủ chặt chẽ khắp nơi ở Singapore, cho dù trong bối cảnh toàn dụng (full employment)[\[60\]](#). Cùng với sự giới hạn tiền lương và việc tiết kiệm cao đã giảm thiểu nguyên nhân lạm phát ở trong nước. Một vài ngân hàng trung ương và những nơi khác có thể xây dựng chính sách tiền tệ và tỷ giá hối đoái dựa trên nền tảng vững chắc như Ủy ban Giám sát Tiền tệ MAS.

![][18]

Từ năm 1981, Singapore đã theo chính sách tiền tệ lấy tỷ giá hối đoái làm trọng tâm. Việc kiểm soát các nguồn lạm phát trong nước đã thả lỏng tỷ giá hối đoái và khắc chế tình trạng lạm phát thâm nhập quốc gia thông qua hàng hóa nhập khẩu giá cả cao. Cho phép đồng Dollar Singapore tăng giá trên danh nghĩa tùy theo thời điểm sẽ làm vô hiệu mức lạm phát do nhập khẩu. Điều này giúp Singapore luôn duy trì một mức giá thấp và bình ổn.[\[61\]](#) Việc bình ổn giá cả trong nước sẽ hỗ trợ cho giá trị đồng Dollar Singapore và là một mục tiêu chính cho chính sách tiền tệ. Như đã đề cập, mức độ lạm phát trung bình khoảng 3% vào những năm từ 1964 đến 2004 thì thấp theo tiêu chuẩn quốc tế của cùng thời kỳ đó và được xem như một thành tựu xuất sắc của một quốc gia không có người thất nghiệp.

Việc điều hành kinh tế vĩ mô vững chắc đặt nền móng cho việc gia tăng xuất khẩu nhanh chóng. Lạm phát trong nước thấp và bình ổn đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc duy trì sức cạnh tranh về lâu về dài đối với bên ngoài. Rủi ro của nền kinh tế vĩ mô rất thấp do giá trị vững chắc của đồng Dollar Singapore.

Đồng tiền này cũng được ghi nhận hết sức bình ổn trong những điều kiện và thời hiệu thực tế, đồng thời vẫn có thể biến thiên theo cùng thời gian khi tình hình kinh doanh thay đổi (xem hình vẽ 3.2). Việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài thì không hạn chế, từ trước khi nó trở thành một quy tắc ở những nơi khác. Quỹ dự trữ ngoại tệ chính thức được ghi nhận là vào khoảng 130 tỉ Dollar Mỹ vào giữa năm 2006, là mức cao nhất trên thế giới tính theo đầu người. Vốn nước ngoài tiếp tục đổ vào đầu tư ở Singapore, xem đất nước này là bộ phận để xuất khẩu ra khu vực và trên thế giới. Phân tích kiểu nào đi nữa thì Singapore cũng đã trở thành kiểu mẫu cho một cơ chế kinh tế vĩ mô ổn định. Sự ổn định này là nhân tố hết sức tích cực khuyến khích đầu tư và tăng trưởng kinh tế cũng như giúp Singapore an toàn vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Á năm 1997.

TÍNH HIỆU QUẢ DỰA TRÊN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ MỐI QUAN TÂM ĐẾN NHỮNG KHÍCH LỆ

"Thường thì mọi cá thể đều muốn thu hoạch gì đó cho riêng mình... và anh ta được một bàn tay vô hình dẫn dắt đến mục đích đó, mà lúc đầu không hẳn là ý định của anh ta. Điều này cũng không hề đem lại gì xấu xa cho xã hội vì xã hội chẳng can dự vào. Trong khi theo đuổi tư lợi của mình, anh ta đã thường làm xã hội tăng thêm phúc lợi một cách hiệu quả hơn cả khi anh ta toan tính làm điều độ cho xã hội."

Adam Smith[62]

Tiến sĩ Goh Keng Swee, Bộ trưởng tài chính đầu tiên của Singapore, kiến trúc sư cho đường lối kinh tế chiến lược, được mô tả là một môn đồ say mê học thuyết căn bản của Adam Smith.[63] Hơn bất kỳ quốc gia nào, Singapore dựa nhiều vào tín hiệu giá cả thị trường để đưa ra những khích lệ cho người tiêu dùng hay nhà sản xuất. Chính sách kinh tế ở Singapore đã đẩy mạnh tính hiệu quả của kinh tế vi mô. Những lệch lạc được giảm đến mức tối thiểu bằng cách liên kết giữa những khích lệ tư nhân với phúc lợi xã hội và chi phí. Trong suốt bốn thập niên qua, thị trường lao động và vốn thì rất linh động, đáp ứng được luật cung cầu.

Tương tự như vậy cùng với Hồng Kông, Singapore từ lâu được xem là một nền kinh tế mở vào bậc nhất trên thế giới, hòa hợp cao với thị trường toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế thì không chỉ xuất phát từ sự động viên hữu hiệu các nguồn lực mà còn nhờ vào sự quản lý các nguồn lực ấy. Chính quyền về căn bản theo đường lối kinh tế thị trường vững vàng. Điều này không có nghĩa là thả nổi nền kinh tế.

Chính quyền trợ cấp về căn bản cho các khoản chăm sóc sức khỏe, giáo dục, sở hữu nhà cửa, vì những yếu tố bên ngoài thuận lợi. Ngoài ra, chính quyền hoàn toàn không từ chối việc hiện diện ở những khu vực kinh tế công như sản xuất thức ăn, dịch vụ cho nền kinh tế thông qua các công ty pháp định quốc doanh và các công ty có phần vốn của nhà nước. Tuy nhiên phải luôn luôn ý thức rõ ràng yêu cầu ở đây là quản lý các doanh nghiệp công theo những nguyên tắc thương mại và kinh tế thị trường. Những khoản "lợi quyền cho thuê kinh tế" kinh tế thu được từ các công ty độc quyền béo bở hay từ việc giảm thuế, mà ở các nước khác người ta thường giao cho thân nhân và các bạn đồng liêu, thì ở Singapore người ta đã tránh, đồng thời giảm tối đa cơ hội tìm kiếm những đặc quyền như thế.

Chính sách công được xây dựng một cách thực tiễn trên cơ sở tính hợp pháp của việc sử dụng trợ giá và thực tiễn thị trường làm công cụ hoạch định nguồn lực một cách hữu hiệu và tránh lãng phí. Chúng ta có thể đưa ra minh chứng trong nhiều lĩnh vực.

Giao thông đường bộ

Định giá xe hơi và sử dụng đường sá là ví dụ chính. Là một hòn đảo nhỏ dân cư đông đúc, mọi người nhanh chóng thích sử dụng thu nhập của mình ngày một nhiều hơn sau khi đóng thuế. Singapore đối đầu với những rủi ro là quá nhiều xe gây tắc nghẽn đường phố. Thay vào đó thì giao thông trong những giờ cao điểm được ghi nhận êm ả một cách đáng ngạc nhiên, hoàn toàn khác với sự tắc nghẽn thường thấy ở thủ đô các nước trong khu vực. Ngoài ra ô nhiễm không khí bởi giao thông trên đường rất thấp so với bất kỳ thành phố lớn ở châu Á nào. Nhiều quốc gia đương đầu với tình trạng đường sá tắc nghẽn bằng việc quản lý sử dụng đất đai và giao thông công cộng. Đánh thuế cao đối với người đi mô tô vì việc sử dụng đường sá tắc nghẽn thì không phổ biến. Ở Singapore cơ chế giá cả và nguồn lực thị trường đóng một vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu đi

lại hợp pháp của người dân bằng cách điều hành hiệu quả và văn minh.[64]

Nhiều loại chi phí khác nhau mà chính quyền đánh trên quyền sở hữu cá nhân mỗi chiếc xe hơi đã làm cho xe hơi ở đây được xếp vào loại đắt nhất trên toàn thế giới. Ở thời điểm vào cuối thập niên 90, mức thuế nhập là 45%, thuế cầu đường, thuế đăng bạ, và chứng thư cho phép (Certificate of Entitlement – COE) đã nâng giá một chiếc xe hơi chở khách lên cao gấp năm lần so với giá trên thế giới. Việc nâng giá lên này đã giảm nhanh chóng kể từ năm 2003. Ủy ban Giao thông đường bộ nâng số lượng chứng thư được cấp này và họ quyết định kèm hãm số xe hơi sử dụng hơn là quyền sở hữu nó. Từ năm 1990, chính quyền đã điều hành việc phát triển đội xe trên cả nước cho phù hợp với tiến độ đường sá bằng việc đấu giá hàng tháng một số lượng các chứng thư (COE) hạn chế. Những người sở hữu xe hơi, xe mô tô sẽ phải đấu giá cho chứng thư này trước khi được phép mua và mỗi COE này có giá trị trong vòng 10 năm. Giá của chứng thư thay đổi tùy theo cung cầu. Cho dù phí cao nhưng việc sở hữu xe hơi vẫn tương đối rộng rãi công bằng, tùy theo địa vị xã hội của người sử dụng đang nắm giữ.[65]

Ngoài ra, người Singapore phải trả phí rất cao cho việc sử dụng hệ thống đường sá công cộng bằng phương tiện tư. Những sản phẩm dầu hỏa sẽ bị đánh thuế với mức thuế nhập và thuế kinh doanh rất cao so với các quốc gia láng giềng, Malaysia và Indonesia.. Thuế cầu đường thay đổi hàng năm tùy theo dung tích của động cơ. Để tối ưu hóa việc sử dụng đường sá xét về phương diện mật độ lưu thông cao, Singapore đã đưa vào áp dụng Phí đường điện tử (Electronic Road Pricing – ERP) vào năm 1999 kết hợp những quy định, công nghệ tiên tiến và cơ chế giá. Vào những ngày làm việc trong tuần, công tính phí đã được đặt đúng vị trí chiến lược ngay trung tâm thành phố và đường tốc hành, quét tự động trừ tiền vào thẻ tiền mặt gắn trong từng xe hơi khi đi qua cổng. Mức phí này thay đổi tùy theo thời gian, nơi chốn và loại xe. Hệ thống ERP đã cho phép sử dụng tối ưu hệ thống đường sá bằng cách buộc những ai góp phần nhiều vào việc gây nên tắc nghẽn phải chịu một mức cao hơn cho việc sử dụng nó. Lợi tức thu được từ việc thu các khoản thuế liên quan đến xe cộ và những chi phí khác đã lên đến 10% mức thu ngân sách của chính phủ hay là gần 3% GDP. Số tiền này sẽ được tài trợ cho việc đầu tư dự án công như xây dựng hệ thống giao thông công cộng hoàn hảo. Tuy nhiên các công ty hỏa xa và xe buýt phải tự hạch toán chi phí hiện nay của họ mà không nhận trợ cấp từ chính phủ. Ngoài ra việc sử dụng taxi rất phổ biến và cũng không đắt so với nhiều thành phố khác trên thế giới, mặc dù việc tính giá khác nhau dựa vào thời gian trong ngày và vào việc khách hàng có sẵn

lòng trả thêm chi phí để giảm bớt thời gian chờ đợi hay không.[\[66\]](#) Một hệ thống định vị toàn cầu, kỹ thuật thiết kế chu đạo để gọi xe sẽ đóng góp vào việc vận hành taxi một cách hiệu quả.

Người ta đã tranh cãi rằng liệu những điều kiện ban đầu của Singapore có đem lại sự dễ dàng cho việc đưa vào những chính sách tính toán giá dựa theo việc sử dụng đường sá hay không. Singapore có thể kiểm soát việc nhập xe vào nước mình mà không một thành phố có thẩm quyền nào về mặt thực tế có thể thực hiện được. Quyết định ban đầu chấm dứt sản xuất xe nội địa đã đẩy lùi ý kiến chống đối về gánh nặng tài chính trên những chiếc xe này. Hình thức chính quyền một tầng đơn giản cho cả nước đã loại bỏ những mâu thuẫn giữa chính quyền địa phương, chính quyền tiểu bang, chính quyền liên bang: người ta không thể dễ dàng dùng đôi chân của mình để biểu quyết và mặc kệ luật pháp địa phương vì điều đó có nghĩa là ra khỏi đất nước.[\[67\]](#)

Singapore đã trả một giá rất cao cho sự thuận tiện và thoải mái của những chiếc xe tư nhân, nhưng phần đông mọi người đều đồng ý với thủ tướng của mình vì mặc dù có đau khổ đi nữa thì phương án lựa chọn sẽ giải quyết được tắc nghẽn giao thông. Đường lối cứng rắn và đầy sáng tạo của Singapore cho phép thị trường phân bổ nguồn lực của mình một cách có hiệu quả.[\[68\]](#)

Hệ thống chăm sóc sức khỏe

Chính quyền Singapore đã chỉ để dành 3% GDP cho việc chăm sóc sức khỏe vào năm 2002, trong khi việc chăm sóc chi phí cho sức khỏe của công cộng và tư nhân lên đến con số ở mức thấp là 4,3% GDP. Ngược lại ở Mỹ, người ta chi đến 14,6% GDP cho việc chăm sóc sức khỏe cùng kỳ năm đó, tăng cao so với mức 7% vào năm 1970. Sử dụng một khoản chi đáng kể từ thu nhập của mình vào việc chăm sóc sức khỏe khi mà xã hội trở nên giàu có hơn sẽ có ý nghĩa nếu giá trị đồng tiền vẫn được mọi người nhìn nhận và cơ chế tài chính có thể chịu đựng được. Những chỉ số như là tỷ lệ trẻ sơ sinh chết hàng năm hay mức độ tuổi thọ trung bình thì người Singapore luôn luôn cao hơn người ở Mỹ (xem hình 3.3).[\[69\]](#) Điều này đúng vì những chỉ số đó tương quan đến toàn bộ môi trường sống và không chỉ liên quan đến việc chăm sóc sức khỏe. Tuy vậy các chuyên gia quốc tế đánh giá hệ thống chăm sóc sức khỏe Singapore lại là thành công nhất trên thế giới xét về phương diện chi phí và kết quả sức khỏe cộng đồng. Người ta dựa vào cơ chế giá cũng như quan tâm đến sự khích lệ cá nhân để khuyến khích

họ đừng lạm dụng thái quá cũng như luôn kiểm soát chi phí và lãng phí bằng cách yêu cầu người sử dụng cùng chi trả tiền với nhà nước.

![][19]

![][20]

Singapore đã hoạch định một hệ thống chăm sóc sức khỏe khác với các quốc gia Mỹ và châu Âu. Mục tiêu là đem lại sự chăm sóc sức khỏe có chất lượng ở chi phí thấp nhất đối với xã hội bằng cách dựa vào sự kết hợp giữa tư nhân và công cộng nhưng không có một hệ thống bảo hiểm sức khỏe quốc gia (xem hình 3.3b). Nhà nước đóng một vai trò quan trọng. Phòng chống các bệnh như HIV/AIDS, bệnh sốt rét và những bệnh liên quan đến thuốc lá bằng việc đảm bảo điều kiện chăm sóc sức khỏe tốt chiếm vị trí ưu tiên hàng đầu. Các bệnh viện nhà nước và các dưỡng đường đa khoa đã đem lại dịch vụ chăm sóc sức khỏe căn bản bằng ngân sách quốc gia, luôn tuân thủ việc kiểm tra chi phí một cách nghiêm ngặt. Việc sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông (Information and Communication Technology – ICT) đóng góp vào việc thực hiện hiệu quả bằng cách cho phép bác sĩ, các bệnh nhân quyền truy cập hồ sơ bệnh án của người bệnh và cho phép sử dụng một số lượng nhân viên văn phòng ít hơn. Hệ thống tinh vi này đã sàng lọc những trường hợp, nếu có thể chứng minh được, phải sử dụng công cụ chẩn đoán hiện đại đắt tiền để tính vào chi phí công, đồng thời có thể giới hạn những lựa chọn cho các bệnh nhân và bác sĩ. Sức khỏe được xem như một phúc lợi công cộng chủ yếu, hết sức quan trọng cho sự bình ổn xã hội, nên những dịch vụ chăm sóc sức khỏe căn bản được nhà nước trợ cấp 80% thông qua ngân sách. Nhà nước cũng cung cấp một hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện giá thấp gọi là MediShield nhằm mục đích hỗ trợ người dân trong hoàn cảnh gặp phải những căn bệnh hiểm nghèo hay kinh niên. Bảo hiểm này bao gồm những khả năng xảy ra thấp và chi phí cao hơn là khả năng xảy ra cao mà chi phí thấp – để giữ khoản tiền trợ cấp ở mức thấp. Chính quyền sẽ cung cấp mạng lưới an toàn xã hội và y tế (Medifund) cho những người thật sự nghèo khó, trải qua những cuộc kiểm tra chặt chẽ, để không ai bị tước đi quyền được chăm sóc sức khỏe thiết yếu của mình.

Trách nhiệm của gia đình và cá nhân trong chi phí y tế là nguyên lý căn bản. Gánh nặng tài chính cho việc chăm sóc sức khỏe đặt càng gần người thụ hưởng càng tốt, mà mục đích là tránh cho ngân sách nhà nước phải gánh chịu quá

hiều, điển hình là từ hệ thống bảo hiểm sức khỏe công cộng, có xu hướng bị lạm dụng. Theo ngôn ngữ của ông Lý Quang Diệu, ý thức được hậu quả chung cho nhà nước do những hành vi cá nhân này, ông nói: "Chúng tôi không muốn mọi người có tâm trạng là sau khi trả những chi phí bảo hiểm y tế, quý vị lại lạm dụng quá nhiều thứ trong những cuộc hội chẩn y khoa mà quý vị và bác sĩ của bạn nghĩ ra".^[70] Nhà nước phải thu lại từ 20 đến 100% những chi phí chăm sóc sức khỏe cộng đồng thông qua phí từ người sử dụng. Một bệnh nhân trong bệnh viện của nhà nước chọn loại phòng mở được chính quyền trợ cấp 80%. Những bệnh nhân khá hoặc giàu có hơn ở những phòng tiện nghi hơn với mức trợ cấp thấp hoặc không trợ cấp từ chính phủ, bằng các phương tiện tự kiểm tra. Không có nguồn tiền công lo "chính sách" cho mọi người hưởng cùng một chế độ phúc lợi trong bệnh viện. Những cá nhân trước đây để dành dự phòng chi phí y tế thông qua việc trừ lương bắt buộc và do người sử dụng lao động đóng góp vào tài khoản cá nhân Medisave cho Quỹ dự phòng CPF.^[71] Chỉ có những hạng mục điều trị được chấp thuận mới được trừ vào tài khoản của Medisave cho chính họ, ông bà, cha mẹ, vợ chồng con cái, việc khám bệnh ở các phòng mạch tư nhân vì những chứng bệnh thông thường không quan trọng phải do cá nhân tự trả bằng tiền túi của mình. Điều này làm nản lòng những ai muốn được cung cấp quá mức cần thiết.

Hệ thống y tế tư nhân cạnh tranh với hệ thống y tế công cộng và luôn luôn duy trì mức giá theo hai hướng. Bảo hiểm y tế tư nhân cũng sẵn sàng cung ứng cho người dân. Nhà nước buộc những bệnh viện tư công bố giá để cho mọi người có thể so sánh và lựa chọn. Số lượng các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế được điều hành thông qua việc cho phép chỉ những trường y khoa trong nước và các cơ sở du nhập từ bên ngoài vào. Việc bảo hiểm nhằm tránh sự tranh tụng do làm sai luật pháp như đang tồn tại không phải là yếu tố đẩy cho giá cả tăng cao ở Singapore vì xã hội Singapore thì không thích tranh tụng, do đó cũng không có việc lập ra bồi thẩm đoàn để xét xử. Để cung cấp mạng lưới y khoa an toàn, những cơ sở từ thiện y khoa tư nhân có thể lập ra các quỹ bổ sung giữa cá nhân và nhà nước như là một điểm tựa sau cùng có thể nhờ vả đến.

Tổ chức chăm sóc sức khỏe hữu hiệu đã đóng góp vào việc tạo nên nguồn tài nguyên con người và sự tăng trưởng kinh tế bằng việc ngăn cản người dân rút lui ra khỏi lực lượng lao động quá sớm. Hiệu quả cao trong việc tiết kiệm chi phí đã giúp tăng nguồn lực vào đầu tư cho năng suất cao. Tuy vậy, tổng chi phí về sức khỏe của Singapore đã tăng lên từ 4,1% từ năm 1999 lên đến 4,5% GDP vào năm 2003 phản ánh xã hội đang già đi và sự phồn vinh của nó nhưng vẫn ít hơn

Hoa Kỳ khi tỷ lệ ở đó tăng từ 13,1% lên 15,2% GDP trong cùng kỳ.

Sự Cởi Mở Của Nền Kinh Tế

Nền kinh tế Singapore đặc biệt mở rộng cửa cho kinh doanh quốc tế – thế nên nó đã phơi bày ra cuộc cạnh tranh toàn cầu cũng như những tín hiệu về giá cả. Đã nhiều năm việc nhập và xuất khẩu hàng hóa kết hợp đã đem lại một doanh số gấp ba lần tổng sản lượng nội địa GDP, phản ánh mức tái xuất khẩu đáng kể phù hợp với truyền thống buôn bán qua các kho – cảng.[\[72\]](#) Việc tham dự thị trường hối đoái không bị giới hạn và việc bảo hộ nhập khẩu rất thấp trong nhiều thập niên. Thuế nhập khẩu hiện nay chỉ đánh trên một số mặt hàng lựa chọn, ví dụ như xe hơi hoặc những vật dụng có giá trị không được tôn trọng lắm như rượu hoặc không khuyến khích sản xuất trong nước.

Hàng rào thuế quan ở mức tối thiểu hay hầu như không có. Kinh nghiệm không hài lòng trong một giai đoạn ngắn ngủi khi phải nhập khẩu hàng thay thế đã chấm dứt vào năm 1965 với sự mất đi quyền tự do thông thương vào thị trường Malaysia.

Việc giới hạn thị trường nội địa nhỏ bé, việc khan hiếm tài nguyên thiên nhiên và sự thiếu hụt những nhà sản xuất công nghiệp bản xứ đã đưa quốc gia này ủng hộ hội nhập nền kinh tế toàn cầu bằng cách thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài hướng về xuất khẩu. Áp lực cạnh tranh trong nền kinh tế thế giới đã cho phép những công ty đa quốc gia tiếp cận không hạn chế đến những sản phẩm nhập khẩu trực tiếp mà không gặp trở ngại về vấn đề giá cả quốc tế. Biểu thuế nhập khẩu cho một số mặt hàng như dụng cụ điện được bãi bỏ vào năm 1975 đã khiến các nhà sản xuất trong nước đối diện với cuộc cạnh tranh khốc liệt với thị trường thế giới. Các nhà sản xuất địa phương, do đó buộc phải nâng cao năng suất hoặc phải đóng cửa. Điều này đã xảy ra với công nghệ lắp ráp xe hơi. Thoạt đầu thì nguồn lao động dồi dào địa phương với giá rẻ đã đem lại một sự cạnh tranh tương đối theo tiêu chuẩn Ricardo. Tuy nhiên sự đóng góp quan trọng của nền kinh tế cởi mở chính là việc sản xuất cho thị trường thế giới, đã làm cho các công ty đa quốc gia (MNC) phấn khởi khi đem đến Singapore những kỹ thuật tổ chức sáng tạo và những công nghệ cao sẵn có nằm ngay trong các hàng hóa nhập khẩu.

Việc kinh doanh dịch vụ cũng rất sôi nổi và cởi mở như du lịch quốc tế, logistic,

cũng như những dịch vụ tài chính "hải ngoại" đều phát triển cao. Chín triệu du khách đã đến Singapore vào năm 2005. Tuy vậy, việc bảo hộ một số dịch vụ được lựa chọn để ngăn sự cạnh tranh nước ngoài đã phải chịu đựng lâu hơn như là việc kinh doanh hàng hóa, cho phép các công ty tại địa phương có thời gian xây dựng năng lực nội địa và vượt qua những giới hạn của cơ sở kinh doanh gia đình để đạt đến sản xuất đại chúng. Không có chủ nghĩa chính thống cho nền kinh tế thị trường không có rào cản này. Những ngân hàng nội địa nghĩa là "phục vụ thị trường nội địa" đã nhận được sự bảo hộ đối với cạnh tranh nước ngoài – phần nào đó cho phép họ xây dựng nguồn vốn vì lý do dự phòng. Chính quyền đã chậm rãi mở rộng quyền cho các ngân hàng nước ngoài cung cấp nhiều dịch vụ khác nhau, ví dụ dịch vụ ATM. Mãi đến thập niên 1990 những tranh cãi đầu tiên về việc bảo hộ này dường như đã khiến Singapore phải trả giá quá đắt, thế nên việc bảo hộ được giảm bớt. Ngay đến lúc này thì lĩnh vực tài chính nội địa vẫn phải đối đầu với những thử thách trong việc mở rộng hoàn toàn và duy trì tính cạnh tranh. Các công ty luật ở Singapore được nhà nước bảo hộ: luật sư nước ngoài hành nghề ở Singapore với một công ty luật nước ngoài không thể vận dụng luật Singapore.

Nền kinh tế Singapore cũng mở rộng cho các nguồn tư bản trên toàn thế giới. Thật là khó để có thể đề cao quá đáng tầm quan trọng của nguồn tài nguyên nước ngoài trong việc phát triển ở Singapore. FDI đã đạt gần 30% tổng vốn cố định gộp của Singapore trong những năm 1985 đến 1989. Vào cuối thập niên 90 thì các công ty do nước ngoài kiểm soát đã tạo ra 42% GDP và hơn ba phần tư giá trị thặng dư ở khu vực sản xuất.^[73] Bầu không khí cởi mở chào đón nguồn đầu tư trực tiếp FDI ở các lĩnh vực xuất khẩu đã phục vụ quốc gia rất tốt. Vì các công ty đa quốc gia đều sản xuất cho thị trường xuất khẩu, nên họ luôn phải chứng tỏ sức cạnh tranh trên thế giới và do đó họ có động lực để đem vào Singapore những công nghệ tốt nhất có thể được. Điều này tương phản với Braxin và Achentina – nơi mà các công ty đa quốc gia nước ngoài chỉ được cho phép vào thị trường nội địa bảo hộ.^[74] Xét về phương diện nguồn vốn ngắn hạn, mức lãi suất của đồng đô la Singapore đưa ra phù hợp với lãi suất quốc tế, nhìn chung thì hơi thấp hơn một tí, điều này phản ảnh khuynh hướng đang được hy vọng là đồng đô la Singapore sẽ lên giá theo thời gian. Việc Ủy ban Giám sát Tiền tệ Singapore (MAS) đã điều hành mức tỉ giá hối đoái này bằng cách thả nổi tỉ giá theo quy luật cung cầu trong một phạm vi giới hạn – chênh lệch tỉ giá gần mức hoàn hảo như trong sách giáo khoa, lưu lượng tiền và sự cơ động đã cho thấy rằng cơ quan quản lý tiền tệ đã từ bỏ việc kiểm soát mức độ lãi suất nội địa và họ cho phép việc cung cấp tiền tệ rộng rãi sẽ được quyết định bởi nhu cầu thị

trường.[75] Giống như các quốc gia khác, Singapore quản lý nguồn lao động từ nước ngoài vào. Ở đây phải nói rằng sự tăng trưởng kinh tế đã được lợi rất nhiều từ việc mở cửa. Việc gia tăng cung cấp nhân lực nội địa là một phần không thể thiếu trong toàn bộ chiến lược phát triển của quốc gia.

Nguồn nhân lực nước ngoài đã đóng góp một vai trò then chốt đối với việc tăng trưởng kinh tế của Singapore vào năm 1970. Singapore đã đạt được sự toàn dụng nhân công và trở thành một nơi thu hút nhân công nước ngoài đến làm việc định kỳ, họ chiếm khoảng 3,2% lực lượng lao động. Con số này gia tăng nhanh chóng lên đến 7,4% nguồn nhân lực vào năm 1980.

Đến năm 2000 thì số công nhân nước ngoài lên đến tỷ lệ xấp xỉ 29% lực lượng lao động Singapore, 5% số lao động có tay nghề cao là những nhà chuyên môn làm việc theo "giấy thông hành tuyển dụng" và 24% lực lượng công nhân có trình độ tay nghề thấp đã có "giấy phép lao động".[76] Những người lao động nước ngoài đến đã chiếm một nửa trong số 6000 lao động mới tạo ra trong thập niên 1990 và nửa còn lại là do lực lượng địa phương nắm giữ. Từ đó xu thế ấy luôn luôn tăng cao.

Công nhân nước ngoài giờ đây đã đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Singapore. Những người kiếm thu nhập thấp chủ yếu đến từ Philipphin, Indonesia hỗ trợ công việc nhà và chăm sóc người già, trong khi công nhân cầu đường phần lớn đến từ Nam và Đông Á. Các nhà chuyên môn và những công nhân tay nghề cao thì được mời chào theo một chính sách khá tích cực và cởi mở để thu hút tài năng trên thế giới. Những người nước ngoài làm việc bằng giấy phép lao động và giấy tuyển dụng đều được yêu cầu là phải trở về quê hương mình sau khi hết hạn, trừ khi được cấp giấy phép mới. Có những qui trình mà người ta có thể giữ công nhân có tay nghề thấp như là nguồn luân chuyển đều đặn theo hợp đồng định kỳ, không cho phép họ lập cơ sở ở Singapore, án phạt tù dành cho những chủ đất và chủ sử dụng những người nhập cư bất hợp pháp ở trong nhà của họ. Lao động nước ngoài và kinh tế Singapore đã gắn kết, nương tựa lẫn nhau để cùng có lợi.

Cũng trong lĩnh vực này Singapore đã dựa trên cơ chế về giá như là một công cụ chính sách để điều hành nguồn cung ứng cũng như năng lực của những lao động nhập cư. Dưới hệ thống cấp giấy phép cho người nước ngoài, người chủ phải đóng góp vào ngân sách nhà nước tùy thuộc vào khả năng của người lao động và

lĩnh vực hoạt động của họ. Giấy phép sẽ được cấp lại mỗi hai năm. Số tiền sẽ được nâng lên nếu yêu cầu từ phía người chủ mạnh mẽ hơn. Số tiền này có thể thấp hay không phải đóng cho những công nhân bậc cao. Việc phân biệt này đã khuyến khích các công ty xây dựng đầu tư nhiều trong việc huấn luyện công nhân của họ và đưa vào những biện pháp tiết kiệm lao động. Một hệ quả của việc nâng cao trình độ kỹ năng và sự cạnh tranh ngày một gia tăng: trong đợt suy thoái kinh tế năm 1998, một số công nhân người địa phương đã bị giảm biên chế trong khi các công nhân nước ngoài làm việc tốt hơn vẫn giữ được công việc của mình, khác với năm 1985. Tương tự như vậy, nguồn công nhân không đòi hỏi tay nghề cũng đã gián tiếp góp phần vào việc gia tăng năng suất. Việc gia tăng số lượng lao động nữ từ 29% năm 1970 đến 53% năm 1999 cũng đã cung cấp hơn 228.000 nhân công trong ba thập niên qua.[\[77\]](#)

Con số này bao gồm 130.000 người giúp việc nhà, cho phép mỗi gia đình có thêm người thu nhập thứ hai.[\[78\]](#) Chính quyền giải thích hiệu quả ích lợi của việc có mặt những người lao động nước ngoài này, mặc dù các chính sách như vậy sẽ gây nên những mối lo âu cho cộng đồng người Singapore về triển vọng việc làm của họ trong tương lai cũng như việc cạnh tranh tăng lên về vấn đề nhà cửa.

Thị trường lao động linh hoạt

Thị trường lao động và chính sách tiền lương là nền tảng quan trọng trong chiến lược phát triển của Singapore. Chính sách tiền lương đã được thay đổi theo từng thời gian: ban đầu người ta nhấn mạnh đến việc giới hạn tiền công để làm thế nào giải quyết tình trạng thất nghiệp cũng như đề ra công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu vào những năm đầu thập niên 1980, mở đường cho những hoạt động đòi hỏi tay nghề cao. Cơ chế của việc định giá tiền lương đã thay đổi theo thời gian (xem phần "Những định chế thị trường lao động" ở chương 4). Tuy vậy một hằng số đã được nhấn mạnh, đó là việc phân bổ lao động một cách hiệu quả. Tiền lương và việc tuyển dụng đã được quyết định rộng rãi theo quy luật cung cầu của thị trường mà không hề có sự can thiệp của chính quyền hay áp lực từ những tổ chức lao động. Chính quyền phản đối việc can thiệp vào thị trường lao động nhân danh người công nhân. Bộ phận quản lý kinh tế nhà nước không hành xử như những ông chủ có thể cuối cùng nương dựa vào hoặc nhường bước trước những áp lực tạo ra cho những công việc có năng suất thấp. Singapore không có tiền lương tối thiểu theo pháp luật và điều này kèm theo những rủi ro tiềm tàng làm gia tăng tình trạng thất nghiệp của những công nhân chỉ làm ăn công và

chưa có kinh nghiệm, và hiểm họa là các công ty đánh mất tính cạnh tranh và rời bỏ Singapore. Việc không phải đền bồi khi thất nghiệp cũng đã khuyến khích công nhân phải chấp nhận công việc trả lương thấp thay vì thất nghiệp, do đó, những công nhân có tay nghề rải đều khắp nơi trong nền kinh tế và góp phần hạ thấp tỉ lệ thất nghiệp. Singapore không giống các quốc gia khác, ở đây công đoàn không thể đơn phương tăng lương cho các thành viên mà bất chấp đến quyền lợi của những người khác trong xã hội. Thị trường lao động đã được hòa nhập. Không có sự phân biệt giữa nhóm nhỏ những công nhân được trả lương tương đối cao và là thành viên công đoàn với một nhóm lớn những người bị thất nghiệp hay bị đẩy vào những tổ chức không chính qui.

Chính sách tiền lương được các định chế và người dân ủng hộ đã đóng góp quan trọng cho những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự tăng trưởng nền kinh tế. Đây là một yếu tố quan trọng cho việc đầu tư và dẫn đến những yêu cầu cao cho lực lượng lao động, buộc họ phải trau dồi tay nghề ngày một tốt hơn. Việc sử dụng lao động được tạo ra dựa theo mức tăng trưởng của nền kinh tế thị trường. Chính sách tiền lương mềm dẻo đáp ứng nhu cầu của lao động, kết quả là người ta giới hạn những cuộc đình công trong thời buổi kinh tế suy thoái và phục hồi rất nhanh trở lại khi nền kinh tế tăng trưởng. Thị trường lao động linh hoạt đã khiến người ta có thể vận dụng tối đa những kỹ năng đã được đào tạo của nguồn tài nguyên con người. Việc thay đổi nhân viên ở các công ty đa quốc gia kết hợp với sự chuyển dịch nhanh của thị trường lao động, đã phổ biến tri thức một cách rộng rãi trong toàn ngành kinh tế, kết quả là lợi ích của việc đầu tư trực tiếp từ nước ngoài được lan tỏa khắp nơi. Chế độ tiền lương linh hoạt đã đóng góp nhiều vào việc phân bổ nhân lực hiệu quả. Sự linh hoạt này ngày một tăng lên vì một phần các khoản lương đã tự động thay đổi thích ứng với sự hiệu quả của nền kinh tế và của từng cá nhân xí nghiệp.^[79] Một thị trường lao động phản ứng linh hoạt và có hiệu quả đã truyền đạt những thông tin về chi phí tương đối. Người ta phân bổ lao động dựa theo lực lượng thị trường và áp đặt những kỷ luật cạnh tranh. Điều này cho phép dễ dàng tìm ra lao động có kỹ năng đáp ứng nhu cầu của mình. Các thành phần kinh tế phát triển nhanh nhất đều được trả lương cao và có năng suất cao nhất. Sự phân bổ nguồn lực đã cải thiện ở trong từng công ty và trong từng ngành công nghiệp đóng góp chung vào sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Những kết quả đầy ấn tượng đã diễn ra sau đó. Tỷ lệ thất nghiệp đã giảm từ 10% năm 1965 xuống còn 2% vào những năm 1990. Người ta đã bảo vệ công nhân bằng việc tăng trưởng kinh tế và tạo công ăn việc làm. Tiền lương được gia tăng

là vì nguồn cầu chứ không phải theo luật nhà nước hay luật của công đoàn. Mức lương trung bình tăng trưởng gần 5% mỗi năm từ năm 1973 đến năm 1997.[\[80\]](#) Xu thế gia tăng làm tăng tính linh hoạt hơn, kết quả đi theo một vòng tròn thuận lý.

Chính sách hợp lý của Singapore bao gồm việc nhấn mạnh đến cạnh tranh, sự tương thưởng cá nhân và những lợi ích riêng, đồng thời cho phép thị trường tự phân bố nguồn lực của mình. Điều này không thể nói rằng Singapore đã theo đuổi chính sách thả nổi hay không can thiệp mà đơn thuần vì người ta chỉ dựa vào cơ chế giá để phân bố nguồn lực nhiều hơn bất kỳ một xã hội nào khác. Đây là một nguyên nhân làm nên tính hiệu quả, thể hiện qua tình trạng giao thông luôn luôn thông suốt, việc chăm sóc sức khỏe chi phí thấp nhưng chất lượng cao, sự cạnh tranh cởi mở và sản xuất hàng hóa cho thị trường thế giới. Thị trường lao động linh hoạt đã đóng góp vào việc phân bố hiệu quả ấy. Liên Xô ngày xưa, dù đã tiết kiệm rất cao nhưng tăng trưởng rất thấp, cho thấy tầm quan trọng của việc phân bố hiệu quả đầu tư của mình.

CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC

Sự khắc nghiệt của việc cạnh tranh trên cơ sở kinh tế thị trường đã được tương thưởng bằng việc đem lại cho người dân những cơ hội tham dự vào việc tăng trưởng kinh tế. Người ta được hưởng sự chăm sóc sức khỏe tốt hơn, nền giáo dục và việc đào tạo tại chức cũng đã trang bị cho con người, nam cũng như nữ, có thể tìm được những việc làm có thu nhập tốt. Tình trạng thất nghiệp được ghi nhận là thấp một cách đáng kể. Singapore đã tiếp tục tạo ra nhiều cơ hội việc làm vì rất nhiều công việc của những năm đầu thập niên 1970 đã chuyển sang các nước láng giềng có chi phí thấp hơn. Việc tuyển dụng lao động cao và năng suất phát triển trong một nền kinh tế đang tăng trưởng đưa đến kết quả là đồng lương thực tế và sự tăng trưởng lợi tức vẫn tăng lên một cách đều đặn.

Giáo dục và đào tạo tại chỗ

Đầu tư vào nguồn vốn con người thông qua giáo dục và đào tạo tại chức là trọng tâm của chính sách này. Singapore đã nhấn mạnh đến yếu tố con người là tài nguyên duy nhất. Vậy là trẻ đăng ký vào học ở cấp 2 đã tăng gấp đôi trong khoảng thời gian 1960 và 1965 để chuẩn bị cho lực lượng lao động trong lĩnh vực toán học và khoa học căn bản, đồng thời những trường dạy nghề đã được

mở ra. Nhà nước đang cung cấp một nền giáo dục phổ cập và trợ cấp cho việc đào tạo. Họ nhấn mạnh đến cơ hội lớn lao cho tất cả mọi người hiện thực hóa tiềm năng của chính mình, bất kể đến tình trạng thu nhập của cha mẹ mình, thông qua những học bổng và những lộ trình tiếp cận các cơ hội được giáo dục để khai thác tài năng trong xã hội cho tất cả mọi người, bao gồm những trẻ em nghèo và thông minh. Singapore tự hào vì đã nêu gương cho sự năng động hướng thượng đầy ấn tượng. Triển vọng thực sự để thăng tiến của con em họ là một yếu tố quan trọng trong quá trình thương thuyết về lương bổng khi phải thuyết phục người lao động có ý thức tổ chức cần tôi luyện tính chiến đấu ban đầu.

Vào cuối thập niên 1960, chính quyền bắt đầu điều hành hệ thống giáo dục trên cơ sở quản lý kinh tế (ngược lại theo kiểu từ chương hay hội đoàn) nhằm mục đích tối ưu hóa sự tăng trưởng kinh tế trung hạn. Hai mục tiêu song song là: đào tạo những thợ thủ công lành nghề và những nhà kỹ thuật.

Singapore đang cần những người này để tăng trưởng công nghiệp, và để tránh biến họ trở thành những người tốt nghiệp với hy vọng là những nhà quản trị nhưng lại thất nghiệp. Việc mở ra con đường giáo dục được hợp lý hóa bằng hệ thống những kỳ thi có tính cạnh tranh, dựa trên thành tích học tập nghiêm túc.

Học sinh được hướng nghiệp về những lĩnh vực tùy theo năng lực. Một số thi vào các trường bách khoa để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trong lĩnh vực kỹ thuật cũng như kỹ sư ứng dụng. Mãi cho đến giữa thập niên 1980 vẫn không có sự mở rộng giáo dục đáng khích lệ nào: Chỉ có 10% những người trong độ tuổi từ 20-24 học ở các trường bách khoa hay đại học. Vì số lượng ít, do đó cho phép người ta có thể chi phí bình quân nhiều hơn cho một sinh viên, đóng góp vào chất lượng nền giáo dục. Những học sinh ít có năng khiếu về mặt chữ nghĩa thì theo học các khóa học kỹ thuật và hướng nghiệp. Chỉ sau 1985 thì nền giáo dục bậc cao mới có thể rộng rãi mở ra cho mọi người. Bản thân tăng trưởng kinh tế nhanh tạo nên nhiều nguồn lực hơn cho giáo dục. Ngoài ra, sự gia tăng dân số bị suy giảm đã giới hạn dân số trong độ tuổi đi học, thế nên cho phép người ta sử dụng nhiều nguồn lực hơn cho từng học sinh. Xã hội có khuynh hướng đưa ra những tiêu chuẩn cao và đòi hỏi trẻ em phải học hành chăm chỉ. Việc giáo dục bằng tiếng Anh cho tất cả mọi người đã giúp họ mở rộng các cơ hội. Singapore đã tránh việc đào tạo một số lượng lớn những người hoạt động trong các ngành nghệ thuật, những người rồi sau đó có lẽ sẽ gia nhập đội ngũ những người thất nghiệp có học. Sự can thiệp của nhà nước một cách chu đáo và có kế hoạch đã

đem lại sự hỗ trợ kỹ thuật tối đa và giúp người ta kiểm soát được việc giáo dục theo nhu cầu hoặc giáo dục lộn xộn không thích hợp mà chúng ta vẫn thường thấy ở những quốc gia đang phát triển.[\[81\]](#)

Giáo dục đã gắn bó chặt chẽ với những chính sách công nghiệp. Các nhà máy hoạt động ở Singapore đang cần các công nhân lành nghề trong việc điều hành các hoạt động dây chuyền phức tạp và trong ngành công nghệ chính xác. Đào tạo tại chức cũng đóng một vai trò quan trọng chủ yếu. Các công ty đa quốc gia (MNC) làm việc chặt chẽ với chính quyền, công đoàn và công nhân để tổ chức các chương trình huấn luyện đáp ứng những nhu cầu cụ thể và yêu cầu tất cả những công nhân có năng lực kỹ thuật phải tham dự các khóa học này do chính họ lựa chọn. Chính quyền đã cung cấp những lợi ích về mặt tài chính cho các công ty đa quốc gia để họ tham dự vào các trung tâm đào tạo kỹ thuật. Nhân viên đã thụ hưởng những khóa đào tạo kỹ thuật từ những tập đoàn hàng đầu trên thế giới. Các khóa đào tạo thì đặc thù nhằm vào mục đích bổ sung cho nguồn lực do các công ty đa quốc gia mang đến và đảm bảo việc sử dụng một cách hoàn hảo ngân sách giáo dục xét dưới lăng kính phát triển. Tuy nhiên, việc đào tạo cũng đủ bao quát, cho phép các công nhân có thể chuyển đổi thành công qua những công việc đòi hỏi cao hơn sau này. Jeiss, một công ty sản xuất các thiết bị chính xác về quang học của Đức, đã huấn luyện 4.000 sinh viên ở Singapore. Khi mà nhà máy suy thoái trước sự cạnh tranh đổi mới của người Nhật, nhiều người trong số các công nhân lành nghề này đã được Seagate tuyển dụng để sản xuất các ổ đĩa.[\[82\]](#)

Cơ hội giáo dục được mở rộng đến mọi người. Hệ thống giáo dục không hề có thiên kiến đối với phái nữ và còn cho phép họ gia tăng sự tham dự vào thị trường lao động. Vào năm 1999 phái nữ đã chiếm tới 43% trong hai trường đại học công. Tuy nhiên, như ở những nơi khác, con em của những gia đình mà cha mẹ ít học vẫn thường gặp bất lợi khi đi học. Người ta đã nỗ lực rất lớn để cải thiện kết quả học tập của thiểu số người Malay, những người thích nền giáo dục trên cơ sở tôn giáo và một số đông con em các gia đình này đã tụt hậu. Việc mở ra những cơ hội rộng rãi cho mọi người tương phản với những quốc gia như Pakistan, nơi mà những thiếu nữ ở các vùng nông thôn thường không có điều kiện thích ứng để tiếp thu nền giáo dục có chất lượng.

Việc chia sẻ sự tăng trưởng bằng tái phân phối tài sản Đảng PAP khởi đầu là một đảng xã hội. Nó rút lui ra khỏi Quốc tế Xã hội vào năm 1976 trước sự đe dọa của Đảng Lao động Hà Lan khi bị cáo buộc là đàn áp hoạt động của các công đoàn

độc lập và tự do báo chí. Nhưng nó tin vào việc chia sẻ tăng trưởng kinh tế một cách công bình. Được lãnh đạo bởi những người ôn hòa như ông Lý Quang Diệu, chủ nghĩa xã hội của nó thì không mang tính chất ý thức hệ. Cơ sở lý luận của nó là không chấp nhận các chính sách tái phân bổ lợi tức theo đường lối xã hội chủ nghĩa cấp tiến. Nó không ưa chuộng chi phí lợi tức kinh tế cao và tỷ suất thuế lợi tức có khuynh hướng làm suy giảm đạo đức lao động và sự tạo ra công ăn việc làm.

Đảng PAP hoàn toàn đối nghịch với một nền văn hóa lệ thuộc của những kẻ chỉ biết ngửa tay nhận tiền phúc lợi xã hội hay trợ cấp thất nghiệp, phải cảnh giác về việc làm suy thoái cơ cấu tổ chức xã hội và tin rằng giải pháp tạo ra các cơ hội rộng rãi cho mọi người cùng tham dự trong công cuộc tăng trưởng kinh tế là tuyệt vời. Mạng lưới hỗ trợ an toàn trong gia đình hay thông qua các tổ chức tự nguyện được ưa chuộng hơn. Nhà nước nhấn mạnh đến bình đẳng hóa trong việc đem đến các cơ hội trước đó chứ không phải lo toan hậu quả sau này. Việc tái phân bổ định kỳ những thặng dư tài chính tích lũy được đã diễn ra chủ yếu dưới hình thức gia tăng tài sản, đẩy cao những tài khoản trong quỹ dự phòng CPF, cung ứng hỗ trợ trong việc tăng cường tính công bằng ở lĩnh vực phân phối nhà ở hay phân bổ các cổ phiếu của các công ty tư nhân hóa. Khi cổ phiếu của công ty Viễn Thông Singapore được đưa ra công chúng vào năm 1993, chính quyền đã cung cấp phần lớn những cổ phiếu này để bán bằng nửa giá thị trường cho tất cả các công dân trưởng thành.

Một trong những đặc điểm của tái phân bổ gây ngạc nhiên theo truyền thống của chủ nghĩa xã hội cấp tiến đã diễn ra như là hiệu quả phụ của chính sách đất đai Singapore. Luật Sở hữu Đất đai (1966) cho phép nhà nước đảm bảo có đủ đất cần thiết để xây dựng các công trình công cộng như trường học, nhà thương, nhà ở cho nhân dân và xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm đường sá, kênh, công trình cấp thoát nước và hệ thống Chuyển tải Đại chúng Nhanh chóng (Mass Rapid Transit – MRT). Theo đạo luật này, đất đai do nhà nước và các công ty quốc doanh sở hữu đã lên đến con số 90% tổng số đất đai mà trước đây chỉ là khoảng 40% vào năm 1960. Ngoài việc chiếm giữ đất đai do quân đội Anh để lại, nhà nước được quyền giữ lại một phần giá trị đang tăng lên của đất đai Singapore từ các chủ cá thể bằng cách chỉ mua đất đai dưới giá thị trường. Vào cuối thập niên 1970, nhà cầm quyền đã tu chỉnh luật để có thể có thêm quyền lực sở hữu đất đai cho mục đích công cộng ở mức giá thời điểm ban đầu, sau đó cố định vào ngày 30/11/1973.

Người ta lý luận rằng những ông chủ đất đai tư nhân không thể kiếm lợi dựa vào việc tăng giá đất đai do sự phát triển kinh tế và cơ sở hạ tầng mà nhà nước phải trả cho các quỹ công ích.[83] Sau này người ta đã định kỳ chỉnh mức giá những năm cơ sở gần hơn bởi vì giá thị trường tiếp tục lên cao. Chính quyền đã cho thuê đất đai thuộc quyền sở hữu của mình để phát triển nơi cư trú, các trung tâm thương mại, các trung tâm kỹ nghệ trong thời hạn lên đến 99 năm.⁸⁵ Lợi tức từ những khoản cho thuê này cho phép mức thuế thấp hơn mà lẽ ra nó phải cao hơn thế. Hình thức tái phân bố của cái này không tạo nên sự kém phần khởi trong nhân dân về việc tái phân bố lợi tức.

Chính sách khích lệ xã hội ở Singapore rõ ràng đã đem lại kết quả trong lĩnh vực nhà cửa công ích.[84] Từ năm 1960-1980, Ủy ban phát triển nhà ở (HDB) đã xây dựng gần 400.000 căn hộ với một tốc độ hết sức nhanh chóng. Một số lớn những người dân đã rời bỏ những căn nhà ổ chuột và khu xóm tồi tàn để chuyển vào những căn hộ mà ban đầu họ chỉ thuê nhưng dần dần họ sẽ mua từ HDB. Với mức lợi tức gia tăng theo thời gian, những ông chủ sẽ chuyển đến các căn nhà lớn hơn của HDB, bao gồm cả những căn hộ cao cấp hoặc là những dãy nhà trong chung cư. Vào năm 2005, hơn 88% dân số đã sống trong các ngôi nhà do nhà nước xây nên và 93% đã sở hữu được nhà cửa của mình. Chính quyền đã tài trợ rất nhiều cho những khoản vay cầm cố và với giá mua những căn hộ của HDB cho phù hợp với mức thu nhập cụ thể của từng người.

Người ta tin rằng việc sở hữu những ngôi nhà làm tăng sự cam kết trong việc bảo vệ tổ quốc và hết sức quan trọng đối với sự đoàn kết quốc gia. Đây là tài sản thế chấp cho sự đóng góp của họ, dân chúng phải làm việc và tiết kiệm. Chính mái nhà trên đầu họ đã biến những người làm thuê bơ vơ hờ hững trở thành những ông chủ gia đình có trách nhiệm với lợi ích rõ rệt nhất cho cộng đồng dân cư khi mà quyền sở hữu ngôi nhà trở thành quyền sở hữu cổ phần. Những ngôi nhà tạo nên nền tảng và hội đồng dân cư trong khu vực hành xử như một tổ chức cơ sở có liên hệ với chính quyền. Nhằm mục đích tăng cường sự đùm bọc lẫn nhau trong gia đình, chính quyền đã cấp nhà cho những đôi vợ chồng mới cưới, miễn là họ chọn sống trong phạm vi gần với gia đình với cha mẹ của mình. Những giới hạn sắc tộc trong cộng đồng dân cư đã không cho phép tập trung về mặt tôn giáo cũng như sắc tộc, khuyến khích sự phân tán các sắc tộc và cuộc sống sẽ trở nên đa dạng.

Theo như những nhận xét của Linda Low, Nhật Bản, Nam Hàn và Đài Loan đã thực hiện những cải cách ruộng đất một cách cấp tiến dưới sự điều hành của một

chính quyền mạnh mẽ. Điều này đặt nền tảng cho sự bình đẳng các cơ hội và tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia này. Ngược lại chính sách cải cách ruộng đất ở Philippines thất bại trước sự quản lý dân chủ kiểu Mỹ sau năm 1945 và những quyền lực phong kiến cát cứ vẫn tồn tại dai dẳng. Ở Singapore thì chương trình nhà ở công cộng về một phương diện nào đó giống như cải cách ruộng đất. Nó có thể được gọi là: "Thế giới vi mô của một nước Singapore do chính quyền tạo ra".[85]

THIẾT KẾ CHÍNH SÁCH HIỆU QUẢ

Những chính sách của Singapore quan tâm tới kỷ luật trong sử dụng ngân sách, dựa vào việc khuyến khích về mặt giá cả, và tạo ra những cơ hội cho mọi người tham dự vào sự tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra những chính sách được thiết kế rất khéo léo. Chính quyền giải quyết những hạn chế ràng buộc chủ yếu xuất hiện theo thời gian, làm sao cho chính sách thích nghi với điều kiện đang thay đổi và với hoàn cảnh của địa phương, cũng như thay đổi đường lối khi phát hiện ra những sai lầm đã xảy ra trong chính sách. Những chính sách được hoạch định một cách cẩn thận, chặt chẽ và đáng tin cậy. Ngay buổi đầu, không thể có chính sách tổng quát cho 40 năm sau nhưng có những nguyên lý nền tảng mà các chính sách phát triển từ đó.

Giải quyết những hạn chế ràng buộc

Trong những bài viết nói về sự phát triển gần đây, người ta nhấn mạnh là các quốc gia phải tìm cho mình con đường để hướng đầu tư tư nhân vào những lĩnh vực phi truyền thống để tạo ra sự tiếp nối cho những chương sách phát triển thành công. Nếu không thì sự tăng trưởng sẽ bị suy tàn.[86] Schumpeter đã nhận ra rằng tiến trình tạo ra những nền công nghiệp mới và bỏ đi những nền công nghiệp cũ là một đặc điểm chủ yếu của chủ nghĩa tư bản.[87] Bằng cách giải quyết những hạn chế ràng buộc này, các chính sách kinh tế sẽ mở đường cho sự phát triển của những hoạt động đem lại lợi nhuận mới.

Lịch sử phát triển Singapore đã minh chứng cho tiến trình chuyển dịch sang những hoạt động có giá trị gia tăng cao như nâng cao năng suất, đem lại kết quả là sự chuyển hóa cơ cấu liên tục. Trong khi một số quốc gia, chính quyền tự giới hạn mình trong việc tạo ra một bầu không khí thích hợp cho các doanh nghiệp tư nhân khởi sự làm ăn, chính quyền Singapore đã chủ động kiến tạo những giai

đoạn kế tiếp, chỉ đạo việc tái cơ cấu từng bước, bao gồm cả hệ thống doanh nghiệp nhà nước.

Việc thu nhỏ thị trường nội địa sau khi tách khỏi Malaysia đã đưa đến chiến lược nhập khẩu hàng thay thế, mà Singapore chỉ theo đuổi ít lâu, đã không còn tồn tại. Chẳng bao lâu thì thành phố – quốc gia trở lại với truyền thống lâu đời là một cảng tự do và những lợi điểm của thị trường quốc tế mở khiến cho mô hình thương mại kho – cảng trở nên hiệu quả. Thế nên trong suốt những năm 1967-1973, Singapore đã ủng hộ cho việc công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu, tập trung vào việc sản xuất các sản phẩm gia công và có giá trị thấp như dệt may, bàn ghế, dụng cụ điện gia đình, sửa chữa tàu và những công việc lặp đi lặp lại đơn giản trong lĩnh vực điện tử tiêu dùng. Tiếp sau đó đến giai đoạn tăng vốn với sự đầu tư vào công nghệ lọc dầu và hóa chất.

Những hạn chế trong suốt thời kỳ này là tinh thần doanh nghiệp nội địa đã không đủ tạo ra những việc làm cho số đông các công nhân thất nghiệp và tay nghề thấp. Tạo ra những điều kiện thuận lợi cho các công ty đa quốc gia (MNC) chuyển dịch đến cư trú ở Singapore là chìa khóa để giải quyết vấn đề này. Công ty Jurong Town vừa mới thành lập đã phát triển và điều hành bất động sản công nghiệp và cung ứng những nhà máy làm sẵn. Vào năm 1967, những ưu đãi về thuế đã được đưa vào để khích lệ xuất khẩu. Năm 1968, người ta đưa vào luật hỗ trợ giải quyết mối quan hệ hài hòa trong lao động cũng như điều hòa tiền công ổn thỏa, giúp giải quyết tình trạng thất nghiệp. Các công ty đa quốc gia đã có lợi nhiều từ hạ tầng cơ sở được nhà nước cung cấp. Đầu thập niên 1970, người ta đã nhìn thấy những chương trình nhà ở công cộng phát triển nhanh chóng tạo nên việc làm và đóng góp vào sự ổn định của xã hội.

Thời kỳ 1973-1984 người ta nhắm đến việc tái cơ cấu lại kinh tế nhằm mục đích bắt kịp tiến bộ về kỹ thuật. Việc đạt được chế độ toàn dụng đã tạo ra những áp lực lên vấn đề lương bổng. Để có thể tiếp tục giữ vững sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, đòi hỏi phải nâng cấp hàng xuất khẩu. Đầu tư vào những lĩnh vực đòi hỏi tay nghề và công nghệ bao gồm điện tử, vi tính, kỹ thuật máy móc chính xác và dược phẩm trở nên quan trọng trong việc tạo ra những giá trị tăng cao ở từng công nhân. Những chính sách đã ủng hộ việc chuyển dịch này: ưu đãi miễn thuế trong thời kỳ này đã khuyến khích việc đầu tư vào những hoạt động nâng cao tay nghề.^[88] Những hạn chế trở thành người lao động có tay nghề làm hàng xuất khẩu giá trị cao. Những trung tâm đào tạo công nghiệp trợ cấp bởi nhà nước, được thiết lập kết hợp với các công ty đa quốc gia xây dựng nên những kỹ

năng làm việc cho công nhân. Để khuyến khích những doanh nghiệp hướng về mục đích tự động hóa, một mức thuế đánh vào những lao động không có tay nghề từ nước ngoài đã được áp dụng vào năm 1978, việc tăng lương vượt năng suất trong thực tế đã được khuyến khích và sự đóng góp của giới chủ vào quỹ dự phòng quốc gia CPF đã nâng lên tới 25% của mức lương vào năm 1984.

Trong suốt những năm 1985-1997, Singapore đã nhắm đến việc đa dạng hóa kinh tế, theo từng lĩnh vực và phù hợp với địa lý. Sự kiện suy thoái 1985 đã đưa ra một mối hiểm nguy trong việc quá mức tập trung vào xuất khẩu ở một số lĩnh vực như điện tử và hóa chất. Singapore phải phát triển và tỏ ra cạnh tranh hơn trên một phạm vi rộng của những hoạt động. Trong lĩnh vực dịch vụ, trọng tâm chuyển từ việc tận dụng vị trí địa lý của thành phố – quốc gia và những kinh nghiệm thương mại sang mục đích phát triển một cách thành công vận chuyển đường hàng không, viễn thông, logistics, vận chuyển hàng hải và các cơ sở giao nhận hàng. Những dịch vụ thương mại và tài chính cũng được đẩy mạnh hơn, dựa theo thị trường hải ngoại bắt đầu từ năm 1968. Một thị trường trái phiếu dựa trên đồng đô la ở châu Á cũng đã được nhà nước tạo ra và sau năm 1985, trọng tâm là xây dựng công nghiệp quản lý tài sản nội địa nhằm giảm bớt sự lệ thuộc vào New York. Vào năm 1993 thì Singapore đã là nước chủ nhà của 115 ngân hàng nước ngoài. Ở thập niên 1990, người ta thấy trọng tâm hướng đến những phương tiện tổ chức hội nghị như thiết lập các trung tâm thương mại hoàn chỉnh. Ngành công nghệ sinh học và các công ty đa quốc gia khác đã được thu hút để đặt các văn phòng phụ trách địa phương ở các khu vực và những phương tiện hỗ trợ cho công việc R&D (điều nghiên và phát triển) đến Singapore. Những dịch vụ thương mại và tài chính phát triển lên đến 1/4 GDP.

Trong khi đó nền công nghiệp hóa chuyển dịch theo hướng tăng cường vốn và tay nghề, ví dụ như công nghệ chính xác và những khía cạnh phức tạp trong việc thiết kế phần mềm, ổ đĩa và dược phẩm. Một lần nữa, chính sách lại hỗ trợ cho thời kỳ chuyển giao này: chính quyền mở rộng các cơ sở giáo dục thu hút nhiều học sinh với thời gian học lâu hơn. Để giảm bớt "tính dễ tổn thương", Singapore cũng đã tìm nguồn thu nhập khác bằng việc giúp các công ty phát triển và vươn ra trong khu vực.

Thời kỳ sau năm 1997-1998, châu Á rơi vào khủng hoảng tài chính, Singapore lại phát triển hơn nữa để tiến tới một nền kinh tế tri thức có tính chất cạnh tranh toàn cầu và tiên tiến.[\[89\]](#)

Việc tái cơ cấu tiếp diễn nhằm mục đích đảm bảo tính cạnh tranh dài hạn. Công nghệ hóa chất, sinh hóa và dược phẩm được nhằm đến việc làm giảm bớt sự lệ thuộc vào ngành công nghệ IT xoay vòng vốn chi phí cao nhưng không ổn định với mức lãi ngày một giảm sút. Trong lĩnh vực điện tử và hóa chất vẫn có sự nâng cấp thường xuyên để đáp ứng những yêu cầu ngày một gia tăng. Singapore đã chuyển dịch để trở thành một trung tâm cách tân giảng dạy đại học, giáo dục kinh thương, đem lại các cơ hội, đầu tư vốn cho những thiết kế kỹ thuật, phát triển phần mềm và gần đây nhất là các phim trường truyền thông, công nghệ tái xử lý nước thải, lọc nước và những nhà máy xử lý thẩm thấu theo qui trình ngược. Singapore nhằm đến việc trở thành một giao điểm quan trọng trong hệ thống toàn cầu của con người và ý tưởng. Công nghệ truyền thông kỹ thuật số tương tác đã bắt đầu với sự xuất hiện của các công ty như Lucas Film và được dự báo sẽ sản sinh ra 3% tổng sản lượng thu nhập quốc dân (GDP) vào năm 2018. Công nghệ lọc nước, xử lý môi trường và công nghệ vi sinh học cũng được kỳ vọng tạo ra 40.000 việc làm mới vào năm 2015. Người ta đã nhấn mạnh đến những dịch vụ tiếp thị và thiết kế cũng như việc biến Singapore thành một điểm ưa chuộng cho các sự kiện quốc tế.

Ý định này cũng nhằm biến Singapore thành một trung tâm điều hành các ngân hàng tư nhân trong khu vực, trung tâm y khoa, giáo dục, bảo vệ sở hữu trí tuệ và du lịch. Những chính sách hỗ trợ cho việc chuyển dịch gần đây thông qua hàng loạt các biện pháp như sau: Singapore phát triển những cảnh trí của mình và những sự thú vị khác để hấp dẫn các nhà kinh doanh chuyên nghiệp nước ngoài và các công nhân lành nghề.

Lo lắng về sự lệ thuộc vào những thị trường khu vực, Singapore đã khuyến khích các công ty của mình đặt văn phòng ở những địa điểm bên ngoài khối ASEAN và châu Á, và cho phép các công ty Singapore thiết lập những quan hệ toàn cầu và cạnh tranh trên trường quốc tế. Để hỗ trợ cho sự tăng trưởng thương mại nhanh chóng, một loạt các thỏa ước thương mại song phương và Thỏa ước Hợp tác Kinh tế Toàn diện (Comprehensive Economic Cooperation Agreements – CECAs) đã hoàn tất với nhiều quốc gia bao gồm Tân Tây Lan (năm 2000), Nhật Bản (2002), Úc (2003), Mỹ (2003), Ấn Độ (2005), và Nam Hàn (2005), để bổ sung nỗ lực tiếp tục của Singapore nhằm tới việc tự do hóa mậu dịch khu vực và đa phương. Người ta nhấn mạnh đến tính sáng tạo, sự cách tân, tinh thần doanh nghiệp là những nguồn lực mới làm tăng năng suất.

Nhiều quốc gia đã hoạch định các chiến lược chính sách kinh tế một cách chặt

chê với những chương trình cải cách cơ cấu nhằm giải quyết rất nhiều vấn đề. Tuy nhiên thường thì những chính sách này thất bại khi tập trung giải quyết những hạn chế của nó, chủ yếu là vì lý do chính trị. Kết quả là hiệu quả tăng trưởng đã trở thành một điều thất vọng. Thay vì cố gắng giải quyết tất cả mọi việc cùng một lúc, người ta có thể đạt được những kết quả tốt hơn nếu chính quyền chẩn đoán được những ràng buộc chủ yếu mà nền kinh tế của họ phải đối đầu vào một thời điểm nào đấy. Tìm một chìa khóa xe đã mất trong đêm dưới ánh sáng ngọn đèn đường gần đấy, nếu người ta ngay từ đầu không quan tâm đến nơi mà chìa khóa bị mất, nhưng "Chỉ vì đó là nơi có đèn chiếu sáng" thì không thể nào khởi động lại máy được. Nhà cầm quyền Singapore đã quan tâm đến việc vượt qua những trở ngại hết sức quan trọng hiện nay đối với sự tăng trưởng khi chúng phát sinh cùng với thời gian theo trình tự của những mục tiêu cải cách, vì mỗi thập niên lại có những thử thách mới.

Việc tăng trưởng đem lại thay đổi nhanh chóng trong thành phần cấu tạo xét về phương diện sản xuất, một phần nó được kích lệ bởi sự tập hợp lực lượng cạnh tranh trong khu vực và trên toàn cầu, và điều này đã làm lợi cho nền kinh tế cởi mở cao độ của Singapore. Bản thân toàn cầu hóa cũng được kích thích khi những sách lược thành công của Singapore và các nền kinh tế Đông Á hiệu quả cao khác cũng đã được những nơi khác học hỏi và bắt chước. Singapore đã chứng tỏ sự thích nghi nhanh chóng và sự phục hồi nhanh, đáp ứng việc chuyển dịch của những ưu thế tương đối của một nền kinh tế từng bước vươn lên trên bậc thang giá trị, tận dụng tất cả những lợi điểm mà các công ty đa quốc gia có thể đem lại. Chính sách kinh tế đã giúp cho việc chuyển tiếp của giai đoạn giao thời này dễ dàng...

Sự thích nghi của chính sách thực dụng và sửa chữa sai lầm

Những chính sách được làm cho thích nghi và thậm chí sửa lại hoàn toàn khi tình hình thay đổi. Nhà nước thì dị ứng với rủi ro và tuyệt đối cẩn thận. Bắt đầu từ năm 1959, nhà cầm quyền đã không bỏ đi di sản của người Anh để lại trên đất nước Singapore, mà lại gìn giữ và cải thiện nó theo những gì mà họ cảm thấy hữu ích. Không có đề án chính sách nào cho 40 năm kế tiếp, nhưng những giá trị căn bản không hề thay đổi. Chính quyền phải sáng tạo và đổi mới, nhưng cũng phải linh hoạt trong nhiều lĩnh vực chính sách. Vào thập niên 1960, chính quyền đã khuyến khích các cặp đôi, cung cấp cho họ trợ giúp tài chính, giới hạn số con mà họ sinh ra là hai cho mỗi gia đình. Khi mà tỉ lệ sinh giảm nghiêm trọng đưa đến sự thiếu lao động và dân số ngày một già đi như vào năm 1986, chính quyền

chuyển sang hành động hỗ trợ sinh sản – mà một số người nói rằng khá muộn. Câu khẩu hiệu trước đây "Dừng lại ở hai" trong chính sách quản lý sinh sản đã được thay thế bằng một lời động viên "Hai hay nhiều con trẻ cho mỗi gia đình nếu cha mẹ có phương tiện đem lại cho nó sự dạy dỗ và giáo dục có chất lượng". Chính sách giáo dục cũng đã thay đổi một cách thực dụng theo thời gian^[90], tương tự như vậy là vấn đề giao thông và chính sách chăm sóc sức khỏe cũng đã thay đổi như thảo luận ở phần trên.

Đôi khi chính sách cũng thất bại, không như dự liệu. Khi người ta đánh giá đã phán đoán hay tính toán nhầm, nhà nước phải hành động chuyển hướng chính sách ngay. Một trong những trường hợp ví dụ hiếm hoi đã xảy ra vào đầu thập niên 1980, khi mà bản thân "Chính sách sửa đổi tiền lương" phải sửa đổi.

Trong suốt những năm từ 1973 đến 1980, chính sách giữ vững đồng lương trong tay đã khuyến khích các công nhân nước ngoài tràn vào với năng suất thấp. Điều này lập tức khiến người ta phải tái cơ cấu nền công nghiệp. Bắt đầu từ năm 1979, nhà nước đã sửa đổi những chính sách lương bổng thấp một cách cố ý này bằng việc khuyến khích tăng lương khi vượt năng suất, với hy vọng rằng điều này sẽ khích lệ các công ty chuyển dịch nhanh về hoạt động tăng cường vốn và giá trị cao. Chính sách về lương cao năm 1979 cổ vũ cho việc tái cơ cấu lại một cách muộn màng nền kinh tế của mình. Tuy nhiên thời gian mà các doanh nghiệp, các nhà máy phản ứng lại chậm hơn dự kiến rất nhiều. Mặc dù chính sách đã thành công trong việc khuyến khích giới chủ tái cơ cấu lại chi phí công nhân, nhất là khoản phải đóng góp cho quỹ dự phòng CPF, lại gia tăng nhanh chóng và về lâu dài đẩy chính là sự đánh mất đi tính cạnh tranh, cuối cùng đó là một vấn đề.^[91] Điều này làm trầm trọng hơn cuộc suy thoái năm 1985, và những chính sách ban đầu sau đó đã phải bỏ đi, nhằm hỗ trợ cho việc cắt giảm đáng kể tỉ lệ đóng vào quỹ CPF và việc chấm dứt hay giảm bớt thuế tuyển dụng. Năm 2005 chính quyền đã quyết định xây nên những khu nghỉ tổng hợp, đổi lại chính sách về lâu dài đối với các sông bạc. Trong thành phố – quốc gia bé nhỏ này, luôn luôn có những khoảng cách mong manh cho những sai lầm và những chính sách phải được thiết kế nhằm mục đích phù hợp với tình hình đang thay đổi.

Chính sách được thiết lập phù hợp với điều kiện địa phương.

Mô hình chính sách tiền tệ và tỷ giá hối đoái từ năm 1980 là một trường hợp cần

phải nghiên cứu[92]. Vào thời gian đó, việc kiểm soát tỉ giá hối đoái đã dần dần được gỡ bỏ và Singapore đã hòa nhập một cách trọn vẹn vào thị trường tư bản toàn cầu: dòng chảy chênh lệch tỉ giá có nghĩa rằng Singapore có thể định ra mức danh nghĩa hoặc là tỉ suất lãi nội địa hoặc tỉ giá hối đoái, nhưng không thể cả hai.

Việc mở rộng tuyệt đối kinh doanh thương mại đã thuyết phục nhà cầm quyền phải vận hành những chính sách tiền tệ thông qua những thay đổi trong tỉ giá hối đoái danh nghĩa như một mục tiêu chung, với sự bình ổn giá cả nội địa như mục tiêu cuối cùng. Sự tràn ngập hàng hóa nhập khẩu có nghĩa là giá cả nội địa của Singapore đã tương đương với giá cả quốc tế nhân với tỷ giá hối đoái. Trong những điều kiện này, thì một chính sách dẫn đến việc tăng giá danh nghĩa đồng đô la Singapore sẽ có ảnh hưởng hữu hiệu đến việc làm giảm đi giá cả và chi phí nội địa, cho phép Ủy ban Giám sát Tiền tệ (MAS) vô hiệu mức độ lạm phát nhập khẩu. Cũng quan trọng không kém, một chính sách cố ý làm giảm đi giá trị đồng tiền của mình để khích lệ xuất khẩu thì có lẽ cũng không hiệu quả, bởi vì nó sẽ mở đường cho hàng hóa nhập khẩu thấp hơn giá cả trong nước và đồng lương trong nước. Thay vào đó Singapore đã dựa trên sự cải thiện năng suất để duy trì tính cạnh tranh.

Singapore có một hệ thống, một chế độ hối đoái hỗn hợp có thể kết hợp tính chất của ba hệ thống khác nhau. Đồng đô la Singapore là một đồng tiền thả nổi, như ở trong một chế độ tỷ giá hối đoái linh hoạt, nhưng chỉ trong một phạm vi không được tiết lộ. MAS tham gia – và khống chế – thị trường tỉ giá hối đoái, trên cơ sở cung cầu như thị trường đòi hỏi, để giữ tỷ giá không vượt ra ngoài biên độ – một đặc điểm nổi bật của hệ thống tỷ giá cố định. Cuối cùng trong một chế độ được quản lý tốt, MAS sẽ định ra phạm vi của tỷ giá theo từng thời điểm, xét đến áp lực của mức độ lạm phát hiện tại và trong tương lai. Nếu lạm phát bên ngoài – hay ở mức độ nhỏ hơn, chi phí đơn vị tiền công trong nước tăng theo sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ – đe dọa đẩy mạnh tình trạng lạm phát đến mức độ không thể chấp nhận được, biên độ tỷ giá hối đoái sẽ được nâng lên cho phép tăng giá đồng tiền danh nghĩa và như thế sẽ giữ được sự bình ổn về giá cả nội địa. Mặc dù tỷ giá hối đoái thường được ghi bằng đồng đô la Mỹ, nhưng MAS đã điều hành tỷ giá của đồng đô la Singapore và hoạch định chính sách dựa trên rõ tiền tệ trọng tâm mật dịch không công bố.

Việc can thiệp chính thức của nhà nước vào thị trường tỷ giá hối đoái đã làm cho tỷ giá này luôn trong biên độ cho phép. Nếu nguồn vốn đầu cơ đổ vào đe dọa

đồng tiền tăng giá thái quá, MAS sẽ vào cuộc bằng cách mua vào nguồn dự trữ ngoại tệ chính thức bằng việc bán đô la Singapore ra. Tương tự nếu hệ thống thanh khoản trong nước cạn kiệt gây ra do sự tiết kiệm cao dưới hình thức thặng dư ngân sách hay khoản đóng góp lớn lao cho quỹ dự phòng CPF, sẽ buộc MAS đáp ứng nhu cầu đòi hỏi đô la Singapore bằng cách mua vào ngoại tệ để bổ sung thêm cho quỹ dự trữ chính thức của mình.

Hệ thống hoạch định theo cách này đã phục vụ Singapore rất tốt, cùng với nó tỷ giá hối đoái thực sự luôn mang tính cạnh tranh khi mà Singapore đã tránh được rất nhiều lần sự vượt giá, đặc trưng của chế độ tỷ giá hối đoái cố định thường phải chịu đựng tình trạng lạm phát trong nước. Trong sự thức tỉnh của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, chế độ hiện hành đã cho phép đồng đô la Singapore giảm giá so với đồng đô la Mỹ và những ngoại tệ chủ yếu khác, tuy vậy nó lại tăng giá so với những đồng tiền của các quốc gia láng giềng, mà những đồng tiền này đã bị mất giá sâu sắc bao gồm cả việc mở rộng biên độ cho phép. Sự lạm phát nội địa luôn được giữ bình ổn và sự tin tưởng của quốc tế đặt vào việc quản lý tiền tệ của Singapore vẫn được duy trì đến hôm nay. Việc cắt giảm chi phí không qui ước (Xem phần "Sự can thiệp cố ý của nhà nước" phần sau của chương này) có lẽ là điểm mấu chốt trong việc bổ sung cho chính sách tỷ giá hối đoái.

Chặt chẽ và có thể dự báo được

Một số quốc gia đã có sự tăng trưởng đáng thất vọng chỉ vì sự thiếu chặt chẽ trong chính sách. Daran Acemoglu đã đề cập đến cái gọi là hiệu quả "seesaw" (hay là bấp bênh): một hiệu quả có lợi do thực hiện chính sách giúp "nâng cao" nền kinh tế bị triệt tiêu bằng một biện pháp hủy hoại trong một lĩnh vực chính sách khác "ức chế" nền kinh tế.[\[93\]](#) Một số quốc gia đã mở rộng kinh doanh thương mại quốc tế bằng cách hạ thấp thuế nhập khẩu nhưng thất bại trong việc phục hồi lợi tức bị mất đi ở ngân sách bằng việc mở rộng phạm vi đánh thuế nội địa. Một số khác chú ý cho phép lãi suất trong nước hạ thấp để tìm thấy sự cân bằng do thị trường quyết định mà không xem xét đến chi phí cao trong việc trả các khoản nợ của nhà nước. Một ví dụ khác là người ta thực hiện những điều chỉnh cần thiết về mặt tài chính bằng cách cắt giảm đầu tư cơ sở hạ tầng, chăm sóc sức khỏe căn bản hay chi phí cho giáo dục. Đây là một rủi ro cho nhà cầm quyền đã cam kết thực hiện những chương trình phúc lợi lớn lao, ví dụ như chuyển lợi tức, những khoản phụ cấp ngoài kế hoạch và việc tuyển dụng dư thừa nhân sự cho bộ phận hành chính công.

Ngược lại kinh nghiệm phát triển của Singapore đã cho ta nhiều minh chứng về những chính sách rất chặt chẽ. Những chính sách này đã được kiến tạo một cách cẩn thận để có thể tăng cường hỗ trợ lẫn nhau tạo nên một vòng thuận lý.[\[94\]](#)

Trước hết, nguồn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, (FDI), chính sách lương bổng linh hoạt và chặt chẽ, tạo ra công ăn việc làm, giáo dục, và kết quả của sự tăng trưởng kinh tế tất cả đều kết hợp chặt chẽ trong mỗi liên hệ nhân quả hỗ trợ qua lại theo nhiều hướng khác nhau. Do đó, nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài có thể thực hiện được nhờ vào chính sách lương bổng và giáo dục. Nó tạo ra công ăn việc làm và tăng trưởng kinh tế. Rồi đến lượt sự tăng trưởng này hỗ trợ cho mối quan hệ lao động thân thiện. Đồng lương thực tế gia tăng đều đặn và người công nhân có quyền mua những căn nhà giá thấp và hấp thụ giáo dục, đóng góp vào sự bình ổn chính trị và công nghiệp, cũng như giữ những đòi hỏi lương bổng ở mức độ vừa phải, tất cả tạo nên sự bình ổn cho nền kinh tế vĩ mô. Vì đã đạt được sự tăng trưởng và có việc làm nên người dân không có những ác cảm rõ rệt với lao động và tư bản của nước ngoài.

Hai là tỷ lệ lạm phát nội địa thấp đã hỗ trợ cho sự cạnh tranh trên thương trường quốc tế, cho phép chính quyền vay mượn với chi phí thấp thông qua quỹ dự phòng CPF và thuyết phục những người tham dự quỹ này tin tưởng rằng sức mua của những khoản tiết kiệm tích lũy được của họ sẽ không bị suy giảm. Nó tạo nên niềm tin vào giá trị của đồng đô la Singapore, cho phép lĩnh vực tài chính phát triển, và chính là công cụ duy trì kỷ cương trong lương bổng. Sự bình ổn của nền kinh tế vĩ mô đã đem lại nền tảng vững chắc cho phép người ta tiếp cận không hạn chế đối với ngoại hối và chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.

Những chính sách có thể tiên liệu và được tin tưởng vì chặt chẽ. Những điều kiện thương mại sa sút qua cuộc khủng hoảng dầu hỏa đã được giải quyết thông qua việc điều chỉnh những khoản chi xuống một mức thu nhập khả dụng thấp hơn. Vấn đề tài trợ được giới hạn bằng việc rút dần một khoản hạn chế những tài sản đã tích lũy từ tiết kiệm ban đầu và không làm phát sinh tình trạng công nợ. Do đó, nền kinh tế đã hồi phục mạnh mẽ nhanh chóng và các nhà đầu tư giữ vững lòng tin. Có sự liên tục đáng kể trong những nguyên tắc chủ đạo và trong việc hoạch định chiến lược kể từ năm 1965, tuy rằng đã có những thay đổi quan trọng diễn ra một cách thực tiễn nhằm đáp ứng lại bối cảnh kinh tế thế giới đang phát triển. Những chính sách ấy về mặt chính trị thì hết sức bình ổn dựa vào mối quan hệ hợp tác và sự tin tưởng lẫn nhau giữa chính quyền và những tổ chức kinh tế chủ yếu. Sự hồi phục và thích nghi một cách đáng nể đối với những

khủng hoảng từ bên ngoài hay những thách thức từ bên ngoài đã đem lại những điều lợi cho chính nó, thành công nay lại mở lối cho thành công khác.

BỐN NGUYÊN TẮC CĂN BẢN

Khuôn khổ chính sách của Singapore là yếu tố chủ yếu dẫn đến sự thành công vượt bậc của quốc gia này. Bốn nguyên tắc rộng rãi đã được nhận diện là: (i) kỷ luật sử dụng ngân sách đã giúp phát sinh ra những khoản tiết kiệm và tạo dựng nền tảng cho sự bình ổn kinh tế vĩ mô, tạo cảm hứng cho sự tự tin; (ii) việc sử dụng trợ giá trong những lĩnh vực then chốt, ví dụ như chăm sóc sức khỏe, giao thông và thị trường lao động, cũng như hội nhập với thị trường toàn cầu đã hỗ trợ cho việc phân bổ các nguồn lực một cách hiệu quả; (iii). Những cơ hội tham dự vào việc tăng trưởng kinh tế được tạo ra và chia sẻ rộng rãi trong dân chúng bằng cách đẩy mạnh năng suất của người dân thông qua tình trạng sức khỏe tốt đẹp, nền giáo dục ưu việt và nhà cửa khang trang; và điều thứ tư (iv) chính sách được hoạch định một cách chu đáo. Chính sách đã tạo thuận lợi cho việc tái cơ cấu năng động bằng cách giải quyết những ràng buộc về đầu tư cá nhân trong những hoạt động sinh lợi mới, thích nghi với những điều kiện đang thay đổi theo thời gian, xem xét tới những yếu tố địa phương, và hết sức chặt chẽ. Tất cả bốn nguyên tắc này được áp dụng rộng rãi với những chính sách khác đã giúp cho Singapore tích lũy được những yếu tố sản xuất rất cao và năng suất gia tăng, ở trường hợp Singapore, là sự tập trung vào nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn còn tiếp tục đổ vào.

Ở phần trên, chúng ta đã làm rõ bốn nguyên tắc bao quát chính sách này, và cũng vừa minh họa trường hợp đặc thù của Singapore, đã đem lại một chuẩn mực hữu dụng cho các quốc gia khác tự đánh giá chính sách kinh tế của chính họ và sự đóng góp cho tăng trưởng kinh tế. Mặc dù người ta còn có thể tranh cãi về mức độ và tầm vóc, ví dụ như tiết kiệm, thì bản thân những nguyên tắc này đã đủ tính phổ quát, không cần tranh cãi.^[95] Một yếu tố then chốt trong các chính sách kinh tế của Singapore mà giờ đây chúng ta quay trở lại thì ít được áp dụng thường xuyên.

SỰ CAN THIỆP CÓ CHỦ Ý CỦA NHÀ NƯỚC

Ở Singapore, thành phần kinh tế nhà nước chứ không phải tư nhân bản địa là động lực cho sự phát triển. Một bàn tay vô hình phụng sự cho những phúc lợi

chung thông qua tư lợi được dẫn dắt bởi một bàn tay hữu hình mạnh mẽ của nhà nước thông qua một sự can thiệp đầy thiện ý.[\[96\]](#) Không có nguyên tắc nền tảng cho một thị trường không định hướng hay phi can thiệp.

Thay vào đó chính quyền đã cùng làm việc với thị trường: họ không bỏ mặc hay chỉ đạo nó. Goh Keng Swee, người trước đây là kiến trúc sư mô hình kinh tế của Singapore không hề thấy mâu thuẫn giữa việc cổ vũ những nguyên lý thị trường tự do và tán thành sự can thiệp hữu hiệu của nhà nước khi cần thiết.

Chính quyền của đảng PAP đã can thiệp mạnh mẽ khắp các lĩnh vực kinh tế. Họ hoạch định những chiến lược dài hạn cho đất nước như thể bản thân họ là một công ty. Việc thực hiện kế hoạch kinh tế chủ yếu bắt đầu từ năm 1960 cùng chuyến viếng thăm của tiến sĩ Albert Winsemius và định kỳ sau đó ông đã đưa ra khuôn khổ cho những chính sách kinh tế. Những lực lượng hành động và những ủy ban tư vấn kinh tế rải rác trong suốt 40 năm qua, đã đưa ra những mục tiêu cụ thể và định lượng. Chính sách đã được đúc rút một cách có phương pháp để giải quyết các vấn đề cụ thể. Những mục tiêu được định lượng nhằm đạt được tại một thời điểm tương lai là chuẩn mực cho phép người ta điều hành chính sách đúng đường lối. Cuộc tranh cãi về tổng yếu tố sản xuất TFP vào giữa thập niên 1980 đã khai sinh ra một ủy ban mới, được giao nhiệm vụ rõ ràng phải đảm bảo sự tăng trưởng TFP đạt tối thiểu 2% mỗi năm.

Vào năm 2002, một kế hoạch phát triển khoa học đời sống mà mục tiêu quy định rõ là "ít nhất 15 công ty hàng đầu thế giới" sẽ thiết lập văn phòng khu vực của họ ở Singapore vào năm 2010, đây là một mục tiêu cụ thể đáng kể. Có ba khía cạnh cần phải nêu lên.

Vai trò doanh nghiệp

Đầu tiên bản thân nhà nước sẽ đóng vai trò của doanh nghiệp thông qua các công ty quốc doanh. Nhà nước sẽ hành xử với tư cách vừa là người đề ra nghị trình, vừa là người thực hiện cái nghị trình ấy.[\[97\]](#) Một phần quan trọng trong hoạt động kinh tế của Singapore đã được điều hành bởi các ủy ban pháp định của nhà nước hoặc các công ty do nhà nước quản lý, lên đến hàng trăm.[\[98\]](#) Ngoài ra nhà nước đã cho phép sử dụng số tiền tiết kiệm lớn lao từ Quỹ dự phòng CPF. Chính quyền đã dùng các công ty quốc doanh (GLC) trong nỗ lực đa dạng hóa quan hệ thương mại và thoát ra khỏi lệ lối thương mại kho – cảng để chuyển đến các lĩnh

vực mới như đóng tàu, ngân hàng và đồ điện tử.

Họ cũng sử dụng các công ty này như là đối trọng cho sự lệ thuộc của Singapore với các công ty đa quốc gia (MNC), trong khi vẫn nhấn mạnh đến việc điều hành độc lập. Nhiều công ty quốc doanh, như Hàng không Singapore, đã được niêm yết trên thị trường chứng khoán, mặc dù một phần ở trong tay tư nhân. Trong số các công ty quốc doanh chủ yếu khác, công ty Yurong Town đóng vai trò tiên phong trong lĩnh vực xây dựng và quản lý công nghiệp, thương mại và khoa học, do đó cung cấp những hỗ trợ cho các công ty đa quốc gia mới gia nhập. Công ty Công trình Công cộng (PUB), Cảng vụ Singapore (PSA) và Ủy ban Phát triển Nhà ở (HDB) đóng vai trò then chốt.

Singapore cũng như nhiều quốc gia tiên tiến đang phát triển khác chia sẻ vai trò nặng nề của nhà nước trong rất nhiều lĩnh vực hoạt động kinh tế, đây là điều mà cách đây 25 năm người ta vẫn không xem là bất thường. Ở Singapore, như ở nhiều quốc gia khác, các công ty nhà nước đã dần dần được tư nhân hóa.

Tuy nhiên thường thì các công ty nhà nước ở những nơi khác thất bại trong việc chứng minh khả năng sinh lợi hoặc giữ gìn kỷ luật trong chi tiêu ngân sách, và tìm thấy động lực, điều này khác với Singapore, nơi mà các công ty quốc doanh không chỉ có mục đích tạo công ăn việc làm hay là phụng sự xã hội. Nhiều công ty quốc doanh (GLC) đã liên tục ghi nhận những kết quả kinh doanh tài chính mạnh mẽ của mình. Trong số các công ty nổi tiếng và có lợi nhuận cao nhất ở Singapore, là những GLC như Hàng không Singapore, Công ty viễn thông Singapore, ngân hàng DBS, Công ty Keppel, và Công ty Sembcorp. Một báo cáo được công bố về công ty cổ phần Temasek Holdings, một trong bốn công ty cổ phần hàng đầu của nhà nước, đã cho thấy tỷ suất lợi nhuận cổ đông lên tới 18% hằng năm trong suốt 31 năm qua, mặc dù một phần do sự khủng hoảng tài chính châu Á và sự biến thiên mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, tỷ suất lợi nhuận đã thấp hơn trong vòng 5-10 năm qua.^[99] Hàng không Singapore đã từ lâu được xếp vào một trong những công ty được ngưỡng mộ nhất trên thế giới. Thành công của nó do sự điều hành của đội ngũ lãnh đạo ưu tú và việc điều hành của công ty dựa trên những nguyên tắc thương mại vững chắc của một pháp nhân tự trị sinh lợi nhuận. Ở một thời điểm nào đó, nhà nước đe dọa đóng cửa các công ty nếu như ban lãnh đạo và công đoàn thất bại trong việc hợp tác hoặc nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc tạo ra lợi nhuận.

Sự can thiệp có chọn lọc

Khía cạnh thứ hai là sự can thiệp có chọn lọc. Singapore, trong khi mở cửa rộng rãi cho các nguồn vốn nước ngoài, vẫn lèo lái một cách có chọn lựa. Nhà nước đóng vai trò then chốt, ngoài việc tạo mọi thuận lợi trong việc hướng dẫn đầu tư của tư nhân theo những phương hướng chiến lược. Công cụ chủ yếu của nhà nước sử dụng là giảm thuế và những khích lệ về tài chính bao gồm việc miễn thuế lợi tức trong 5 đến 10 năm và những điều khoản về đất đai được trợ giá cho những hoạt động đặc biệt.

Lý luận kinh tế cho thấy sở dĩ có sự nhượng bộ này là vì nhà đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải tạo ra những lợi ích bổ sung cho Singapore và điều này không hẳn đã phản ảnh trong lợi nhuận của họ. Những điều kiện thuận lợi bên ngoài bao gồm việc chuyển giao kiến thức mạnh mẽ trong các xí nghiệp và một tập hợp các công ty địa phương được chuyên môn hóa sẽ trở thành những nhà cung cấp cho các công ty đa quốc gia (MNC) gia nhập liên doanh với họ và những cơ hội để nắm bắt việc mở rộng hiệu quả kinh tế quy mô lớn một cách năng động, là kết quả của việc học hỏi.

Làm thế nào mà chính sách công nghiệp của Singapore lại có thể tránh được những vết xe đổ đã làm cho các quốc gia khác rơi vào? Đầu tiên việc giảm thuế đã không làm suy giảm lợi tức của nhà nước, mà còn đem lại vị trí mạnh mẽ về mặt tài chính. Ngoài ra, EDB (Ủy ban Phát triển Kinh tế) đã gia nhập liên doanh với một số nhà đầu tư nước ngoài, gạt hái một phần lợi nhuận. Điều này cũng làm lợi cho ngân sách của Singapore. Hai là việc giảm thuế có điều kiện dựa theo hiệu quả hoạt động đã diễn ra từ 1967, Singapore đã giảm một cách đáng kể thuế lợi tức của doanh nghiệp dựa theo lợi nhuận thực tế của nhà sản xuất đã được chấp thuận từ 40% xuống còn 4% trong 15 năm, miễn là các sản phẩm làm ra phải được xuất khẩu: những công ty này phải đáp ứng sự kiểm tra của thị trường thế giới. Thứ ba là con đường phát triển mà các công ty đa quốc gia được mời gọi – ban đầu chú trọng đến gia công, sau đó là tăng vốn và nâng cấp công nghệ cũng như đa dạng hóa là bước tiếp theo – tất cả đều phù hợp với những ưu điểm tương đối mà Singapore đang phát triển.[\[100\]](#) Sản xuất những mặt hàng có giá trị vốn cao phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường. Bốn là số lượng các dự án được nâng cấp đi chệch hướng thì dường như tương đối nhỏ.[\[101\]](#) Tỷ lệ thành công cao phần nào phản ánh bản chất của hệ thống chính trị, đảm bảo là những hoạt động tìm kiếm những đặc quyền đặc lợi đã không quyết định doanh nghiệp hay lĩnh vực kinh tế nào được hưởng ưu đãi.[\[102\]](#) Những bước phát triển

có chủ đích của Singapore đã kích thích một số lĩnh vực mới phát triển trở nên hiệu quả. Kể từ năm 2000, lĩnh vực y sinh học đã phát triển nhanh chóng, trở thành ngành công nghiệp trị giá 18 tỷ đôla Singapore; đóng góp 5% GDP vào năm 2005. Việc chọn lựa trước những người chiến thắng có thể thất bại. Chính quyền đã hết sức thận trọng trong việc hỗ trợ, ý thức về những rủi ro khi phân bổ ngân sách cho nghiên cứu và phát triển chiến lược (R&D).

Việc can thiệp phản chu kỳ

Khía cạnh thứ ba là Singapore nhờ vào việc can thiệp trực tiếp phản chu kỳ bất thường trong thời gian diễn ra những yếu tố bất lợi bên ngoài, như cuộc khủng hoảng tài chính của châu Á vào năm 1997. Lý do được đưa ra là chính sách tiền tệ tỏ ra bất lực và những chính sách về tài chính thì chỉ có hiệu lực hạn chế trong việc kích cầu: tỷ lệ nhập khẩu cao trong nền sản xuất tại địa phương nhanh chóng làm bão hòa những động lực tài chính để phát sinh thêm mức cầu – từ bên ngoài. Tuy nhiên, Singapore vẫn có một giải pháp, nói hình tượng là một mũi tên trong cái túi đựng tên của mình mà các quốc gia khác không có. Chính quyền trực tiếp can thiệp vào việc tạm thời hạ thấp chi phí của doanh nghiệp ở Singapore dựa trên quyền lực của mình đối với dịch vụ tiện ích công cộng và hạ thấp tỷ lệ đóng góp của giới chủ vào quỹ dự phòng (CPF). Những phương pháp can thiệp trực tiếp này như đã diễn ra vào năm 1998 hỗ trợ giảm bớt chi phí thực tế và khiến các công ty đa quốc gia an tâm về sự cam kết của nhà nước trong việc giúp họ duy trì tính cạnh tranh toàn cầu. Người ta đã tránh được việc phải sa thải nhân viên hay rơi vào tình trạng suy thoái một cách dễ dàng hơn các quốc gia khác.

Ở những nơi khác sự làm giảm giá trị đồng tiền danh nghĩa một cách đáng kể thường là biện pháp cuối cùng và duy nhất, nếu xét về sự suy giảm của đồng lương danh nghĩa eo hẹp, thường là kèm theo tỉ lệ lạm phát cao như một hiệu ứng phụ không mong muốn. Ngược lại Singapore đã dùng phương pháp can thiệp trực tiếp theo ý mình. Ngoài ra, trong cấu tạo của đồng lương luôn luôn có sự linh hoạt, vì một phần đồng lương của người công nhân đã được tự động hạ xuống nếu như sự tăng trưởng sản lượng kinh tế nội địa (GDP) không đạt được mục tiêu đề ra. Kết quả là Singapore đã chỉ phải trải qua kinh nghiệm đồng tiền bị mất giá nhẹ hơn mức yêu cầu – một kết quả thuận lợi vì nếu việc đồng tiền danh nghĩa mất giá bị triệt tiêu do giá hàng nhập khẩu tăng lên trong một nền kinh tế mở cao độ có thể sẽ làm suy giảm sự tin tưởng của các nhà đầu tư. Phương pháp can thiệp trực tiếp đã giúp nền kinh tế Singapore trở lại con đường

phát triển của nó vào giữa năm 1999.[\[103\]](#)

Việc can thiệp của nhà nước ở nhiều quốc gia khác đã thất bại bởi vì họ hoạt động trong một môi trường thiếu nguyên tắc lành mạnh căn bản như là kỷ luật sử dụng ngân sách, việc phân bổ nguồn lực hiệu quả trên cơ sở thị trường, đội ngũ công chức đầy năng lực, chia sẻ những cơ hội tăng trưởng kinh tế một cách rộng rãi. Vai trò của chính quyền trong chính sách đầu tư sẽ không cản trở sự tăng trưởng bền vững nếu như nó hỗ trợ sự phát triển hiệu quả hướng về xuất khẩu. Lập kế hoạch không nhất thiết luôn luôn thất bại. Trong nhiều trường hợp, việc can thiệp của nhà nước ở Singapore được vận hành cực kỳ xuất sắc.

Tuy vậy, sự phát triển nhanh chóng của các công ty nhà nước và các ủy ban pháp định, cũng đã gọi lên mối quan ngại khác, ví dụ như tham dự quá nhiều vào các ngành công nghiệp phi chiến lược, bỏ ra ngoài những công ty tư nhân nhỏ bé đang chen chúc thị trường và ngăn cản sự phát triển của một số lượng đông đảo các công ty tại địa phương đang phát triển.[\[104\]](#) Đôi khi ta cũng nghe được những lời phê bình khác, đó là những lời phản đối rằng các công ty nhà nước hoạt động tệ hơn các công ty thuộc thành phần kinh tế tư nhân, vì các nhà lãnh đạo của nó chỉ là các công chức, những người thiếu hẳn sự nhạy bén của nhà kinh doanh hoặc không đủ cảm quan nhận thức chấp nhận liều lĩnh.

[\[45\]](#) Ngân hàng Thế giới (2005b) trang 7-10

[46] Như giải thích sau đây, phương pháp chính thức mà chính quyền áp dụng là tập trung chủ yếu vào một biến số trong 'sự cân bằng kết quả chủ yếu' chứ không phải dựa trên sự cân bằng tổng thể. Thâm hụt ngân sách thì thường xuyên, nếu phương pháp chính thức được sử dụng

[47] Sự lựa chọn sắc sảo một định nghĩa nhằm giải thích cho mục tiêu đường lối sử dụng dễ dàng khoản tiết kiệm lớn lao đóng góp vào phần dự trữ tích lũy của nhà nước từ năm này sang năm khác, và mục tiêu chính trị cho phép nhà cầm quyền kêu gọi bằng một phần của khoản 'thặng dư' ấy đã được 'đưa trở lại vào nền kinh tế để phát triển cơ sở hạ tầng' hay 'chia sẻ cho những nhóm người thu nhập thấp trong nhiều năm vào việc chăm sóc sức khỏe hay giáo dục'. Và một phần của tiền thuế thu được 'chuyển trả cho nhân dân bằng những phúc lợi như là cổ tức thu được từ tăng trưởng kinh tế.'

[\[48\]](#) Ngân hàng Thế giới (2005b) t. 102

[49] Hưu bổng công chỉ dành cho những ai giữ chức vụ chính trị, các nhà tư pháp, công chức cấp cao và sĩ quan quân đội

[50] Ngoại lệ bao gồm các nước Bắc Âu như Phần Lan, nơi một bộ phận lớn thành phần kinh tế nhà nước cũng phải tham gia cạnh tranh quốc tế.

[51] Mukul Asher (2002) trang 403, tranh luận ý niệm cho rằng gánh nặng về thuế má thì tương đối thấp ở Singapore. Theo quan điểm của ông, thu nhập nhà nước từ việc cho thuê đất không nên xếp vào thu nhập vốn, mà xem như một dạng thu từ thuế vì hiệu quả kinh tế của nó cũng tương đương thuế hàng hóa nội địa. Thu nhập mà nhà nước thu được từ những nhà thầu sau khi đấu giá thành công quyền sử dụng đất trong một thời gian qui định nào đó được phân đều từng năm và phản ảnh trong chi phí xây dựng và những quyền sử dụng đất khác. Tuy vậy, người ta vẫn có thể phản biện rằng một phần trong thuế thu nhập doanh nghiệp là do các pháp nhân kinh tế nhà nước trả, bao gồm các công ty quốc doanh

[52] Jang và Nakabayashi (2005), trang 16. Thông tin toàn diện về giá trị thị trường của những tài sản nhà nước thì không công bố, điều này cũng ảnh hưởng đến các dự toán

[53] Nếu thu nhập từ cho thuê đất được xếp lại vào thu nhập hiện hành, tiết kiệm nhà nước sẽ tăng lên và tương ứng với nó là sự giảm đi một khoản tương ứng ở khu vực kinh doanh. Sự phân biệt giữa những khoản chi hiện tại và khoản chi vốn của nhà nước có thể là độc đoán và có thể thiên về khoản tiết kiệm của chính quyền trung ương

[54] Tính toán của các nhà kinh tế trong MAS cho thấy khu vực kinh tế nhà nước tiết kiệm khoảng 10% GDP trong giai đoạn 1990-2001 (MAS – (2004), t. 6) Tiết kiệm gia đình tương đương 9% GDP, bao gồm 2,5% GDP tiết kiệm dưới hình thức đóng góp đơn thuần vào tài khoản CPF (IMF (2005), t. 13). Tiết kiệm – được định nghĩa là khấu hao và lợi nhuận giữ lại – của thành phần doanh nghiệp tư nhân lên đến con số 16% GDP trung bình trong suốt thời gian này

[\[55\]](#) Asher (2002), t. 418

[56] Ủy ban Giám sát Tiền tệ Singapore – MAS (2004), t. 6, xem Lim Chong Yah (2004), t. 373, trên giả thuyết đường cong -S khi phân loại các quốc gia

[57] Để có cái nhìn tổng quát về CPF, xem Cardarelli (2000), Asher (2004) và trang web của CPF:<http://mycpf.gov.sg/CPF/About-us.htm>

[\[58\]](#) Bercuson (1995) t. 47 và MAS (2004), t. 9

[59] Về minh chứng ở Singapore cho thấy trị giá tương đương từng phần Ricardian (2002) t. 384 vì kết quả trao đổi này được ghi nhận nhiều trong sách vở, xem Bercusson (1995), t. 47 và Peebles (2002) t. 384

[\[60\]](#) Lim Chong Yah (1998), các trang 203-4

[\[61\]](#) Ủy ban Giám sát Tiền tệ Singapore (2003)

[\[62\]](#) Smith (1776) Quyển IV, Chương 2, đoạn 9

[\[63\]](#) Austin (2004)

[\[64\]](#) Tay (1996) t. 318

[65] Mười một xe hơi trên 100 dân. Nguồn: Ủy ban Giao thông đường bộ (2004)

[66] Tiền cước taxi ở Singapore năm 2003 chỉ bằng 1/3 ở New York và ít hơn so với cước tại London. Xem Ủy ban Giao thông đường bộ, Singapore (2004). Phân tích những khác biệt không nằm trong phạm vi cuốn sách này, nhưng sự khác nhau về giá nhân công và hiệu quả tổng thể của nó có lẽ là những yếu tố đầy ý nghĩa. Tài xế taxi có thu nhập tương đương khoảng 40 đô la Mỹ cho một ca (10-12 tiếng)

[\[67\]](#) Tay (1996)

[68] Tuy nhiên, Tan Ling Hui (2003) vạch rõ rằng việc áp dụng thực tế hệ thống quota nhập xe đã đem lại một số kết quả lệch lạc không lường được. Số giấy phép (COE) được cấp chủ yếu cho một số loại xe khác nhau. Thông tin cần thiết để tối ưu hóa việc phân loại xe theo hệ thống hiện hành là một điều cấp thiết, và người mua xe rẻ tiền, nhỏ phải trả một số tiền bất hợp lý không tương xứng so với những người sở hữu các loại xe xa xỉ, đắt tiền

[69] WHO – Tổ chức Y tế Thế giới (2006). Bản phụ lục. WHO đã phát triển chỉ số HALE (health – adjusted life expectancy – sức khỏe – kéo dài tuổi thọ) như một cách đo lường ngắn gọn tình hình sức khỏe một quốc gia. Nên nhớ rằng nước Mỹ có một dân số tương đối hơi lớn tuổi và do đó nhu cầu thuốc men lớn hơn Singapore, cũng như những chỉ số khả quan hơn về tỷ lệ tử vong do những bệnh như ho lao. Ngược lại, vị trí địa lý ở vùng nhiệt đới đã khiến môi trường ở Singapore tệ hơn nhiều trong cuộc chiến đấu chống những bệnh truyền nhiễm

[\[70\]](#) Lý Quang Diệu (2000) t. 127

[71] Tỷ lệ đóng góp cho quỹ CPF thay đổi thường xuyên và biến động tùy theo tuổi tác và loại đối tượng tham dự. Tổng mức đóng góp cho quỹ CPF tính vào ngày 1 tháng 1, 2006 là 33% tiền công (tính đến mức thu nhập hàng tháng là 4.500 đô la Singapore) cho những công nhân trong lĩnh vực dân doanh và dưới 36 tuổi (Gồm 13% đóng góp từ giới chủ và 20% từ phía nhân viên). Trong số 33%, 6% được ký thác cho tài khoản Medisave. Nguồn: CPF Fund <http://www.mycpf.gov.sg/Members/gen-info/Con-Rates/ContiRa.htm>.

[72] Theo Tổng cục Thống kê Singapore, tổng lượng hàng hóa kinh doanh lên đến 369% GDP vào năm 2005.

[\[73\]](#) Peebles and Wilson (2002) các trang 14, 69, và 170

[74] Ngân hàng Thế giới (1993) – ghi nhận Trung Quốc đã lèo lái nguồn đầu tư trực tiếp (FDI) sang thị trường xuất khẩu

[75] Nguyên lý 'Bất quá tam' chủ trương rằng bất kỳ quốc gia nào chọn con đường mở cửa thị trường cho dòng tiền mua bán ngoại hối có thể phải định ra hoặc là tỷ suất danh nghĩa cho đồng tiền của mình hoặc lãi suất tiền lãi trong nước, chứ không thể làm cả hai

[\[76\]](#) Hui Weng Tat (2002) trang 29 và 33

[77] Sự tham gia của lực lượng lao động nữ lên tới 57% vào năm 2005. Nguồn: Tổng cục Thống kê, có thể tra cứu tại [http: Singstat.gov.sg/keystats/annual/indicators.html](http://Singstat.gov.sg/keystats/annual/indicators.html)

[\[78\]](#) Hui Weng Tat (2002)

[79] Vào năm 1987, hệ thống hướng dẫn định lượng ban đầu đã dần bị thay thế bởi một hệ thống tiền công linh hoạt hơn, mà qua đó người ta phân chia mức lương: một khoản lương căn bản; mức bổ sung hàng năm trên cơ sở lương tháng, có thể điều chỉnh trong trường hợp đặc biệt, và một khoản thưởng tối đa hai tháng lương tùy vào hiệu quả công việc. Tất cả được đảm bảo bằng lợi nhuận hay năng suất

[80] Tăng trưởng lương thực tế giảm xuống trung bình còn 2,7%/năm trong giai đoạn 1998-2005, phản ánh nhu cầu của các nhà máy là giữ lấy sức cạnh tranh, đối đầu với hàng loạt các biến động tai hại bao gồm cả hệ quả của cuộc khủng hoảng châu Á 1997-98, sự kiện khủng bố 11 tháng 9 năm 2001 và nạn dịch SARS năm 2003

[81] Huff (1999) t. 41

[82] Việc đào tạo lại công nhân giúp vượt qua sự phản kháng kỹ thuật hiện đại. Những người mà nguồn sinh sống của họ có thể bị phá hoại bởi nền kỹ thuật mới thường cố cản lại. Công nhân dệt ở Pháp thế kỷ 19 đã ném những đôi giày bằng gỗ vào máy kéo sợi và dệt vải, từ đó phát sinh ra từ 'sabotage' nghĩa là phá hoại

[\[83\]](#) Lý Quang Diệu (2000) t. 119

[84] Như Huff đã chỉ ra (1999) t. 40 Singapore theo đuổi lý thuyết kinh tế, chủ trương rằng trong thế giới của tư bản lưu động và thông tin hoàn hảo, một quốc gia nhỏ bé không nên đánh thuế trên tư bản mà trên những yếu tố bất động như đất đai và lao động. 86 Cuộc thảo luận về chương trình nhà ở trong phần này rút ra từ Linda Low (1998).

[\[85\]](#) Low (1998) trang 3, 181, và 240

[\[86\]](#) Rodrik (2004): Hausmann và những người khác (2004)

[\[87\]](#) Schumpeter J. (1947)

[88] Singapore đã áp dụng miễn giảm thuế rộng rãi cho một số ngành công nghiệp chọn lọc dưới nhiều chương trình khác nhau được Ủy ban Phát triển Kinh tế điều hành (EDB). Bao gồm Sắc lệnh Công nghệ tiên phong và Sắc lệnh mở rộng công nghiệp năm 1959 và Đạo luật Khuyến khích phát triển kinh tế năm 1967. Việc miễn thuế phải dựa trên điều kiện về hiệu quả: nó chỉ áp dụng cho những khoản đầu tư đặc biệt hay cho nguồn thu nhập đóng góp đặc biệt cho những sản phẩm nhất định hoặc cho xuất khẩu. Ngân hàng Thế giới (1993) đặc biệt chú trọng đến việc đưa ra điều kiện như chìa khóa cho những thành công tương ứng trong chính sách công nghiệp của những nền kinh tế thần kỳ Đông Á

[89] Cuộc khủng hoảng châu Á được 'kích hoạt' vào tháng 7-1997 với sự mất giá của đồng Baht Thái Lan dưới áp lực căng thẳng do đầu cơ. Cuộc khủng hoảng sau đó lan sang Nam Hàn và Indonesia, đưa đến sự suy thoái trầm trọng về tiền tệ, thị trường chứng khoán và sản lượng đầu ra. Nó đe dọa hệ thống tài chính của các quốc gia này và khiến sản xuất bị thu hẹp trên phạm vi lớn, làm sụp đổ nhiều cuộc đời. Nền tảng tài chính Singapore đã giúp họ vượt qua cuộc khủng hoảng một cách vững vàng

[\[90\]](#) Mauzy and Milne (2002), t. 104

[\[91\]](#) Bercuson (1995), t. 30

[\[92\]](#) MAS (2003); Parrado (2004)

[\[93\]](#) Acemoglu và cộng sự (2004)

[94] Chuyển một vòng nghịch lý sang một vòng thuận lý là một khái niệm hình thành từ lâu trong kinh tế học phát triển và được nêu bật bởi giáo sư Lim Chong Yah (2004) t. 306, người đã tạo nên Lý thuyết nhân quả tích lũy

[95] Tốc độ tái cơ cấu do nhà nước lãnh đạo có thể quá nhanh. Young (1992) cho rằng tỷ lệ TFP thấp ở Singapore là do việc đưa phương tiện sản xuất hiện đại vào quá sớm theo chương trình khuyến khích của nhà nước trước khi người lao động sẵn sàng và những công nghệ cũ phát huy hết lợi ích của nó

[\[96\]](#) Low (1998), t. 23

[\[97\]](#) Low (1998), Lời tựa

[98] GLCs là các công ty do nhà nước quản lý dưới một ủy ban pháp định hay một trong công ty cổ phần nhà nước, mà Temasek Holdings là công ty lớn nhất xét về phương diện tài sản. Ủy ban pháp định thực tế là cánh tay nối dài của công việc hành chính. Họ được giám sát bởi các bộ ngành và chịu trách nhiệm trước quốc hội, nhưng có quyền tự trị trong tác nghiệp hàng ngày. Người ta ước tính rằng GLC đóng góp 13% GDP của Singapore vào cuối những năm 1990 (Nguồn: Peebles and Wilson (2002), t. 14). Vào cuối tháng ba, 2005, Temasek Holdings đã xây dựng xong danh mục đầu tư của mình trị giá 103 tỷ đô la Singapore. (Nguồn: <http://www.temasekholdings.com.sg/2005review>). Khoảng một nửa số tài sản của nó nằm ở Singapore, một tỷ lệ mà Temasek đang có ý định hạ xuống còn 1/3, đồng thời nâng cao cổ phần của mình ở phần còn lại châu Á lên khoảng 1/3 tổng số. Họ đã mua ngân hàng, trung tâm mua sắm, dịch vụ và phương tiện vận tải container và sản xuất dược phẩm ở Trung Quốc, khách sạn và nhà nghỉ cho người lớn tuổi ở Anh và Đức, hệ thống viễn thông ở Bangladesh. Temasek là cổ đông quản lý của 7 trong số 10 công ty lớn nhất Singapore, bao gồm Công ty Viễn thông Singapore – Singapore Telecommunications Ltd., (Singtel) và Hàng không Singapore (SIA)

[99] Xem <http://temasekholdings.comsg/2005review/>

[\[100\]](#) Điều này được chú trọng ở Ngân hàng Thế giới (1993)

[\[101\]](#) Một ví dụ là những khoản lỗ lỗ do công ty Singapore Technologies có liên quan đến việc sáp nhập Micropolis, một hãng làm ổ cứng vào năm 1996, khi mà cuộc cạnh tranh trầm trọng giữa các đối thủ đều kết thúc bằng thiệt hại

[\[102\]](#) Bercuson (1995), t. 19.

[103] Sự đảo ngược những biện pháp can thiệp trực tiếp xảy ra vào nửa đầu thập niên 1980: thỏa thuận lương cao được đáp ứng kèm theo tỷ lệ đóng góp cho quỹ CPF phần nào đã rút đi khả năng thanh toán dồi dào

[104] Ramirez và Tan (2004) thấy rằng các nhà đầu tư đã trả thêm một khoản tiền cho các công ty quốc doanh (GLC) nhiều hơn các công ty tư nhân. Họ chứng minh rằng GLC đã hưởng một giá trị thị trường tương đối cao so với giá trị sổ sách (một tỷ lệ mà James Robin, người đoạt giải Nobel kinh tế 1981, gọi là q) hơn các công ty tư nhân đăng ký niêm yết. Sau khi kiểm tra những biến số thường giải thích tiêu biểu q là tỷ suất giá – trên – thu nhập, lãi trên vốn, hay qui mô công ty, Ramirez và Tan kết luận rằng thị trường vốn đánh giá cao sự kiện một công ty có quan hệ gắn bó với nhà nước, có lẽ là vì 'thừa nhận thương hiệu' hay vì các nhà đầu tư có thể tin, đúng hoặc sai, rằng chính quyền Singapore bảo vệ các GLC không bị thất bại

Chương bốn: Văn hóa và những định chế hỗ trợ sự tăng trưởng

ĐỊNH CHẾ - NỀN TẢNG CHO SỰ THỊNH VƯỢNG CỦA SINGAPORE

Nền tảng cho sự tăng trưởng hiệu quả đầy ấn tượng của Singapore là một hệ thống các định chế hoạch định chính sách được thực hiện nhằm đến sự tăng trưởng lành mạnh một cách thuận lợi. Bằng việc cho phép thực hiện các chính sách hoàn hảo, những định chế này đã là những nguyên nhân trực tiếp giúp cho kinh tế tăng trưởng như chúng ta đã đề cập ở chương I. Ngoài ra những định chế bền vững cũng đã tạo nên một bầu không khí thích hợp cho đầu tư, điều này trực tiếp đóng góp vào việc tích lũy các yếu tố, sự phát triển công nghệ và thu hoạch được những kết quả tốt.

Những định chế hỗ trợ cho việc thực hiện chính sách

Thường thì chính quyền đã hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế hỗ trợ cho sự tăng trưởng, nhưng lại thất bại trong việc thực thi chúng. Nhiều quốc gia, giống như Singapore đã hoạch định chính sách nhằm đến mục đích củng cố tài chính, phân bổ nguồn lực trên cơ sở thị trường hiệu quả. Xây dựng nguồn vốn nhân lực và phân bổ năng động đến những lĩnh vực kinh tế khác có tiềm năng tăng trưởng cao. Cũng như các chính sách chặt chẽ có tính chất hỗ trợ lẫn nhau, chuyển hóa những chu trình bất lợi thành ra những chu trình thuận lợi. Tuy nhiên khác với Singapore, các chính sách này thường không được thực thi, chẳng bao lâu nó sẽ phản tác dụng sau khi ra đời, hoặc hiệu quả tốt đẹp của nó đã không thực hiện bởi những biện pháp mới đã gây phản ứng ngược lại. Việc thực hiện các chính sách vốn dĩ chặt chẽ và bền vững bị thất bại là vì thiếu sự hậu thuẫn của những định chế tăng trưởng. Thành tích xuất sắc về mặt kinh tế của Singapore vượt lên trên rất nhiều quốc gia đã phản ảnh tình hình hoạch định kế hoạch một cách xuất sắc và nhất là thi hành nó.

Những định chế không hoàn chỉnh sẽ gây trì hoãn tăng trưởng kinh tế ở nhiều quốc gia như việc ngăn cản các đường lối kinh tế vĩ mô lành mạnh và các chính sách cơ cấu được thực thi. Một đội ngũ công chức hành chính hoạt động kém

hiệu quả, bao gồm ở mọi cấp chính quyền địa phương, thường đem lại hậu quả là không thi hành các chính sách cần thiết cho sự tăng trưởng cao, ví dụ như các chính sách củng cố tài chính. Không có một nhà cầm quyền hiệu quả và trung thực, quốc gia nào cũng sẽ thất bại trong việc phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe, tổ chức giáo dục và thị trường lao động hiệu quả để có thể tạo ra lực lượng lao động năng suất cao có sức cạnh tranh, hoặc củng cố hệ thống ngân hàng vững mạnh và thị trường vốn để đóng góp cho việc tăng trưởng kinh tế. Thông thường việc không thực thi các chính sách hỗ trợ tăng trưởng này được người ta gán ghép cho việc thiếu "ý chí chính trị". Cho dù có ý định xây dựng một chính sách tốt thế nào đi nữa, việc kéo dài tỷ lệ lạm phát cao, những xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ, tình trạng hành chính cồng kềnh chậm chạp, tất cả đã làm cho việc thành lập các công ty mới trở nên tốn kém và mất thời gian, hay thị trường lao động kém linh hoạt, cũng được xem là những chứng cứ cho thấy các cấp chính quyền không "làm chủ" những chính sách hỗ trợ tăng trưởng của mình.

Tuy vậy nguyên nhân của việc thực thi một cách yếu kém thường là sự vận hành trực trặc thỏa ước xã hội về những gì mà người ta gọi là sự phân phối công bình giữa cái được và cái mất từ sự tiến bộ kinh tế. Sự đồng thuận bề ngoài nhằm ủng hộ cho những nguyên lý mơ hồ thường che đậy sự bất hòa tiềm ẩn trong xã hội về sự phân phối giữa chi phí và lợi ích của việc tăng trưởng kinh tế mà người ta đã nhìn nhận. Những chính sách sẽ mãi mãi không được thực hiện bởi vì công lao khó nhọc mà người ta bỏ ra thuyết phục quần chúng, giới truyền thông và các thành phần ưu tú trong xã hội đã không đưa lại kết quả nào. Tại sao những chính sách tốt đẹp được thực thi ở Singapore lại thất bại ở những nơi khác?

Douglas North, người đoạt giải Nobel về khoa học kinh tế năm 1993, định nghĩa định chế là "luật chơi" đề ra những sự khích lệ cũng như uốn nắn hành vi của một tổ chức và cá nhân trong xã hội.[\[105\]](#) Những định chế có thể là những luật lệ chính thức, ví dụ như hiến pháp, luật pháp, nội quy và những quy trình nội bộ trong một quốc gia. Hay nó có thể là những giá trị, những quy tắc sống không chính thức, ví dụ như những quy tắc đã đưa người ta đến những hành vi quan liêu. Định chế là do con người tạo ra và bắt nguồn trong lịch sử. Nó định ra sự khích lệ làm cho xã hội được tổ chức và vận hành một cách trật tự, cả việc ký các thỏa ước. Những định chế tốt đẹp vững mạnh thường làm cho cộng đồng hiểu rằng cần thiết cho phép các chính sách hợp lý được thực thi nhằm hỗ trợ cho sự tăng trưởng kinh tế lâu dài. Những định chế chính là cơ chế vận hành của chính quyền.

Những định chế hữu hiệu đóng góp tích cực trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế.

Như đã định nghĩa, những định chế cũng đóng góp trực tiếp vào sự tích lũy những yếu tố và thúc đẩy gia tăng năng suất. Sự tôn trọng quyền sở hữu, chế độ tư pháp công minh và sự tuân thủ những điều luật, tất cả góp phần thuận lợi cho việc đầu tư. Những định chế hỗ trợ sự tăng trưởng lâu dài, ví dụ như quyền hưởng những thành quả do lao động và vốn liếng của mình bỏ ra và định chế sẽ bảo vệ họ khỏi nỗi lo sợ bị tước đoạt bởi nhà nước hay những người khác. Nếu không có những định chế này, nỗi lo sợ bị mất đi những thành quả của chính mình sẽ khiến người ta nản lòng khi đầu tư vốn liếng, con người cũng như đóng góp công sức.

Những định chế hỗ trợ sự tăng trưởng cũng cho phép các cá nhân và doanh nghiệp tận dụng những tiềm năng do sự tiến bộ kỹ thuật hay sự tự do hóa thương mại quốc tế đem lại.[\[106\]](#) Những định chế tốt đẹp như thị trường lao động linh hoạt, các luật lệ tham dự và rút lui của doanh nghiệp và quyền được tăng tài sản và tri thức cũng như cho phép cá nhân và doanh nghiệp tận dụng những cơ hội thị trường. Không có những định chế vững mạnh, việc tái cơ cấu nhanh chóng của nền kinh tế chuyển sang các hoạt động có giá trị gia tăng cao và việc cải thiện năng suất sẽ trở nên chậm chạp.

Nói tóm lại, nhiều quốc gia phát triển chậm vì đã thiếu những định chế cho phép thực thi những chính sách kinh tế vĩ mô và cơ cấu một cách bền bỉ vì chính những chính sách này đã dẫn đến việc tích lũy cao của nguồn vốn cũng như nguồn nhân lực, cùng với sự tham gia thị trường lao động, sự tiến bộ kỹ thuật và việc gia tăng năng suất. Những chính sách kinh tế hoàn hảo và định chế thì gắn bó với nhau. Chúng cùng tạo nên những nguyên nhân trực tiếp cho sự tăng trưởng kinh tế.

Công trình thực nghiệm của Daran Acemoglu và những cộng sự của mình đã nêu lên sự khác biệt trong "định chế" giải thích 3/4 những biến đổi mức thu nhập theo đầu người mà người ta phát hiện gần đây ở những quốc gia khác nhau.[\[107\]](#) Các quốc gia tiến bộ về kinh tế có khuynh hướng sở hữu những định chế "tốt" trong khi những quốc gia thu nhập thấp thì được mô tả do những định chế "tồi tệ". Trong bản nghiên cứu này, chất lượng những định chế của một quốc gia được đánh giá thông qua những chỉ số định lượng về tinh thần tôn trọng pháp luật của một quốc gia và sự liêm chính của tổ chức hành chính công quyền. Mỗi

quan hệ nhân quả tuy vậy không chỉ một chiều mà sự phản hồi đã diễn ra từ mức thu nhập cao cho đến định chế. Tuy vậy ngành kinh tế lượng học dựa theo những biến số công cụ này giúp cho ta thấy tầm quan trọng của định chế như một yếu tố then chốt trong việc tăng trưởng kinh tế. Sự khác biệt lớn lao trong kết quả tăng trưởng kinh tế giữa hai miền Nam và Bắc Hàn từ năm 1953 đã vạch rõ vai trò của chính sách kinh tế đã được những định chế khác nhau của nhà cầm quyền thiết lập ra sao.[\[108\]](#)

Những định chế mạnh mẽ – nền tảng cho sự tăng trưởng của Singapore.

Singapore đã tạo ra những định chế bền vững có thể làm cho bầu không khí đầu tư ở đây trở thành bầu không khí kinh doanh thân thiện nhất châu Á. Điều này bao gồm (i) một chế độ hành chính hiệu suất cao; (ii) tinh thần thượng tôn pháp luật và sự bảo vệ quyền sở hữu; (iii) sự liêm chính cao độ của công chúng và (iv) một xã hội hài hòa dẫn đến sự bình ổn chính trị.

Chính quyền và bộ máy hành chính đầy năng lực

Như đã ghi nhận trong tờ báo The Economist, Singapore đã nổi tiếng như một thương hiệu quản lý hành chính cao cấp.[\[109\]](#) Việc xử lý hiệu quả đại dịch SARS bùng nổ năm 2003 là một ví dụ điển hình. Bộ máy hành chính của họ tỏ ra hết sức hiệu quả.[\[110\]](#) Những nguyên tắc của đội ngũ lãnh đạo ưu tú đã chi phối việc tuyển dụng và đề bạt. Dịch vụ hành chính luôn luôn có một vị trí cao. Lương bổng có thể cạnh tranh được với thành phần kinh tế tư nhân và người ta đã tránh việc ép tiền công trên những bậc thang lương mà thường thấy điển hình như ở những nơi khác. Chế độ lương hấp dẫn này đã không làm nặng gánh ngân sách của nhà nước vì họ không bao giờ tuyển thừa người và dịch vụ hành chính luôn luôn được giữ ở mức độ vừa phải. Singapore đã có nhiều định chế hiệu quả và đủ thẩm quyền. Cùng với thời gian, những lớp công chức trẻ sau này cũng sẽ thấm nhuần tinh thần triết lý thực dụng của một nhà nước quản lý đầy hiệu quả.

Ủy ban Phát triển Kinh tế (Economic Development Board), cơ quan hàng đầu vạch ra kế hoạch và thực thi những chiến lược phát triển của nhà nước, đã tạo dựng được tiếng tăm về những hoạt động xuất sắc kể từ khi ra đời vào năm 1961. Nhân viên của họ đóng vai trò then chốt trong việc thu hút, rồi thương thảo mọi điều kiện và phối hợp trong vai trò cơ quan – một cửa, với các công ty

đa quốc gia (MNC), làm cho Singapore trở thành một bộ phận xuất khẩu ra thế giới. Lý Quang Diệu đã nhớ lại, ngay cả những thành công nhỏ nhất trong những năm tháng đầu đời cũng đòi hỏi sự bền bỉ tuyệt vời từ những nhân viên EDB, dù lúc đó triển vọng của Singapore còn rất mờ mịt. Tuy vậy những nhân viên này luôn hăng hái phụng sự cho một chế độ cộng hòa non trẻ, háo hức học hỏi và được lựa chọn trong số những người ưu tú nhất.[\[111\]](#) Rồi những nỗ lực của họ đã được tưởng thưởng khi công ty Texas Instruments thiết lập cơ sở năm 1968, theo sau là công ty National Semiconductor, Hewlett Packard, General Electric, và nhiều công ty khác nữa. Sức mạnh và tính chuyên nghiệp của EDB là một mắt xích định chế quan trọng hỗ trợ cho những chính sách kinh tế hướng về việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đến Singapore.[\[112\]](#) Chính vì suy nghĩ này mà công ty Seagate đã chọn Singapore thay vì Hồng Kông và Nam Hàn vào năm 1982.

Ủy ban Giám sát Tiền tệ (MAS) đã giúp thúc đẩy mạnh hệ thống ngân hàng và thị trường vốn. Tiếp theo sau việc cho phép Ngân hàng Mỹ (Bank Of America) được thuê văn phòng vào năm 1998, Singapore đã phát triển vững mạnh thành một trung tâm ngân hàng quốc tế, dịch vụ tài chính này đã đóng góp 12% (GDP) vào cuối thập niên 1990. Tuy vậy trong nhiều năm, Singapore đã phải tham dự vào cuộc chiến nghiệt ngã trên thị trường quốc tế để xây dựng niềm tin vào sự minh bạch của hệ thống tài chính và khả năng để nó không rơi vào sự thất bại có tính chất hệ thống. Là một cơ quan giám sát, (MAS) đã chấp nhận đường lối cẩn trọng trong việc quy định lĩnh vực tài chính này, nhấn mạnh đến tình trạng thích ứng về vốn cao cho các ngân hàng và điều hành những định chế tài chính một cách cẩn trọng đối với những tài sản không phát huy hiệu quả và phải tuân thủ những nội quy khác nữa. Những ông chủ ngân hàng cũng phàn nàn rằng sự hướng dẫn từ trên xuống dưới đôi khi bóp nghẹt những cải cách trong khu vực kinh tế tư nhân, nhưng những nhà đầu tư lại có được những niềm tin vào sự giám sát mạnh mẽ đối với lĩnh vực này. Chính sự giám sát từ trước như vậy đã giúp chúng ta giải thích tại sao Singapore đã chịu đựng được khủng hoảng tài chính châu Á 1997 và 1998 tốt hơn bất kỳ quốc gia láng giềng nào với mức độ thiệt hại tối thiểu trong lĩnh vực tài chính.[\[113\]](#)

Ít có ai đóng thuế một cách hài lòng ở những nơi khác, và người ta có thể nói điều tương tự như thế ở Singapore. Tuy nhiên việc tuân thủ luật thuế ở đây rất cao, cũng giống như người ta đã tuân thủ những luật lệ nói chung. Những đặc điểm khác có thể giúp chúng ta giải thích điều này: Nhà cầm quyền đã chứng minh việc phân bổ một cách có trách nhiệm những đồng tiền mà người dân đóng

thuế và luôn luôn tuân thủ những luật lệ chặt chẽ trong lĩnh vực chi tiêu, mức thuế lợi tức thì thấp; và cơ quan thuế cũng như công tác hải quan rất chuyên nghiệp. Cả hai định chế này đã giúp cho chính sách tài chính thương mại mở cửa của Singapore thành công vượt mức. Không thể nói rằng những hệ thống như thế này đã luôn luôn vận hành suôn sẻ. Thoạt đầu cũng có những vấn đề xảy ra. Vào năm 1991, cục thuế đã đối đầu với một sự ùn tắc khổng lồ những bản đánh giá thuế lợi tức tồn đọng trong nhiều năm.

Tinh thần nhân viên cực kỳ sa sút vì mãi đến lúc đó thì cục thuế vẫn chưa tính toán lại được tất cả số thuế phải hoàn và vấn đề càng thêm trầm trọng là số lượng thuế phải hoàn lại này đã gia tăng nhanh chóng cùng với nền kinh tế, nhưng luật hành chính thì lại không cho phép họ gia tăng số nhân viên hiện có. [114] Để giải quyết tình hình này, vào năm 1992 Sở lợi tức đã được chuyển thành một công ty nhà nước hoặc là Sở Lợi tức Nội địa Singapore, viết tắt là (Internal Revenue Authority of Singapore – IRAS). Chính quyền đã trả IRAS một khoản phí cho dịch vụ của họ tùy theo kết quả công việc. Quy trình làm việc đã được tổ chức lại với việc áp dụng bản tự đánh giá mức thuế phải trả của người dân. Đồng thời những cải tiến then chốt trong lĩnh vực kỹ thuật và tự động hóa cũng đã được thực hiện. Tất cả những nỗ lực này đã giúp nâng cao tinh thần nhân viên. Thời điểm để tiến hành cải cách thuế thì hết sức lí thú. Nó cho ta thấy việc cải thiện những định chế diễn ra liên tục, và được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng kinh tế mà sự hoàn thiện định chế này trên mọi lĩnh vực không hẳn là một yếu tố tiên quyết để tăng trưởng cất cánh.

Ezra Vogel khẳng định rằng, "Điều kỳ lạ ở Singapore không phải là sự nổi bật của cá nhân những nhà quản lý hành chính ưu tú mà là sự kiện những nhà quản lý ưu tú này có khuynh hướng vươn lên trong thực tế bao gồm tất cả những nhà lãnh đạo chính trị. [115] Thật vậy, Diane Mauzy và RS Milne đã đưa ra giải thích hết sức hấp dẫn về tiến trình lựa chọn khắc nghiệt với những tiêu chuẩn về tài năng và nhân cách do đảng (PAP) chấp thuận để chọn những ứng viên vào Quốc hội, và sau cùng là những chức vụ bộ trưởng, bằng cách chỉ dựa theo tài năng mà thôi. [116] Đảng (PAP) đã đặc biệt chú ý đến năng lực con người khi đem lại những kết quả để họ sẵn sàng đề bạt hay cho xuống cấp tùy theo kết quả. Những nhà lãnh đạo cao nhất trong chính quyền và trong công việc hành chính làm việc chặt chẽ với nhau và cùng ở Ban Giám đốc của các công ty nhà nước hay ủy ban pháp định do nhà nước đặt ra, và luôn luôn có cùng phương thức hành động tổng hợp và theo tôn ti. Việc ở trong Ban Giám đốc hai nơi trong các công ty của nhà nước là hết sức tế nhị nhưng hữu hiệu mạnh mẽ, qua đó nhà nước đã thực hiện

việc điều phối chính sách vĩ mô một cách dễ dàng.[\[117\]](#) Mặc dù cách làm này đã bị phê bình, theo quan điểm của PAP, sự khan hiếm tài năng hàng đầu đã khiến cho việc người ta phải đảm đương rất nhiều chức trách và hợp nhất là một điều không thể tránh khỏi. Trong nhiều năm, chủ tịch của MAS đồng thời là bộ trưởng bộ tài chính cho phép việc phối hợp hết sức hữu hiệu. Nhưng những tình hình này cũng đặt ra sự xung đột tiềm tàng về lợi ích, mà ở những quốc gia khác người ta dễ nhìn thấy dễ đổ lỗi cho đây là một công thức tạo nên lạm phát phi mã. Tuy nhiên ở Singapore thì con cáo vẫn chứng minh tính xuất sắc của nó và chuồng gà thì vẫn được bảo vệ chu đáo.

Định chế thị trường lao động

Ý niệm về một nhà nước hành xử như một người trung gian giữa giới lao động và tư bản là một phương pháp điều hòa cho cuộc đấu tranh công nghiệp hết sức phổ biến ở châu Âu. Chế độ ba bên đã ra hiệu triệu trong bản hiến pháp của Tổ chức Lao động Quốc tế (International Labor Organization – ILO) năm 1919 như một phương tiện hòa giải giữa mệnh lệnh của công bình xã hội với tính cạnh tranh thương nghiệp và sự phát triển kinh tế. Singapore đã định chế hóa các cuộc tham vấn về tiền lương như việc lập ra Ủy ban Lương bổng Quốc gia (National Wages Council – NWC) vào năm 1972. NWC đã được thành lập để đưa ra một khuôn khổ pháp lý cho những cuộc thảo luận trong vòng trật tự về lương bổng và nhằm ngăn cản những cuộc tranh cãi về lương bổng, không làm phát sinh và khơi lên tình trạng bùng nổ thị trường lao động eo hẹp. Hội đồng, gồm đại diện của chính quyền, giới chủ và công đoàn và do một chủ tịch trung lập đứng đầu, sẽ đưa ra quyết định dựa theo sự đồng thuận.[\[118\]](#) Mỗi năm NWC sẽ xem xét lại tiền công và xu hướng kinh tế trước khi tham vấn cho nhà nước về đường lối điều chỉnh lương bổng trong những lĩnh vực kinh tế khác nhau. Những đường lối này thoạt đầu được thể hiện như một con số đơn thuần nhưng dần dần mang tính định lượng hơn từ năm 1987, phù hợp với xu hướng chuyển đến một hệ thống "tiền công – linh hoạt" theo xu hướng thị trường. Những đề nghị về lương bổng có tính chất định lượng thì không bao giờ ràng buộc nhưng thành phần kinh tế nhà nước thường tuân thủ chặt chẽ. Với tư cách là một hội đồng tham vấn chính thức, NWC đã khẳng định cam kết chia sẻ sự tăng trưởng, đây là một lợi ích chính trị quan trọng. Nó cũng cung cấp cho nhà nước một kênh thông tin để nắm bắt từ các doanh nghiệp về thực tế thị trường và mức độ cạnh tranh quốc tế. Sự hợp tác giữa công nhân và giới chủ có nghĩa là các vụ đình công trở nên hiếm hoi, tạo một môi trường thuận lợi cho kinh doanh đưa đến sự tăng cường đầu tư và gia tăng năng suất.

Luật lệ và việc bảo vệ quyền tư hữu

Luật lệ là phúc lợi công cộng quan trọng mà nhà nước đem lại cho toàn dân. Liệu rằng những thỏa ước có thể được thực thi một cách ít tổn kém? Liệu rằng tài sản và sự an toàn của từng cá nhân được bảo vệ không bị xâm hại bởi những kẻ có quyền lực hơn? Theo những điều luật, các cuộc tranh tụng sẽ được dàn xếp giải quyết thông qua quá trình tố tụng công minh và hiệu quả trên cơ sở những luật lệ được công bố, chứ không phải những án lệnh độc đoán hay là do những quyền lực tự ý đặt ra như trường hợp có thể xảy ra với những vụ án có liên quan tới chính trị. Tương tự như vậy, không ai bị trừng phạt trừ việc vi phạm luật pháp đã được quy định và được xét xử trong những phiên tòa. Luật lệ cũng ràng buộc những kẻ có quyền lực không được lợi dụng cơ hội cưỡng đoạt tài sản cá nhân. Cùng lúc đó nó tăng cường sự an sinh cho nhân dân bằng việc đẩy mạnh hợp tác giữa các công dân với nhau. North quan niệm rằng sự bất lực của nhà nước trong việc thực thi những thỏa ước hiệu quả, ít tổn kém là nguyên nhân chính của sự kém phát triển trong lịch sử và cả ngày nay.[\[119\]](#) Singapore đã kiến tạo những bộ luật ổn định bảo vệ những thỏa ước xã hội và quyền tư hữu.

Luật pháp và trật tự đem lại khuôn khổ pháp lý cho sự bình ổn và phát triển. Singapore tin vào sự trừng phạt kể cả bị đánh đòn bắt buộc hay án tử hình cho những trọng tội là một trong những biện pháp hữu hiệu hơn là giam giữ lâu dài trong nhà tù. Số lượng các cuộc hành hình chủ yếu là về buôn lậu ma túy và mưu sát, đã giảm xuống trung bình 12 vụ mỗi năm kể từ năm 2003 đến năm 2005. Cuộc khảo sát gần đây cho thấy rằng 85% người Singapore ủng hộ tiếp tục án tử hình đối với những tội như vậy.[\[120\]](#) Đánh đòn nam công dân từ 16 đến 50 tuổi cũng là biện pháp trừng phạt ngoài việc giam giữ, về những tội như cưỡng hiếp và ăn cướp, hay những tội không có tính chất bạo lực như hủy hoại công trình. Khi Michael Fay, một công nhân Mỹ 18 tuổi, cùng với một số bạn thanh thiếu niên Singapore bị buộc tội phải đánh 6 hèo năm 1994 về tội phá hoại vì phun sơn lên 20 chiếc xe hơi, giới truyền thông và nhà nước ở Mỹ đã phản đối kịch liệt mặt dù quan điểm công chúng được tường thuật lại là không thống nhất.[\[121\]](#) Người ta được biết đến Singapore vì việc thực thi pháp luật nghiêm ngặt và những hình phạt khắc nghiệt cho những kẻ vi phạm. Chỉ số cạnh tranh của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum) đã nhất trí xếp Singapore vào thứ hạng cao nhất về "sự tin tưởng tuyệt đối của toàn dân rằng con người và tài sản của họ được bảo vệ."[\[122\]](#)

Đề cao nguyên tắc bình đẳng cho mọi người trước pháp luật vào những thời

điểm đòi hỏi sự can đảm và không thương hại. Trong hồi ký của mình, Lý Quang Diệu đã mô tả cách mà Singapore tiến hành cuộc hành hình ba bị can Indonesia năm 1968 bất chấp lời đe dọa trả đũa từ phía Indonesia. Xây dựng lòng tin tưởng và sự trong sáng trong hệ thống tài chính của Singapore cũng đòi hỏi sự cương quyết và bền bỉ trong nhiều năm. Singapore đã buộc phải truy tố một công dân người Anh nổi tiếng đã lũng đoạn thị trường chứng khoán vào năm 1975 mặc dù nhà nước Anh ra sức bảo vệ cho anh ta.[\[123\]](#) MAS, trong nhiều năm, đã phản đối áp lực chính trị mạnh mẽ nhằm hạ thấp tiêu chuẩn và cấp giấy phép cho ngân hàng Brunei, hành động mà sau đó đã được thanh minh khi ngân hàng này buộc phải đóng cửa năm 1986 sau những chứng cứ bất thường trong hoạt động. MAS cũng từ chối rất nhiều lần cấp giấy cho Ngân hàng Thương mại và Tín dụng Quốc tế (BCCI). Ngân hàng đó cũng đã phá sản vào năm 1991 sau những hành vi không chính đáng dẫn đến sự thất thoát khổng lồ.

Xây dựng một nền tư pháp hàng đầu cũng mất nhiều năm. Năm 1990 hệ thống tư pháp đã được cải tổ nhằm giải quyết những tồn đọng của tòa án nơi mà rất nhiều vụ việc bị trì hoãn từ 4-6 năm trước khi đưa ra xét xử. Lý Quang Diệu nhấn mạnh đến tầm quan trọng của một cơ chế khách quan và minh bạch trong việc lựa chọn những con người có khả năng và tận tụy nhất vào ghế chánh án cũng như là trả cho họ đồng lương thích đáng. Trong hồi ký của mình, ông đã mô tả Yong Pang How, chánh án tòa án tối cao từ năm 1990 cho đến đầu năm 2006 đã lãnh đạo những thẩm phán như thế nào, lựa chọn những người tốt nhất trên cơ sở tài năng ưu việt, cải tổ tòa án và trình tự tố tụng, cũng như đưa vào hệ thống vi tính hóa. Ông đã làm giảm bớt số vụ tồn đọng và trì hoãn bằng cách buộc người ta phải tu chỉnh lại những luật pháp và những điều lệ mà các luật sư có thể lợi dụng để trì hoãn hay kéo dài phiên tòa. Ông đã duy trì trật tự trong tòa án, luôn làm việc có hệ thống, công minh và hiểu những mục tiêu của một nhà nước mạnh mẽ trong một xã hội đa chủng tộc.

Vào năm 1999, hệ thống tòa án Singapore đã đạt được uy tín rất cao về tốc độ xử lý, tính hiệu quả, chi phí thấp và việc xét xử công minh. Nhiều quốc gia đã đến đây để học tập điều này và Ngân hàng Thế giới đã nêu lên làm gương. Hệ thống đánh giá Thế giới đã xếp Singapore vào loại cao nhất ở châu Á và trên toàn cầu, còn trên cả Anh và Mỹ, về sự điều hành luật pháp công minh trong xã hội.[\[124\]](#) Sự thành công của Singapore trong lĩnh vực này, vượt qua rất nhiều quốc gia khác, có thể được xem là do những sự khích lệ kết hợp trên quan điểm cây gậy và củ cà rốt. Một chiến lược liên quan đến việc lựa chọn những người giỏi nhất và kêu gọi ý thức phục vụ lý tưởng cao cả và vượt qua tất cả thử thách trong tinh

thần đồng đội, đồng thời cũng đem lại cho họ một đồng lương thỏa đáng. Bản thân ông chánh án trước đây cũng đã gầy dựng tài sản của mình với tư cách là chủ của một ngân hàng thương mại thành công. Các luật sư sợ bị kỷ luật nếu như hành sự không đúng theo chức trách của mình và phải tuân thủ thời gian tố tụng một cách nghiêm ngặt để có thể nhanh chóng xử lý các vụ việc.

Việc ứng dụng luật pháp công minh và cương quyết đã hỗ trợ nền kinh tế Singapore trên nhiều phương diện. Nó đem lại sự đảm bảo căn bản cho các nhà đầu tư rằng quyền sở hữu tài sản được bảo vệ và thỏa ước luôn có giá trị thực thi. Nó xây dựng niềm tin vào hệ thống tài chính. Ngoài ra mức độ tội phạm thấp cũng thuyết phục các công ty đa quốc gia (MNC) chọn lựa Singapore làm nơi đặt văn phòng khu vực và là một nơi hấp dẫn để cho nhân viên và thân nhân của họ cư trú. Hiến pháp Singapore và các đạo luật khác cũng đòi hỏi sự tôn trọng và ứng xử công bằng đối với các thành phần chủng tộc thiểu số khác, điều đó cũng đóng góp cho sự hài hòa trong xã hội. Việc tuân thủ chặt chẽ luật lao động cũng giúp cho những mối quan hệ xây dựng được mạnh mẽ giữa giới chủ và công nhân. Nó làm chính quyền vững mạnh và đóng góp vào sự kế tục của chính sách và môi trường theo định chế.

Hình vẽ 4.1A và 4.1B minh họa mối liên hệ giữa luật lệ và những nguyên nhân trực tiếp của tăng trưởng kinh tế theo thống kê: yếu tố tích lũy và thu hoạch về năng suất.

Trong những số liệu trên người ta đánh giá các đạo luật như một tập hợp gồm (i) tính thực thi của hợp đồng; (ii) tính hiệu quả và có thể tiên liệu trước của pháp luật; và (iii) tỷ lệ xảy ra phạm tội. Singapore xếp thứ 3 trong số 71 quốc gia, chỉ sau Thụy Sĩ, Áo và trên cả Mỹ và Canada. Trong cả hai trường hợp này luôn có mối quan hệ tích cực mạnh mẽ phù hợp với những điều người ta mong đợi rằng nơi nào mà luật pháp tỏ ra yếu ớt, thì những yếu tố sản xuất sẽ không được tích lũy và hoạt động kinh tế cũng sẽ phải tổn hại vì thiếu hiệu quả.

Sự liên chính của nhà cầm quyền

Giờ đây người ta đã xem tham nhũng như là một trở ngại chính đối với phát triển kinh tế và xã hội. Nó làm xói mòn nền tảng những định chế mà sự tăng trưởng dựa vào đó. Không nhất thiết phải nói rằng sự tăng trưởng kinh tế sẽ không thể thực hiện được nếu như có sự hiện diện của tham nhũng: thành phố New York

vào thế kỷ XIX, Nhật Bản, Nam Hàn, Đài Loan và Trung Hoa trong những thập niên gần đây đã trải qua sự tăng trưởng mạnh mẽ mà không xóa sạch được tham nhũng.[\[125\]](#) Tuy nhiên tham nhũng được định nghĩa như là sử dụng quyền lực công để thu hoạch riêng, về nhiều mặt vẫn gây tổn hại. Nó đòi hỏi người ta phải đánh thuế cao hơn mức độ cần thiết nếu không sẽ tăng thâm hụt ngân sách, khuyến khích nhà nước hoạch định các chính sách theo ý mình, tạo ra nhiều cơ hội để tham nhũng, làm cho qui trình hành chính bị trì hoãn để vùi vãnh tiền hối lộ hay là còn gọi "tiền làm nhanh" đồng thời làm suy thoái hệ thống tư pháp. Nó khiến người ta tập trung năng lực và tài năng vào việc phân phối những của cải hiện có mà không quan tâm đến việc tạo nên những của cải mới, vốn đòi hỏi sự tin cậy và những cơ hội tiếp cận. Tham nhũng đã làm xói mòn niềm tin của công chúng vào những luật lệ. Nó có thể xem như một loại thuế độc đoán thường với mức độ ngẫu nhiên rất cao tạo nên sự hoang mang và làm cho chi phí thành lập doanh nghiệp mới tăng cao, đặc biệt là những doanh nghiệp nhỏ.[\[126\]](#)

Singapore vẫn tự hào là một trong những quốc gia được đánh giá là có mức độ tham nhũng thấp. Một bản báo cáo gần đây của Ủy ban Minh bạch Thế giới (Transparency International – TI) đã xếp Singapore đứng thứ 5 trong số 159 quốc gia, trên cả Hoa Kỳ và sau Ai-xơ-len, Phần Lan và Tân Tây Lan.[\[127\]](#) Không phải lúc nào điều này cũng đúng. Nước Singapore thời thuộc địa đã cho phép người ta chia sẻ những khoản tham nhũng nho nhỏ ví dụ như tiền trà nước để làm nhanh dịch vụ giám sát hải quan, và những khoản chi phí ngoại lệ trong việc mua sắm của chính phủ, mặc dù điều này có lẽ không bám rễ sâu xa như trong một số xã hội khác. Với luật lệ nội địa ra đời năm 1959, nhà nước đã đưa ra chiến lược chống tham nhũng mà trong nhiều thập niên đã trở nên hết sức hiệu quả. Chiến lược này giảm thiểu cả những cơ hội và những động cơ khích lệ cho tham nhũng. Những đặc điểm chính có thể diễn tả như sau: Trước tiên sự liêm chính của nhà cầm quyền bắt đầu từ những người lãnh đạo cao nhất. Những chiến dịch chống tham nhũng tập trung vào những người bị tố cáo ở mức độ cao cấp. Nhà cầm quyền đặt ra những tiêu chuẩn cao cho chính mình, đảm bảo rằng mỗi đồng đô la chi tiêu đều phải có trách nhiệm và phải đạt được mục tiêu đã được dự định. Không có ai, dù là dân sự hay quân sự đứng trên luật pháp. Trong nhiều trường hợp, thủ tướng và nhiều thành viên nội các cũng phải tự bảo vệ mình trước tòa án. Những tờ báo nổi tiếng thế giới đã được tòa án yêu cầu phải rút lại những lời buộc tội hay những lời thêu dệt về tình trạng gia đình trị hay tham nhũng, hoặc phải trả những khoản phạt bằng tiền cho những người lãnh đạo Singapore.

![][21]

Thứ hai là nhà nước chú trọng đến việc xử lý nhất quán đối với tất cả những người vi phạm, bất kể ở cấp bậc hay ở vị trí nào. Giữ niềm tin vào đạo đức cao trọng đòi hỏi sự lãnh đạo mạnh mẽ. Quan chức chống tham nhũng phải được sự ủng hộ toàn diện từ những người lãnh đạo cao nhất để thực thi pháp luật. Những hành vi cố ý hối lộ công chức sẽ bị luật pháp trừng phạt. Những công chức bị phát hiện phạm tội nhận hối lộ không những bị thi hành án mà còn bị đuổi việc và mất luôn những khoản hưu trí, đồng thời chịu mọi rủi ro là sẽ không được nhận trở lại bất kỳ một đơn vị tư nhân nào. Tất cả những sự ngăn trở này đóng góp vào mức độ minh bạch cao. Những trường hợp xảy ra ở cương vị lãnh đạo cao cấp nghiêm nhiên trở thành tiêu đề cho các bài báo – đã có những bộ trưởng trong nội các bị buộc tội là cố tìm cách gạ gẫm để nhận hối lộ trong các thương vụ mua sắm máy bay hay mở rộng đất đai. Một vị bộ trưởng khi cảm thấy sỉ nhục đã phải tự sát.

Điều thứ ba là để cho công bằng thì việc cấm cản bằng trừng phạt cũng phải song hành với những biện pháp khích lệ hấp dẫn về mặt lương bổng, tương đương với những người giữ cùng vị trí ở trong thành phần kinh tế tư nhân. Điều này được xem là hết sức quan trọng cho tính liêm chính cao độ của các nhà lãnh đạo chính trị và các quan chức cao cấp.[\[128\]](#) Đồng lương cao của những bộ trưởng, công chức, giới quân sự và các cán bộ tư pháp – có lẽ là cao nhất trên thế giới – là một lĩnh vực cũng còn gây tranh cãi ở Singapore. Tuy nhiên nó có lợi không những trong việc thu hút tài năng mà còn ngăn ngừa khuynh hướng sử dụng chức vụ công của mình vào những thu hoạch riêng tư. Như Lý Quang Diệu đã nói: "Chủ trương cao thượng cho rằng các bộ trưởng sẽ được đền bù bằng quyền lực và bằng danh dự trong cương vị của mình và rằng sự phục vụ công chúng luôn bao gồm sự hy sinh về thu nhập là một điều phi thực tế. Các bộ trưởng và các quan chức nhà nước được trả lương thấp đã tàn hoại rất nhiều chính quyền châu Á."[\[129\]](#) Giải pháp thay thế như kết hợp giữa đồng lương chính thức thấp kèm theo những khoản bổng lộc không công khai hay những hợp đồng béo bở sau đó với khu vực kinh tế tư nhân được xem là hạ sách. Việc trả lương thích đáng cho các công chức ở cấp thấp cũng góp phần vào việc ngăn cản tệ tham nhũng vốn dựa vào nhu cầu nhiều hơn là lòng tham. Hệ thống này khuyến khích các chính trị gia phải quan tâm đến công việc chung trước hết rồi sau đó hãy quan tâm đến những lợi ích riêng tư hợp pháp về sau.

Thứ tư, những cơ hội tạo ra tham nhũng phải giảm đến mức tối thiểu. Trong lĩnh

vực kinh tế, Singapore dựa vào cơ chế giá cả cạnh tranh trên thị trường và đã tránh được những khoản "đặc quyền" kinh tế thường đi kèm theo chế độ độc quyền béo bở, sự giảm bớt việc cấp giấy phép hay việc cấp phát các giấy phép nhập khẩu như Tổng thống Philippin Marcos và tổng thống Suharto của Indonesia cấp cho người thân và những cộng sự của mình. Trong lĩnh vực dịch vụ công cộng, sự tự tiện cũng giảm bớt bằng cách vạch rõ đường lối được ẩn hành rõ ràng, việc tuyển dụng và thăng tiến dựa theo thành tích. Công chức cũng như các viên chức tư nhân ở Singapore thường được xem như những người tuân thủ luật pháp tuyệt đối. Trong lĩnh vực chính trị, Singapore đã tránh những tình huống thường xảy ra ở những nơi khác, là khi mà các đảng phái chính trị và những người nắm giữ quyền lực phải sử dụng một số tiền rất lớn để ra ứng cử, thì khi còn đương chức họ sẽ mong muốn làm thế nào đó để thu hồi và chuẩn bị cho kỳ bầu cử kế tiếp. Những chiến dịch tranh cử ngắn hạn xoay vòng và việc bầu cử bắt buộc nhằm giảm bớt động cơ cho việc mua phiếu là một trong những phương pháp mà Singapore áp dụng.

Nhà cầm quyền Singapore đã xem sự liêm chính là ưu tiên hàng đầu. Sau khi lên nắm quyền năm 1959, một đạo luật chặt chẽ – thậm chí một số người còn cho rằng hà khắc – để chống tham nhũng đã được thực hiện thay thế cho luật được xây dựng dưới thời thực dân. Đạo luật năm 1960 đã mở rộng định nghĩa về những khoản tiền cho bao gồm bất cứ thứ gì có giá trị và cho phép những nhà điều tra có quyền lực rộng rãi kể cả bắt giữ, thẩm vấn, điều tra tất cả những tài khoản ngân hàng của những kẻ tình nghi và vợ con cũng như là những người đại diện cho họ. Nếu những chứng cứ về một bị cáo là mức sống của họ dư dả hơn những phương tiện mà họ có thể tạo ra được là đủ để cấu thành chứng cứ của sự nhận hối lộ. Đạo luật này thậm chí được thắt chặt hơn nữa vào năm 1963, buộc tất cả những người làm chứng khi được triệu tập phải cung cấp tất cả những thông tin mà họ biết.[\[130\]](#)

Như ông Lý Quang Diệu đã giải thích: "Đảng cầm quyền (PAP) đã khẳng định là cần có một nền hành chính trong sạch. Chúng ta đã quá chán ngán vì lòng tham, tình trạng tham nhũng và sự suy thoái của các nhà lãnh đạo châu Á... Những người đã để cho xã hội của mình tụt hậu lại đằng sau". Nhưng đó cũng là những suy nghĩ của người cộng sản, những kẻ đối lập chủ yếu chống lại đảng (PAP). "Quá chán ngán với tình trạng thoái hóa... của những nhà lãnh đạo Trung Hoa Quốc dân đảng sau chiến tranh, đã làm cho nhiều sinh viên Singapore trẻ tuổi trong thời gian ấy trở thành những người ngưỡng mộ sự cống hiến và hy sinh mang phẩm chất đạo đức cách mạng và đời sống khắc khổ của những người

cộng sản". Thế nên ý thức sâu sắc của Đảng (PAP) về sứ mệnh khiến khi đến tuyên thệ nhậm chức vào tháng 6-1999, họ đã mặc trang phục toàn trắng "để biểu tượng cho sự tinh khiết và trung thực mà họ đại diện... Đó là những gì mà nhân dân đang kỳ vọng".[\[131\]](#) Những nguyên tắc đạo đức cao cả, một chính quyền có năng lực và những tính toán chính trị, tất cả đều trùng hợp với nhau".

Xã hội hài hòa dẫn đến sự ổn định chính trị

Singapore nhằm đến một xã hội hài hòa bằng việc tìm kiếm những giải pháp hợp tác khi mà những chọn lựa của nhân dân có thể khác nhau. Hồi ức về những cuộc bạo loạn sắc tộc đã hương đất nước non trẻ này đi theo con đường xây dựng một xã hội đa chủng tộc, đa dân tộc, đa tôn giáo cùng sống chung với nhau. Có một sự nhạy cảm rất cao đối với bất kỳ điều gì có thể khơi gợi lên sự căng thẳng về chủng tộc và tôn giáo. Gần đây nhà cầm quyền tỏ ra lo lắng về hiểm họa tiềm tàng phản ứng chống lại người Hồi giáo một khi cuộc tấn công khủng bố được tiến hành bởi các nhóm bên ngoài, ví dụ như nhóm Jemaah Islamiyah. Nghĩa vụ quốc gia là một qui ước phải được mọi người thông qua: một lối sống giúp tạo nên sự đoàn kết trong số các nhóm khác nhau. Sự xung đột lao động có thể tránh khỏi thông qua việc kết hợp các chính sách. Một yếu tố quan trọng cải thiện những cơ hội kinh tế cũng sẽ làm giảm thiểu sự đối đầu trong xã hội và giải phóng năng lực để người ta có thì giờ mưu cầu kinh tế. Khi những sinh viên gốc Malay học các môn khoa học và toán học không tốt bằng các nhóm khác, nhà cầm quyền đã khuyến khích những người lãnh đạo cộng đồng giúp đỡ cha mẹ các em động viên con em của mình học hành tốt hơn, và điều này đã có kết quả. Tỷ lệ lạm phát thấp và sự tăng trưởng nhanh chóng đóng góp vào việc ổn định chính trị xã hội, yếu tố quan trọng hàng đầu cho việc khuyến khích đầu tư vào những lĩnh vực tư bản cố định hay đào tạo nguồn nhân lực và cũng nhằm để nâng cao năng suất và những việc này sẽ hấp dẫn những nguồn lực đầu tư vào những lĩnh vực mới.

Đến đây kết thúc phần thảo luận của chúng ta về định chế. Xây dựng định chế đưa đến tăng trưởng kinh tế là một thử thách lớn lao mà nhiều nhà cầm quyền đang phải đối diện. Ở Singapore, một nền quản lý hành chính công hữu hiệu, tinh thần thượng tôn pháp luật, một chính quyền liêm chính cao độ, sự hài hòa xã hội đưa đến ổn định chính trị đã là nền tảng cho những chính sách hỗ trợ kinh tế tăng trưởng. Những luật lệ, quy tắc chính thức và không chính thức đã quyết định cơ hội và những khích lệ cho các cá nhân và công ty. Nhiều xã hội đã lãng phí nguồn tài nguyên phong phú để chỉ cố đấu tranh chiếm hữu những thành quả

có sẵn hay những hoạt động vô tích sự ở Singapore, định chế đã hướng dẫn nhân dân nỗ lực tích lũy nguồn vốn vật chất và nhân lực của mình, nâng cao năng suất đều vào, tiếp thu và truyền bá những công nghệ mới, dịch chuyển nguồn vốn và lao động đến những lĩnh vực có năng suất cao hơn.

NHỮNG ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA HỖ TRỢ CHO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Chúng ta đã nhận ra những thành tựu tăng trưởng kinh tế xuất sắc của Singapore được cho là do năm nguyên nhân trực tiếp đem lại. Rồi chúng ta cũng đã phân tích cách thức mà những chính sách kinh tế đã ảnh hưởng đến năm nguồn lực của sự tăng trưởng này. Sau đó chúng ta xem xét làm thế nào những định chế này tạo điều kiện để các chính sách có thể thực thi được – và tác động trực tiếp đến năm nguồn lực này.

Trong phần này chúng ta sẽ xem xét đến yếu tố văn hóa – những giá trị đối với nhân dân, thái độ và niềm tin. Nói một cách cụ thể, làm thế nào những đặc điểm văn hóa của Singapore ảnh hưởng đến những chính sách và định chế hỗ trợ sự tăng trưởng, và về phương diện này, giúp hình thành những nguồn động viên cũng như những cơ hội mở đường cho phát triển kinh tế? Ngoài ra những phẩm chất văn hóa như sự cần mẫn, khát vọng vươn đến sự tuyệt hảo, sự cởi mở đối với những ý tưởng mới, lòng tin cậy, và năng lực hợp tác có lẽ cũng có những tác động trực tiếp đến những nguồn lực. Tuy nhiên, trong trường hợp không có những chính sách và những định chế hỗ trợ sự tăng trưởng này, những đặc trưng văn hóa có lẽ cũng sẽ không đem lại kết quả.[\[132\]](#)

"Văn hóa" hay "nếp tư duy của toàn dân" thì không được thường xuyên đề cập trong các tác phẩm nói về sự phát triển kinh tế. Ngược lại, vai trò của "định chế" đã trở thành nguồn mạch chính suốt 20 năm qua. Định chế không phải là một khám phá mới. Gunnar Myrdal, người đoạt giải Nobel kinh tế năm 1974, nhấn mạnh rằng định chế là một nhân tố quyết định quan trọng cho sự phát triển thành công trong tác phẩm "Tấn kịch châu Á" nổi tiếng của ông (1968). Myrdal còn đi xa hơn nữa, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của thái độ con người và giá trị mà họ công nhận khi hỗ trợ và tương tác với những định chế ấy. Ông ghi nhận thái độ thường thấy ở trong các xã hội truyền thống, chủ yếu nông thôn, đã kèm hãm tăng trưởng kinh tế. Thẳng thắn và sâu sắc, Myrdal đã cho rằng lý do mà những nhà kinh tế thường ngại ngần khi thảo luận về vấn đề thái độ vì họ mong muốn

chính đốn chính trị. Những nhà trí thức ở các quốc gia mới độc lập, theo nhận xét của ông thì rất nhạy cảm với việc cường điệu hóa những vấn đề chủng tộc và những suy nghĩ theo lối mòn, nhắc ta hồi tưởng đến thời kỳ trước khi dành độc lập, vào lúc mà những thế lực thực dân vẫn còn nhằm vào thái độ chống lại hiện đại hóa trong dân chúng địa phương để biện minh cho việc tiếp tục duy trì tình trạng lạc hậu.[\[133\]](#)

Sự ngần ngại trong thảo luận các vấn đề về văn hóa còn có một lí do khác nữa. Các nhà kinh tế thích những lĩnh vực có thể dễ dàng định lượng. Ngoài ra, khó mà quan sát văn hóa bằng một thái độ không định kiến: biết rằng nền kinh tế đang phát triển thành công, từ trong tiềm thức, chúng ta vẫn nhìn nhận những đặc trưng văn hóa một cách cẩn thận.[\[134\]](#) Tương tự như vậy, nói về phương diện nhân quả thì cũng mơ hồ bởi lẽ sự tăng trưởng kinh tế sẽ giúp người ta lựa chọn nền văn hóa cho xã hội. Sau cùng bản thân sự tăng trưởng kinh tế và những giá trị tiềm tàng chủ yếu của nó, có thể khiến chúng ta cảm thấy phân vân vì sự mâu thuẫn này. John Maynard Keynes, một trong những nhà kinh tế mà người ta cho rằng giỏi nhất của thế kỷ vừa qua, đã quan niệm rằng những đặc trưng văn hóa nâng cao tăng trưởng kinh tế – tình yêu dành cho tiền bạc, sự tôn vinh cần lao, và mối quan tâm cải thiện mọi chuyện của tương lai hơn là sống trong hiện tại – thật đáng chán. Rất tiếc, theo cách nói của ông: "Cho đến khi người ta đạt được những mục tiêu tăng trưởng kinh tế... thói bần tiện và sự cẩn trọng luôn luôn là những vị thần đối với chúng ta, trong một thời gian nào đấy."[\[135\]](#)

Người ta đã thảo luận về những giá trị nổi bật trong suốt những năm cuối thập niên 1980 và 1990, cuộc tìm kiếm những lời giải thích cho một nền kinh tế "phép màu Đông Á" tăng trưởng nhanh chóng đã làm chúng ta phải quan tâm đến những tính chất văn hóa của nó. Đạo đức trong lao động và tính cần kiệm thì phổ biến đối với Nhật Bản, Đài Loan, Nam Hàn, Hồng Kông và Singapore. Những phẩm chất này tượng trưng cho những giá trị mà người ta đã tôn thờ từ thời Khổng Tử cách đây 2500 năm. Những kết quả đầy ấn tượng của nền kinh tế Đông Á này đã đem lại niềm tự hào có thể hiểu được đối với nhiều người châu Á, những người mà chủ nghĩa thực dân đã đóng khung suy nghĩ của họ về xã hội là có giá trị nội tại thấp kém. Ở Singapore, chủ nghĩa cá nhân và sự tự do chính trị vẫn được nhìn nhận như những con đường tiếp cận với văn hóa Tây phương và những giá trị của nó. Tiếp theo đó là cuộc tranh cãi về "giá trị châu Á" mà bản thân nó cũng đem lại những khoảng thời gian khó chịu vì thường đưa đến những cuộc tranh luận cực đoan chống lại phương Tây khi họ tự hào về tính ưu việt của những đặc trưng trong định chế xã hội và chính trị của họ, bất kể đến việc là đôi

khi trong những hoàn cảnh rất khác, với những hoàn cảnh mà xã hội châu Á đang sống. Nhiều người châu Á, đi tìm ý thức về bản ngã, rất ghét thái độ đánh đồng quan điểm về tính hiện đại, mà họ đang tôn sùng, với việc Tây phương hóa. Kishore Mahbubani, đại sứ trước đây của Singapore tại Liên Hiệp Quốc, đã diễn đạt hùng hồn về vấn đề này, mà chúng ta sẽ thảo luận chi tiết hơn ở chương 6.[\[136\]](#)

Đối với những người mô tả các ý niệm bao hàm trong từ giá trị, một số người cảm thấy không yên tâm khi phổ quát hóa cụm từ "Á châu", là những giá trị thường được liên tưởng đến một vùng của lục địa này và trong chừng mực nào đó cũng là giá trị nổi bật ở nước Anh, thế kỷ thứ 19, dưới triều đại Victoria.[\[137\]](#)

Sự khôi hài là những giá trị châu Á trong suốt thời kỳ thuộc địa đó đã được kêu gọi lên để giải thích không phải cho sự thành công mà sự thiếu phát triển của vùng Đông Nam Á. Những giá trị châu Á thường được đề cập đến như một thái độ sống xa rời thực tế và nghiêng về tâm linh, rũ bỏ những khát vọng về tiến bộ vật chất. Jawaharlal Nehru, người trở thành thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ đã phản đối đường lối mà người ta gọi là sự tôn vinh nghèo đói.[\[138\]](#) Nhiều người có lẽ cũng đồng ý rằng hệ thống chính trị xã hội thành công và sự phát triển tương lai của nó đã pha trộn những yếu tố của cả truyền thống Đông và Tây Phương.

Tuy vậy những giá trị văn hóa xuất sắc, những thái độ, và những niềm tin làm cho Singapore khác với tất cả, nhất là những xã hội kém thành công về mặt kinh tế. Đây chắc chắn là quan điểm của chính quyền. Rất nhiều chiến dịch của nhà cầm quyền trong suốt những năm qua là tìm cách tác động trực tiếp đến thái độ và cách ứng xử của nhân dân. Người Singapore đã được giáo dục là phải từ bỏ những thói quen cũ như khạc nhổ (có thể gây ra bệnh ho lao) để chăm sóc những tài sản công và những cây mới trồng ở nơi công cộng, chấm dứt việc ném bừa bãi (bao gồm việc nhai và ném chewingum trên vỉa hè), giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, và tỏ ra lịch sự với du khách cũng như với nhau.[\[139\]](#) Một cách căn cơ hơn nữa, nhà nước liên tục điều chỉnh và đẩy mạnh các giá trị, xem chúng như là yếu tố không thể thiếu trong việc thực thi những chính sách và xây dựng định chế cho đất nước. Ví dụ thì rất nhiều. Để xây dựng quân đội quốc gia, chính quyền đã quyết định phải thay đổi ác cảm lâu đời của người Singapore gốc Trung Hoa đối với việc đi lính vì họ xem đây là công việc hạ cấp. Để đảm bảo sự cạnh tranh trên trường quốc tế, chính quyền đã không ngừng nhắc nhở người lao động rằng đồng lương phải phù hợp với công việc thực hiện, chứ không phải

căn cứ theo tuổi tác hay thâm niên. Những giá trị đã tạo nên ý thức hệ của nhà cầm quyền Đảng PAP và hệ thống những tín điều ẩn chứa trong những định chế và chính sách. Điều này đóng góp cho việc "tạo nên thương hiệu" Singapore trên thế giới, đồng thời tạo nên tình đoàn kết quốc gia ngay tại quê nhà. Những thay đổi căn bản về xã hội và văn hóa cũng đã giúp Singapore thực hiện những thành công như hiện nay.

Nhà cầm quyền ở các xã hội khác thì ít có khuynh hướng đóng vai trò tương tự. Nhân dân của họ sẽ xem việc này mang tính chất gia trưởng. Báo chí phương Tây thường chế diễu các nhà cầm quyền Singapore bởi kiểu quản trị theo kiểu "PAP cái gì cũng biết" và tạo ra một "xã hội nhà trẻ". Ở những nơi khác thì nhà thờ, trường học và những định chế tương đương hoàn thành vai trò này. Nhưng nhà cầm quyền Singapore muốn giáo dục nhân dân phải đóng góp khả năng cao nhất, phải đạt được tiêu chuẩn hàng đầu thế giới về an toàn công cộng và cá nhân, về chăm sóc sức khỏe, về giao thông vận tải, và gạt hái được danh hiệu là "Một quốc gia thịnh vượng của cả Đông Nam Á". Điều này một phần sẽ khiến các du khách bỏ ra nhiều tiền hơn và tăng cường sức hấp dẫn của thành phố – quốc gia này thành một trung tâm để các công ty đa quốc gia đặt văn phòng khu vực, và không kém phần quan trọng là làm cho cuộc sống cảm thấy dễ chịu hơn đối với mọi người, nâng cao lòng tự hào tập thể và tính tự trọng. Theo ngôn ngữ của Lý Quang Diệu: "Chúng ta muốn trở thành một xã hội văn minh, và có văn hóa trong thời gian ngắn nhất có thể được (tác giả nhấn mạnh)".^[140] Xã hội Tây phương đã cho rằng thói quen xấu sẽ mất dần theo thời gian và có lẽ trong thời kỳ tương đối dài – Nhưng Singapore thì vội vã cho kịp thời gian. Họ muốn theo kịp một cách nhanh chóng và để đạt mục tiêu này, tổ chức xã hội của họ hoàn toàn khác với phương Tây.

Đâu là vai trò của thái độ và giá trị? Ở Singapore nếp tư duy người dân và nền văn hóa hỗ trợ cho những định chế tăng trưởng như thế nào? Có chăng một tập hợp các niềm tin hướng dẫn hành động và chứng minh nó? Nếu không tán thành khái niệm giá trị châu Á, ta phải nêu lên bốn chủ điểm nổi bật vì nó là những nét đặc trưng của Singapore suốt 40 năm qua. Vấn đề then chốt là phải chăng đây là những giá trị nội tại ở xã hội Singapore hay đã được nhà cầm quyền PAP khắc sâu trong lòng dân. Có lẽ đây là một trong những chủ trương mà nhà nước ra sức ủng hộ vì nó là một phần trong chính sách "xã hội hóa". Nhưng cũng phải có sự tiếp nhận từ phía quần chúng và hội đủ sự đồng thuận của mọi người với những giá trị này để có thể hỗ trợ những chính sách và định chế khác.

Một tầm nhìn dài hạn, hướng tới tương lai.

Xã hội Singapore thì luôn hướng tầm nhìn dài hạn về tương lai. Một khuynh hướng nổi bật là tiết kiệm – ngay cả khi người ta đã nghe giải thích về ngành nhân khẩu học đang phát triển hay về thu nhập ngày một tăng cao – cũng bao hàm ý nghĩa người dân sẵn sàng chấp nhận trì hoãn sự hưởng thụ về sau. Người dân Singapore cố vũ những nhà lãnh đạo của mình làm việc cần mẫn, hy sinh hiện tại để hưởng thụ tương lai, và đem lại một ngày mai tốt đẹp hơn cho thế hệ sau. Người ta ca ngợi những xí nghiệp năng động và luôn luôn sẵn sàng nắm bắt những cơ hội mới trong một thế giới đang thay đổi hằng ngày. Cái nhìn hướng tới tương lai này tập trung vào việc tạo ra của cải cho tập thể theo thời gian, nhưng không phải phân chia ngay cái bánh đang có sẵn. Ngược lại, những xã hội chỉ biết xây dựng nhanh chóng các chương trình phúc lợi mà không có ngân sách thì chỉ có một tầm nhìn hết sức ngắn ngủi và sẽ sống nhiều cho hiện tại. Cuối cùng thì điều này sẽ dẫn đến tình trạng bất lực trong việc thực hiện chính sách cộng đồng, mà người ta hay lý luận bằng những giả thuyết lạc quan phi thực tế về những điều kiện sống trong tương lai. Những giả thuyết kinh tế vĩ mô dài hạn của Singapore thì bảo thủ một cách cố ý.

Những xã hội khác cũng thấy khó mà tập trung toàn tâm toàn ý cho tương lai. Họ có thể có một cái nhìn lâu dài – nhưng là nhìn lại phía sau. Rất nhiều nhóm người ở trong các quốc gia cảm thấy cực kỳ khó khăn khi phải vượt qua những nỗi đau khổ trong quá khứ về chủng tộc, về xã hội, về tôn giáo; họ không thể nào quên được những bất công thuở ban đầu. Những cuộc chiến tranh triền miên giữa các thế hệ, giữa Tamils và người Sinhala ở Sri Lanka; việc chia cắt vùng Kashmir, bắt nguồn sâu xa từ mối hiềm khích lâu đời giữa người Ấn giáo và người Hồi giáo, giữa người Pakistan và người Ấn Độ; Việc chung sống khó khăn giữa con cháu của những người Incas bị chinh phục, để rồi đất nước bị khai thác cạn kiệt quặng mỏ và bị loại ra khỏi đời sống chính trị quốc gia với những người Tây Ban Nha, kẻ chinh phục Bolivia, một cuộc chung sống chắt chử trong lòng đầy những bất ổn. Ngay cả ở Tây Âu, những tàn dư của tình trạng bất công vẫn còn dai dẳng trong những giai cấp xã hội của thế kỷ 19, làm cho xã hội khó hàn gắn để có một cái nhìn xây dựng hướng về tương lai. Những nỗi đau lịch sử đã làm cạn kiệt nguồn năng lượng tập thể trong nhiều quốc gia, đã được chính quyền Singapore nhận ra và thấy cần phải hướng nguồn năng lượng ấy cho sự phát triển hướng tới tương lai, cương quyết xây dựng sự hài hòa tôn giáo, chủng tộc và chấp nhận một đất nước đa văn hóa và để "cùng nhau lãng quên" những nỗi muộn phiền trước đây từng hiện diện.

Sự cởi mở trước những ý tưởng mới và lòng háo hức muốn học hỏi cũng là nhằm đến tương lai. David Landes đã mô tả những người châu Âu đã hết sức mong muốn học hỏi những điều tốt nhất mà các quốc gia khác có thể đem đến cho họ như thế nào, mà theo quan điểm của ông đây là yếu tố then chốt làm cho châu Âu thăng tiến. Họ sẵn sàng chấp nhận những phát minh như giấy, thuốc súng và những phát minh khác của người Trung Hoa. Và đến lượt nước Nhật vào giữa thế kỷ 19, cũng đã hết sức hào hứng học hỏi những ý tưởng và công nghệ từ Tây Âu, cả những đạo luật và định chế.[\[141\]](#) Ngược lại, thế giới Hồi giáo nhìn một cách tổng quát đã tỏ ra ít cởi mở trong những thập niên gần đây. Những nhà lãnh đạo của Singapore đã hăng hái học tập từ những quốc gia khác, để rồi áp dụng những điều phát hiện được vào hoàn cảnh đất nước mình.[\[142\]](#)

Những cái nhìn tích cực và lâu dài hướng về tương lai với lời hứa cải thiện cuộc sống đã đem lại sự đoàn kết quốc gia và ổn định chính trị ở Singapore. Họ khích lệ tiết kiệm cao ở các thành phần kinh tế công cũng như tư và cởi mở đón nhận những công nghệ mới cũng như những qui trình hiệu quả hơn. Nêu cao lợi ích xây dựng tài sản cộng đồng – theo thời gian – đã giúp cho Singapore trấn áp được tình trạng tham nhũng và dẹp bỏ tất cả những hành động không mang lại hiệu quả chỉ nhằm vào trò chơi không kết quả của việc phân phối ngắn hạn. Quan điểm lâu dài và hướng về tương lai của người dân đã đem lại một mảnh đất màu mỡ cho những chính sách có tầm nhìn xa.

Thiết lập những giải pháp hiệu quả thông qua sự đồng thuận.

Sự tin cậy là yếu tố then chốt cho nhiều thương vụ tạo nên một nền kinh tế hiện đại. Những xã hội với một mức "Vốn xã hội" cao, có nghĩa là, đoàn kết nội bộ và sẵn lòng hỗ trợ lẫn nhau, thường có khuynh hướng nhận được mức đầu tư cao hơn.[\[143\]](#) Chú trọng giải quyết các vấn đề thông qua sự đồng thuận hơn là những cuộc tranh cãi là một đặc điểm của Singapore. Sự hài hòa về mặt chủng tộc và tôn giáo được nhìn nhận như là yếu tố then chốt cho sự bình ổn và là một yếu tố có ý nghĩa quyết định cho tinh thần chung của Singapore. Tình trạng đa văn hóa cũng đã nhìn nhận rằng các chủng tộc khác nhau đã chọn Singapore làm quê hương của mình và sự hòa điệu chung của tất cả mang một phong thái tinh tế và trang nhã. Hiến pháp Singapore qui định rõ bốn ngôn ngữ chính thức. Malay, ngôn ngữ của thiểu số, trở thành ngôn ngữ quốc gia. Tiếng Anh, ngôn ngữ chủ yếu dùng trong nhà trường và làm việc, đã đem lại lợi điểm rất lớn cho Singapore bởi vì nó đã trở thành ngôn ngữ toàn cầu trong các nền kinh tế thế giới.[\[144\]](#) Tạo nên một bầu không khí tin tưởng lẫn nhau là hết sức quan trọng

trong việc thuyết phục các công ty đa quốc gia (MNC) đến đặt văn phòng và ở lại Singapore, đảm bảo mối quan hệ xây dựng giữa người lao động và tư bản, và trong quan hệ quốc tế của Singapore. Chúng ta sẽ xem xét tất cả ba lĩnh vực.

Trong một bài nghiên cứu lịch sử chi tiết toàn diện về Singapore, Carl Trocki (năm 2005) đã ghi nhận cách thức mà đảng PAP, gạt ra ngoài ý thức hệ xã hội chủ nghĩa và gia nhập liên minh "chiến lược với giới tư bản toàn cầu". Thật vậy, Singapore đã chào đón các công ty đa quốc gia ngay từ buổi đầu, không để ý thức hệ cản đường cho những suy luận duy lý của họ. Cùng thời điểm đó, thì trường phái tư duy lệ thuộc chủ nghĩa thực dân kiểu mới đã đưa nhiều quốc gia đang phát triển đến chỗ từ chối các công ty đa quốc gia. Nhưng Đảng PAP cảm thấy rằng để có thể duy trì quyền lực, họ phải tạo công ăn việc làm cho những người thất nghiệp. Việc dựa vào các công ty đa quốc gia đã cho phép nhà cầm quyền của Đảng PAP "nhảy vọt" vượt lên trên các quốc gia láng giềng để đạt được nền kinh tế toàn cầu và tránh được đối đầu với các nhà doanh nghiệp được đào tạo ở Trung Quốc bản địa, những người không hề có cảm tình với chương trình nghị sự của đảng PAP.

Chính quyền đã tạo ra môi trường hỗ trợ cho kinh doanh và hướng về kinh tế thị trường. Bất cứ điều gì mà các công ty đa quốc gia đòi hỏi hợp lý, Singapore đều đáp ứng. Điều này bao gồm một lực lượng lao động hiền hòa và kỷ luật, sẵn lòng làm việc với mức lương khởi điểm thấp và sẵn sàng rèn luyện kỹ năng sau. Singapore đã có rất ít hay hầu như không có những giới hạn trong việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, cho phép các công ty 100% vốn nước ngoài, và hoàn toàn không đòi hỏi mức vốn tối thiểu từ địa phương. Việc miễn thuế cũng rộng rãi và thuế lợi tức theo thời gian được hạ rất thấp. Các công ty được quyền thuê mướn đất đai theo giá bao cấp và hưởng lợi từ những điều khoản được cung cấp các cơ sở hạ tầng có chất lượng, bao gồm việc vận chuyển bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không cũng như viễn thông hết sức tốt đẹp. Họ có thể yên tâm tin rằng những luật lệ không thể thay đổi một cách độc đoán theo hướng bất lợi cho họ. Singapore đã đem lại sự bình ổn về tài chính, kinh tế, chính trị và đồng tiền vững bền, cùng với sự liên tục theo đuổi chính sách của mình. An ninh cá nhân luôn luôn được đảm bảo và bầu không khí thân thiện khắp nơi. Chính quyền có năng lực và trung thực. Ngân sách quốc phòng mạnh mẽ và sự hiểu biết vai trò địa chính trị với người Mỹ lại càng làm cho các nhà đầu tư yên tâm hơn.

Nhưng nhà nước cũng đảm bảo rằng điều gì tốt cho các công ty đa quốc gia thì

cũng có lợi cho người Singapore. Các công ty đa quốc gia đã đem lại việc tiếp cận thị trường hết sức đáng quý, nguồn vốn và kinh nghiệm làm việc. Những chính sách công nghiệp được tài trợ thì có chọn lọc. Những ngành công nghiệp mục tiêu được xem là kỳ vọng phải đạt được một số tiêu chuẩn tối thiểu, thoát tiên là sử dụng nhân công và thứ hai là tiềm năng phát triển, sau đó mới đến các nội dung kỹ thuật và giá trị gia tăng, rồi tiếp theo đó sự sẵn sàng đem nghiên cứu và đầu tư (R&D) vào Singapore. Các công ty đa quốc gia có thể xuất khẩu hiệu quả từ Singapore ở những lĩnh vực có triển vọng tăng trưởng và về mặt chiến lược đòi hỏi phải đem những công nghệ có chất lượng cao vào. Họ phải hợp tác một cách tích cực trong việc đào tạo các tay nghề địa phương trở thành những kỹ sư và những công nhân lành nghề, đủ sức cạnh tranh toàn cầu với những nơi tốt nhất. Các công ty đa quốc gia cũng cho phép Singapore tiếp cận với những nền kỹ thuật tốt nhất tạo nên những tài sản có giá trị được nhập khẩu cùng những tay nghề cao từ nước ngoài. Nguồn vốn nhân lực, vốn thực tế và tri thức tương tác hỗ trợ lẫn nhau. Đây là một cách làm hiệu quả cho Singapore trong việc tiếp thu tri thức. Các quốc gia có một thị trường được bảo hộ sẽ bỏ lỡ mất các cơ hội học hỏi quý giá này.[\[145\]](#) Các công ty đa quốc gia cũng được hy vọng sẽ không can dự vào môi trường chính trị địa phương, một yêu cầu mà sau này người ta đã tổng quát hóa gọi là "Những tài năng nước ngoài" được mời đến Singapore chỉ vì năng lực chuyên môn của họ mà thôi.

Sự tin tưởng còn vượt xa hơn cả việc họ được đảm bảo tiếp cận với hệ thống tư pháp đáng tin cậy và hết sức chặt chẽ. Lý Quang Diệu đã nhớ lại vào khoảng giữa tháng 10 năm 1973, khi dầu hỏa đang bị cấm vận, nhà cầm quyền Singapore đã quyết định cho phép hãng Shell, hãng BP, Esso và một số hãng khác xuất khẩu sản phẩm dầu hỏa của họ đang được chứa ở các kho trên Singapore cho bất kỳ khách hàng nào mà họ muốn bất cứ nơi nào trên thế giới. Bằng việc đặt mối quan hệ dài lâu lên trên những mối quan hệ ngắn hạn nhất thời và không đòi hỏi rằng Singapore phải được cho phép ưu tiên nhận hàng trước những khách hàng khác, đã tạo nên thiện chí, sau này góp phần nhiều vào những quyết định của các công ty đa quốc gia mở rộng hoạt động trong lĩnh vực hóa dầu của họ ở Singapore.[\[146\]](#) Sự cộng sinh và hợp tác chứ không phải lệ thuộc là nét đặc trưng trong quan hệ. Trong suốt những năm khó khăn từ 2001 đến 2003, nhà cầm quyền đã giảm chi phí cho doanh nghiệp, chú trọng đến chế độ tiền công linh hoạt, đồng thời cũng hạ thấp thuế lợi tức.

Quan hệ lao động là lĩnh vực thứ hai trong việc xây dựng niềm tin và sự đồng thuận. Chính quyền đã cam kết sâu sắc thực hiện tầm nhìn chiến lược để tạo nên

nền tảng cho quan hệ lao động. Nói theo ngôn ngữ của ông Lý Quang Diêu: "Điều then chốt dẫn đến sự bình ổn và hài hòa trong xã hội chính là ý thức công bình... Mà mọi người sẽ góp phần của mình để cùng chia nhau thành quả của sự tiến bộ này".^[147] Điều này đòi hỏi những cơ hội và tưởng thưởng cho các cá nhân và gia đình khi họ làm việc chăm chỉ hơn, tiết kiệm nhiều hơn, và học tập tốt hơn. Nhưng để có thể duy trì sức mạnh cạnh tranh quốc tế trong việc xuất khẩu những sản phẩm gia công, các nhà đầu tư nước ngoài cần một sự bình ổn trong nhà máy: giảm thiểu các cuộc đình công và cần có một khung pháp lý cho tập thể những công nhân lớn tuổi thương thảo. Để đáp ứng những yêu cầu này, nhà cầm quyền đã hạn chế các công đoàn độc lập và khuyến khích một bầu không khí hợp tác mà ở đó những người lao động được tưởng thưởng khi tăng năng suất. Trong các nhà máy, chiến lược này vạch ra sự hợp tác và tính liên minh để thay thế cho sự đối đầu và tình trạng căng thẳng thông qua những đạo luật có hiệu lực từ cuối những năm 1960. Là đối tác, những người lao động đã được bảo vệ, không bị giới chủ lạm dụng quyền lực, bằng những thủ tục trọng tài mà qua đó công đoàn có thể bảo vệ quyền lợi những thành viên của mình, và những luật lệ cho phép tưởng thưởng những công nhân cam kết tăng năng suất. Về phần mình, giới chủ cũng được phục hồi những đặc quyền lãnh đạo, cho phép họ quyết định việc tuyển dụng, thăng bậc, giảm bớt nhân công, và có bộ máy tổ chức công việc ngoài khuôn khổ của những cuộc tranh luận tập thể. Sự dàn xếp hai bên cùng có lợi này đã đưa đến việc đầu tư cao hơn, và kết quả đem lại nhiều hơn làm cho nhu cầu lao động tăng vọt.

Sự lựa chọn hợp tác và hòa giải hơn là xung đột đã làm cho mối quan hệ quốc tế của Singapore trở nên tốt đẹp. Mặc dù khẳng định quyền quyết định tương lai của mình, họ vẫn thỏa thuận những điều khoản tốt nhất có thể được, về thời gian và cách thức mà người Anh rút quân ra khỏi đất nước Singapore, cuối cùng đã thực hiện vào năm 1971, đồng thời họ cũng hỗ trợ người Anh trong cuộc khủng hoảng đồng Bảng vào cuối thập niên 1960 bằng việc giữ lại nguồn dự trữ ngoại tệ bằng đồng tiền này, và do đó cả hai bên cùng có lợi. Trong khi tiếp tục bảo vệ quyền lợi của mình vào những năm sau khi dành được độc lập, Singapore vẫn ủng hộ sự nương tựa lẫn nhau rộng rãi hơn về kinh tế trong khu vực. Họ là thành viên sáng lập của khối ASEAN và tiếp tục duy trì tổ chức này như hòn đá tảng trong chính sách ngoại giao của mình. Trong những năm gần đây, Singapore đã giúp xây dựng một chân dung khối Đông Nam Á rộng lớn hơn, trong mối tương quan trước sự trỗi dậy của Ấn Độ và Trung Hoa. Singapore mong muốn duy trì mối quan hệ tốt đẹp với tất cả những cường quốc quan trọng; đồng thời cho phép họ đều được góp phần vào sự tiến bộ và sự vững mạnh của chính Singapore. Họ

làm trung gian cho những mâu thuẫn giữa Trung Hoa và Nhật Bản, và với cả hai về vấn đề Đài Loan. Rất xuất sắc, nhà cầm quyền không ngừng nhấn mạnh quan điểm về toàn cầu hóa, đặt trọng tâm vào những lĩnh vực và những cơ hội có thể tìm thấy được. Họ làm điều này mặc dù vấp phải sự cạnh tranh căng thẳng từ các quốc gia láng giềng nơi có chi phí thấp hơn và những các nền kinh tế đối thủ, một số nước có tiềm lực tài chính rất lớn, những nước có cùng một chiến lược tăng trưởng kinh tế tương tự, hoặc dựa vào ngành du lịch hay những lĩnh vực kinh tế tri thức và đổi mới công nghệ. Sự cạnh tranh, mặc dù không hẳn được hoan nghênh, vẫn được Singapore ca ngợi như một trò chơi có đáp số dương.

Tính tự chủ và tình đoàn kết trong một gia đình nhỏ bé

Sau Đệ nhị thế chiến, các quốc gia công nghiệp đã phát triển một hệ thống an sinh xã hội hết sức chu đáo, cung cấp chăm sóc sức khỏe cho toàn dân, bảo hiểm thất nghiệp một cách rộng rãi, và tiền hưu trí cho những người già. Những khoản thu nhập này thỏa mãn khái niệm rộng rãi về sự bình đẳng, đồng thời đóng góp vào ổn định xã hội nhưng với một cái giá phải trả. Việc trợ cấp qua nhiều thế hệ đã để lại những khoản nợ trong tương lai không còn tiền chi trả. Tương tự như vậy, những động cơ lệch lạc đã khiến cá nhân y lại nhiều hơn vào nhà nước, làm tăng gánh nặng ngân sách, và làm hạ thấp mức độ tăng trưởng kinh tế. Chỉ còn một vài quốc gia, phần lớn ở Bắc Âu, có vẻ thành công khi kết hợp tình đoàn kết xã hội được chính quyền bảo trợ rộng rãi với tính cạnh tranh toàn cầu mạnh mẽ.

Ở Singapore, chính quyền đã thực hiện trợ cấp xã hội chỉ ở mức hạn chế cho những người già, người thất nghiệp, những người nghèo và những người đau ốm. Họ nhấn mạnh tinh thần tự chủ thông qua tiết kiệm cá nhân và việc mua bảo hiểm. Khi những khoản này không đủ chi trả, thì mối dây liên đới trong gia đình trở thành quan trọng, và nhà nước chỉ là một điểm tựa cuối cùng. Quỹ CPF và hệ thống thuế lợi tức đã định chế hóa những điều khoản này. Lòng hiếu thảo đối với cha mẹ và với những thân nhân trực tiếp thì mạnh mẽ. Trong thực tế, những phẩm chất đạo đức đã được ràng buộc bằng những qui định pháp luật khi mà con cái phải có nghĩa vụ tài chính.[\[148\]](#)

Tính tự chủ về tài chính trong những gia đình nhỏ ở Singapore cũng tương phản với những gia đình đông người theo truyền thống mà người ta có thể tìm thấy ở những quốc gia như Philippin. Trong một gia đình lớn, việc chia sẻ là cần thiết để tồn tại trong những xã hội mà người ta thường tụ tập để săn bắn. Tuy vậy khi

những người thân xa xôi kia cảm thấy có quyền chia sẻ thành quả từ những cá nhân phải làm việc chuyên cần, đổi mới công việc và tiến bộ về mặt tài chính, thì tình đoàn kết ấy sẽ làm giảm bớt sự hưng phấn trong công việc và đổi mới.

Ở Singapore, trong những gia đình nhỏ bé đó, mặc dù là trung tâm của sự đoàn kết, vẫn là nơi mà người ta có quyền sở hữu tài sản tư nhân. Nhà cầm quyền PAP đã đáp ứng lại ý thức sâu sắc về sở hữu cá nhân, căn bản coi đây là một giá trị tư sản. Nhà cầm quyền cảm thấy rằng người Singapore phải bảo vệ căn nhà của mình, và tài sản mà họ sở hữu được cùng những khoản tiết kiệm cá nhân phải làm tăng thêm sự tự trọng cũng như ý thức trách nhiệm của họ.

Không còn nghi ngờ gì nữa, chính quyền đã đề cao giá trị của sự tự lập, của sự liên đới trong gia đình, và việc sở hữu tư nhân một cách tích cực nhằm hỗ trợ cho những chính sách kinh tế. Người ta vẫn nhìn thấy mối dây liên hệ, ràng buộc trong gia đình nhỏ bé đó vẫn tiếp tục mạnh mẽ, bền chặt cho dù lối sống đang thay đổi mà người ta ngày càng tập trung nhiều hơn đến những gia đình, thậm chí nhỏ bé hơn nữa. Tuy vậy trong bốn thập niên qua, việc nhấn mạnh đến những giá trị đã hỗ trợ sự tăng trưởng kinh tế ở Singapore. Sự tự chủ kết hợp với một tầm nhìn dài hạn đã dắt người ta vượt đến sự tuyệt hảo. Đây là một phần tạo nên thương hiệu Singapore cùng với sự ổn định.

Sẵn lòng chấp nhận quyền lực và sự lãnh đạo gia trưởng

Người Singapore đã quan tâm đến việc thúc giục các nhà cầm quyền phải chấp nhận đưa những sở thích cá nhân thành thứ yếu, không những đối với gia đình mà còn đối với xã hội. Cá nhân phải sẵn lòng đặt quyền lợi của cộng đồng lên trên những quyền phản đối của cá nhân, như trường hợp của các quốc gia khác. Sự tôn trọng dành cho người lớn tuổi và sự hài lòng với lãnh đạo được xem là điều quan trọng duy trì "Thế diện". Tính tôn ti và quyền uy thì ít bị thách thức và người ta không chế nhạo các nhà lãnh đạo. Những đạo luật có tính chất gia trưởng thì không bị phản đối như người ta vẫn nghĩ. Điều này làm cho nơi làm việc, đường lối lãnh đạo từ trên xuống dưới là chủ yếu và những cuộc tranh cãi bất hòa thường ít phổ biến hơn những nơi khác. Lòng yêu nước và ý thức về sự hy sinh đã làm cho việc cắt giảm chi phí một cách đáng kể có thể thực hiện được trong thời gian suy thoái. Dân chúng chấp nhận công quỹ dành cho giáo dục sẽ được phân bổ cùng với tăng trưởng kinh tế trong suy nghĩ của mình: việc nhập học được dựa theo thành tích học tập và chương trình giảng dạy khi đưa ra được

dựa theo chức năng hữu ích cho xã hội chứ không phải sự ưa thích cá nhân của bất kỳ ai. Hai năm nghĩa vụ quân sự bắt buộc cho tất cả công dân nam giới, và đối với phần đông những người Trung Hoa thì truyền thông về nền văn hóa, tôn ti luôn luôn làm cho người ta dễ dàng tập hợp đứng sau lưng lãnh đạo của mình. [\[149\]](#)

Đối với một thiểu số người Singapore nổi bật, người ta vẫn ước mơ về một nền dân chủ được thử thách nhiều hơn và một chế độ chính trị cởi mở hơn. [\[150\]](#) Đặc biệt là một số người trẻ có thể thấy bầu không khí ở đây quá ngột ngạt và họ đã dùng "đôi chân" của họ bỏ phiếu bằng cách ra đi. Tương tự như vậy, đã đến giới hạn cho sự chấp nhận của công chúng đối với thói gia trưởng và đòi hỏi luôn luôn tuân phục. Hai ví dụ cần phải lưu ý. Năm 1983 nhà cầm quyền đã phàn nàn khi thấy một xu hướng là nhiều nam thanh niên đã cưới những người vợ ít học hơn, nhà cầm quyền đã thúc giục họ cưới những người đồng trang phải lứa, được định danh bằng giai cấp học vị – Một lời cảnh báo mà không phải ai cũng hoan nghênh. [\[151\]](#) Về một đề tài tương tự, trong một cuộc thăm dò thống kê năm 1980, người ta đã thấy rằng nhiều phụ nữ tốt nghiệp đại học vẫn còn độc thân và những ai đã lập gia đình thì lại sinh ít con hơn những người phụ nữ ít học, chính quyền đã phản ứng với điều này. Họ đã đưa vào CHƯƠNG TRÌNH BÀ ME TỐT NGHIỆP vào tháng 6 năm 1984, qua đó họ cung cấp tài chính và những phúc lợi khác cho những phụ nữ có con thứ ba, nhưng với điều kiện họ phải có bằng đại học. Chương trình này đã không được ủng hộ, ngay cả trong các Bộ trưởng Nội các, và phải rút sau 12 tháng khi người ta xem xét lại.

Tuy vậy dường như có một đạo luật bất thành văn giữa chính quyền và nhân dân. Như một nhà quan sát đã tổng kết như sau: "Chính quyền của Đảng PAP đem lại việc làm và sự thịnh vượng chưa từng thấy, phân phối công bình và hợp lý đến toàn dân, bao gồm nền giáo dục, những phúc lợi công cộng như sự bình ổn xã hội và không có tội phạm. Để đáp lại, dân chúng Singapore cũng sẵn sàng chấp nhận kỷ luật, tuân thủ mỗi quan hệ lao động, ít tự do cá nhân hơn và ít tự do diễn đạt hơn, đồng thời sự cởi mở chính trị cũng được giới hạn hơn, và đã nhiều lần họ đồng ý cấp cho chế độ một Đảng lãnh đạo "giấy phép" mới để tiếp tục hiện thực hóa viễn cảnh chiến lược lâu dài này. Đa đa số người dân Singapore dường như đã chấp nhận cuộc trao đổi này. Ai cũng thấy rằng đây không phải là một cuộc tranh cãi đầy cảm hứng, nhưng nó đã có hiệu quả ở Singapore". [\[152\]](#)

Quyết tâm hướng về phía trước với một tầm nhìn lâu dài; sự cởi mở trước tình thế hợp tác hai bên cùng có lợi dựa trên lòng tin; tính tự chủ và đoàn kết trong

các gia đình nhỏ bé; sự chấp thuận quyền lực và những luật lệ nhân hậu mang tính gia trưởng là những nét văn hóa đã định nghĩa nên nền nếp đạo đức Singapore. Nó phản ánh kinh nghiệm, truyền thống và kỳ vọng của toàn dân. Nhưng nhà cầm quyền cần phải thấm nhuần sâu sắc hơn nữa để có thể uốn nắn tính chất của dân tộc, củng cố vững vàng những định chế và chính sách mạnh mẽ của Singapore hỗ trợ sự tăng trưởng.

[\[105\]](#) North (1991) trang 97

[\[106\]](#) Chủ điểm này được Ngân hàng Thế giới khai triển (2002)

[\[107\]](#) Acemoglu và những tác giả khác. (2004)

[\[108\]](#) Weil (2005), trang 332

[\[109\]](#) Báo The Economist 23-3-2006

[\[110\]](#) Nhân viên của ủy ban pháp định, mặc dù không phải là công chức, vẫn được xem như một phần của bộ máy quan liêu

[\[111\]](#) Lý Quang Diệu (2000), chương 4

[\[112\]](#) Schein (1996)

[\[113\]](#) Peebles và Wilson (2000), chương 8

[\[114\]](#) Asher (2002), trang 415

[\[115\]](#) Vogel (1989) các trang 1052-53

[\[116\]](#) Mauzy và Milne (2002), các trang 48-49

[117] Low (1998), trang 164. Ghi nhận là mối quan hệ với nhà nước đôi khi phức tạp khi các công ty quốc doanh mua các công ty nước ngoài

[118] Giáo sư Lim Chong Yah là chủ tịch từ 1972 đến 2001, và theo lời của Mauzy và Milne thì 'ông được ca ngợi khắp nơi vì những đóng góp cho việc xây dựng cơ chế ba thành phần.' (Mauzy và Milne (2002), trang 207)

[\[119\]](#) North (1990), trang 54

[\[120\]](#) Jeremy Au Yong, Sunday T, 12 tháng 2, 2006, Tin tức, trang 8.

[\[121\]](#) Lý Quang Diệu (2000), trang 243

[\[122\]](#) Diễn đàn kinh tế thế giới (2005)

[\[123\]](#) Lý Quang Diệu (2000), Chương 5

[124] Trong nhiều năm, Ủy ban Tư vấn Rủi ro Kinh tế và Chính trị (Political and Economic Risk Consultancy – PERC) văn phòng đặt tại Hongkong xếp hạng nền tư pháp Singapore vào hàng đầu trên thế giới. Asia Pacific Legal 500, sách hướng dẫn chuyên đề pháp luật (Ấn bản 2006) khẳng định: 'Tòa án tối cao Singapore luôn ở vị thế cao hơn hẳn các quốc gia láng giềng.'

[\[125\]](#) Weil (2005), Chương 12

[\[126\]](#) Tanzi (1998)

[\[127\]](#) Ủy ban Minh bạch Quốc tế (Transparency International) (2005)

[128] Công thức tính lương cho các bộ trưởng là bằng 2/3 thu nhập của 48 người có thu nhập hàng đầu, hoạt động trong các nghề nghiệp khác nhau, như ngân hàng, kỹ sư, luật sư... dựa trên thu nhập còn lại sau thuế của khu vực kinh tế tư nhân. Con số được công bố gần đây là năm 2000, lương hàng năm của thủ tướng được nâng lên 1,94 triệu đô la Singapore còn các bộ trưởng dưới quyền là 968.000 (Straits Times, 1-7-2000; trích trong Mauzy và Milne (2002), trang 61). Giới lãnh đạo cũng tự nguyện từ chối việc tăng lương trong giai đoạn kinh tế khó khăn, như vào các năm 2001 và 2003

[\[129\]](#) Lý Quang Diệu (2000), trang 196

[\[130\]](#) Lý Quang Diệu (2000), chương 12

[\[131\]](#) Lý Quang Diệu (2000) trang 183. Bộ đồng phục chính thức màu trắng của đảng PAP vẫn còn duy trì đến nay

[132] Liên kết giữa những đặc trưng văn hóa và định chế cho phép chúng ta nhích gần hơn các quan điểm khác nhau chứ không thể mở đường cho một cuộc tranh luận. Một bên là các nhà kinh tế, những người chú trọng đến những cơ hội và nguồn động viên được phản ánh trong chính sách và định chế. Phía bên kia là các nhà xã hội học theo truyền thống Max Weber, người cho rằng sự tăng trưởng ở thế kỷ 16 ở Bắc Âu là nhờ vào 'nền đạo đức Thanh giáo' và các sử gia kinh tế tiêu biểu cho nhóm này là David Landes (1999), người khẳng định; 'Nếu như chúng ta học được điều gì đó từ lịch sử phát triển kinh tế, chính văn hóa làm nên mọi sự khác biệt.'

[\[133\]](#) Myrdal (1968) Dẫn nhập

[\[134\]](#) Đọc Weil (2005) Chương 14 về khuynh hướng của nhà quan sát

[\[135\]](#) Keynes (1930)

[136] Mahbubani (2002) đặc biệt là tiểu luận 'Người châu Á có thể tư duy?' và 'Triển vọng nhân quyền và tự do báo chí châu Á'.

[\[137\]](#) Khổng Tử ca ngợi đức cần kiệm đã từ 2500 năm trước đây và John Calvin ca ngợi lòng tận tụy cần lao và thành công vật chất cách đây 500 năm.

[\[138\]](#) Myrdal (1968), trang 94

[139] Thủ tướng Goh Chok Tong quyết định cấm nhập khẩu kẹo chewing gum vào năm 1992, được tường thuật lại là do việc phá rối bằng cách dùng kẹo dán vào các bộ cảm biến ở cửa của hệ thống xe lửa MRP, khiến dịch vụ vận chuyển hành khách bị gián đoạn. Một phần lệnh này đã được dỡ bỏ năm 2002

[\[140\]](#) Lý Quang Diệu (2000), trang 211.

[\[141\]](#) Landes (1999), Chương 3 và 23.

[142] Lý Quang Diệu (2000) cho rằng những ý tưởng quan trọng về chiến lược công nghiệp hóa ban đầu xuất phát từ tiến sĩ Albert Winsemius và giáo sư Raymond Vernon. Những nhà tư vấn Do Thái cung cấp những kiến thức quý giá về công tác quân sự và thiết lập EDB (Ủy ban Phát triển Kinh tế). Giới chức ngân hàng J.B. Morgan đưa ra những ý kiến hữu ích về nhu cầu cấp thiết chuẩn bị cho các ngân hàng Singapore có thể cạnh tranh toàn cầu và dựa trên nền tảng tin học hóa. Các chuyên gia làm vườn ở Tân Tây Lan chia sẻ kiến thức về phương pháp giữ xanh thành phố Singapore. Ông Lý cũng học hỏi từ Canada việc cấm hút thuốc lá nơi công cộng, từ thành phố Boston việc cấp giấy chứng nhận xe có thể chống ô nhiễm không khí và việc cất cánh hay đáp máy bay qua biển sẽ giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn cho đô thị; học từ Nhật Bản, việc kiểm tra chất lượng; và từ nước Đức, giáo dục kỹ thuật.

[\[143\]](#) Weil (2005), t. 409.

[144] Điều này tương phản với Bangladesh, ủng hộ việc sử dụng tiếng Bengali làm ngôn ngữ giảng dạy trong các trường công lập khi đất nước giành độc lập năm 1971 sau khi tách khỏi Tây Pakistan

[\[145\]](#) Ngân hàng Thế giới (1993)

[\[146\]](#) Lý Quang Diệu (2000) t. 87

[\[147\]](#) Lý Quang Diệu (2000) t. 115

[148] 'Đạo luật nuôi dưỡng cha mẹ' có hiệu lực từ năm 1995 cho phép các bậc cha mẹ trên 60 nếu không tự nuôi dưỡng mình có quyền yêu cầu con cái phải nuôi dưỡng

[\[149\]](#) Nghĩa vụ quốc gia kéo dài 30 tháng cho các sĩ quan đến 2004

[\[150\]](#) Mauzy và Milne (2002), t. 197. Cũng xem Chee (2001) và George (2000)

[\[151\]](#) Lý Quang Diệu lập gia đình với cô Kwa Geok Choo, người con gái duy nhất trong lớp đánh bại ông về hai môn toán và kinh tế. Lý (1998) Chương 1.

[\[152\]](#) Huff (1999) t. 44

Chương năm: Cải thiện những định chế – nền tảng kinh tế chính trị cho việc thực thi

Dành được sự ủng hộ cho những chính sách pháp lý cũng như các định chế hỗ trợ tăng trưởng là cực kỳ khó khăn ở nhiều quốc gia. Nhiều quốc gia đang phát triển khác đã đương đầu với khó khăn đến nản lòng trong quá trình xây dựng một chính quyền trung thực, cũng như một chế độ hành chính hữu hiệu hay trong việc tạo ra các điều kiện để ổn định chính trị và xã hội. Nhiều quốc gia tiên tiến khác cũng thấy khó mà thực hiện các biện pháp tài chính hỗ trợ cho dân số ngày một già nua trên nền tảng bền vững hoặc là phải cho phép những người nhập cư mà nền kinh tế đang cần họ hòa nhập xã hội để có thể duy trì lực lượng lao động. Singapore đã thừa hưởng ưu điểm của những định chế khi mà Đảng PAP lên nắm chính quyền vào năm 1959. Nhưng những chuyển biến chủ yếu của định chế chỉ xảy ra trong 45 năm sau đó. Tại sao và làm thế nào Singapore lại thành công trong việc tạo ra sự đồng thuận của toàn xã hội để xây dựng những định chế chính trị xã hội hỗ trợ các chính sách dài lâu cho phát triển kinh tế?

Các lực lượng nắm quyền lực có khuynh hướng muốn duy trì những định chế hiện có trong bất cứ xã hội nào. Những định chế thường bắt nguồn sâu xa trong lịch sử. Người ta đã chọn chúng sau những cuộc xung đột xã hội để đạt được quyền phân phối lợi tức các khoản tô tức, những đặc quyền của nhóm người giữ quyền lực chính trị đặt để theo ý thích của họ. Tuy vậy những thay đổi chủ yếu vẫn xảy ra. Đôi khi những thay đổi này xảy ra đột ngột như dưới triều Minh Trị ở Nhật Bản vào năm 1867-1868. Sự cải cách kinh tế của Trung Hoa chuyển sang kinh tế thị trường sau khi Mao Trạch Đông qua đời năm 1976, sự tàn lụi của Liên Xô sau khi bức tường Berlin sụp đổ năm 1989. Ở các quốc gia khác thì chuyển hóa định chế cũng kéo dài trong một thời gian khá lâu.

Như Daran Acemoglu đã chỉ ra, các nhà lãnh đạo ưu tú chỉ mở rộng cửa cho các cơ hội kinh tế khi cảm thấy đó là điều họ quan tâm.¹⁵⁵ Trong một vài tình huống như đã diễn ra ở Tây Âu trong thế kỷ qua là khi những nhóm người không thuộc thành phần ưu tú tăng cường thách thức việc phân phối những đặc quyền hiện tại. Họ đấu tranh giành lấy những phúc lợi ấy và những nhà lãnh đạo ưu tú sau cùng phải nhượng bộ nhường nhịn để bảo vệ sự sống còn của chính mình. Một tình hình khác nữa là chính thành phần ưu tú này cũng nhận thấy rằng trật tự cũ

đã không thể chấp nhận được nữa, đã lỗi thời rồi. Họ kết luận rằng mở rộng cửa là biện pháp tốt nhất để có thể duy trì đặc quyền và ảnh hưởng của mình cũng như để thực hiện được tiềm năng của chính họ và con cháu họ về sau.

Kinh nghiệm của Singapore đã rơi vào phạm trù thứ hai. Carl Trocki đã mô tả cách thức mà tầng lớp những người chuyên nghiệp gốc Hoa được giáo dục ở Anh, những người nắm quyền chủ yếu thuộc cánh hữu trong Đảng PAP đã chiếm lấy quyền lực như thế nào.¹⁵⁶ Thường thì cha ông của họ thuộc về giai cấp thương nhân Baba của người Trung Hoa. Trong thời kỳ thực dân, giai cấp này đã liên kết lại với nhau cùng những nhà buôn phương Tây dưới sự bảo trợ của luật pháp Anh. Gia đình Lý Quang Diệu cũng thuộc giai cấp trung thượng lưu đó. Cha ông đã làm việc cho hãng Shell, và một trong hai người ông của ông Lý là người đã tuyên thệ ủng hộ người Anh. Sự lựa chọn tiếp theo đó của Singapore là một chiến lược tăng trưởng kinh tế lấy việc quan hệ với các công ty đa quốc gia làm trọng tâm, nghiêm nhiên phù hợp với bối cảnh xuất thân của ông ấy. Một số người ưu tú trẻ tuổi này đã trở lại Singapore vào thập niên 1950, với mảnh bằng nhận được từ các trường đại học hàng đầu nước Anh. Và ở đó họ đã khẳng định quyết tâm của mình, phấn đấu cho nền độc lập thoát khỏi ách thống trị của người Anh. Những nhóm đối lập ở Singapore cũng liên kết với những nhà kinh doanh được hưởng nền giáo dục Trung Hoa, những học sinh, người lao động và một số người mang nặng tư tưởng thiên cộng sản có được tiếng nói của mình trong phe cấp tiến của đảng PAP.

Việc theo đuổi quyền lực chính trị mà nguyên nhân sâu xa xuất phát từ lợi ích của tập thể, có thể từ trong vô thức, không loại trừ sự lãnh đạo lý tưởng. Ở Singapore cả hai điều này đi cùng với nhau. Sự chiếm đóng của người Nhật năm 1942-1945 đã làm tổn thương những người dân ở đây. Sau chiến tranh, thành phần ưu tú trẻ tuổi vẫn phản đối ách thống trị và sự tàn bạo đã gây tổn thương cho những người dân địa phương. Luật pháp của Anh đã không che chở cho người Singapore. Sinh mạng cá nhân đầy rủi ro. Chỉ bằng sự khôn ngoan tinh táo mà Lý Quang Diệu thoát khỏi cuộc hành quyết tập thể hàng ngàn thanh niên Trung Hoa trẻ trong tay người Nhật.¹⁵⁷ Lòng tự trọng là động cơ khiến những người trẻ tuổi này chiến đấu cho độc lập. Như Lý Quang Diệu đã nói: "Chúng ta đã từng là những nhà lãnh đạo tư sản được người Anh giáo dục, nhưng chúng ta đứng lên vì đồng bào, những người đã ra lệnh cho chúng ta từ năm 1959." Những nhà lãnh đạo đầu tiên ở Singapore đã tuân thủ niềm tin chính trị sắt đá, bèn rẽ từ những ngày đi học ở Anh. Cuộc đấu tranh gian khổ trong những thập niên qua đã làm cho mối quan hệ của họ gắn bó chặt chẽ. Họ đã có những cam

kết sâu sắc đối với tương lai của Singapore và cảm thấy có trách nhiệm đối với nhân dân.¹⁵⁸ Những năm tháng về sau, năm 1993 ông Lý nhớ lại rằng: "Cá đã trở lại với dòng sông Singapore, những dòng sông trong sạch đã thay đổi chất lượng của cuộc sống. Người ta đã tắm nắng trên bờ sông... Với những ai còn nhớ dòng sông Singapore khi nó còn là cống rãnh, sẽ thấy như một giấc mơ khi họ đi dọc theo bờ sông của nó."¹⁵⁹ Đây là niềm sung sướng của quyền lực, khi dẫn dắt chúng dân an bình đến miền đất tốt lành hơn.

Trong thời gian 12 năm, vào năm 1971, nhà cầm quyền của Đảng PAP ôn hòa đã củng cố hoàn toàn quyền lực của mình và thực hiện đầy đủ chiến lược toàn diện. Sự thống trị của họ đối với những nhóm cạnh tranh quyền lực khác cho phép họ thực hiện nhất quán những đường lối phát triển lâu dài và chặt chẽ. Nhiều quốc gia khác cũng tập trung quyền lực mặc dù không có nơi nào đạt được sự phát triển thành công xấp xỉ như Singapore.

CHIẾN LƯỢC CỦA NHỮNG NGƯỜI ƯU TÚ.

"Không còn nghi ngờ gì nữa, những người lãnh đạo của Đảng PAP là những người ưu tú." Theo lời Mauzy và Milne: "Họ ngưỡng mộ quyền lực của những người trí thức, họ tin rằng chỉ có một số những người giỏi nhất, thông minh nhất mới đủ khả năng lãnh đạo quốc gia hữu hiệu."¹⁶⁰ Tuy vậy nhóm ưu tú này trong hoàn cảnh Singapore là dựa theo công trạng của họ. Khác với nhiều quốc gia, đây không phải là một giai cấp xã hội theo kiểu cha truyền con nối khép kín hưởng nhiều đặc quyền và chỉ thành công trong việc chiếm hữu đất nước. Chiến lược mà thành phần lãnh đạo ưu tú này lựa chọn đã đưa đến việc thực hiện các định chế chính trị hỗ trợ tăng trưởng và ta có thể nhận ra 3 đặc trưng mà các quốc gia khác không có.

Thứ nhất, một tầm nhìn dài hạn về tăng trưởng kinh tế là mối quan tâm hàng đầu của Singapore. Những mục tiêu khác cùng tồn tại, ví dụ như sự duy trì vị thế của một quốc gia độc lập, xây dựng một bản thể dân tộc và sau cùng là đạt đến tiêu chuẩn hàng đầu trên thế giới về nghệ thuật và văn hóa. Nhưng sự tăng trưởng kinh tế đạt được là hết sức cần thiết để có thể giúp họ thực hiện những mục tiêu quốc gia. Ưu tiên hàng đầu của việc đạt được sự thịnh vượng lâu dài về kinh tế và xã hội như một tổng thể đã khiến Singapore không giống nhiều quốc gia khác. Goh Keng Swee, Bộ trưởng tài chính đầu tiên của Singapore và cũng là Bộ trưởng quốc phòng, bày tỏ điều này một cách ngắn gọn như sau: "Chúng ta phải

nỗ lực không ngừng để đạt được sự tăng trưởng về kinh tế. Nó đòi hỏi sự ổn định chính trị và không thể để các mục tiêu khác chi phối."¹⁶¹ Các mục tiêu khác do đó được xem là thứ yếu, ví dụ như khái niệm về ý thức hệ trong việc thực hiện phân bổ công bình các khoản trợ cấp về xã hội hay các chính sách thuế má. Các quốc gia cộng sản cũng có những mục tiêu ưu tiên khác. Cho mãi đến năm 1976, mỗi quan tâm hàng đầu của Trung Quốc vẫn là giành lấy quyền lực cho giai cấp nông dân bằng cách phá vỡ trật tự 4000 năm phong kiến và xây dựng lại đất nước.¹⁶² Chỉ đến năm 1982 thì ông Đặng Tiểu Bình mới công bố mục tiêu hàng đầu là biến Trung Hoa thành một quốc gia hiện đại, thịnh vượng bằng cách cải tổ và mở cửa nền kinh tế. Vẫn còn có những quốc gia khác hướng nguồn năng lực tập thể khổng lồ của mình vào việc phục hồi cán cân quyền lực, chính trị và kinh tế giữa các nhóm chủng tộc, sắc tộc và tôn giáo, nếu không thì họ sẽ rơi vào cuộc chiến tranh biên giới, kết quả thường là một sự tăng trưởng năng suất âm ảm, có nghĩa là tổng năng suất bị suy giảm cho dù số lượng hàng nhập vào vẫn tăng lên. Sự hoang mang bao trùm khắp nơi sẽ ngăn cản mức độ đầu tư cao và rồi những người trẻ tài năng sẽ ra đi khỏi đất nước vì nếu không họ sẽ tàn lụi.

Những người lãnh đạo ưu tú ở Singapore không rơi vào những trường hợp ấy vì phương châm của chính phủ là: "Nếu bạn không đạt được tăng trưởng kinh tế, bạn sẽ diệt vong".¹⁶³ Người ta tránh bị chia rẽ. Singapore đã đề cao trong hiến pháp của mình là một xã hội đa chủng tộc, ở đó người ta luôn luôn ủng hộ sự bình đẳng cho mọi công dân bất kể ngôn ngữ, tôn giáo hay sắc tộc. Luật pháp cho phép thực thi những điều này. Đây là mối quan tâm thường xuyên không gây xáo trộn sự bình yên trong nước để duy trì sự ổn định.

Kiến tạo sự thịnh vượng cho mọi người là cách tốt nhất để đạt được sự ổn định nội tại, hòa bình giữa các chủng tộc và hài hòa trong xã hội đồng thời để cùng tồn tại. Sự tăng trưởng kinh tế đã trở thành ngọn hải đăng cho số phận tập thể của thành phố – quốc gia này, không chỉ để sinh tồn mà còn vươn lên bằng những thành tựu xuất sắc.

Điều thứ hai là ở Singapore, thành phần lãnh đạo ưu tú đã lựa chọn một chiến lược để nhân dân có thể chia sẻ lợi ích của sự tăng trưởng kinh tế – không phải thông qua các chính sách tái phân bổ lợi tức mà thông thường nó chỉ cản trở sự tăng trưởng. Thay vào đó người ta thích chọn chiến lược có thể trang bị cho nam hay nữ phương tiện và cơ hội mưu sinh để tăng thu nhập và tài sản cho gia đình mình bằng cách nâng cao tay nghề, cho cả những nhóm người thu nhập thấp và do đó đảm bảo sự chuyển dịch mạnh mẽ lên tầng lớp trên. Đối với thành phần ưu

tú của Singapore, thì những giải pháp hai bên cùng có lợi này hoàn toàn hợp lý: sự giàu có cần được chia sẻ nếu không sẽ không thể tồn tại. Hình thái thực tiễn duy nhất là hướng sự tăng trưởng về xuất khẩu: tận dụng ưu thế địa lý của Singapore và sử dụng nguồn lực của nó một cách tốt nhất cả về con người và trong quá trình thực hiện sẽ tạo ra một xã hội thống nhất.

Sự khan hiếm bất động sản, đất đai và những nguồn tài nguyên thiên nhiên khác đã ngăn trở hình thái chế độ phong kiến vì nó là nguồn gốc của những đặc quyền. Cho dù ý định đằng sau các chính sách xã hội của Singapore cao quý thế nào đi chăng nữa, chính mối quan tâm của những nhà lãnh đạo ưu tú là phân phát một cách rộng rãi những cơ hội kinh tế, như giáo dục, cho phép những con người mới gia nhập vào nhóm của họ. Nền giáo dục phổ quát và rất nhiều học bổng đã giúp các trẻ em thông minh của những gia đình nghèo có thể đi hết con đường đại học của mình. Điều này tương phản với nhóm người ưu tú ở một số quốc gia khác. Giai cấp quý tộc phong kiến ở một số quốc gia, ví dụ như Pakistan với những tài sản đất đai mênh mông thì sẵn lòng mở rộng cửa thành phần của mình cho những nhà công nghiệp gia nhập dưới chiêu bài chính sách thay thế hàng nhập khẩu.¹⁶⁴ Tuy nhiên họ không thể cung cấp một nền giáo dục có chất lượng và qui mô lớn cho thanh thiếu niên nam nữ ở thôn quê vì họ sợ rằng quyền lực của mình sẽ bị vượt mất. Kết quả là nhiều trường hợp, tình trạng ổn định rất thấp, cùng với năng suất công nông nghiệp tồi tệ và người ta lại quay trở lại mô hình cổ xưa trong việc chia những khoản lợi quyền "thuê" kinh tế chứ không tạo ra của cải mới.

Thứ ba là, nhóm thống trị chính trị ở Singapore sẵn lòng chịu trách nhiệm. Mặc dù sự tham dự vào chính trường bị giới hạn ở Singapore, cũng cần nhấn mạnh rằng nhóm người ưu tú này sẵn lòng chấp nhận nhà nước giới hạn quyền lực của mình. Họ chấp thuận việc kiểm tra và tình trạng cân bằng có thể làm giảm khuynh hướng gia tăng quyền lực vốn thường đưa đến tham nhũng. Điều này giúp cho Singapore không rơi vào tình trạng độc tài, chế độ thiểu số lãnh đạo và là một tổ chức mà trong đó những cá nhân độc đoán chuyên quyền hợp pháp hóa nhà nước của họ. Nhiều khía cạnh khác cần được làm rõ. Đầu tiên, luật pháp của Singapore được xem như công cụ kiểm tra đối với quyền lực chính trị. Những quan chức lãnh đạo cao nhất cũng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và họ đã được triệu tập. Lý Quang Diệu và con ông Lý Hiển Long đã phải chịu sự thẩm vấn của tòa án vào năm 1996 về những lời buộc tội lạm quyền đối với một số bất động sản và cuối cùng đã được tha bổng. Các cuộc khảo sát quốc tế theo thông lệ đã xếp quốc gia này ở một vị trí rất cao trong việc duy trì các điều luật, nêu cao

quyền sở hữu và sử dụng luật pháp để duy trì sự liêm chính của các chính khách và công chức. Thứ hai là chế độ một đảng lãnh đạo không có nghĩa là thiếu dân chủ: những cuộc bầu cử quốc hội được tổ chức theo kỳ hạn 5 năm, gần đây vừa mới diễn ra vào tháng 5 năm 2006. Những cuộc bầu cử này được tổ chức một cách tự do. Không có tình trạng mua phiếu hay hăm dọa cử tri. Singapore đã có những phương tiện để thay đổi chính quyền của mình một cách dân chủ, mặc dù những trở ngại lớn nhất luôn được đặt trên đường đi của những phe phái đối lập.¹⁶⁵ Sự thống trị của Đảng PAP đối với phe đối lập từ cuối thập niên 1960, với thuận lợi của họ là đang nắm giữ các chức vụ trong chính quyền và những điều luật bầu cử hoạch định trong nhiều năm, cho phép họ luôn ở đỉnh cao thống trị trước những đảng này: thường thì thắng lợi của họ được đảm bảo trước ngày bầu cử, bởi sự khan hiếm những ứng cử viên đối lập. Tuy nhiên kết quả bầu cử từ 61% ủng hộ Đảng PAP năm 1991, 75% năm 2001, 67% năm 2006 được xem như biểu đồ đánh giá sự ủng hộ của quần chúng. Nhà cầm quyền cảm thấy rằng định kỳ phải tự đòi hỏi chính mình tìm ra những mệnh lệnh mới, để báo cáo trước mặt cử tri như là một sự khích lệ mãnh liệt đem lại thịnh vượng chung cho mọi người cùng chia sẻ, sự an toàn cá nhân, trật tự xã hội mà các cử tri luôn luôn mong muốn.¹⁶⁶ Bằng cách tạo ra các cơ hội việc làm một cách rộng rãi và cải thiện điều kiện sống, các nhóm lãnh đạo chính trị này ở Singapore đã nhận được yêu cầu của toàn dân là theo đuổi chiến lược phát triển kinh tế lâu dài. Thứ ba là một lực lượng đối trọng mạnh ở trường hợp của Singapore đôi khi là bất thường, nhưng có tầm ảnh hưởng trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu hiện nay là các công ty đa quốc gia (MNC). Chiến lược của Singapore dựa vào các công ty đa quốc gia là động cơ của tăng trưởng kinh tế. Nó cũng là thước đo phụ trợ giúp tăng cường kiểm tra một số mặt không thành công của chính quyền, vì sự ổn định chính trị, một chính quyền không tham nhũng và một sự lãnh đạo kinh tế lành mạnh là then chốt trong việc thúc đẩy sự tin tưởng của các nhà đầu tư vào nền kinh tế Singapore.

Sự kết hợp một nhà nước vững mạnh với một thị trường đa dạng hơn là một nhà nước vững mạnh với thị trường độc quyền. Nói tóm lại, thành phần lãnh đạo ưu tú của Singapore đã xây dựng quyền lực vào thập niên 1960, sau đó kết nạp những nhân tài khắp nơi trong xã hội và thành công trong xây dựng định chế hỗ trợ tăng trưởng. Họ thành công vì đã chọn một chiến lược phát triển kinh tế lâu dài làm ưu tiên hàng đầu. Họ chia sẻ cơ hội cho mọi người tham gia một cách rộng rãi vào sự tăng trưởng đó và sẵn sàng chịu trách nhiệm về việc hành xử quyền lực của mình. Tất cả ba yếu tố này đã khiến Singapore khác với nhiều nước. Nhóm người xuất chúng trong xã hội đã tạo nên thỏa ước xã hội được mọi

người chấp thuận cho một chiến lược sống còn lâu dài.

Chiến lược này vì lợi ích tốt nhất của thành phần lãnh đạo ưu tú và vì nhân dân. Đảng PAP nhận ra rằng họ phải cải thiện những điều kiện kinh tế để ngăn cản những người cộng sản đào sâu vào nỗi đau khổ của những người thất nghiệp. Singapore thiếu hụt tài nguyên để có thể chia đều cho mọi người như là chiến lợi phẩm. Một khi quyền lực chính trị đã được củng cố thì không có nhóm đối lập nào cần phải xoa dịu nhân dân thông qua con đường mua chuộc. Thật ra tính liêm chính cao đã làm cho quyền lực của Đảng PAP mạnh hơn. Chiến lược có tầm nhìn xa này đã cho phép những nhà quản lý ưu tú không chỉ tồn tại mà còn phát triển thành những người lãnh đạo của một đất nước an toàn đáng tôn trọng và năng động. Việc hiện thực hóa ước mơ đạt được bằng cách giúp các công dân phát triển tối đa tiềm năng của mình. Đây là một động cơ mạnh mẽ mà nhóm người ưu tú đã nắm lấy cơ hội này. Sự trùng hợp về lợi ích của những nhóm người lãnh đạo ưu tú và sự phát triển của toàn dân được củng cố vững chắc và là hòn đá tảng cho sự thành công của Singapore.

NHỮNG CHIẾN THUẬT CỦA CHÍNH QUYỀN TRONG XÂY DỰNG ĐỊNH CHẾ

Theo sự hiểu biết của tôi thì không có một cuốn cẩm nang tổng hợp nào hiện nay có thể sẵn sàng hướng dẫn nhà nước, thực hiện những chiến lược trong hệ thống kinh tế chính trị của mình để thiết lập các định chế hỗ trợ cho sự tăng trưởng. Các đảng cộng sản, ngược lại, thường phát triển những cẩm nang chỉ dẫn cặn kẽ chiến thuật trong việc giành lấy quyền lực và thực hiện mục tiêu của họ: một ví dụ thông thường là họ thâm nhập vào phong trào đòi độc lập của các đảng phái quốc gia và một khi họ lọt vào trong đảng rồi, họ sẽ chuyển đảng đó, theo lý tưởng cộng sản. Tuy nhiên người ta nhận ra là vẫn có những ý tưởng mang tính chiến thuật. Ngân hàng Thế giới đã chia sẻ một số kết luận trong tác phẩm của mình với các quốc gia về cách thức làm thế nào tăng cường sự lãnh đạo của chính quyền.¹⁶⁷ Nhà cầm quyền Singapore đã thực hiện những bước thực tiễn nào để đạt được các chiến lược dài hạn và tham vọng của mình? Ở những chương dưới đây chúng ta sẽ triển khai ba chủ đề chính.

Chinh phục và giữ gìn lòng tin nhân dân

Nhà cầm quyền Singapore đã giành được sự tin tưởng của toàn dân bằng việc

xây dựng một bảng thành tích kinh tế thẳng lợi. Họ củng cố quyền lực qua việc đảm bảo sự tín nhiệm trong việc thực hiện những lời hứa. Các mục tiêu thì rất thực tế và được thực hiện bằng hoặc vượt yêu cầu. Vào năm 1972, nạn thất nghiệp đã được thanh toán. Những công trình lớn đã được chia thành những công trình nhỏ hơn và dễ quản lý hơn nhằm mục đích tạo thuận tiện cho việc thực hiện những viễn cảnh dài hạn. Còn về công cuộc cải cách thì Singapore sẽ từng bước một lần lượt thực hiện chứ không tiến hành tất cả cùng một lúc. Rất nhiều những thành tựu ngày một đòi hỏi cao ví dụ như cải cách hệ thống thuế má và tư pháp, đã được thực hiện nhưng chỉ trong những thập niên gần đây cho phù hợp với quan điểm cấp tiến quốc tế về tầm quan trọng của nó. Nhà cầm quyền đã thực thi những lời hứa của mình trong việc đưa ra các lợi ích cụ thể. Nhà cửa, nền giáo dục và đào tạo đã hỗ trợ sự tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống của nhân dân. Người ta đã hoạch định rất cẩn thận kế hoạch kinh tế nhằm đảm bảo cho sự thành công. Rồi thì thành công này khơi nguồn cho thành công khác và cứ như thế gây dựng sự tin tưởng trong nhân dân và các nhà đầu tư nước ngoài. Đảng PAP đã chứng minh các đạo luật nhất quán của mình trong việc đem lại những kết quả cụ thể.

Chính quyền luôn đứng về phía đại đa số dân chúng. Họ đã thiết lập được những hệ thống tiếp nhận phản hồi rất tốt từ phía cộng đồng. Khi mà người ta thấy rằng không thể tránh được việc cải tổ thì họ sẽ đưa ra cơ sở lý luận. Điều này không dễ dàng. Nói theo lời của Lý Quang Diệu: "Mỗi một việc định cư lại nông trang, nông trại hay là các cơ sở thủ công đều phải bàn bạc mặc cả. Chẳng ai vui vẻ khi phải dời đi. Đây là một công việc rủi ro về mặt chính trị..., nó đòi hỏi sự đồng cảm và xử lý một cách nhẹ nhàng... nếu không sẽ khiến chúng ta mất sự tín nhiệm của cử tri trong cuộc bầu cử kế tiếp... Ngay cả đến lúc người ta phải chấp nhận những quyết định đau lòng vì mục tiêu, lợi ích của đa số. Những người nông dân trước đây giờ phải tái định cư từ những ngôi nhà thôn quê của họ đến những căn hộ trên lầu cao sẽ nhớ những căn nhà của mình, những con vịt của mình, những luống rau của mình. Phiếu bầu của họ sẽ phản đối Đảng PAP, mà điều này thậm chí xảy ra 20 năm sau. Họ cảm thấy rằng nhà nước tàn phá cuộc sống của họ.¹⁶⁸ Cuối cùng thì những lập luận duy lý đã chiến thắng. Nỗi đau khổ của họ ngày hôm nay chính là thành tựu của con cái họ ngày mai.

Nhà cầm quyền đã thực hiện những nỗ lực hết sức cần mẫn trong việc tiếp thị và giải thích cơ sở lý luận cho chính sách của mình, nhất là đối với những chính sách không thuận lòng dân lắm. Nhà cầm quyền dĩ nhiên là những người ưu tú xét về tài năng lãnh đạo nhưng họ không thể đứng xa cách quần chúng. Các

chính sách không thể chỉ ban từ trên xuống. Bản thân từng nhà lãnh đạo công đoàn đã phải được thuyết phục vào cuối thập niên 1960, thông qua những cuộc giải thích chăm chỉ kiên nhẫn và đầy tôn trọng ở các buổi gặp gỡ trực tiếp với các thành viên chủ chốt trong chính quyền, những người có khả năng giao tiếp xuất sắc.¹⁶⁹ Việc quản trị chính trị một cách cẩn thận đã diễn ra trước khi áp dụng sắc thuế GST (mức thuế đánh trên hàng hóa và dịch vụ), một loại thuế giá trị gia tăng đối với hàng tiêu dùng.¹⁷⁰ Tương tự như thế, nhà cầm quyền đã chuẩn bị cho người dân sẵn sàng đón nhận việc đánh thuế đường sá bằng điện tử (ERP) vào năm 1999. Năm 1998 lúc đó Lý Hiển Long còn là phó thủ tướng đã khéo léo điều hành một vấn đề chính trị gai góc trong việc hạ thấp mức đóng góp của giới chủ đối với quỹ dự phòng quốc gia CPF. Những đề nghị không phải chỉ được đưa ra với những lời hoa mỹ trên vành mũ. Dần dà thì nó sẽ bộc lộ như những chính sách giả định mà người ta cuối cùng dựa vào đó sau những cuộc đối thoại với công chúng về những vấn đề, những giải pháp khác nhau, trước khi được toàn dân chấp nhận thi hành chính sách như là một điều tất yếu.¹⁷¹ Theo quan điểm của nhà nước, nếu như có nhu cầu cần phải thay đổi chính sách thì điều quan trọng là phải chuẩn bị cho người dân trước đó sớm hơn và giải thích tại sao những thay đổi đó là cần thiết.

Chính quyền đã sử dụng những nguồn vốn một cách dè sẻn, tránh những cuộc cải cách có thể gây phản tác dụng. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng thành công, ví dụ sự thử nghiệm đầu tiên trong việc tái cơ cấu dân số là một trong những ngoại lệ và nó đã khiến họ mất một số phiếu của cử tri.¹⁷²

Hướng tình cảm quần chúng vào tăng trưởng kinh tế

Nhà cầm quyền Singapore đã nhắc đến sự đe dọa tồn vong thực tế của đất nước nhằm động viên những thành tích kinh tế. Sự đe dọa là có thật. Cuộc xâm lược tàn bạo của người Nhật từ năm 1942 đến 1945 đã làm mọi người thấy rõ rằng tất cả sự tồn tại của họ không phải mặc nhiên mà có. Chủ nghĩa cuồng tín đã kích động cuộc bạo loạn về chủng tộc tại Singapore vào năm 1964 và dai dẳng đe dọa mạng sống của gia đình ông Lý và bản thân ông vào năm 1965. Thời kỳ va chạm với Malaysia và bị đe dọa cắt đứt nguồn cung cấp sống còn, nguồn nước sinh hoạt mà Malaysia bán cho Singapore, đã khiến người Singapore phải đoàn kết lại với nhau. Nhà cầm quyền đã khuyến cáo rằng nếu thất bại trong sự tiến bộ, có nghĩa là phải tái sáp nhập trở lại Malaysia và trở thành một tỉnh hay một khu vực như Penang và Malacca. Như một nhà quan sát đã viết: "Ý thức về sự bao vây và một nền văn hóa bất an... luôn luôn là mối đe dọa và ám ảnh đối với người

Singapore."173 Nguy cơ về những hành động khủng bố đã làm tăng thêm nỗi hoang mang này.

Thay vì khích động sự thù hận, thì cảm giác luôn luôn bị đe dọa từ bên ngoài và luôn luôn phải sát cánh cùng quê hương, tất cả được chuyển hóa nội tại trở thành một sức mạnh tích cực. Singapore đã bảo vệ chủ quyền của mình thông qua việc xây dựng lực lượng quân đội hữu hiệu, và quốc phòng trở thành một phần trong hệ thống giá trị của họ. Tầm quan trọng của hòa hợp sắc tộc và sự hòa hoãn để cùng tồn tại thường xuyên được đề cao. Hồi ức về những nỗi đau buồn trước đây luôn luôn được đánh thức và được sử dụng để xây dựng mối đoàn kết nội bộ trong lòng quốc gia. Điều này không khác với Tây Âu, nơi mà thảm kịch của hai cuộc thế chiến – trong trường hợp này là giữa các quốc gia, đã tạo nên thiện chí hợp tác giữa những cựu chiến binh để cùng hòa giải trong khuôn khổ cộng đồng kinh tế châu Âu EU. Mối lo sợ khủng hoảng và kẻ thù bên trong cũng như bên ngoài đã được gọi lên để động viên năng lực của toàn dân, làm cho người Singapore trở nên cứng cỏi và sớm hồi phục, sát cánh cùng đảng PAP, do đó đã hợp pháp hóa vai trò của người được họ gửi gắm niềm tin trong công cuộc lãnh đạo toàn dân an toàn vượt qua nguy khốn.

Khi mà những mối đe dọa thực tế đối với quốc gia non trẻ này đã bị đẩy lùi, sự sống còn kinh tế vượt lên hàng đầu. Một nền kinh tế dễ tổn thương đối với những sức mạnh từ bên ngoài thì đã rõ ràng. Người ta sợ sự sụp đổ về kinh tế khi người Anh công bố vào năm 1967, ý định đóng cửa những căn cứ quân sự trước cuối năm 1971. Phỏng ước về những thiệt hại kinh tế hàng năm có thể gây ra đến 1/5 tổng sản lượng kinh tế quốc dân GDP. Chính quyền sử dụng ý thức sâu sắc về sự khủng hoảng trước triển vọng người Anh ra đi để chứng minh những hậu quả vô cùng tai hại của các cuộc đình công mà công nhân tiến hành vì lợi ích của chính họ. Mối lo sợ đã kích thích quốc gia non trẻ này xây dựng sự hòa thuận xã hội để hướng đến một nền công nghiệp dùng sức lao động và hướng về xuất khẩu. Singapore do đó không thể hiện sự thù hận cũng như trách cứ người ngoài. Họ không yêu cầu viện trợ từ nước ngoài – mặc dù tình hình đang khó khăn. Tuy nhiên vào năm 1971 người ta đã thực hiện xong cuộc chuyển hóa kinh tế và người lao động đã tìm thấy việc làm mới nhờ vào đầu tư.

Nhiều biến động kinh tế xảy ra sau đó. Sự khủng hoảng giá dầu vào thập niên 1970, sự suy thoái sức cầu của nền kinh tế thế giới đã tạo ra suy thoái kinh tế vào năm 1985 và 2001, khủng hoảng tài chính châu Á vào năm 1987 và đại dịch SARS vào năm 2003, tất cả đều đã làm mất hoặc giảm lượng khách du lịch đến

Singapore. Tất cả đã gây nên cuộc khủng hoảng đối với nền kinh tế. Trong mỗi trường hợp, điều dễ nhận ra trên con đường phát triển là cách mà quốc gia đó phản ứng. Mỗi cuộc khủng hoảng là mỗi lần khích lệ Singapore cảm thấy cần thiết chu trình tái cơ cấu, đa dạng hóa và đổi mới, điều này phù hợp với quan điểm của Arnord Toybbee khi cho rằng lịch sử là thử thách và phản ứng.

Sự cạnh tranh kinh tế toàn cầu gia tăng được nhìn nhận đem lại thách thức và cơ hội. Những đáp ứng yêu cầu đổi mới theo kiểu của Singapore cũng có rủi ro là bị nhiều nước bắt chước. Singapore phải chuyển động nhanh hơn để theo kịp các quốc gia đối thủ về kinh tế. Những ưu điểm cạnh tranh tương đối đã bị sự cạnh tranh giá thấp làm suy giảm. Nhưng thay vì than khóc cho hậu quả của nó, nhà cầm quyền Singapore đã nhấn mạnh đến những cơ hội mới. Bài diễn văn gần đây của Bộ trưởng cao cấp Goh Chok Tong là một điển hình. Nhân kỷ niệm 15 năm thành lập trường Đại học kỹ thuật NANYANG, ông đã nhấn mạnh nhu cầu cần tái đổi mới thường xuyên và trích dẫn tuyên bố của Darwin: "Ngay giống loài mạnh nhất, cũng có thể bị thoái hóa nếu nó không kịp thích nghi."¹⁷⁴ Không chỉ tồn tại, bắt kịp kinh tế phương Tây là một lời hiệu triệu động viên khác cho Singapore. Những mục tiêu cụ thể đã được định ra và cập nhật thường xuyên, ví dụ phải đạt được mức thu nhập đầu người bình quân bằng nước Mỹ năm 2030 hay là của Hà Lan năm 2020 đã được qui định rõ trong chiến lược chính sách của năm 1991.¹⁷⁵ Nhà nước khuyến khích đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật và liên tục nâng cao năng lực đổi mới nhằm giảm bớt thu hẹp khoảng cách về kỹ thuật đối với những nền kinh tế tiên tiến và trở thành một quốc gia có thu nhập hàng đầu.

Để theo kịp, người Singapore động viên lẫn nhau và cùng nỗ lực vươn lên. Tính chất khăng khăng đòi hỏi sự hoàn thiện đôi khi đã bị nhắc đến một cách khôi hài bởi những người Singapore "Kiasu", tiếng Phúc Kiến thay cho từ "Sợ thất bại" hay là "Sợ thất bại không được chia phần". Về phương diện kinh tế, đó là mối quan tâm thường xuyên làm sao phát triển những lĩnh vực ưu việt nhất, mới mẻ nhất, ví dụ như gần đây là các khu nghỉ mát cho du khách, các trường quay kỹ thuật số và công nghệ xử lý tổng thể nước tiên tiến.

Chiến thuật nắm giữ và củng cố quyền lực

Biến tằm nhìn chiến lược chia sẻ sự thịnh vượng chung thành hiện thực đòi hỏi sự lãnh đạo hết sức cương quyết và khéo léo về mặt chính trị. Về phương diện

này, trong thỏa ước xã hội, nhà cầm quyền đã sử dụng một chuỗi chiến thuật lập trình từng bước một với hiệu quả cao nhất tùy theo tình hình diễn ra cho phép họ chiếm lĩnh và củng cố quyền lực. Họ đã dùng quyền lực để đảm bảo việc thực hiện các chính sách kinh tế và xây dựng các định chế.

Các nhà lãnh đạo của Singapore thì cần mẫn và thông minh trên cơ sở thực tiễn. Giống như các đảng phái cầm quyền ở các nước khác, họ đã sử dụng ngân sách và lợi điểm về việc đang cầm quyền trước khi diễn ra bầu cử. Họ đã vận dụng một cách rất khôn ngoan các sơ hở của địch thủ trước đó. Dưới thời Lý Quang Diệu, phái ôn hòa của Đảng PAP đã khéo léo vượt qua đối thủ của mình. Trước khi cuộc bầu cử năm 1961 tiến hành, những thành viên cực đoan của Đảng PAP và những chủ tịch công đoàn ủng hộ chủ nghĩa cộng sản đã thành lập nên một đảng cấp tiến mới: đảng Barisan Socialis. Diễn đàn của họ là gì? Là phải giành quyền độc lập ngay lập tức và toàn diện từ phía người Anh, đồng thời người Anh phải sớm rút quân ra khỏi Singapore. Lý đã nhận thức đúng rằng các cử tri có thể bị lay chuyển lập trường theo hướng khác bằng một lời hứa đáng tin cậy về việc tạo công ăn việc làm và những điều kiện sống tốt hơn nhờ phát triển kinh tế. Đảng PAP đã tuyên bố chiến lược ưu việt của mình trên thực tế vào lúc đó: "Không ai có thể hoàn thành sứ mạng kinh tế tốt hơn chúng tôi." Hai năm sau, nhận thức khôn ngoan đúng thời điểm giai đoạn đó đã giúp Lý Quang Diệu khai thác điểm yếu của đảng Barisan Socialis. Ông kêu gọi một cuộc bầu cử bất ngờ vào ngày 22 tháng 9 năm 1963, chỉ 6 ngày sau khi Singapore gia nhập Liên bang Malaysia, bất chấp sự phản đối của đảng Barisan Socialis và thắng lớn trong cuộc bầu cử này.

Đảng PAP cũng tỏ ra mạnh tay khi họ thấy cần thiết. Ngay lập tức sau cuộc bầu cử thắng lợi năm 1963, chính quyền đã bắt giữ 15 nhà lãnh đạo nổi tiếng của phe đối lập với lý do rằng họ chuẩn bị một âm mưu cộng sản. Điều này đã làm suy yếu phe đối lập. Albert Winsemius ngay từ năm 1959, đã cảnh báo Lý Quang Diệu rằng loại trừ những người cộng sản như một thế lực sẽ là một sự kiện then chốt trong việc dành lấy sự ủng hộ của công đoàn đối với chiến lược kinh tế mà họ đang cần sự hợp tác xây dựng. Hành động mạnh mẽ của Đảng PAP chống lại đảng Barisan Socialis đã vô hiệu hóa sự đối lập của những người cộng sản, cùng với họ là những chủ tịch công đoàn tả khuynh cực đoan.

Cuộc đối đầu khốc liệt với những người lãnh đạo ngoan cố của công đoàn đã xảy ra và không thể tránh khỏi vào năm 1968, đưa đến việc loại những người này ra khỏi danh sách công đoàn sau khi họ đã kết án họ tổ chức các cuộc đình công bất

hợp pháp, mặc dù những công nhân tham gia vụ này vẫn giữ được việc làm của họ. Kể từ đó, Đảng PAP đã cho thấy họ là những đối thủ hết sức đáng sợ và có thể đối đầu không khoan nhượng với mọi đối thủ. Việc không có những phe đối lập đáng tin cậy càng khiến Đảng PAP hành xử một cách chuyên quyền. Ví dụ như có thời kỳ họ dẫn chứng đạo luật an ninh nội địa (ISA) bao vây những người "cộng sản" và "những người theo quan điểm cộng đồng" và bắt giữ họ mà không hề xét xử, có một trường hợp lên đến 23 năm. Không còn báo cáo nào về tù nhân chính trị nữa cho đến nay.¹⁷⁶ Sau cuộc bầu cử năm 1997, những người lãnh đạo Đảng PAP đã đưa ra những bản luận tội đối với một thành viên của đảng đối lập, do những lời nhận xét có tính chất xúc xiểm mà ông ta đã đưa ra. Chi phí để bảo vệ mình tại phiên tòa đã đưa ông ta đến chỗ khánh kiệt và thế là theo luật ông ta không có tư cách ở lại Quốc hội.

Về mặt địa chính, một khi họ đã chiếm giữ, sẽ được đảm bảo thông qua con đường hợp pháp hóa hoặc chính thức thừa nhận. Rồi sau đó người ta sẽ bảo vệ nó thông qua các đạo luật. Nền lập pháp hiện hành được sử dụng một cách có hệ thống, tăng cường thêm và những đạo luật mới có hiệu lực vừa củng cố quyền lực và đồng thời hỗ trợ cho những chiến lược phát triển. Đạo luật về chống lật đổ được người Anh đưa ra vào năm 1948 đã phê chuẩn sự bắt bớ và lưu giữ người không cần xét xử vẫn còn trong sách. Đến ngày hôm nay khi nhà cầm quyền đã có quyền lực thống trị tuyệt đối bao gồm việc kiểm soát tất cả những cuộc đấu tranh công cộng. Luật bầu cử còn củng cố quyền lực chính trị mạnh mẽ hơn và có lợi cho đảng PAP.¹⁷⁷ Luật được thực thi đã ngăn cản việc sở hữu và tự do hành động của báo chí và luôn luôn có những điều khoản phạt nặng nề về tội báng bổ. Theo ngôn ngữ của Lý Quang Diệu: "Đầu tiên chúng ta phải giáo dục và khuyến khích toàn dân... Sau khi chúng ta đã thuyết phục, chiếm được đại đa số chúng ta sẽ luật hóa (tác giả nhấn mạnh) để trừng phạt thiểu số bướng bỉnh".¹⁷⁸ Nền lập pháp đã hỗ trợ và củng cố cho chiến lược kinh tế.

Hiến pháp đã được vạch ra một cách chu đáo để thiết lập sự cân bằng giữa các nhóm sắc tộc với những điều khoản rõ ràng cho phép một xã hội đa chủng tộc chấp nhận lẫn nhau. Luật pháp có hiệu lực từ năm 1968, đã buộc những hoạt động công đoàn tuân theo các chiến lược phát triển kinh tế của chính quyền...¹⁷⁹ Một khi những đường lối bảo thủ về mặt tài chính đã được thực hiện thì sẽ trở thành luật lệ. Ở Singapore theo luật thì ngân sách phải được cân đối và luôn luôn thặng dư so với chi dùng của chính phủ. Khoản ngân sách tiết kiệm tích lũy trước khi chính phủ chi dùng sẽ không ai được chạm đến trừ khi có sự cho phép của tổng thống. Theo luật, chỉ có những cá nhân nào được xem là "có tư cách

đạo đức cao" và đáp ứng được những thử thách chặt chẽ, ví dụ như có kinh nghiệm điều hành và quản lý tài chính mới có quyền tranh cử tổng thống. Ở Singapore lệ luôn luôn đi trước luật. Đôi khi quốc gia đã được thuyết phục để đưa vào luật hay chấp nhận cho phép luật lệ ràng buộc chính mình, và nhân danh quyền lực của pháp luật hay những cam kết trước đó, họ buộc phải gắn bó với chính sách kinh tế đang được kỳ vọng. Luật tài chính đã chi phối các chính sách về ngân sách trong các quốc gia thành viên khu vực châu Âu luôn nằm trong tâm trí họ hay là cách sắp xếp một thể chế ngoại tệ giống như ở Argentina những năm 1990, với những điều khoản phạt được qui định trước cho những ai vi phạm luật đã xác lập. Trong khi luật về trách nhiệm tài chính có thể tăng cường tính minh bạch và có thể tiên liệu trước, bản thân nó cũng không thể đem lại sự tin cậy về mặt chính sách được. Ở trường hợp Singapore, cả xã hội đề cao tính thanh liêm về tài chính. Luật pháp cho phép người ta đóng thêm một chốt an toàn vào cánh cửa đã được khóa thông qua quy trình thực tế được hỗ trợ thêm bằng quyền lực và lòng tin.¹⁸⁰

Nhà cầm quyền PAP đã nhận được sự hợp tác và đã tạo nên nhiều liên minh. Một số liên minh có tính chất cơ hội và có thể chuyển biến theo thời gian khi tình hình thay đổi. Điều này cũng bao gồm việc hợp tác với những người cấp tiến tả khuynh đã bỏ đi vào thập niên 1950, với thủ tướng hữu khuynh của Malaysia là ông Tunku Agdul Rahman chống lại đảng Barisan Soialis và với người Anh vào thập niên 1960 để dành lấy sự ủng hộ của họ cho việc Singapore gia nhập Liên bang Malaysia. Những mối quan hệ khác đặc biệt là với công đoàn, mối quan hệ về nguyên tắc lâu dài và bền chặt. Nhà cầm quyền đã liên kết, thậm chí gắn bó với công đoàn càng chặt chẽ càng tốt cùng với những chính sách của họ. Đảng PAP sử dụng Đại hội Nghiệp đoàn Quốc gia (National Trade Unions' Congress – NTUC), một tổ chức bao trùm lên giai cấp lao động để buộc người công nhân phải sống trong kỷ luật và hòa hợp với xã hội vì giá trị cần lao và lòng trung thành. Năm 1982, Luật Công đoàn (bản tu chính) đã định nghĩa chức năng của công đoàn là gia tăng mối quan hệ công nghiệp tốt đẹp giữa giới chủ với giai cấp thợ thuyền, đồng thời lưu ý nâng cao năng suất vì lợi nhuận chung của những bên hữu quan. Đảng PAP cũng khuyến khích các công đoàn giúp cho công nhân vào hợp tác xã sản xuất, ví dụ như siêu thị hay dịch vụ taxi, đem lại cho họ những việc làm đóng góp vào nền kinh tế. Theo thời gian, mối quan hệ cộng sinh phát triển giữa đảng cầm quyền PAP và NTUC đã trở thành mối liên hệ chủ yếu cho sự thành công về mặt kinh tế của Singapore. Trong nhiều năm tổng thư ký của NTUC cũng là Bộ trưởng nội các trong chính phủ. Nhiều đời tổng thống Singapore trước đây đã từng làm việc tại công đoàn. Đảng đã hướng dẫn những

cán bộ có năng lực và tận tâm. Chính quyền đã có đồng minh để hỗ trợ cho sự nghiệp của mình thông qua quyền bổ nhiệm những chức vụ trong bộ máy hành chính công quyền kết hợp với tầng lớp lãnh đạo ưu tú và tránh được tình trạng gia đình trị. Công chức thì gắn bó chặt chẽ trong việc thực thi chính sách nhà nước.

Singapore cũng đã xây dựng mối quan hệ song phương hỗ trợ cho sự thống nhất đa phương cởi mở. Họ tỏ thái độ không liên kết với các siêu cường đang cạnh tranh, họ muốn "tìm và kết bạn với tất cả những ai muốn làm bạn với họ".¹⁸¹ Họ đã công khai công nhận sự che chở về mặt an ninh do Hoa Kỳ cung cấp cho khu vực Đông Nam Á. Điều này là đảm bảo quan trọng đối với đầu tư của người Mỹ trong thời gian chiến tranh lạnh. Trong mối tương quan đó, Singapore đã nhấn mạnh đến quyền lợi kinh tế của Hoa Kỳ trong cuộc chiến ở Việt nam bằng cách cho nhiều quốc gia khác trong khu vực thời gian để phát triển kinh tế và đến quyền lợi do hải quân Mỹ đem lại, giữ cho những hải trình trong vùng biển toàn cầu này một con đường sống còn để mở rộng ngoại thương. Singapore đã nỗ lực hướng đến sự hỗ trợ của khối ASEAN, cho sự phát triển kinh tế của Ấn Độ và Trung Hoa.

Tóm lại, bằng những sách lược lâu dài và những chiến thuật tư pháp, nhà cầm quyền của Đảng PAP đã xây dựng những định chế hỗ trợ cho sự tăng trưởng kinh tế trong suốt bốn thập niên qua. Chiến lược của họ là gì? Là xây dựng, là đem lại sự phồn vinh và an toàn cho mọi người và chịu trách nhiệm những lời hứa. Chiến thuật đã được sử dụng bao gồm: hướng cảm xúc của tập thể và nêu bật những giá trị tập thể nhằm hỗ trợ cho chiến lược của mình; sự khai thác một cách khôn ngoan những điểm yếu của địch thủ kết hợp với những quyền lực trấn áp; sử dụng quyền lập pháp; và xây dựng liên minh. Vào năm 1971, Đảng PAP đã củng cố quyền lực của mình. Mười hai năm, từ 1959 đến 1971 đã chứng tỏ là hết sức quan trọng, đã đặt nền tảng cho 35 năm sau đó. Vào thời gian ấy những cành cây non trong chiến lược phát triển kinh tế của Singapore đã bén rễ vững chắc. Những thành công vang dội sau này trong việc xây dựng các định chế và chính sách hỗ trợ về kinh tế đã được đặt trên nền tảng những thành tựu chính trị của nó, của 12 năm đầu đời đó.

Chương sáu: Singapore: Quá khứ, tương lai và bài học cho các quốc gia khác

CHIẾN LƯỢC TỔNG HỢP: NỀN TẢNG CHO SỰ THÀNH CÔNG CỦA SINGAPORE

Kinh nghiệm phát triển kinh tế của Singapore là hết sức xuất sắc Điều cốt lõi là: sử dụng ngân sách một cách chặt chẽ và trì hoãn sự hưởng thụ cho mai sau, cùng với những chính sách phân bổ nguồn lực hiệu quả bằng việc trợ giá và cơ chế thị trường, sự can thiệp của nhà nước vào xã hội thông qua việc đem lại những cơ hội kinh tế, một chính quyền có đủ năng lực và trung thực, một tầm nhìn lâu dài và thái độ hợp tác hai bên cùng có lợi, mặc dù có khi phải trải qua những cuộc thương thảo căng thẳng. Tất cả những điều ấy gộp chung tạo nên những chính sách kinh tế và tâm thế hỗ trợ cho nhau đã đem lại những thành quả phát triển kinh tế đầy ấn tượng. Singapore đã xây dựng nên những định chế mạnh mẽ hỗ trợ cho sự tăng trưởng trong thời gian qua. Điều này đảm bảo việc thực thi các chính sách phát triển kinh tế một cách hoàn hảo và là chỗ dựa trực tiếp giúp kinh tế tăng trưởng: việc gia tăng phương tiện sản xuất và năng suất ngày một cao.

Việc chính quyền can thiệp đã tạo ra những điều kiện giúp các nhà đầu tư tư nhân gặt hái lợi nhuận, chủ yếu thông qua các công ty đa quốc gia (MNCs – multinational companies). Họ đã đưa ra những cơ hội thuận lợi giúp các công ty đa quốc gia (MNC) phát triển. Ưu thế về mặt địa lý và di sản của một nền thương mại kho – cảng đã là những điều kiện thuận lợi ban đầu. Nhưng chính những chính sách ưu việt đã cung ứng cơ sở hạ tầng truyền thông hiện đại, một nền tài chính vững vàng với những biện pháp giảm thuế cùng một lực lượng lao động đủ sức cạnh tranh. Những định chế tốt đã đảm bảo cho sự bình ổn xã hội và chính trị, cũng như làm cho chính quyền trong sạch và hiệu quả. Pháp luật đảm bảo việc chia sẻ những lợi ích và cung ứng những cơ hội. Chính quyền đã có cách giải quyết hợp lý và không mang nhãn quan ý thức hệ: xây đắp sự phồn vinh chính là điểm mấu chốt trong tất cả các chính sách của họ để đem lại những thành tựu mà cả đất nước hằng mong muốn. Tiến trình tăng trưởng kinh tế đã tạo nên ý thức về mục đích và cộng đồng.

Sự tổng hợp những thành quả kinh tế, những định chế và cả nền kinh tế chính trị

là những chủ đề lặp lại nhiều lần trong cuốn sách này. Những chính sách về thị trường lao động và những định chế khéo léo áp dụng đã minh chứng rằng một phương thức tổng hợp là nguyên lý nền tảng làm động lực cho sự tăng trưởng thành công của thành phố – quốc gia này. Mỗi quan hệ đối kháng giữa người làm công và giới chủ trước đây thường cản trở nhân quan của chính quyền đối với sự phát triển nền sản xuất dựa vào đầu tư nước ngoài, dựa trên sức lao động, và hướng về xuất khẩu. Chỉ có sự cam kết thật sự của nhà nước tạo cơ hội cho tất cả mọi người góp phần, cùng với thu nhập được cải thiện rõ rệt, sự chăm lo sức khỏe, và giáo dục cho toàn thể nhân dân đem lại sự tin tưởng và tín nhiệm trong lòng người công nhân. Chính quyền đã vun đắp mối quan hệ với công đoàn, đối đầu với những thiểu số tàn dư chống đối và xây dựng những định chế hỗ trợ lập pháp và thương thảo lương bổng. Chính sách trả lương linh hoạt đã đảm bảo sự phân công lao động hiệu quả. Mức lương trung bình đã tăng dưới 5% hàng năm trong những năm từ 1973 đến năm 1997 và chế độ toàn dụng (full employment) đã phổ biến trong phần lớn thời gian ấy.[\[153\]](#) Dưới bàn tay chỉ đạo của nhà nước, những mảng công việc khác nhau này đã được kiến tạo thành một khối thống nhất nhằm phục vụ cho cả nền kinh tế và người lao động như một tổng thể.

Đấu tranh chống tham nhũng là một ví dụ khác cho thấy có nhiều yếu tố kết hợp với nhau trong một phương thức đa diện. Bắt đầu từ những nhà lãnh đạo cấp cao nhất, những nỗ lực xuyên suốt thực thi pháp luật chặt chẽ chống tham nhũng, bất kể ai dù ở địa vị nào; đãi ngộ xứng đáng cho những chức vụ hành chính nhỏ bé mà chính sách tài chính phải cung cấp những nguồn lực đủ sức ngăn ngừa lạm pháp, đồng thời giảm thiểu những cơ hội kinh tế hay chính trị tạo điều kiện cho tham nhũng, tất cả những điều này hợp lực cùng nhau. Một khi kết hợp tất cả những phương diện khác nhau này, những thành quả sẽ được tạo ra vượt trội hơn nhiều so với việc thực hiện từng phương diện riêng rẽ. Nhiều vị nguyên thủ quốc gia và các quan chức cao cấp đã đến viếng thăm Singapore thời gian đó bày tỏ nguyện vọng là "học hỏi từ những thành công của họ" không chỉ trong lĩnh vực này mà cả những lĩnh vực khác. Thường thì họ lựa ra một vài lĩnh vực tương đối "ngon lành" như lựa món ngon trong một bữa tiệc buffet và áp dụng cho đất nước mình. Tuy nhiên, nếu bỏ những yếu tố chính ra, họ sẽ bỏ qua sức mạnh tổng lực, thậm chí sự chọn lựa của họ còn tệ hơn nữa. Lấy ví dụ như "món" lương bổng cao nếu chúng ta bỏ ra phần có liên quan với việc miễn trừ hiệu quả và mạnh mẽ với luật chống tham nhũng thì mọi chuyện sẽ trở nên phản tác dụng.

Chính sách về nhà cửa như đã hoạch định và điều chỉnh cho phù hợp trong

những năm gần đây đã phục vụ rất nhiều mục tiêu. Nó đã giúp giảm bớt tình trạng thất nghiệp, tạo nên sự tăng trưởng về lợi nhuận, đóng góp vào sự hài hòa của các chủng tộc, đem lại niềm tự trọng, sự đoàn kết quốc gia thông qua quyền sở hữu, thông qua việc làm đẹp đất nước và giúp đỡ xây dựng mối quan hệ giữa những người lao động ngày một tốt đẹp hơn. Giải quyết các hạn chế ràng buộc ban đầu đã đem lại những hiệu quả nhiều mặt thích hợp, người ta đã giết hai con chim bằng một hòn đá, hay nói cách khác là nhất cử lưỡng tiện như ẩn dụ đã ghi lại từ ngàn xưa. Đến lượt những chính sách về nhà cửa này lại được kết hợp rất khéo léo với những đặc điểm khác trong chính sách của Singapore và trong việc xây dựng định chế ví dụ như quỹ dự phòng Trung ương (CPF) và Ủy ban Phát triển nhà (HDB).

MỘT NHÃN HIỆU SINGAPORE KHÓ BẮT CHƯỚC

Cho đến bây giờ thì quyển sách này đã tránh né dùng cụm từ "Mô hình Singapore." Tự điển định nghĩa mô hình là: "Một tiêu chuẩn hay một tấm gương để bắt chước hay so sánh." Khuyết điểm của cụm từ này trong đầu óc của tôi là sự liên tưởng đến việc bắt chước những nét đặc trưng thay vì tìm kiếm các nguyên lý được thử thách áp dụng cho những hoàn cảnh đặc thù của từng quốc gia. Làm sao chúng ta có thể mô tả nền kinh tế của Singapore? Nếu chọn một nhãn hiệu đơn lẻ thì chúng ta đã được chứng minh rằng nhãn hiệu này không dễ bắt chước. Nền kinh tế Singapore đã thách thức những sự bắt chước đơn giản bởi vì nó đầy các nghịch lý.

Một số người đã gọi đó là nền kinh tế tự do tư bản chủ nghĩa. Quỹ Di sản Thế giới (Heritage Foundation) bảo thủ xếp Singapore vào những quốc gia có nền kinh tế tự do thứ hai trên toàn cầu, sau Hồng Kông vì bầu không khí hết sức hỗ trợ cho kinh doanh hữu hiệu nhìn một cách tổng thể.[\[154\]](#) Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum) xếp Singapore vào: "nền kinh tế có tính cạnh tranh cao" hơn cả Nhật Bản và nước Anh trên bảng xếp hạng.[\[155\]](#) Freedom House ngược lại thường chú trọng đến luật dân sự, những quyền lợi chính trị và tự do dân sự đã xếp Singapore ở mức rất thấp và gọi đó là một quốc gia "tự do hạn chế".[\[156\]](#) Một số người khác đã mô tả rằng Đảng PAP cai trị theo kiểu "độc tài tư bản chủ nghĩa" tương phản với chủ nghĩa xã hội chuyên chính ở các nước cộng sản.[\[157\]](#)

Lý Quang Diệu từng nhấn mạnh đến nguồn gốc xã hội chủ nghĩa trong quan

điểm của mình: "Chúng tôi tin vào chủ nghĩa xã hội, sự phân chia công bình cho tất cả mọi người."[\[158\]](#) Trong các tác phẩm thời kỳ này, người ta còn gọi nó là "chủ nghĩa xã hội thực dụng"[\[159\]](#) hoặc "chủ nghĩa xã hội hiệu quả"[\[160\]](#) và "chủ nghĩa xã hội thị trường"[\[161\]](#). Những yếu tố của một "nền kinh tế hoạch định" cũng đã được nhận ra qua sự can thiệp mạnh mẽ của nhà nước trong tất cả các lĩnh vực kinh tế. Một số người đã định nghĩa Singapore là một nhà nước hành chính phi chính trị và được lãnh đạo bởi những nhà kỹ trị kinh tế và có ý thức cộng đồng.[\[162\]](#)

Singapore đã được gọi là "Một quốc gia công ty chủ yếu điều hành bởi những nhà kỹ trị của Đảng PAP"[\[163\]](#) và là một "Công ty hoạt động tốt"[\[164\]](#) với một bảng cân đối tài chính vững mạnh và hành xử có trách nhiệm với tất cả "Những thành viên góp sức" của mình, bao gồm cả công chúng. Một số người khác thì lại nhấn mạnh đến vai trò các công ty đa quốc gia qua việc mô tả đặc trưng của nó như là "nền kinh tế tập đoàn do các công ty được nhà nước tài trợ thống lĩnh và phát triển với sự hợp tác của các công ty đa quốc gia."[\[165\]](#) Một số người khác nhấn mạnh việc Singapore đã lệ thuộc vào công nghệ của nước ngoài và cả chất xám.

Schein đã nhấn mạnh đến "Chủ nghĩa thực dụng chiến lược"[\[166\]](#) và Low đã mô tả Singapore như một "Nền kinh tế được sản xuất bởi nhà nước"[\[167\]](#).

Điều nào đúng? Ở một khía cạnh nào đó tất cả đều đúng. Nền kinh tế Singapore được nhìn nhận như một sự thử nghiệm độc đáo, kết hợp những cơ chế quản lý tốt nhất sẵn có theo một đường lối linh hoạt, thực dụng và không theo sách vở – miễn là phù hợp với tình hình đặc thù. Linh hồn của nó là một tập hợp gồm những người lãnh đạo ưu tú nhất đã được bầu lên một cách dân chủ để làm theo mệnh lệnh của toàn dân là xây dựng sự phồn vinh cho đất nước. Ở đó quyền lợi của cộng đồng vượt lên trên quyền lợi của cá nhân. Xã hội chấp nhận một nền dân chủ ít phóng khoáng, nghĩa là chấp nhận hy sinh một số quyền lợi cá nhân để đổi lấy sự thịnh vượng lớn lao hơn và sự ổn định xã hội. Những nhà lãnh đạo ưu tú này cần sự liên tục trong chính sách để thực hiện tầm nhìn chiến lược lâu dài của họ. Hệ thống chính trị gồm một đảng thống trị với những đảng khác được chủ động làm cho yếu đi, đã giúp nó không phải đối đầu với những thách thức từ các cá nhân mưu tìm quyền lực, của báo chí và các nhóm ủng hộ. Các nhóm này, không được đề cử, không hy vọng có thể thay đổi nghị trình hay can dự vào việc tìm "phương cách lãnh đạo đất nước Singapore" như lời Bộ trưởng cao cấp Goh Chok Tong 1977 từng tuyên bố. Về phương diện này, thì quyền công

dân đã được thực hiện trong việc chọn ra những nhà lãnh đạo qua những cuộc bầu cử định kỳ, một cách công bình, tự do để rồi giao quyền cho những nhà lãnh đạo hành xử mọi việc nhân danh họ.[\[168\]](#) Để thực thi điều này thì các nhà quản lý ưu tú phải tập hợp thành nhóm lãnh đạo tài năng, đảm bảo đổi mới thường xuyên để phát huy tối đa năng lực của toàn dân và có biện pháp ngăn ngừa tham nhũng. Sự lãnh đạo hiệu quả sẽ đảm bảo cho việc thực hiện các chính sách và định chế một cách hữu hiệu.

TRIỂN VỌNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Thành công của Singapore là hiển nhiên. Nhưng liệu nền kinh tế này có phát triển đủ nhanh không? Và liệu rằng thỏa ước xã hội có giá trị mãi không? Nó có thể tồn tại về lâu dài không? Vào giữa thập niên 1990, Young và Krugman đã phát biểu theo quan điểm tân cổ điển như một lời phán quyết rằng việc tích lũy các yếu tố sản xuất không duy trì sự phát triển cao một cách mãi mãi được. Huff ghi nhận rằng sự tăng trưởng của Liên Xô ngày xưa đã chậm đi một cách đáng kể một khi cái ngưỡng của sự tích lũy tư sản đã đạt đỉnh điểm vào thập niên năm 1960. Liên Xô đã không thể tiếp tục phát triển mặc dù đã đưa ra những nghị quyết chính thức nhằm vào việc thể chế hóa phát triển kỹ thuật. Dĩ nhiên đó là một đường lối kinh tế chỉ huy và cũng là một xã hội khép kín cao độ, cuối cùng buộc phải thừa nhận sự thất bại trong cuộc chiến tranh tốn kém ở Afghanistan. Tuy vậy mầm mống hoài nghi đã dấy lên trong lòng các nhà kinh tế về sự trường tồn của kỷ lục phát triển kinh tế xuất sắc của Singapore khi nền kinh tế đã phát triển ở mức độ cao. Michael Porter đã từng cảnh báo: "Sự sáng tạo và cách tân là huyết mạch của sự tăng trưởng cho các quốc gia tiên tiến."[\[169\]](#)

Để sáng tạo, đầu óc con người cần phải phải chuyển hóa các qui luật đã thành khuôn thước từ lâu. Tinh thần doanh nghiệp đòi hỏi chấp nhận rủi ro. Môi trường văn hóa Singapore không sẵn sàng tiếp nhận tính cách ấy. Những năm tháng khép mình trong một khuôn khổ xã hội và những tủi nhục đi kèm sau thất bại xã hội đã làm cho Singapore phải hoạt động miễn cưỡng trong một môi trường cởi mở nơi có rủi ro cao. Hệ thống giáo dục chú trọng đến chương trình được hoạch định một cách khắt khe và học sinh phải viết lại một cách trung thành những gì đã học ở những kỳ thi không dựa trên khả năng sáng tạo, năng lực làm việc độc lập.[\[170\]](#) Sự tuân thủ và gắn bó với luật lệ không hoàn toàn thích hợp khi mà mẫu mã sản phẩm, công tác marketing và chất lượng dịch vụ trở nên vô cùng quan trọng. Người ta cho rằng bản thân nhà nước đã dung dưỡng thái độ này. Sự chỉ đạo mạnh mẽ của nhà nước đã làm nản lòng những người dân Singapore

trong việc mạnh dạn dẫn thân vào những công việc không theo đường xưa lối cũ. Sự can thiệp nặng nề của nhà nước vào nền kinh tế đã được xem như làm tê liệt sức sáng tạo của các doanh nghiệp. Nhiều người đã xem tương lai chính trị của Singapore ràng buộc chặt chẽ với sự tăng trưởng kinh tế liên tục và nhanh chóng. Liệu rằng nhà nước có dung thứ chủ nghĩa cá nhân rộng rãi hơn và cho phép sự đa dạng vốn cần thiết cho sáng tạo và đổi mới?

Chính quyền đã phản ứng mạnh mẽ từ rất sớm để giữ tính cạnh tranh toàn cầu cho nền kinh tế. Vào cuối thập niên 1990, một ủy ban cao cấp đã đệ trình kế hoạch với viễn cảnh chuyển hóa Singapore thành một thành phố toàn cầu hướng về yếu tố dịch vụ tiên tiến và tích lũy tri thức. Kinh tế phải liên tục phát triển một cách nhanh chóng dựa trên sự tăng trưởng của khu vực và khai phá những cơ hội khắp nơi trên thế giới. Năng suất trong sản xuất được nâng cao và việc đa dạng hóa là yếu tố then chốt trong việc duy trì ưu thế cạnh tranh với việc mở rộng huấn luyện kỹ năng cao cấp. Một ý tưởng khác là phát triển các mặt ưu việt và tạo điều kiện để cho một "tập hợp" các hoạt động có thể phát triển trong các ngành du lịch, chăm sóc sức khỏe, giáo dục trung học phổ thông, trong các dịch vụ tài chính, y sinh học và gần đây là công nghệ truyền thông và kỹ thuật số tương tác cũng như quản lý cung cấp nước. Chi phí gộp để nghiên cứu và phát triển (R&D) đã nâng cao đều đặn từ 2% đến 3% GDP trong năm 2004 và sẽ lên 3% năm 2010.[\[171\]](#) Singapore đã chuyển hóa trở nên một thành phố – quốc gia mang tính văn hóa toàn cầu năng động, đem lại một mức phấn khích mà người ta tìm thấy ở London hay New York, có thể thu hút tài năng khắp nơi. Những phương tiện đầu tư tài chính hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương đổi mới tư duy. Nhà cầm quyền đã khuyến khích các công ty bản địa nỗ lực để trở thành những doanh nghiệp hàng đầu thế giới. Những chương trình học ở mọi cấp được xem xét lại để hướng trọng tâm đến việc giải quyết các vấn đề và suy nghĩ sáng tạo nhằm giúp học sinh cạnh tranh trong nền kinh tế tri thức. Có ai đó đã nói: "Sự đam mê và liều lĩnh dần dần sẽ được thêm vào danh sách truyền thống của tính kỷ luật và lòng kiên nhẫn"[\[172\]](#). Mặc dù đường lối cơ chế thị trường độc đoán đã được nới lỏng đôi chút giáo dục Singapore vẫn không có sự sáng tạo, óc hiếu kỳ, ý thức mạo hiểm và tham vọng mà người ta có thể tìm thấy ở bất kỳ nền văn hóa nào, nơi mà tri thức thách thức kinh nghiệm truyền thống và quyền lực.

Mức tăng trưởng kinh tế trung hạn tiềm năng của Singapore trong những năm từ nay đến năm 2020 dự kiến sẽ giảm tốc từ 4,5% đến 5% mỗi năm. Các nhà kinh tế thuộc Ủy ban Giám sát Tiền tệ (MAS) đã dự đoán từ 4,5% đến 5,8% theo sự tăng trưởng của Tổng yếu tố sản xuất (TFP).[\[173\]](#) Một nghiên cứu gần đây do

nhân viên IMF tiến hành như đã thảo luận ở chương I, đã đoán tỉ lệ 4,5% dựa theo bối cảnh phát triển trung bình trong 15 năm (xem hình 6.1)[\[174\]](#). Kết quả dự kiến là giữa mức phát triển thực sự đạt được từ 1999 đến 2003 là 6,2% ở Singapore và một số nước công nghiệp là 2,5%. Sự phát triển của Singapore được người ta cho rằng sẽ giảm tốc vì sự phát triển chậm của lực lượng lao động và sự suy giảm tỉ lệ đầu tư. Dự đoán căn bản này giả định trình độ giáo dục và các kỹ năng tiếp tục nâng cao ở cùng một mức độ đã được ghi nhận trong thập niên gần đây, và rằng việc phát triển TFP sẽ duy trì ở mức độ trung bình trong những thập niên gần nhất và mức độ tăng trưởng của tổng giá trị sản xuất duy trì trung bình trong vòng 43 năm.[\[175\]](#) Tự do thương mại hai chiều và thỏa thuận hợp tác cũng như nhiều sáng kiến của nhà nước tiếp tục diễn ra nhằm chuyển những lĩnh vực kinh tế tăng trưởng cao như xây dựng một cơ sở giáo dục toàn cầu cho 150.000 sinh viên vào năm 2012 hay trở thành một nơi thu hút du khách chủ yếu có thể đóng góp vào tổng yếu tố sản xuất TFP này.

![][\[22\]](#)

Người ta cũng ghi nhận rằng tất cả những điều trên được thực hiện nhằm mục đích tăng trưởng GDP. Đồng thời cũng có thể hy vọng rằng tổng thu nhập quốc dân GNI sẽ tăng nhanh hơn GDP với điều kiện là Singapore tiếp tục ghi nhận thặng dư trong tài khoản nước ngoài hiện có của mình ở mức độ 15% GDP hay cao hơn trong khoảng thời gian trung hạn, vì điều này sẽ nhanh chóng nâng cao tích sản ròng của Singapore ở nước ngoài.

Một số nhà khoa học chính trị và những nhà quan sát đã hoài nghi rằng những bối cảnh trên sẽ đóng một vai trò hết sức thuận lợi như đã dự kiến. Văn hóa Singapore từ lâu nghiêng về kiểm soát và đè nén những điều bất mãn mà lâu nay đã bị phê phán. Dưới quan điểm của họ, Singapore không xứng đáng là một xã hội cởi mở.[\[176\]](#) Khi mà nền kinh tế phát triển từ nền tảng đầu tư sang nền tảng sáng tạo thì người ta cần một thái độ khác với tâm thế từ lâu đã mệt mỏi trong bối cảnh mà nhà nước quản lý mọi thứ. Càng phú quý càng dễ khiến người ta có quyền lên tiếng nói về những bất mãn hay đòi hỏi quyền lực chính trị của mình. Công ước xã hội có thể bị coi thường. Samuel Huntington cũng có quan điểm như vậy sau khi Lý Quang Diệu rút khỏi chính trường: "Hệ thống xã hội đã thoái hóa và suy tàn khi mà nạn tham nhũng đã xâm nhập vào... Sự hiệu quả và trung thực mà Lý Quang Diệu đã đem đến cho Singapore sẽ theo ông ta xuống mồ".[\[177\]](#) Trong quan điểm của ông thì lịch sử đã chứng tỏ rằng những nhà độc tài giàu lòng hảo tâm đã không tồn tại nổi chẳng qua vì sự thiếu vắng những cơ chế

phản hồi thích hợp cũng như những định chế giúp tự cải cách bao gồm việc tranh luận với công chúng, tự do báo chí, những hành vi phản đối, và cả những cuộc bầu cử mang tính cạnh tranh cao với các đảng đối lập. Chỉ khi nào xã hội dân sự tự khẳng định và thực thi quyền kiểm soát của mình đối với chính quyền và buộc họ phải tuân thủ luật pháp và giữ gìn kỷ luật.

Luận điểm này của Davannair, tổng thống trước đây của Singapore đã được nhắc lại, người trở thành nhà phê phán nghiêm khắc chính quyền.[\[178\]](#) Năm 1994 ông đã viết rằng: "Đường lối lãnh đạo cứng nhắc của Đảng PAP đã không thể thích ứng với nền kinh tế ngày một tăng trưởng." Tương tự, những lời lẽ của Huntington đã được nói bộc trực như vậy hay thủ tướng Goh Chok Tong đã hiệu triệu toàn dân nhằm chuyển điều dự đoán nguy hiểm trở thành ra một lời tiên tri bị phủ nhận, trung thành với truyền thống là biến nghịch cảnh thành những cơ hội tiến bộ.[\[179\]](#) Theo quan điểm đối lập của ông, các sự tự đổi mới quan trọng của Singapore có thể thực hiện được mà không cần những nhóm đối nghịch gây áp lực từ bên ngoài.

SỰ CỞI MỞ VỀ CHÍNH TRỊ

"Để phát triển, một quốc gia cần kỷ luật hơn là dân chủ theo quan điểm của phương Tây"

Lý Quang Diệu.[\[180\]](#)

"Chúng ta đánh giá cao giá trị của chúng ta..., nhưng đôi khi chúng ta đánh giá các quốc gia khác dựa theo tiêu chuẩn nền văn minh của chúng ta".

Henry Kissinger.[\[181\]](#)

Singapore đã từng được mô tả là nền dân chủ thiếu "cởi mở". Như một nhà khoa học chính trị đã nói: "Chính quyền Singapore tỏ ra nổi bật khi cương quyết duy trì độc quyền quản lý chính trị trong một nền chính trị hướng về phát triển kinh tế."[\[182\]](#) Những nhà lãnh đạo ưu tú của Singapore đã tự hào tin tưởng rằng họ có quyền đặt ra khuôn mẫu những hình thức tổ chức phù hợp với định chế chính trị trong hoàn cảnh riêng của họ, cũng như hoạch định thời gian và họ đã hài lòng chứng minh sự đúng đắn của mình.[\[183\]](#) Những định chế chính trị đã phát triển như những cuộc trưng cầu dân ý ở các quốc gia phương Tây phát triển

trong nhiều thập niên qua. Trong quan niệm ấy, một phong cách dân chủ toàn diện kiểu phương Tây được mọi người ưa thích và sẽ được đưa vào đời sống từng bước cùng với sự phát triển của giai cấp trung lưu trí thức đã hình thành.²¹⁴ Giờ đây thì niềm tin vào giai cấp lãnh đạo Singapore và một đảng cai trị đã giải thích thái độ của họ đối với phe đối lập và giới truyền thông. Theo quan điểm của chính quyền thì giới truyền thông và những chính khách đối lập đã chỉ phục vụ chương trình hành động của họ mà không tính đến rủi ro gây thêm bất mãn trong lòng công chúng, cũng như tạo nên thái độ vô trách nhiệm trong chi tiêu ngân sách. Chiến lược kinh tế mà chính quyền đang mưu cầu đã buộc người ta phải suy xét đến kỷ luật sử dụng tài chính công đã được duy trì từ nhiều thập niên qua để xã hội được hưởng lợi ích bội phần. Kết quả là Singapore đã thành công vượt bậc. Kết quả là Singapore đạt được thành công cao độ. Theo quan điểm của chính quyền thì những lời phê bình chủ yếu đưa ra đánh đồng với sự rủi ro, coi thường chiến lược kinh tế chính trị qua việc làm đảo lộn sự đoàn kết nội tại và trật tự xã hội và do đó ảnh hưởng đến toàn thể nền an sinh xã hội. Những bài ca quyển rũ (ví dụ như những điều khoản phúc lợi và điều kiện sống dựa trên nhu cầu) chỉ tập trung vào một khía cạnh hạn chế của thực tại phức tạp không thể mê hoặc nổi Singapore từ bỏ con đường dựng xây số phận của mình và bị phân tâm vì những mục tiêu thứ yếu. Việc chuyển giao quyền lực nhẹ nhàng trong năm 1990 và 2004 – Thủ tướng đương nhiệm là con trai của ông Lý Quang Diệu giúp duy trì sự kế tục của chính sách cũ, do đó giảm bớt hoang mang nơi các nhà đầu tư.^[184]

Nhiều người phản đối quan điểm này. Amartya Sen, người đoạt giải Nobel kinh tế năm 1998 đã kêu gọi phải tuyên bố dân chủ như một "giá trị phổ quát". Ông ta nói: "Một quốc gia không nhất thiết phải thích hợp cho dân chủ mà nó phải trở nên thích hợp thông qua con đường dân chủ".^[185] Ông ta nhấn mạnh ba lý do. Thứ nhất việc tham dự vào đời sống chính trị và bản thân nội hàm của tự do có tầm quan trọng đối với đời sống con người, như đã từng chứng kiến bởi những người ủng hộ cho nền dân chủ bất cứ khi nào họ lựa chọn; thứ hai, kinh nghiệm ở các quốc gia như Ấn Độ, đã chứng minh nhu cầu phải có phe đối lập dân chủ hữu hiệu, và có những quyền dân sự trọn vẹn, bao gồm quyền phản đối và tự do báo chí, để yêu cầu chính quyền đáp ứng nguyện vọng dân nghèo – trong trường hợp lịch sử của Ấn Độ nhằm chống lại sự đói kém – Và buộc chính quyền phải giải thích về việc sử dụng tài chính; thứ ba là vì vai trò xây dựng của các cuộc tranh luận tương tác không hạn chế nhằm buộc chính quyền phải cạnh tranh với các nhà đối lập trong hoặc một diễn đàn dân chủ hiệu quả nhằm tạo dựng giá trị cho nhân dân và phải cùng cảm thông những nhu cầu về quyền lợi và bốn phận

của họ. Singapore cũng lưu ý rằng các chứng cứ thực nghiệm về những lợi ích đạt được giữa kết quả kinh tế và nền dân chủ không phải là không xác định được: Nền dân chủ bao gồm những quốc gia kinh tế siêu sao, ví dụ như ở Boswana, nhưng các nước khác lại có thành tích kinh tế kém cỏi; những chế độ chuyên quyền đã kể tên Singapore vào danh sách thành công, nhưng nhiều chế độ lại thất bại thảm hại.

![][23]

Hình vẽ 6.2 mô tả những các mối tương quan thống kê được giữa mức độ dân chủ, đánh giá các quyền chính trị (Tính cạnh tranh của hệ thống chính trị và trách nhiệm của những nhà lãnh đạo) và mức độ của thu nhập trên đầu người. Những dữ kiện này dựa theo những bậc thang 7 điểm với 1 điểm tượng trưng cho tình trạng ít dân chủ nhất và dựa theo sự phân loại các quốc gia theo phúc trình của Freedom House năm 2000.[\[186\]](#) Các quốc gia giàu có có khuynh hướng dân chủ nhiều hơn nhưng mối tương quan nhân quả giữa hai vấn đề này thì chưa rõ ràng. Có lẽ những quốc gia giàu có hơn đòi hỏi dân chủ nhiều hơn: Nam Hàn dần dần đi ngược lên hướng đông bắc trong sơ đồ phân bố rải như trên. Nhưng mối quan hệ được thống kê không rõ nét lắm. Như Robert Parro chỉ rõ (năm 1997) nền dân chủ không giúp được cũng như kèm hãm sự tăng trưởng kinh tế dựa theo các chỉ số thực thi luật pháp, thị trường tự do, sự tiêu dùng của nhà nước ở mức độ thấp, hoặc tích lũy cao nguồn lực con người, hoặc các chỉ số khởi điểm GDP trên đầu người để lại ấn tượng nền dân chủ là một biến số thêm vào nhưng về mặt thống kê lại không rõ nét. Tác dụng của dân chủ thì mơ hồ như là Weil đã chỉ ra: Về mặt tích cực, thì nền dân chủ và tự do chính trị đã đặt giới hạn cho những hình thức cai trị tệ hại nhất bao gồm chế độ độc tài và những kẻ lạm quyền. Nhưng nền dân chủ cũng có khuynh hướng khiến cho chính trị mất ổn định và nếu tính toán ngắn hạn, người ta phải hy sinh những tăng trưởng kinh tế dài hạn chỉ vì những mục tiêu bầu cử ngắn hạn. Thuế má tăng cao cho mục đích tái phân bố có thể làm giảm hưng phấn và gây nên sự thiếu hiệu quả có thể ảnh hưởng đến sự tăng trưởng. Theo quan điểm của Barro thì mức độ tối ưu của dân chủ đứng từ quan điểm tăng trưởng kinh tế là khoảng giữa của thang đánh giá này. Nếu phân tích của ông ta là đúng, thì dân chủ chỉ là một sản phẩm xa xỉ mà các quốc gia giàu có sẽ lựa chọn cho dù nó giảm bớt lợi tức.[\[187\]](#)

Về vấn đề tự do báo chí, Singapore và các nước phương Tây không cùng quan điểm. Freedom House tuyên bố rằng báo chí không có tự do ở Singapore: các nhà báo thực hiện việc tự kiểm duyệt hơn là liều lĩnh để bị buộc tội với bộ luật

hình sự nghiêm ngặt của đất nước này. Việc xuất bản các ấn phẩm của nước ngoài cũng bị hạn chế bởi vì có thể in những tin tức can thiệp vào chính sách nội địa. Những nhà báo lỗi lạc trong nhiều năm qua đã lặp đi lặp lại lời kết tội ông Lý Quang Diệu là một nhà độc tài giống như kiểu Saddam Hussein.[188]

Như một quốc gia vương quyền có một nhà nước được bầu lên và cùng với quốc hội, Singapore đã quan niệm rằng mệnh lệnh của đất nước họ là đề ra luật lệ của riêng mình báo chí phải quan niệm khác với các giá trị và khuynh hướng phương Tây. Chính quyền của Đảng PAP đã thách thức các quan điểm khi cho rằng nơi nào báo chí được tự do, thì nơi đó là một cái chợ hỗn độn ý tưởng mà người ta phải lựa ra những gì vô trách nhiệm và lầm lỗi trong số những ý tưởng có trách nhiệm và đúng đắn, đồng thời tưởng thưởng cho những ý tưởng ấy trong một thời gian cho phép. Đòi hỏi cấp thiết về chế độ báo chí không kiểm duyệt như là phúc lợi chung xã hội nhằm mục đích lãnh đạo vững mạnh đã bị khước từ trong lịch sử Singapore, cho dù chính quyền đã được nhìn nhận là liêm chính. Chính quyền cũng nhấn mạnh đến quyền công bố các câu trả lời bằng văn bản theo đúng ngôn ngữ của họ nếu họ phát hiện báo chí đã tường thuật sự việc một cách sai lệch. Một quan điểm lâu đời ở Singapore là các nhà lãnh đạo cho rằng vì quyền lợi kinh tế đã khiến các ông chủ gây ảnh hưởng đến trái tim khối óc của độc giả, tức là những cử tri ở Singapore, bằng cách trình bày quan điểm của họ và do ảnh hưởng đến nền chính trị trong nước. Một bản khoản khác là nền tự do báo chí có thể kích động các cuộc đấu tranh dân sự bằng những vấn đề hết sức nhạy cảm hoặc khai thác các vấn đề liên quan đến tôn giáo, chủng tộc, sắc tộc. Quyền lực của nhà nước đối với con tim và khối óc của cử tri trở thành một vấn đề cần lưu ý. Nói theo ngôn ngữ của Lý Quang Diệu: "Đối với một quốc gia non trẻ như Singapore, tôi cần các cơ quan thông tấn phải củng cố nhưng không được làm xói mòn những giá trị văn hóa và tâm thế xã hội. Tự do báo chí phải được đặt vào hàng thứ yếu đối với nhu cầu chủ yếu của Singapore và mục tiêu tối thượng của chính quyền được nhân dân bầu ra. Mặc dù việc này đã làm thu hẹp các phạm vi quan điểm tờ báo bởi vì báo chí không được phép đối đầu. Nó loại trừ các cuộc tranh luận chất lượng cao dù thực sự đã diễn ra. Hơn nữa nhà cầm quyền cảm thấy rằng phải thách thức những bản báo cáo sai lệch của báo chí, cần thiết thì đưa ra tòa nếu nó làm dân chúng quên mất sự tôn trọng, làm nhà cầm quyền mất uy tín và quyền lực đối với các cử tri.[189] Các nhà lãnh đạo phải tỏ ra cương quyết, nếu không họ sẽ bị đào thải.[190] Tuy nhiên như ông Lý đã từng thừa nhận rằng: "Với sự phát triển internet... chúng ta không thể và không nên ngăn chặn tiếng nói của nước ngoài. Nhưng quan điểm của nhà nước Singapore về những vấn đề chủ yếu phải được người Singapore biết".

NHỮNG THỬ THÁCH PHÍA TRƯỚC

Nhà cầm quyền Singapore không ngừng dõi mắt nhìn chân trời phía trước để xem chừng những áng mây mới nào có thể che mờ sự tăng trưởng kinh tế, đe dọa sự ổn định xã hội. Những thử thách đối với vị trí cạnh tranh của đất nước này, trong một thế giới toàn cầu hóa nhanh chóng, được giải quyết trên cơ sở những kế hoạch kinh tế nhà nước, các sách lược và những nguồn ngân sách liên tục phát triển. Trung Hoa và Ấn Độ là những mối quan tâm hàng đầu của họ, vì sự thăng tiến của hai nước này buộc Singapore phải liên tục tái cơ cấu để duy trì chế độ toàn dụng. Về mặt tích cực thì sự năng động của hai quốc gia này theo thời gian cũng đem lại những triển vọng về kinh tế, bớt lệ thuộc vào kinh tế Mỹ. Giữ cho các nước ASEAN tiếp tục con đường vươn đến những dự án đầy tham vọng là tạo khối kinh tế thống nhất vào năm 2015, và do đó nâng cao vị trí địa lý của những nước trong khu vực này, làm trung gian giữa Ấn Độ và Trung Hoa như là vai trò của khu vực này trong lịch sử và là một phần trong chiến lược địa chính trị của Singapore. Một thử thách khác gần gũi hơn là giữ Singapore như một quốc gia tổng hòa. Ở đó nhân dân Singapore chính là nguồn lực của họ mà sự an sinh là mục tiêu cuối cùng của các chính sách. Nhưng những cư dân trên hòn đảo này là ai? Những lực ly tâm ảnh hưởng đến qui mô cấu tạo của lực lượng lao động và dân số trong tương lai. Tỷ lệ sinh đã giảm khi phụ nữ ngày càng có nhiều cơ hội lựa chọn nghề nghiệp hấp dẫn hơn. Việc di cư ra nước ngoài đã bắt đầu xảy ra và những tài năng trẻ của Singapore đã tìm thấy cơ hội ở nước ngoài. Qui mô tối ưu của dân số dự định vào khoảng 6 triệu người. Dường như Singapore đã khéo nằm ở một nơi khá hấp dẫn đối với những người nhập cư trong hạn tuổi lao động, bởi vì nó có thể cạnh tranh về thu hút tài năng với nước ngoài và lại đưa ra những đề nghị tuyển dụng hấp dẫn. Thành phần lao động nước ngoài được dự đoán chiếm khoảng 30%, vẫn được kỳ vọng gia tăng nhiều hơn nữa. Công ty Biopolis – một tổ hợp y khoa khổng lồ đã nhắm đến mục đích thu hút hàng nghìn người xuất sắc. Liệu rằng Singapore có thể phát triển thành một thành phố toàn cầu cho những thành phần ưu tú từ các nước đến hay chỉ dành cho cư dân bản địa? Việc thường trú của họ sẽ đóng vai trò then chốt trong việc đem lại cho Singapore một bản thể và một linh hồn.

Ở đây đặt ra một lĩnh vực tiềm tàng va chạm, đó là khi những công nhân lớn tuổi không có tay nghề nhận ra sự gia tăng nhập cư của người nước ngoài chính là nguyên nhân tạo cho điều kiện tìm việc làm của họ ngày một khó khăn. Khoảng cách về thu nhập có thể gia tăng giữa những phần tử thuộc giai cấp tinh hoa bên trên, có thu nhập cao với đời sống và phong cách hoàn toàn khác với những

người đang vật lộn dưới đáy xã hội mà nhà cầm quyền đã khẳng định phải ngăn ngừa việc họ trở thành kẻ cùng đinh vĩnh viễn trong xã hội.

Quan hệ giữa các chủng tộc cũng đã nổi lên như một vấn đề cần giải quyết khi mà các nhóm thiểu số nhận thấy quyền phát triển, các cơ hội kinh tế của họ bị giảm thiểu, bao gồm cả việc bị bất lợi khi họ không thông thạo tiếng Hoa, mà sự thăng tiến của người Hoa là một trong điều nổi bật. Di sản đáng tự hào của những ngôi trường Hồi giáo trong việc thúc đẩy vấn đề giáo dục đạo Hồi tiếp tục thu hút những người trẻ trong số 15% dân số gốc Malai /thuộc cộng đồng Hồi giáo, nhưng việc học kinh Koran và tiếng Ả Rập có lẽ sẽ không giúp họ được tham dự vào một thị trường lao động đầy tính cạnh tranh. Dân số Singapore sẽ già đi nhanh chóng từ năm 2015, dù có ngăn lại việc nhập cư gia tăng hay đảo ngược tỷ lệ sinh đang sút giảm hiện nay như chính quyền khẳng định. Giữ Singapore luôn vươn về phía trước đòi hỏi người ta phải đoàn kết cùng nhau và không được để những công dân dễ bị tổn thương rơi lại phía sau.

Môi trường chính trị là một thử thách khác. Singapore là một đất nước về mặt thống kê nằm ở đảo, xa trung tâm lục địa. Trên các sơ đồ rải rác ở trong sách này, nó chiếm một vị trí không ngờ cho dù thu nhập đầu người ở mức rất cao. Như một nhà quan sát đã diễn đạt: "Nền kinh tế Singapore không chắc là một nền kinh tế do nhà nước chỉ huy hay chính sách của họ có lẽ cũng chưa chắc phi dân chủ, bất chấp mức độ thu nhập và nền giáo dục mà người Singapore đang thụ hưởng thuộc loại cao nhất ở trên thế giới này".[\[191\]](#) Có một sự song hành giữa thái độ cởi mở đáng ngạc nhiên của nhà cầm quyền đối với những ý kiến từ khắp nơi trên thế giới và với ác cảm về những bất mãn của công chúng. Đảng PAP phản đối quyết liệt những thách thức đối với quyền lực của họ, một đặc điểm mà người ta nhận ra trong những cuộc đấu tranh để sinh tồn trước nay. Tuy nhiên cùng với sự giàu có đang tăng lên, với nền giáo dục hàng đầu, sự tiếp cận với thế giới và sự tự tin đang mạnh mẽ, ngày càng có nhiều người Singapore mong muốn bày tỏ ý kiến của mình trong những cuộc thảo luận chính trị cởi mở hơn về việc làm thế nào để tổ chức đời sống cộng đồng tốt hơn, cho dù họ có thể không thích dẫn thân vào con đường chính trị đảng phái. Nhiều người nhấn mạnh đến không gian và cơ hội bày tỏ sự bất mãn cho dù họ vẫn muốn tuân thủ luật pháp. Các bậc cha ông đã tạo nên một căn nhà tuyệt vời nhưng thế hệ trẻ này vẫn cứ mong muốn tân trang nó lại, nếu không thì tự tay họ sẽ xóa bỏ nó đi hoặc thả cuộc đời trôi dạt trong lối sống hưởng thụ hoặc sống với lòng căm ghét.

Nhà cầm quyền của Đảng PAP đã nhận ra nhu cầu đòi hỏi phải cởi mở hơn miễn

là quyền lực của họ không bị đe dọa. Như Lý Hiển Long nói khi còn là phó thủ tướng: "Việc kết hợp giữa một xã hội dân sự đầy năng động và một nhà cầm quyền mạnh mẽ sẽ không dễ dàng thực hiện. Miễn là những cuộc tranh luận về chính sách, giới hạn tranh luận vẫn còn để ngỏ và ở đây không có những chủ đề cấm kỵ... Nhưng nếu đó là một cuộc tấn công vào vai trò thích hợp của nhà nước trong việc cai trị... phải được giải quyết như một vấn đề bao quát hơn".[\[192\]](#) Đối với Đảng PAP thì thử thách dường như là làm thế nào nới lỏng được một số cương vực chính trị mà không tỏ ra yếu kém hay suy nhược khi phải đổi đầu, làm sao để có thể thiết lập quan hệ đáng tin cậy hơn nữa với xã hội dân sự mà không bị rơi vào tình trạng hỗn loạn, làm sao có thể có tiếng nói trong bối cảnh chính trị đa nguyên mà không tỏ dấu hiệu đây là sự khởi đầu cho sự chấm dứt hệ thống lãnh đạo Singapore hiện hữu.

Việc không nhất trí với những giá trị thì được xem là hợp pháp trong xã hội hiện đại. Sự lựa chọn của nhân dân ở từng thời điểm khác nhau có thể khác nhau: một số người ưa thích tiết kiệm; một số người khác thích xài tiền vào lúc này. Vấn đề then chốt của chính sách bao gồm đường lối tương lai của tiết kiệm và đầu tư, vai trò của kinh tế ngoại vi, tốc độ của việc chuyển hóa các công ty nhà nước và chiến lược cho những người nhập cư là những vấn đề hợp pháp cho các cuộc thảo luận chính trị bàn về những hệ quả liên quan. Phải chăng sự hiện diện thường trực của nhà nước trong mọi lĩnh vực đời sống cũng cần thiết cho sự ổn định chính trị và tăng trưởng kinh tế? Trong những cuộc tranh luận như thế thì thể chế Singapore sẽ có sự quan tâm sâu sắc hơn, và việc làm thế nào các thể chế lãnh đạo cha anh trước đây có thể chuyển dịch được bài học gay go và thực tế của thập niên vừa qua vào thực tại của thế kỷ 21 hiện nay mà không thổi phồng lên những rủi ro, dường như đã xuất hiện. Điều có lẽ còn quan trọng hơn nữa là nếu các nền kinh tế châu Á khác đạt hiệu quả cao, và khi giải quyết tốt những khuyết điểm của các chính sách chủng tộc và tôn giáo của riêng họ, cho phép sự tham dự ngày càng nhiều hơn nữa của dân chúng vào đời sống chính trị. Khi mà thành phần cử tri trở nên đa dạng phức tạp hơn thì nhà nước cũng phải trở nên như thế. Giá trị cũng như phương thức hành xử sẽ không tồn tại bất biến ở Singapore cho dù những qui tắc được các nước khác ủng hộ thì không được chấp nhận ở đây. Cuộc tranh luận cởi mở vẫn diễn ra với những vấn đề ví dụ như trốn quân dịch, sòng bạc ở Singapore và cách cai trị kiểu công ty đối với các tổ chức từ thiện như NKF, mà không dựa trên năng lực và sự trong sáng trong tư cách chính trị của các cá nhân đang nắm giữ quyền lực.[\[193\]](#) Trong ngôn từ của Bộ trưởng Nội các, Tiến sĩ Vivian Balakrishnan, về chủ đề tự do chính trị, Singapore sẽ: "cấp tiến một cách thận trọng" hơn là "cách mạng về ý thức hệ".[\[194\]](#)

Các nguồn thông tin đáng tin cậy sẵn có sẽ cải thiện chất lượng các cuộc tranh luận công cộng, chính quyền sẽ tăng cường cung cấp các thông tin quý giá những năm gần đây. Quan điểm của công chúng khi xem xét hoạt động của công ty Temasek Holdings trong báo cáo thường niên lần đầu được công bố vào tháng 10 năm 2004 đã được hoan nghênh vì sự minh bạch.²²⁶ Nhưng yêu cầu có lẽ còn gia tăng khi công chúng đòi hỏi được biết trong những cuộc đối thoại về các vấn đề của quốc gia bao gồm tài chính vĩ mô. Sự minh bạch phải nhiều hơn nữa về những thương vụ liên quan đến chi tiêu chính phủ, thu nhập từ các đầu tư nhà nước bao gồm các công ty quốc doanh (GLC) và những số liệu được ghi nhận từ bộ phận tài chính công liệu có phù hợp với nguyên tắc kế toán quốc tế, những điều này sẽ tăng cường sự hiểu biết của dân chúng về kinh tế Singapore.^[195] Người ta cần chia sẻ nhiều thông tin hơn nữa với công chúng mà không đe dọa lợi ích chiến lược của các công ty quốc doanh trong một thế giới cạnh tranh hoặc việc tiết lộ những thông tin nhạy cảm của thị trường, hoặc cũng có thể làm cho các công chức cảm thấy trách nhiệm nặng nề khi phải đáp ứng những nhu cầu về dữ kiện. Sự công bố càng nhiều càng làm cho hoạt động của các công ty nhà nước ở nước ngoài dễ dàng hơn và làm yên tâm các nhà đầu tư về những hoạt động tài chính và sự lành mạnh như trường hợp báo cáo của công ty Temasek.

Cổ phiếu vẫn tiếp tục gia tăng khi sự thặng dư vẫn tiếp tục tích lũy trên bảng cân đối tài chính, và cả trong ngân sách nhà nước khi người ta đánh giá tổng thể. Những nguồn quỹ công cộng vẫn sẽ được huy động bằng việc tiết kiệm đầy cố gắng của người dân. Những nhà lãnh đạo ưu tú phải chịu trách nhiệm quản lý các quỹ này, phải ý thức về trách nhiệm tài chính và không có lý do gì để hoài nghi rằng họ sẽ không hành động như những người thực sự đáng được tin cậy. Tuy vậy niềm tin vào khả năng chuyên môn cao, phẩm chất đạo đức cao và hệ thống kiểm tra nội bộ thích hợp cũng như những bảng cân đối tài chính sẽ không thay thế trách nhiệm của họ đối với công chúng về hiệu quả công việc. Khi mà quần chúng ngày một tinh tường hơn, nhất là đối với những vấn đề liên quan đến tài chính thì sự đòi hỏi công bố nhiều hơn nữa sẽ đóng góp vào những cuộc thảo luận có chất lượng thông tin cao về đường lối chính sách kinh tế của nhà nước cũng như vào những lĩnh vực lớn hơn của nền chính trị. Điều này cũng phù hợp với xu thế hiện nay về tài chính của các công ty không chỉ ở Singapore, nơi mà sự đòi hỏi công bố gia tăng, để củng cố lại những chế độ hiện hành và tăng cường trách nhiệm.

Nền tài chính vĩ mô của Singapore và những mô thức phát triển của nó nói một cách tổng quát thì hết sức chặt chẽ và vững mạnh. Chính quyền có thể tin cậy

bảo vệ những lĩnh vực quan trọng. Việc tiết kiệm cao đã đem lợi rất lớn cho nhà nước. Công bố tất cả qui mô lớn lao của nó và những chi tiết sẽ không làm giảm đi sự ủng hộ đối với chính sách bảo thủ trong lĩnh vực chi tiêu tài chính.[\[196\]](#) Tỷ lệ tiết kiệm gia tăng nhanh chóng sẽ đối ứng với việc chi tiêu cá nhân giảm một cách đều đặn trong tổng sản phẩm kinh tế quốc dân (GDP) từ 77% năm 1966, và hạ thấp đến 40% năm 1999, phản ảnh tầm quan trọng ngày một cao của việc đầu tư cũng như xuất khẩu trong tổng thể chi phí của quốc gia.[\[197\]](#)

Tỷ lệ tiêu thụ như vậy là thấp so với bất kỳ quốc gia phát triển nào. Công dân Singpo đã chấp nhận phần tiêu thụ của mình có thể thu nhỏ lại so với GDP, miễn là toàn bộ cái bánh lớn này tiếp tục gia tăng nhanh chóng sao cho các phần bánh tuyệt đối mà người công nhân có thể được chia tiếp tục tăng lên. Đây từng là trường hợp đã xảy ra: mức tiêu thụ thực sự của một công dân Singapore (tính bằng đô la Singapore) đã tăng từ 10.000 đô la Singapore năm 1967 lên đến 24.600 năm 1997, một mức tăng kép là 3,3% hàng năm.[\[198\]](#) Phần đông dân chúng có khuynh hướng cho rằng sự cẩn trọng trong việc sử dụng tài chính đã được giải thích khi xét về tính chất dễ tổn thương nhiều mặt và bất ổn của Singapore, như các rủi ro đánh mất các nhà máy đa quốc gia vào tay nước khác có chi phí thấp hơn, sự khủng hoảng trong khu vực cũng như những đe dọa về an ninh, sự suy thoái kinh tế toàn cầu hay những dịch bệnh và về lâu về dài, có lẽ phải tính cả đến mực nước biển tăng cao. Các chính sách khôn ngoan đã trang bị cho Singapore những điều tốt đẹp hơn các xã hội tiên tiến khác để đối đầu với thử thách trong tương lai với một dân số già nua cộng với tình trạng thất nghiệp đang phải cơ cấu lại.

Những người ngoài cuộc sẽ hào hứng theo dõi sự phát triển của Singapore. Khi nhìn sâu đến tương lai, tình hình diễn ra vào năm 2006 được xem như điều kiện khởi đầu cho bất cứ một hành động nào khi nhắm đến tương lai. Singapore sẽ phát triển như thế nào trong vòng 15 năm tới? Chính quyền có thể sẽ hoàn thiện mô hình hiện tại mà ở đó những nhà lãnh đạo ưu tú, những nhà kỹ trị đang dìu dắt xã hội. Thành phần này sẽ làm mọi việc trong quyền hạn của nó để giữ cho nền kinh tế tiếp tục phát triển năng động và trong tiến trình đó luôn luôn làm cho Singapore mãi là một miền đất hấp dẫn. Trong khi vẫn tiếp tục tìm sự cân bằng để đảm bảo tương lai kinh tế của quốc gia với mỗi quan tâm lâu dài về bản thể cũng như về tính trung thực. Rõ ràng người Singapore dường như được trang bị đầy đủ để đối đầu với thử thách tương lai, họ đã có một nền tảng vững vàng gồm những giá trị và thành tích thắng lợi về kinh tế cho phép họ tự tin. Như câu nói của Linda Low: "Người Singapore rất thực dụng và luôn là những người tuân

theo thực tiễn mà hành động. Họ sẽ không xét lại thành tựu của Đảng PAP" [\[199\]](#). Thành phần cử tri có giáo dục và khôn ngoan luôn luôn là những kẻ tuân thủ luật pháp một cách rất đáng ngạc nhiên. Ngăn ngừa một sự suy thoái toàn cầu hay những hiểm họa khôn lường, bản dự báo cho thấy dường như luôn lạc quan trong bất kỳ hoàn cảnh nào, thậm chí tốt hơn nữa, về mức phát triển kinh tế bình ổn trung bình vào khoảng 5%, tiếp tục những phát triển có chất lượng và một mô hình mở rộng cho sự tham gia rộng rãi hơn nữa của toàn dân.

NHỮNG GÌ CÁC QUỐC GIA KHÁC CÓ THỂ HỌC ĐƯỢC

Một người bạn trong lúc vội vã đã hỏi tôi rằng liệu tôi có thể tóm tắt cuốn sách này cho họ trong một câu được không: Singapore đã kiến tạo sự phồn vinh cho mình thông qua một chiến lược đầy sáng suốt. Tuy nhiên hy vọng của tôi là độc giả có thể tìm thấy ở đây những kiến thức hữu ích cho bất kỳ một quốc gia nào khác, trong khi phải cân nhắc hoàn cảnh của chính mình. Nói theo ngôn ngữ của Woodrow Wilson đối với các công dân Mỹ của mình: "Là một quốc gia, bạn không bao giờ học được từ những yếu kém hay là những điều tốt đẹp của chính mình khi so sánh chúng ta với chính chúng ta". Và sau khi nghiên cứu những nền văn hóa khác: "Chúng ta quyết định ăn cơm nhưng không nhất thiết chúng ta phải ăn bằng đũa".[\[200\]](#)

Chủ đề chính đã xuất hiện trong những câu chuyện về Singapore. Nó bao gồm vai trò của việc tiết kiệm để rồi xây nên những cơ sở hạ tầng thuộc loại hàng đầu; tiềm năng tham gia của lực lượng lao động và thành phần nhập cư ngày một gia tăng; tầm quan trọng then chốt của việc phát triển kinh tế trong số những mục tiêu quốc gia; việc chia sẻ những cơ hội tăng trưởng một cách rộng rãi cho phép mọi người dân làm việc hữu hiệu hơn qua việc hấp thụ một nền giáo dục ưu việt và được chăm sóc sức khỏe tốt hơn; việc hồi phục nhanh chóng nền kinh tế vĩ mô và tiềm năng tạo ra công ăn việc làm từ cơ chế chính sách lương linh hoạt; những nhân viên hành chính có năng lực và sự trong sạch của nhà cầm quyền; kỷ luật trong sử dụng ngân sách và để dành những khoản thặng dư trong những năm phát triển; mối quan hệ tương tác hai bên cùng có lợi giữa các công ty đa quốc gia và người lao động; duy trì sự hòa hợp về chủng tộc; học hỏi từ các nước khác những điều thực dụng; luật lệ và những chính sách được hoạch định tốt: Tôi tin tưởng rằng những mô hình được khai triển trong quyển sách này – đi từ kết quả của việc tăng trưởng kinh tế và những nguyên nhân gần của nó đến những điều kiện, những chính sách định chế và việc thực hiện nền kinh tế đã đem lại một khuôn mẫu hữu ích để phân tích những kinh nghiệm phát triển kinh

tế của các nước khác với thước đo so sánh là Singapore. Để kết luận chúng ta có thể nêu ra ba bài học sau đây.

Thứ nhất là Singapore đã tuân thủ một chiến lược tổng hòa để phát triển. Những kết quả, chính sách, những định chế, những giá trị xã hội và văn hóa cũng như sự năng động về mặt chính trị trong khi thực hiện, tất cả những điều này hỗ trợ cho nhau. Chính quyền đã theo đuổi một đường lối chiến lược tổng hợp, xuyên suốt trong mọi lĩnh vực từ tài chính đến tiền tệ, giáo dục, giao thông, nhà cửa, lương bổng, hệ thống pháp luật và cả việc thực thi luật, thị trường lao động và sự bình ổn chính trị cũng như pháp lý. Kết quả là một hệ thống chặt chẽ kết nối những mắt xích hỗ tương đan kết vào nhau tạo nên một kết quả mạnh mẽ.

Một chủ đề thứ hai xuất hiện xuyên suốt là những nguyên lý căn bản hay những chức năng then chốt, ví dụ như sự ổn định về mặt tiền tệ, hay là một chính quyền phản ứng nhanh và có trách nhiệm; những áp dụng đặc thù trong hoàn cảnh từng quốc gia. Mỗi quốc gia phải theo những lộ trình nhất định của riêng mình. Những định chế tốt có thể mang nhiều hình thức khác nhau. Mỗi quốc gia phải tự khoác lên những kiểu thời trang phù hợp với những đặc trưng chính sách và định chế được may sao cho vừa vặn với điều kiện lịch sử và địa lý đất nước mình, trong khi vẫn phải duy trì những nguyên lý chung đã được chứng minh là vững mạnh theo thời gian và các không gian khác nhau. Nhưng không có sự linh hoạt đối với nhu cầu đòi hỏi những bước đi nhất quán nhằm vươn lên phía trước trong suốt những thập niên qua, để đạt được những kết quả, thành công vững chắc như bài học Singapore đã chứng minh. Điều thứ ba, lãnh đạo là một mệnh lệnh bắt buộc cho bất cứ một chính quyền hữu hiệu nào. Lý luận cho rằng định chế là then chốt trong việc phát triển đã bám rễ quá lâu trong lịch sử và khó thay đổi không nhất thiết phải được nhìn nhận với một thái độ bi quan thái quá. Minh chứng sự thật là hình vẽ 1.1 trong chương I với tỉ lệ tăng trưởng kinh tế âm ở một số quốc gia trong năm qua, và dường như họ bất lực khi không thể đưa ra những chính sách hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Không xem nhẹ bất cứ trở ngại nào mà các quốc gia này từng gặp phải, chúng ta không cần giải thích, biện minh cho thái độ bi quan này. Các định chế phải thay đổi để hoàn thiện hơn trong một số quốc gia suốt 40 năm qua. Học hỏi và chia sẻ kiến thức có thể là điều làm được và người ta đã làm. Singapore thành công vì những người lãnh đạo của họ sẵn sàng chịu đựng gian khổ, cực kỳ thông minh và thực tế là luôn cương quyết nhằm đạt được sự thịnh vượng để chia sẻ và luôn cam kết hành động với lương tâm trong sáng. Lãnh đạo có một tầm nhìn xa và sự vững vàng sẽ làm được mọi chuyện. Lợi ích của nó là vô giá. Đây là bài học thành công tối hậu của

Singapore.

Giới thiệu tác giả

Tiến sĩ Ghesquiere nguyên là Giám đốc Trung tâm Huấn luyện khu vực của Quỹ Tiền tệ Quốc tế tại Singapore (2004-2005). Ông làm việc trong ban điều hành Quỹ Tiền tệ Quốc tế trong khoảng thời gian từ 1978 đến 2005.

Trong tổ chức Quỹ Tiền tệ Quốc tế, ông làm công việc của một nhà kinh tế, một trưởng đoàn, một đại diện cấp cao với các chương trình cho vay ở tầm vĩ mô và các chính sách nhằm ổn định sự phát triển ở 26 quốc gia. Ông nhận nhiệm vụ ở các nước như Brazil, Venezuela, Algeria, Egypt (Ai Cập), Ukraine, Bangladesh, và Pakistan.

Henri Ghesquiere tốt nghiệp chuyên ngành Khoa học Nhân văn và Kinh tế tại Đại học Leuven ở Bỉ (Belgium), sau đó lấy học vị tiến sĩ tại Đại Học Yale ở Hoa Kỳ. Trong khoảng thời gian 1971-1973, ông dạy kinh tế học tại Philippines. Trong những tác phẩm đã xuất bản của ông, có một quyển xuất bản năm 1976 nói về những thách thức đối với sự phát triển mà các quốc gia khu vực Đông Nam Á đang đối diện.
